

Số: 1516/BVH-BCB

Huế, ngày 24 tháng 12 năm 2018

BẢN CÔNG BỐ

**Cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đáp ứng yêu cầu là cơ sở thực hành
trong đào tạo khối ngành sức khỏe**

Tên cơ sở công bố: **BỆNH VIỆN TRUNG ƯƠNG HUẾ**

Số Giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh: 202/BYT-GPHĐ, cấp ngày: 02/01/2014;

Nơi cấp: Bộ Y tế

Địa chỉ: 16 Lê Lợi, Phường Vĩnh Ninh, Thành phố Huế

Người chịu trách nhiệm chuyên môn: GS. TS. Phạm Như Hiệp

Điện thoại liên hệ: 0903.580046

Email: nhuhieppham@yahoo.com.vn

Căn cứ Nghị định số 111/2017/NĐ-CP ngày 05 tháng 10 năm 2017 của Chính phủ quy định về tổ chức đào tạo thực hành trong đào tạo khối ngành sức khỏe, Bệnh viện Trung ương Huế công bố đã đáp ứng yêu cầu để tổ chức đào tạo thực hành theo quy định với các nội dung sau đây:

1. Tổng số các ngành/chuyên ngành đào tạo thực hành: Phụ lục 1
2. Trình độ đào tạo thực hành: Trung học, Cao đẳng, Đại học, Bác sĩ nội trú, Chuyên khoa I, Chuyên khoa II, Cao học, NCS: Phụ lục 1.
3. Số lượng người đào tạo thực hành tối đa: Phụ lục 1.
4. Danh sách người giảng dạy thực hành đáp ứng yêu cầu: Phụ lục 3.
5. Danh sách các khoa phòng tổ chức thực hành: Phụ lục 3.
6. Danh mục cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ đào tạo thực hành: Phụ lục 3.

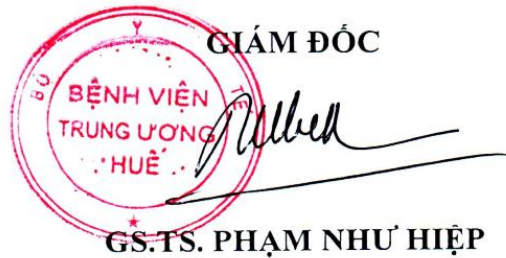
Bệnh viện Trung ương Huế cam kết và chịu trách nhiệm trước pháp luật về các nội dung đã công bố.

Tài liệu gửi kèm theo bản công bố, gồm 3 phụ lục:

- Phụ lục 1: Danh mục các chuyên ngành, trình độ đào tạo, số lượng người đào tạo thực hành.

- Phụ lục 2: Danh mục các khoa đào tạo thực hành.

- Phụ lục 3: Chi tiết các khoa đào tạo thực hành.

GIÁM ĐỐC

GS.TS. PHẠM NHƯ HIỆP

PHỤ LỤC 1:
DANH MỤC CÁC CHUYÊN NGÀNH, TRÌNH ĐỘ ĐÀO TẠO,
SỐ LƯỢNG NGƯỜI ĐÀO TẠO THỰC HÀNH
(Đính kèm Bản công bố số: 1516/BVH-BCB, ngày 24 tháng 12 năm 2018)

STT	Các chuyên ngành đào tạo (1)	Trình độ đào tạo thực hành (2)				Số lượng người đào tạo thực hành đào tạo tối đa (bao gồm tất cả các trình độ) (3)
		Sau ĐH	Đại học	Cao đẳng/ Trung cấp	Số giường	
1	Nội khoa	x	x		66	198
2	Nội lão khoa	x	x		4	12
3	Nội Nội tiết	x	x		10	30
4	Nội Tiêu hóa	x	x		4	12
5	Nội tim mạch	x	x		6	18
6	Nội thận tiết niệu	x	x		2	6
7	Hồi sức cấp cứu	x	x		12	36
8	Ngoại khoa	x	x		48	144
9	Ngoại Chấn thương chỉnh hình	x	x		12	36
10	Ngoại Tiết niệu	x	x		10	30
11	Ngoại Tiêu hóa Gan mật	x	x		16	48
12	Ung thư	x	x		8	24
13	Ung thư, Tạo hình thẩm mỹ	x	x		2	6
14	Sản phụ khoa	x	x		36	108
15	Nhi	x	x		26	78
16	Gây mê hồi sức	x	x		18	54
17	Mắt	x	x		6	18
18	Răng Hàm Mặt	x	x		6	18
19	Tai Mũi Họng	x	x		12	36
20	Da liễu	x	x		6	18
21	Tâm thần	x	x		4	12
22	Truyền nhiễm	x	x		4	12
23	Y học cổ truyền	x	x		6	18
24	Y đa khoa		x		244	1107
25	Dược	x	x	x	0	260
26	Điều dưỡng	x	x	x	1872	6001
27	Kỹ thuật y học		x	x	87	861
28	Hộ sinh		x	x	256	768
Tổng cộng					2783	9969

PHỤ LỤC 2:
DANH MỤC CÁC KHOA ĐÀO TẠO THỰC HÀNH
(Đính kèm Bản công bố số: 1516/BVH-BCB, ngày 24 tháng 12 năm 2018)

STT	Trung tâm/khoa/phòng	Số giảng viên đào tạo thực hành	Số học viên tối đa tại một thời điểm	Xem chi tiết tại trang
1	KHOA KHÁM BỆNH	25	60	1
2	KHOA CẤP CỨU	35	114	7
3	KHOA HỐI SỨC TÍCH CỰC	48	225	14
4	KHOA NỘI TỔNG HỢP- LÃO KHOA	23	270	23
5	KHOA NỘI TIÊU HÓA	17	201	28
6	KHOA NỘI THẦN KINH - NỘI TIẾT - HÔ HẤP	23	264	32
7	KHOA NỘI THẬN - CƠ XƯƠNG KHỚP	17	219	38
8	KHOA NỘI TIM MẠCH	31	360	42
9	KHOA THẬN NHÂN TẠO	8	87	48
10	KHOA ĐỘT QUỢ	18	165	50
11	KHOA NGOẠI TỔNG HỢP	18	195	54
12	KHOA NGOẠI THẬN – TIẾT NIỆU	21	210	58
13	KHOA NGOẠI TIÊU HÓA	23	216	62
14	KHOA NGOẠI NHI - CẤP CỨU BỤNG	30	300	67
15	KHOA NGOẠI THẦN KINH	25	240	73
16	KHOA NGOẠI LỒNG NGỰC- TIM MẠCH	25	288	78
17	TRUNG TÂM CHẨN THƯƠNG CHỈNH HÌNH- PHẪU THUẬT TẠO HÌNH	61	423	83
18	KHOA PHỤ SẢN	117	762	94
19	TRUNG TÂM UNG BƯỚU - Y HỌC HẠT NHÂN	54	657	114
20	TRUNG TÂM NHI	92	945	123
21	KHOA BỆNH NHIỆT ĐỐI	15	180	137
22	KHOA BỆNH PHỔI	17	204	141
23	KHOA SỨC KHỎE TÂM TRÍ	9	60	145
24	KHOA DA LIỄU	12	105	147
25	KHOA MẮT	15	141	150
26	KHOA TAI MŨI HỌNG	26	183	153
27	TRUNG TÂM RĂNG HÀM MẶT	19	210	158
28	KHOA Y HỌC CỔ TRUYỀN	9	78	162
29	KHOA GÂY Mê HỒI SỨC A	65	204	165
30	KHOA GÂY Mê HỒI SỨC B	53	126	177
31	KHOA GÂY Mê HỒI SỨC TIM MẠCH	60	189	186
32	KHOA VẬT LÝ TRỊ LIỆU – PHỤC HỒI CHỨC NĂNG	20	231	197
33	TRUNG TÂM HUYẾT HỌC - TRUYỀN MÁU	33	347	201
34	KHOA HÓA SINH	19	210	208
35	KHOA VI SINH	15	135	213
36	KHOA CHẨN ĐOÁN HÌNH ẢNH	20	215	218
37	KHOA THĂM DÒ CHỨC NĂNG	18	185	221
38	KHOA NỘI SOI	11	115	225

STT	Trung tâm/khoa/phòng	Số giảng viên đào tạo thực hành	Số học viên tối đa tại một thời điểm	Xem chi tiết tại trang
39	KHOA CHẨN ĐOÁN HÌNH ẢNH THĂM DÒ CHỨC NĂNG TIM MẠCH	21	220	227
40	KHOA GIẢI PHẪU BỆNH	16	170	232
41	KHOA DƯỢC	27	260	236
TỔNG CỘNG		1.211	9.969	

PHỤ LỤC 3:
CHI TIẾT CÁC KHOA ĐÀO TẠO THỰC HÀNH
(Đính kèm Bản công bố số:1516/BVH-BCB, ngày 24 tháng 12 năm 2018)

1. Danh sách người giảng dạy thực hành đáp ứng yêu cầu;
2. Số giường bệnh hoặc ghế răng;
3. Danh mục cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ đào tạo thực hành;

Huế, ngày 24 tháng 12 năm 2018

BẢN CÔNG BỐ

**Đáp ứng yêu cầu là cơ sở thực hành trong đào tạo ngành Nội khoa
KHOA KHÁM BỆNH**

Căn cứ Nghị định số 111/2017/NĐ-CP ngày 05 tháng 10 năm 2017 của Chính phủ quy định về tổ chức đào tạo thực hành trong đào tạo khối ngành sức khỏe, Khoa **Khám bệnh** công bố đã đáp ứng yêu cầu để tổ chức đào tạo thực hành theo quy định với các nội dung sau đây:

I. ĐIỀU KIỆN CHUNG

1. Phạm vi hoạt động chuyên môn: Khám chữa bệnh Tuyến 1, các chuyên khoa:

- Nội khoa
- Khám bệnh đa chuyên khoa

2. Cơ sở vật chất, trang thiết bị:

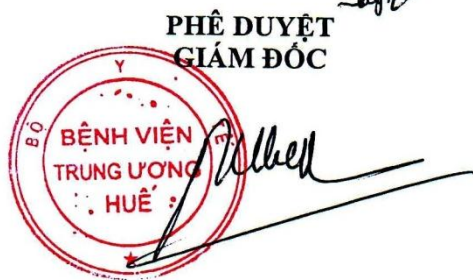
- Tổng số giường bệnh: **20**
- Số thiết bị: Máy Huyết học tự động 32 thông số LH-780 Beckman Coulter, Máy Huyết học 18 thông số Cell Dyl 1700, Máy Huyết học 18 thông số Abacus, Máy Huyết học 18 thông số Beckman Coulter, Máy Sinh hóa nước tiểu 11 thông số Cybow – Reader 300, Các loại máy đo đường huyết EASY GLUCO, đo tốc độ lắng máu ESR 3000.

- Phòng: Gồm 20 phòng khám Tổng quát và phòng khám các chuyên khoa Nội, các chuyên khoa Ngoại, Sản, Răng Hàm Mặt, Mắt, Tai Mũi Họng, Phục Hồi Chức Năng – Lý Liệu pháp, đo Mật độ xương và Ung bướu. Có 5 phòng thực hiện lấy và trả kết quả xét nghiệm.

3. Nhân lực đủ điều kiện tham gia giảng dạy thực hành:

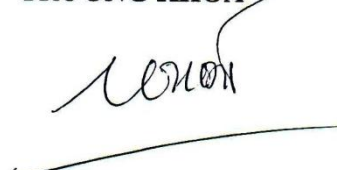
- Tổng số: **27** (có danh sách kèm theo)
- Phân chia theo chức danh:

TT	Chức danh	Số lượng	Chuyên ngành/Phạm vi hoạt động chuyên môn
1.	BSCKII	3	Nội khoa
2.	ThS. Bác sĩ	4	Nội khoa
3.	BCKI	1	Nội khoa
4.	ThS.CNKTYH	2	Xét nghiệm
5.	CNKTYH	2	Xét nghiệm
6.	KTVXN	2	Xét nghiệm
7.	Cử nhân Điều dưỡng	3	Điều dưỡng
8.	Cao đẳng/TH Điều dưỡng	7	Điều dưỡng
9.	NHSTH	3	Nữ hộ sinh
Tổng số		27	



GS.TS. Phạm Như Hiệp

TRƯỞNG KHOA



Ths.Bs. Nguyễn Thị Hương

*** Danh sách tham gia giảng dạy thực hành của khoa Khám bệnh**

TT	Trung tâm/khoa/phòng	Họ và tên	Học hàm, học vị	Chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề				Môn học	Dự kiến đào tạo	Số giường dự kiến	Số lượng HS/SV tối đa có thể nhận
					Số CCHN	Ngày cấp	Thời gian hành nghề sau cấp (tháng)	Phạm vi hành nghề				
1	Khám bệnh	Nguyễn Thị Hương	ThS. BS	Nội Khoa	003045/BYT-CCHN	21/01/2013	65	Khám bệnh, chữa bệnh CK Nội Tổng hợp	Nội khoa	SĐH Nội khoa, ĐHY ĐK	2	6
2	Khám bệnh	Thái Thị Thuý Vân	ThS. BS	Nội Khoa	003046/BYT-CCHN	21/01/2013	65	Khám bệnh, chữa bệnh CK Nội Tổng hợp	Nội khoa	SĐH Nội khoa, ĐHY ĐK	2	6
3	Khám bệnh	Nguyễn Vũ Quỳnh Thi	BSCKII	Nội Khoa	002536/BYT-CCHN	28/12/2012	66	Khám bệnh, chữa bệnh CK Nội Tổng hợp	Nội khoa	SĐH Nội khoa, ĐHY ĐK	2	6
4	Khám bệnh	Trần Thăng	BSCKII	Nội Khoa	003047/BYT-CCHN	21/01/2013	65	Khám bệnh, chữa bệnh CK Nội Tổng hợp	Nội khoa	SĐH Nội khoa, ĐHY ĐK	2	6
5	Khám bệnh	Nguyễn Phúc Vĩnh Phát	BSCKII	Nội Khoa	003041/BYT-CCHN	21/01/2013	65	Khám bệnh, chữa bệnh CK Nội Tổng hợp	Nội khoa	SĐH Nội khoa, ĐHY ĐK	2	6
6	Khám bệnh	Trần Đại Minh	ThS. BS	Nội Khoa	003044/BYT-CCHN	21/01/2013	65	Khám bệnh, chữa bệnh CK Nội Tổng hợp	Nội khoa	SĐH Nội khoa, ĐHY ĐK	2	6

TT	Trung tâm/khoa/phòng	Họ và tên	Học hàm, học vị	Chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề				Môn học	Dự kiến đào tạo	Số giường dự kiến	Số lượng HS/SV tối đa có thể nhận
					Số CCHN	Ngày cấp	Thời gian hành nghề sau cấp (tháng)	Phạm vi hành nghề				
7	Khám bệnh	Nguyễn Minh Thi	ThS. BS	Nội Khoa	008750/BYT-CCHN	21/10/2013	56	Khám bệnh, chữa bệnh CK Nội Tổng hợp	Nội khoa	SĐH Nội khoa, ĐHY ĐK	2	6
8	Khám bệnh	Nguyễn Thị Nam Phương	BSCKI	Nội Khoa	003042/BYT-CCHN	21/01/2013	65	Khám bệnh, chữa bệnh CK Nội Tổng hợp	Nội khoa	SĐH Nội khoa, ĐHY ĐK	2	6
9	Khám bệnh	Đặng Văn Phú	ThS. CNKTYH	Kỹ thuật xét nghiệm	010197/BYT-CCHN	13/12/2013	55	Chuyên khoa xét nghiệm	Xét nghiệm	CN KTYH	1	3
10	Khám bệnh	Trần Thị Phương Nhi	ThS. CNKTYH	Kỹ thuật xét nghiệm	025210/BYT-CCHN	31/12/2014	42	Chuyên khoa xét nghiệm	Xét nghiệm	CN KTYH		
11	Khám bệnh	Hồ Thị Thanh Trần	CNDD	Điều dưỡng đa khoa	023787/BYT-CCHN	10/11/2014	44	Thực hiện theo QĐ số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	Điều dưỡng	ĐD ĐH	1	3

TT	Trung tâm/khoa/phòng	Họ và tên	Học hàm, học vị	Chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề				Môn học	Dự kiến đào tạo	Số giường dự kiến	Số lượng HS/SV tối đa có thể nhận
					Số CCHN	Ngày cấp	Thời gian hành nghề sau cấp (tháng)	Phạm vi hành nghề				
12	Khám bệnh	Phan Nguyễn Anh Thư	CNDD	Điều dưỡng đa khoa	023783/BYT-CCHN	10/11/2014	44	Thực hiện theo QĐ số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	Điều dưỡng	ĐD ĐH		
13	Khám bệnh	Phạm Thị Mai Trang	CNDD	Điều dưỡng đa khoa	023786/BYT-CCHN	10/11/2014	44	Thực hiện theo QĐ số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	Điều dưỡng	ĐD ĐH		
14	Khám bệnh	Nguyễn Chí Thanh	CNCĐKTYH	Kỹ thuật xét nghiệm	010209/BYT-CCHN	13/12/2013	55	Chuyên khoa xét nghiệm	Kỹ thuật xét nghiệm	CN KTYH	1	3
15	Khám bệnh	Nguyễn Việt Duy	CNKTYH	CN Xét nghiệm	010215/BYT-CCHN	13/12/2013	55	Chuyên khoa xét nghiệm	Kỹ thuật xét nghiệm	CN KTYH		
16	Khám bệnh	Hoàng Thanh Sơn	CNXN	Kỹ thuật XN	025294/BYT-CCHN	31/12/2014	42	Kỹ thuật viên	Kỹ thuật xét nghiệm	CNXN		

TT	Trung tâm/khoa/phòng	Họ và tên	Học hàm, học vị	Chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề				Môn học	Dự kiến đào tạo	Số giường dự kiến	Số lượng HS/SV tối đa có thể nhận
					Số CCHN	Ngày cấp	Thời gian hành nghề sau cấp (tháng)	Phạm vi hành nghề				
17	Khám bệnh	Phan Lựu	ĐDTH	Điều dưỡng đa khoa	0010216/BYT-CCHN	17/01/2011	90	Thực hiện theo QĐ số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	Điều dưỡng	ĐD TH	1	3
18	Khám bệnh	Hồ Thị Ngọc Toại	ĐDTH	Điều dưỡng đa khoa	024933/BYT-CCHN	17/11/2014	44	Điều dưỡng	Điều dưỡng	ĐD TH		
19	Khám bệnh	Dương Thị Việt Anh	NHSTH	Nữ hộ sinh	023788/BYT-CCHN	10/11/2014	44	Thực hiện theo Thông tư số 12/2011/TT-BYT ngày 15/3/11	Hộ sinh	ĐD TH		
20	Khám bệnh	Lê Thị Hồng Gấm	NHSTH	Nữ hộ sinh	023784/BYT-CCHN	10/11/2014	44	Thực hiện theo Thông tư số 12/2011/TT-BYT ngày 15/3/11	Hộ sinh	ĐD TH		
21	Khám bệnh	Bùi Thị Trang	ĐDTH	Điều dưỡng đa khoa	023789/BYT-CCHN	10/11/2014	44	Điều dưỡng	Điều dưỡng	ĐD TH		

TT	Trung tâm/khoa/phòng	Họ và tên	Học hàm, học vị	Chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề				Môn học	Dự kiến đào tạo	Số giường dự kiến	Số lượng HS/SV tối đa có thể nhận
					Số CCHN	Ngày cấp	Thời gian hành nghề sau cấp (tháng)	Phạm vi hành nghề				
22	Khám bệnh	Nguyễn Thị Minh Lý	NHSTH	Nữ hộ sinh	023785/BYT-CCHN	10/11/2014	44	Thực hiện theo Thông tư số 12/2011/TT-BYT ngày 15/3/11	Hộ sinh	ĐD TH		
23	Khám bệnh	Dương Thị Luyện	ĐDTH	Điều dưỡng đa khoa	024982/BYT-CCHN	17/11/2014	44	Điều dưỡng	Điều dưỡng	ĐD TH		
24	Khám bệnh	Lê Thị Chung	ĐDTH	Điều dưỡng đa khoa	025175/BYT-CCHN	31/12/2014	42	Điều dưỡng	Điều dưỡng	ĐD TH		
25	Khám bệnh	Nguyễn Thị Thảo Tâm	KTVXN	Kỹ thuật XN	025005/BYT-CCHN	17/11/2014	44	Kỹ thuật viên	Kỹ thuật xét nghiệm	ĐD TH		

Huế, ngày 24 tháng 12 năm 2018

BẢN CÔNG BỐ

Đáp ứng yêu cầu là cơ sở thực hành trong đào tạo ngành Cấp cứu

KHOA CẤP CỨU

Căn cứ Nghị định số 111/2017/NĐ-CP ngày 05 tháng 10 năm 2017 của Chính phủ quy định về tổ chức đào tạo thực hành trong đào tạo khối ngành sức khỏe, Khoa **Cấp cứu** công bố đã đáp ứng yêu cầu để tổ chức đào tạo thực hành theo quy định với các nội dung sau đây:

I. ĐIỀU KIỆN CHUNG

1. Phạm vi hoạt động chuyên môn: Khám chữa bệnh Tuyến 1, các chuyên khoa: Cấp cứu

2. Cơ sở vật chất, trang thiết bị:

- Tổng số giường bệnh: **38**

- Số thiết bị: 6 bàn khám, 29 xe cáng, 3 máy thở (trong đó có 2 máy thở xách tay - 1 máy CPAP), 4 Monitor, 2 máy khử rung, 1 máy siêu âm, 1 máy X-quang tại giường, 3 máy khí dung, 2 máy điện tim 6 cần, 2 máy truyền dịch, 3 bơm tiêm điện.

- Phòng: Gồm có Khu vực tiếp nhận và phân loại, phòng Hồi sức tích cực, phòng Phẫu thuật, khu vực theo dõi bệnh nhân nặng, phòng lưu, khu vực điều trị trong ngày, phòng khám cách ly, 1 phòng giao ban khoa + hành chính, 2 phòng trực.

3. Nhân lực đủ điều kiện tham gia giảng dạy thực hành:

- Tổng số: **35** (có danh sách kèm theo)

- Phân chia theo chức danh:

TT	Chức danh	Số lượng	Chuyên ngành/Phạm vi hoạt động chuyên môn	Ghi chú
1.	TS.BS	1	Cấp cứu/Nội khoa/Nội Thận-Tiết niệu	
2.	BSCCKII	2	1 Cấp cứu/Nội khoa; 1 Cấp cứu/Ngoại chấn thương	
3.	ThS. Bác sĩ	3	3 Cấp cứu/Nội khoa; 1 Cấp cứu/Ngoại khoa	
4.	BSCKI	1	Cấp cứu/Ngoại khoa	
5.	Bác sĩ	1	Cấp cứu/Nội khoa	
6.	Điều dưỡng CKI	2	Điều dưỡng	
7.	Cử nhân Điều dưỡng	13	Điều dưỡng	
8.	Cao đẳng/TH Điều dưỡng	11	Điều dưỡng	
9.	NHS	1	Nữ hộ sinh	
Tổng số		35		

PHÊ DUYỆT
GIÁM ĐỐC

GS.TS. Phạm Như Hiệp

TRƯỞNG KHOA

4

BSCCKI Trần Quốc Cường

*** Phụ lục: Danh sách tham gia giảng dạy thực hành của khoa Cấp cứu**

TT	Trung tâm /khoa/phòng	Họ và tên	Học hàm, học vị	Chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề				Môn học	Dự kiến đào tạo	Số giường dự kiến	Số lượng HS/SV tối đa có thể nhận
					Số CCHN	Ngày cấp	Thời gian hành nghề sau cấp (tháng)	Phạm vi hành nghề				
1	Cấp cứu	Hoàng Trọng Ái Quốc	TS. BS	TS.BS nội khoa	003051/BYT-CCHN	21/01/2013	65	Nội Khoa	Nội khoa	SĐH Nội khoa, ĐHY ĐK	2	6
2	Cấp cứu	Trần Quốc Thắng	BSCCKII	ThS.BSCK II nội khoa BSCK I HSCC	003050/BYT-CCHN	21/01/2013	65	Nội Khoa, Cấp Cứu	Nội khoa, Hồi sức cấp cứu	SĐH Nội, HSCC; ĐHY ĐK	2	6
3	Cấp cứu	Tôn Thất Hoàng Quý	BSCCKII	Ngoại khoa	005124/BYT-CCHN	22/05/2013	61	Ngoại khoa	Ngoại khoa	SĐH Ngoại khoa, ĐHY ĐK	2	6
4	Cấp cứu	Võ Văn Đông	ThS. BS	Nội khoa	003054/BYT-CCHN	21/01/2013	65	Nội Khoa	Nội khoa	SĐH Nội khoa, ĐHY ĐK	2	6
5	Cấp cứu	Võ Hoàng Chương	ThS. BS	Nội khoa	003055/BYT-CCHN	21/01/2013	65	Nội Khoa	Nội khoa	SĐH Nội khoa, ĐHY ĐK	2	6
6	Cấp cứu	Hoàng Pitor	ThS. BS	Nội khoa	024973/BYT-CCHN	21/04/2014	50	Hồi sức cấp cứu	Nội khoa	SĐH Nội khoa, ĐHY ĐK	2	6
7	Cấp cứu	Hoàng Lê Tú Anh	BSCCKI	Ngoại khoa	003053/BYT-CCHN	21/01/2014	53	Ngoại Khoa	Ngoại khoa	SĐH Ngoại khoa, ĐHY ĐK	2	6

TT	Trung tâm /khoa/phòng	Họ và tên	Học hàm, học vị	Chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề				Môn học	Dự kiến đào tạo	Số giường dự kiến	Số lượng HS/SV tối đa có thể nhận
					Số CCHN	Ngày cấp	Thời gian hành nghề sau cấp (tháng)	Phạm vi hành nghề				
8	Cấp cứu	Trương Viết Hoàng	BS	Bác sĩ đa khoa	003057/BYT-CCHN	31/01/2012	77	Nội Khoa	Nội Khoa	ĐHY ĐK	2	6
9	Cấp cứu	Hoàng Thị Kim Trâm	ĐDCKI	ĐDCKI	024935/BYT-CCHN	17/11/2014	44	Điều dưỡng	Điều dưỡng	ĐD CKI	2	6
10	Cấp cứu	Nguyễn Thị Thanh	ĐDCKI	ĐDCKI	023321/BYT-CCHN	17/11/2014	44	Điều dưỡng	Điều dưỡng	ĐD CKI	2	6
11	Cấp cứu	Châu Thị Phương Nhung	CNDD	Điều dưỡng đa khoa	023320/BYT-CCHN	22/10/2014	44	Thực hiện theo QĐ số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	Điều dưỡng	ĐD ĐH	1	3
12	Cấp cứu	Đoàn Thị Diễm Chi	CNDD	Điều dưỡng đa khoa	023319/BYT-CCHN	22/10/2014	44	Thực hiện theo QĐ số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	Điều dưỡng	ĐD ĐH	1	3
13	Cấp cứu	Hoàng Minh Phương	CNDD	Điều dưỡng đa khoa	023310/BYT-CCHN	22/10/2014	44	Thực hiện theo QĐ số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	Điều dưỡng	ĐD ĐH	1	3

TT	Trung tâm /khoa/phòng	Họ và tên	Học hàm, học vị	Chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề				Môn học	Dự kiến đào tạo	Số giường dự kiến	Số lượng HS/SV tối đa có thể nhận
					Số CCHN	Ngày cấp	Thời gian hành nghề sau cấp (tháng)	Phạm vi hành nghề				
14	Cấp cứu	Phạm Hữu Tề	CNDD	Điều dưỡng đa khoa	02323/BYT-CCHN	22/10/2014	44	Thực hiện theo QĐ số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	Điều dưỡng	ĐD ĐH	1	3
15	Cấp cứu	Hoàng Nhật Ký	CNDD	Điều dưỡng đa khoa	023323/BYT-CCHN	22/10/2014	44	Thực hiện theo QĐ số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	Điều dưỡng	ĐD ĐH	1	3
16	Cấp cứu	Lương Thị Quỳnh Tiên	CNDD	Điều dưỡng đa khoa	023312/BYT-CCHN	22/10/2014	44	Thực hiện theo QĐ số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	Điều dưỡng	ĐD ĐH	1	3
17	Cấp cứu	Võ Đăng Trí	CNDD	Điều dưỡng đa khoa	023311/BYT-CCHN	22/10/2014	44	Thực hiện theo QĐ số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	Điều dưỡng	ĐD ĐH	1	3
18	Cấp cứu	Huỳnh Văn Lộc	CNDD	Điều dưỡng đa khoa	023313/BYT-CCHN	22/10/2014	44	Thực hiện theo QĐ số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	Điều dưỡng	ĐD ĐH	1	3

TT	Trung tâm /khoa/phòng	Họ và tên	Học hàm, học vị	Chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề				Môn học	Dự kiến đào tạo	Số giường dự kiến	Số lượng HS/SV tối đa có thể nhận
					Số CCHN	Ngày cấp	Thời gian hành nghề sau cấp (tháng)	Phạm vi hành nghề				
19	Cấp cứu	Nguyễn Văn Sơn	CNĐD	Điều dưỡng đa khoa	023307/BYT-CCHN	22/10/2014	44	Thực hiện theo QĐ số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	Điều dưỡng	ĐD ĐH	1	3
20	Cấp cứu	Vương Đình Hoàng Nguyên	CNĐD	Điều dưỡng đa khoa	023309/BYT-CCHN	17/11/2014	44	Thực hiện theo QĐ số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	Điều dưỡng	ĐD ĐH	1	3
21	Cấp cứu	Võ Thị Thanh Thủy	CNĐD	Điều dưỡng đa khoa	023317/BYT-CCHN	22/10/2015	32	Thực hiện theo QĐ số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	Điều dưỡng	ĐD ĐH	1	3
22	Cấp cứu	Nguyễn Thị Thanh Mai	ĐDTH	Điều dưỡng đa khoa	023322/BYT-CCHN	22/10/2014	44	Điều dưỡng	Điều dưỡng	ĐD TH	1	3
23	Cấp cứu	Nguyễn Văn Ngọc	ĐDTH	Điều dưỡng đa khoa	023306/BYT-CCHN	22/10/2014	44	Điều dưỡng	Điều dưỡng	ĐD TH		
24	Cấp cứu	Nguyễn Hoàng Đăng	ĐDTH	Điều dưỡng đa khoa	023308/BYT-CCHN	22/10/2014	44	Điều dưỡng	Điều dưỡng	ĐD TH	1	3

TT	Trung tâm /khoa/phòng	Họ và tên	Học hàm, học vị	Chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề				Môn học	Dự kiến đào tạo	Số giường dự kiến	Số lượng HS/SV tối đa có thể nhận
					Số CCHN	Ngày cấp	Thời gian hành nghề sau cấp (tháng)	Phạm vi hành nghề				
25	Cấp cứu	Lê Văn Tổ Thắng	ĐDTH	Điều dưỡng đa khoa	023315/BYT-CCHN	22/10/2014	44	Điều dưỡng	Điều dưỡng	ĐD TH	1	3
26	Cấp cứu	Nguyễn Thị Hoàng Anh	ĐDTH	Điều dưỡng đa khoa	023316/BYT-CCHN	22/10/2014	44	Điều dưỡng	Điều dưỡng	ĐD TH		
27	Cấp cứu	Hoàng Võ Thanh Nhân	ĐDTH	Điều dưỡng đa khoa	024936/BYT-CCHN	17/11/2014	44	Điều dưỡng	Điều dưỡng	ĐD TH		
28	Cấp cứu	Phan Văn Tấn	ĐDTH	Điều dưỡng đa khoa	024944/BYT-CCHN	17/11/2014	44	Điều dưỡng	Điều dưỡng	ĐD TH	1	3
29	Cấp cứu	Huỳnh Văn Tuấn	ĐDTH	Điều dưỡng đa khoa	023318/BYT-CCHN	22/10/2015	32	Điều dưỡng	Điều dưỡng	ĐD TH		
30	Cấp cứu	Đỗ Ngọc Quang	ĐDTH	Điều dưỡng đa khoa	024937/BYT-CCHN	17/11/2015	32	Điều dưỡng	Điều dưỡng	ĐD TH	1	3
31	Cấp cứu	Tôn Thất Tiến	ĐDTH	Điều dưỡng đa khoa	034000/BYT-CCHN	08/06/2017	16	Điều dưỡng	Điều dưỡng	ĐD TH		

TT	Trung tâm /khoa/phòng	Họ và tên	Học hàm, học vị	Chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề				Môn học	Dự kiến đào tạo	Số giường dự kiến	Số lượng HS/SV tối đa có thể nhận
					Số CCHN	Ngày cấp	Thời gian hành nghề sau cấp (tháng)	Phạm vi hành nghề				
32	Cấp cứu	Văn Thị Hiếu	NHSTH	Hộ sinh	023314/BYT- CCHN	22/10/2014	44	Thực hiện theo Thông tư số 12/2011/TT- BYT ngày 15/3/11	Hộ sinh	HS TH	1	3
33	Cấp cứu	Châu Thị Thanh Nga	ĐDTH	Điều dưỡng đa khoa	024877/BYT- CCHN	17/11/2014	44	Điều dưỡng	Điều dưỡng	ĐD TH	1	3
34	Cấp cứu	Phạm Thị Hương	CNĐD	Điều dưỡng đa khoa	034003/BYT- CCHN	08/06/2017	16	Thực hiện theo QĐ số 41/2005/QĐ- BNV ngày 22/4/2005	Điều dưỡng	ĐD TH		
35	Cấp cứu	Lê Viết Quân	CNĐD	Điều dưỡng đa khoa	034091/BYT- CCHN	08/06/2017	16	Thực hiện theo QĐ số 41/2005/QĐ- BNV ngày 22/4/2005	Điều dưỡng	ĐD TH		

BẢN CÔNG BỐ

Đáp ứng yêu cầu là cơ sở thực hành trong đào tạo ngành Hồi sức tích cực

KHOA HỒI SỨC TÍCH CỰC

Căn cứ Nghị định số 111/2017/NĐ-CP ngày 05 tháng 10 năm 2017 của Chính phủ quy định về tổ chức đào tạo thực hành trong đào tạo khối ngành sức khỏe, Khoa **Hồi sức tích cực** công bố đã đáp ứng yêu cầu để tổ chức đào tạo thực hành theo quy định với các nội dung sau đây:

I. ĐIỀU KIỆN CHUNG

1. Phạm vi hoạt động chuyên môn: Khám chữa bệnh Tuyến 1, các chuyên khoa:

- Hồi sức cấp cứu
- Nội khoa
- Điều dưỡng

2. Cơ sở vật chất, trang thiết bị:

- Tổng số giường bệnh: 75
- Số thiết bị: 23 máy thở, 2 máy CRRT Prixmaflex, 2 máy sốc điện, 2 máy đo ECG, 20 monitor
- Phòng: 01 Phòng học, 01 phòng giao ban khoa, 01 phòng trực, 01 phòng Hành chính, 06 phòng bệnh và 03 block.

3. Nhân lực đủ điều kiện tham gia giảng dạy thực hành:

- Tổng số: **46** (có danh sách kèm theo)
- Phân chia theo chức danh:

TT	Chức danh	Số lượng	Chuyên ngành/Phạm vi hoạt động chuyên môn	Ghi chú
1.	TS.BS	1	Hồi sức cấp cứu, Nội khoa	
2.	BSCCKII	1	Hồi sức cấp cứu, Nội khoa	
3.	ThS.BS	2	Hồi sức cấp cứu, Nội khoa	
4.	ThS Điều dưỡng	1	Điều dưỡng	
5.	CKI Điều dưỡng	2	Điều dưỡng	
6.	Cử nhân Điều dưỡng	19	Điều dưỡng	
7.	Cử nhân điều dưỡng GMHS	01		
8.	Cử nhân Hộ sinh	01		
9.	Cao đẳng Điều dưỡng	2	Điều dưỡng	
10.	Trung học Điều dưỡng	13	Điều dưỡng	
11.	Nữ hộ sinh trung học	03		
Tổng số		46		


**PHÊ DUYỆT
GIÁM ĐỐC**

GS.TS. Phạm Như Hiệp

TRƯỞNG KHOA


ThS.BS. Bùi Mạnh Hùng

*** Phụ lục: Danh sách tham gia giảng dạy thực hành của khoa Hồi sức tích cực**

TT	Trung tâm /khoa/phòng	Họ và tên	Học hàm, học vị	Chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề				Môn học	Dự kiến đào tạo	Số giường dự kiến	Số lượng HS/SV tối đa có thể nhận
					Số CCHN	Ngày cấp	Thời gian hành nghề sau cấp (tháng)	Phạm vi hành nghề				
1	Hồi sức tích cực	Bùi Mạnh Hùng	ThS. BS	Hồi sức cấp cứu , Nội khoa	002511/BYT-CCHN	28/12/2012	70	Hồi sức cấp cứu và Nội khoa	Hồi sức cấp cứu, Nội khoa	SDH HSCC, Nội khoa, ĐHY ĐK	2	6
2	Hồi sức tích cực	Hoàng Trọng Hanh	TS. BS	Hồi sức cấp cứu , Nội khoa	002510/BYT-CCHN	28/12/2012	70	Hồi sức cấp cứu và Nội khoa	Hồi sức cấp cứu, Nội khoa	SDH HSCC, Nội khoa, ĐHY ĐK	2	6
3	Hồi sức tích cực	Nguyễn Thái Thuận	BSCCKII	Hồi sức cấp cứu , Nội khoa	002517/BYT-CCHN	28/12/2012	70	Hồi sức cấp cứu và Nội khoa	Hồi sức cấp cứu, Nội khoa	SDH HSCC, Nội khoa, ĐHY ĐK	2	6
4	Hồi sức tích cực	Nguyễn Minh Tân	ThS. BS	Hồi sức cấp cứu , Nội khoa	002512/BYT-CCHN	28/11/2012	70	Hồi sức cấp cứu và Nội khoa	Hồi sức cấp cứu	SDH HSCC, Nội khoa, ĐHY ĐK	2	6
5	Hồi sức tích cực	Lê Ngọc Thùy Trang	ThS.ĐD	Điều dưỡng đa khoa	0024869/BYT-CCHN	17/11/2014	48	Điều dưỡng	Điều dưỡng	ĐD ĐH	2	6
6	Hồi sức tích cực	Nguyễn Xuân Tài	ThS. BS	Hồi sức cấp cứu	037029/BYT-CCHN	10/04/2018	8	Hồi sức cấp cứu	Hồi sức cấp cứu	ĐHY ĐK	1	3
7	Hồi sức tích cực	Nguyễn Vĩnh Phú	ThS. BS	Nội khoa	037026/BYT-CCHN	10/04/2018	8	Nội khoa	Nội khoa	ĐHY ĐK	1	3
8	Hồi sức tích cực	Trần Thị Diễm Lan	ĐDCKI	Điều dưỡng đa khoa	0025172/BYT-CCHN	31/12/2014	47	Điều dưỡng	Điều dưỡng	ĐD CKI	2	6

TT	Trung tâm /khoa/phòng	Họ và tên	Học hàm, học vị	Chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề				Môn học	Dự kiến đào tạo	Số giường dự kiến	Số lượng HS/SV tối đa có thể nhận
					Số CCHN	Ngày cấp	Thời gian hành nghề sau cấp (tháng)	Phạm vi hành nghề				
9	Hồi sức tích cực	Đỗ Kiều Oanh	ĐDCKI	Điều dưỡng đa khoa	010198/BYT-CCHN	13/12/2013	59	Thực hiện theo QĐ số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	Điều dưỡng	ĐD CKI	2	6
10	Hồi sức tích cực	Trương Đình Hạo	CNĐD	Điều dưỡng đa khoa	002515/BYT-CCHN	28/12/2012	71	Thực hiện theo QĐ số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	Điều dưỡng	ĐD ĐH	2	6
11	Hồi sức tích cực	Trần Thị Tần Chi	CNĐD	Điều dưỡng đa khoa	010222/BYT-CCHN	13/12/2013	59	Thực hiện theo QĐ số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	Điều dưỡng	ĐD ĐH	2	6
12	Hồi sức tích cực	Lê Văn Sáng	CNĐD	Điều dưỡng đa khoa	010228/BYT-CCHN	13/12/2013	59	Thực hiện theo QĐ số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	Điều dưỡng	ĐD ĐH	2	6
13	Hồi sức tích cực	Trương Thị Thanh Tâm	CNĐD	Điều dưỡng đa khoa	010225/BYT-CCHN	13/12/2013	59	Thực hiện theo QĐ số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	Điều dưỡng	ĐD ĐH	2	6

TT	Trung tâm /khoa/phòng	Họ và tên	Học hàm, học vị	Chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề				Môn học	Dự kiến đào tạo	Số giường dự kiến	Số lượng HS/SV tối đa có thể nhận
					Số CCHN	Ngày cấp	Thời gian hành nghề sau cấp (tháng)	Phạm vi hành nghề				
14	Hồi sức tích cực	Nguyễn Thành Nhân	CNDD	Điều dưỡng đa khoa	0024832BYT-CCHN	14/01/2014	58	Thực hiện theo QĐ số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	Điều dưỡng	ĐD ĐH	2	6
15	Hồi sức tích cực	Nguyễn Duy Khánh	CNDD	Điều dưỡng đa khoa	0023757/BYT-CCHN	28/10/2014	49	Thực hiện theo QĐ số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	Điều dưỡng	ĐD ĐH	2	6
16	Hồi sức tích cực	Phan Thị Ngọc	CNDD	Điều dưỡng đa khoa	0023781\BYT-CCHN	11/10/2014	50	Thực hiện theo QĐ số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	Điều dưỡng	ĐD ĐH	2	6
17	Hồi sức tích cực	Trần Thị Kim Ân	CNDD	Điều dưỡng đa khoa	023759/BYT-CCHN	18/10/2014	49	Thực hiện theo QĐ số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	Điều dưỡng	ĐD ĐH	2	6
18	Hồi sức tích cực	Phạm Thị Anh Thư	CNDD	Điều dưỡng đa khoa	023778/BYT-CCHN	11/10/2014	49	Thực hiện theo QĐ số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	Điều dưỡng	ĐD ĐH	2	6

TT	Trung tâm /khoa/phòng	Họ và tên	Học hàm, học vị	Chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề				Môn học	Dự kiến đào tạo	Số giường dự kiến	Số lượng HS/SV tối đa có thể nhận
					Số CCHN	Ngày cấp	Thời gian hành nghề sau cấp (tháng)	Phạm vi hành nghề				
19	Hồi sức tích cực	Lê Thị Ánh Tuyết	CNDD	Điều dưỡng đa khoa	023766/BYT-CCHN	11/10/2014	49	Thực hiện theo QĐ số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	Điều dưỡng	ĐD ĐH	2	6
20	Hồi sức tích cực	Lê Thị Thu Thanh	CNDD	Điều dưỡng đa khoa	0023772/BYT-CCHN	11/10/2014	49	Thực hiện theo QĐ số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	Điều dưỡng	ĐD ĐH	2	6
21	Hồi sức tích cực	Trần Thị Xuân Phương	CNDD	Điều dưỡng đa khoa	024861/BYT-CCHN	17/11/2014	48	Thực hiện theo QĐ số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	Điều dưỡng	ĐD ĐH	2	6
22	Hồi sức tích cực	Trần Thị Hà Nhi	CNDD	Điều dưỡng đa khoa	023764/BYT-CCHN	10/11/2014	48	Thực hiện theo QĐ số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	Điều dưỡng	ĐD ĐH	2	6
23	Hồi sức tích cực	Nguyễn Thị Hương Trà	CNDD	Điều dưỡng đa khoa	024833/BYT-CCHN	17/11/2014	48	Thực hiện theo QĐ số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	Điều dưỡng	ĐD ĐH	2	6

TT	Trung tâm /khoa/phòng	Họ và tên	Học hàm, học vị	Chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề				Môn học	Dự kiến đào tạo	Số giường dự kiến	Số lượng HS/SV tối đa có thể nhận
					Số CCHN	Ngày cấp	Thời gian hành nghề sau cấp (tháng)	Phạm vi hành nghề				
24	Hồi sức tích cực	Bùi Thị Quỳnh Nga	CNDD	Điều dưỡng đa khoa	0025205/BYT-CCHN	31/12/2014	47	Thực hiện theo QĐ số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	Điều dưỡng	ĐD ĐH	2	6
25	Hồi sức tích cực	Nguyễn Thị Kim Oanh	CNDD	Điều dưỡng đa khoa	0025276/BYT-CCHN	31/12/2014	47	Thực hiện theo QĐ số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	Điều dưỡng	ĐD ĐH	2	6
26	Hồi sức tích cực	Lê Anh Tài	CNDD	Điều dưỡng đa khoa	025247/BYT-CCHN	31/12/2014	47	Thực hiện theo QĐ số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	Điều dưỡng	ĐD ĐH	2	6
27	Hồi sức tích cực	Trần Hưng Hiếu	CĐDD	Điều dưỡng đa khoa	023773/BYT-CCHN	11/10/2014	49	Điều dưỡng	Điều dưỡng	ĐD TH	1	3
28	Hồi sức tích cực	Lê Thị Thảo	CNDDGMHS	Điều dưỡng đa khoa	024870/BYT-CCHN	17/11/2014	48	Điều dưỡng	Điều dưỡng	CNDDGMHS	2	6
29	Hồi sức tích cực	Phạm Thị Thanh Nguyệt	ĐDTH	Điều dưỡng đa khoa	023770/BYT-CCHN	11/10/2014	49	Điều dưỡng	Điều dưỡng	ĐD TH	1	3

TT	Trung tâm /khoa/phòng	Họ và tên	Học hàm, học vị	Chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề				Môn học	Dự kiến đào tạo	Số giường dự kiến	Số lượng HS/SV tối đa có thể nhận
					Số CCHN	Ngày cấp	Thời gian hành nghề sau cấp (tháng)	Phạm vi hành nghề				
30	Hồi sức tích cực	Trần Thị Phương Oanh	ĐDTH	Điều dưỡng đa khoa	023763/BYT-CCHN	11/10/2014	49	Điều dưỡng	Điều dưỡng	ĐD TH	1	3
31	Hồi sức tích cực	Trần Thị Thủy	ĐDTH	Điều dưỡng đa khoa	023779/BYT-CCHN	11/10/2014	49	Điều dưỡng	Điều dưỡng	ĐD TH	1	3
32	Hồi sức tích cực	Đặng Thị Kim Quý	ĐDTH	Điều dưỡng đa khoa	023768/BYT-CCHN	11/10/2014	49	Điều dưỡng	Điều dưỡng	ĐD TH	1	3
33	Hồi sức tích cực	Nguyễn Thị Như Nguyễn	ĐDTH	Điều dưỡng đa khoa	023774/BYT-CCHN	11/10/2014	49	Điều dưỡng	Điều dưỡng	ĐD TH	1	3
34	Hồi sức tích cực	Lê Văn Trung Hiếu	ĐDTH	Điều dưỡng đa khoa	024873/BYT-CCHN	17/11/2014	48	Điều dưỡng	Điều dưỡng	ĐD TH	1	3
35	Hồi sức tích cực	Nguyễn Thị Hằng	ĐDTH	Điều dưỡng đa khoa	023777/BYT-CCHN	10/11/2014	48	Điều dưỡng	Điều dưỡng	ĐD TH	1	3
36	Hồi sức tích cực	Thái Đặng Phương Nguyệt	ĐDTH	Điều dưỡng đa khoa	024860/BYT-CCHN	17/11/2014	48	Điều dưỡng	Điều dưỡng	ĐD TH	1	3
37	Hồi sức tích cực	Trần Thị Nở	ĐDTH	Điều dưỡng đa khoa	023769/BYT-CCHN	10/11/2014	48	Điều dưỡng	Điều dưỡng	ĐD TH	1	3

TT	Trung tâm /khoa/phòng	Họ và tên	Học hàm, học vị	Chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề				Môn học	Dự kiến đào tạo	Số giường dự kiến	Số lượng HS/SV tối đa có thể nhận
					Số CCHN	Ngày cấp	Thời gian hành nghề sau cấp (tháng)	Phạm vi hành nghề				
38	Hồi sức tích cực	Lê Thị Tịnh Bình	ĐDTH	Điều dưỡng đa khoa	023761/BYT- CCHN	10/11/2014	48	Điều dưỡng	Điều dưỡng	ĐD TH	1	3
39	Hồi sức tích cực	Trương Thị Thu Hà	ĐDTH	Điều dưỡng đa khoa	0025248/BYT- CCHN	31/12/2014	47	Điều dưỡng	Điều dưỡng	ĐD TH	1	3
40	Hồi sức tích cực	Lê Thị Xuân	ĐDTH	Điều dưỡng đa khoa	025193/BYT- CCHN	31/12/2014	47	Điều dưỡng	Điều dưỡng	ĐD TH	1	3
41	Hồi sức tích cực	Nguyễn Thị Thảo	CNDD	Điều dưỡng đa khoa	033927/BYT- CCHN	08/06/2017	16	Thực hiện theo QĐ số 41/2005/QĐ- BNV ngày 22/4/2005	Điều dưỡng	ĐD TH	2	6
42	Hồi sức tích cực	Phan Thị Mỹ Hiền	CNDD	Điều dưỡng đa khoa	033983/BYT- CCHN	08/06/2017	14	Thực hiện theo QĐ số 41/2005/QĐ- BNV ngày 22/4/2005	Điều dưỡng	ĐD TH	1	3
43	Hồi sức tích cực	Nguyễn Thị Thảo	ĐDTH	Điều dưỡng đa khoa	033927/BYT- CCHN	08/06/2017	16	Điều dưỡng	Điều dưỡng	ĐD TH	1	3
44	Hồi sức tích cực	Đặng Quang Trường	CĐDD	Điều dưỡng đa khoa	034009/BYT- CCHN	08/06/2017	16	Điều dưỡng	Điều dưỡng	ĐD TH	1	3

TT	Trung tâm /khoa/phòng	Họ và tên	Học hàm, học vị	Chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề				Môn học	Dự kiến đào tạo	Số giường dự kiến	Số lượng HS/SV tối đa có thể nhận
					Số CCHN	Ngày cấp	Thời gian hành nghề sau cấp (tháng)	Phạm vi hành nghề				
45	Hồi sức tích cực	Nguyễn Nữ Đoan Trang	NHSTH	Nữ hộ sinh	023771/BYT- CCHN	10/11/2014	48	Thực hiện theo Thông tư số 12/2011/TT- BYT ngày 15/3/11	Hộ sinh	HS TH	1	3
46	Hồi sức tích cực	Nguyễn Thị Yến	NHSTH	Nữ hộ sinh	023765/BYT- CCHN	10/11/2014	48	Thực hiện theo Thông tư số 12/2011/TT- BYT ngày 15/3/11	Hộ sinh	HS TH	1	3
47	Hồi sức tích cực	Lê Nguyễn Hong Phượng	CNDD- PS	Điều dưỡng đa khoa	0023776/BYT- CCHN	10/11/2014	47	Hộ sinh	Hộ sinh	CN NHS	2	6
48	Hồi sức tích cực	Hoàng Thị Lộc	NHSTH	Nữ hộ sinh	023780/BYT- CCHN	10/11/2014	48	Thực hiện theo Thông tư số 12/2011/TT- BYT ngày 15/3/11	Hộ sinh	HS TH	1	3

BẢN CÔNG BỐ

Đáp ứng yêu cầu là cơ sở thực hành trong đào tạo ngành Nội khoa

KHOA NỘI TỔNG HỢP- LÃO KHOA

Căn cứ Nghị định số 111/2017/NĐ-CP ngày 05 tháng 10 năm 2017 của Chính phủ quy định về tổ chức đào tạo thực hành trong đào tạo khối ngành sức khỏe, Khoa **Nội Tổng hợp - Lão khoa** công bố đã đáp ứng yêu cầu để tổ chức đào tạo thực hành theo quy định với các nội dung sau đây:

I. ĐIỀU KIỆN CHUNG

1. Phạm vi hoạt động chuyên môn: Khám chữa bệnh Tuyến 1, các chuyên khoa:

- Nội khoa
- Nội Nội tiết
- Lão khoa

2. Cơ sở vật chất, trang thiết bị:

- Tổng số giường bệnh: **100**
- Số thiết bị: máy đo loãng xương, máy đo điện tim.
- Phòng: 01 phòng học, 01 phòng giao ban khoa, 02 phòng trực, 01 phòng Hành chính, 26 phòng bệnh.

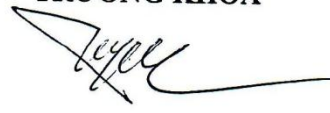
3. Nhân lực đủ điều kiện tham gia giảng dạy thực hành:

- Tổng số: **23** (có danh sách kèm theo)
- Phân chia theo chức danh:

TT	Chức danh	Số lượng	Chuyên ngành/Phạm vi hoạt động chuyên môn	Ghi chú
1.	Tiến sĩ. Bác sĩ	1	Nội Nội tiết	
2.	Bác sĩ chuyên khoa II	2	1 Lão khoa, 1 Nội Nội tiết	
3.	Ths Bác sĩ	4	Nội chung	
4.	Bác sĩ	1	Nội khoa	
5.	Điều dưỡng CKI	1	Điều dưỡng	
6.	Cử nhân Điều dưỡng	7	Điều dưỡng	
7.	Cao đẳng Điều dưỡng	1	Điều dưỡng	
8.	Điều dưỡng Trung học	6	Điều dưỡng	
Tổng số		23		

PHÊ DUYỆT
GIÁM ĐỐC

GS.TS. Phạm Như Hiệp

TRƯỞNG KHOA

TS.BS. Trần Thừa Nguyễn

*** Phụ lục: Danh sách tham gia giảng dạy thực hành của khoa Nội Tổng hợp-Lão khoa**

TT	Trung tâm /khoa/phòng	Họ và tên	Học hàm, học vị	Chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề				Môn học	Dự kiến đào tạo	Số giường dự kiến	Số lượng HS/SV tối đa có thể nhận
					Số CCHN	Ngày cấp	Thời gian hành nghề sau cấp (tháng)	Phạm vi hành nghề				
1	Nội Tổng hợp lão khoa	Trần Thừa Nguyên	TS. BS	Nội, Nội Tiết	003144/BYT-CCHN	29/01/2013	63	Nội khoa	Nội tiết, Nội khoa	SDH Nội tiết, ĐHY ĐK	2	6
2	Nội Tổng hợp lão khoa	Trương Thị Hà Lam	BSCCKII	LK Tổng quát	003146/BYT-CCHN	29/01/2013	63	Nội khoa	Nội lão khoa	SDH Nội lão khoa ĐHY ĐK	2	6
3	Nội Tổng hợp lão khoa	Hoàng Hải Bình	ThS. BS	Bác sĩ đa khoa	010237/BYT-CCHN	29/01/2013	63	Nội khoa	Nội khoa	SDH Nội khoa, ĐHY ĐK	2	6
4	Nội Tổng hợp lão khoa	Phan Thị Phương Lan	BSCCKII	LK Tổng quát	003147/BYT-CCHN	29/01/2013	63	Nội khoa	Nội khoa	SDH Nội khoa, ĐHY ĐK	2	6
5	Nội Tổng hợp lão khoa	Trần Bùi Hoài Vọng	ThS. BS	Bác sĩ đa khoa	003145/BYT-CCHN	29/01/2013	63	Nội khoa	Nội khoa	SDH Nội khoa, ĐHY ĐK	2	6
6	Nội Tổng hợp lão khoa	Nguyễn Quang Vinh	BS	Bác sĩ đa khoa	003143/BYT-CCHN	29/01/2013	63	Nội khoa	Nội khoa	ĐHY ĐK	3	9
7	Nội Tổng hợp lão khoa	Hà Thị Oanh	ThS. BS	Bác sĩ đa khoa	034050/BYT-CCHN	08/06/2017	18	Nội khoa	Nội khoa	CĐ, TH	5	15
8	Nội Tổng hợp lão khoa	Trần Đức Minh	ThS. BS	Bác sĩ đa khoa	034123/BYT-CCHN	08/06/2017	18	Nội khoa	Nội khoa	CĐ, TH	5	15

TT	Trung tâm /khoa/phòng	Họ và tên	Học hàm, học vị	Chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề				Môn học	Dự kiến đào tạo	Số giường dự kiến	Số lượng HS/SV tối đa có thể nhận
					Số CCHN	Ngày cấp	Thời gian hành nghề sau cấp (tháng)	Phạm vi hành nghề				
9	Nội Tổng hợp lão khoa	Nguyễn Thị Thùy	ĐDCKI	Điều dưỡng đa khoa	023869/BYT-CCHN	11/10/2014	43	Điều dưỡng	Điều dưỡng	ĐD CKI	2	6
10	Nội Tổng hợp lão khoa	Trương Thị Minh Tâm	CNDD	Điều dưỡng đa khoa	023362/BYT-CCHN	22/10/2014	42	Thực hiện theo QĐ số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	Điều dưỡng	ĐD ĐH	10	30
11	Nội Tổng hợp lão khoa	Nguyễn Thị Ái Mỹ	CNDD	Điều dưỡng đa khoa	023373/BYT-CCHN	22/10/2014	42	Thực hiện theo QĐ số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	Điều dưỡng	ĐD ĐH		
12	Nội Tổng hợp lão khoa	Bùi Thị Hồng Chi	CNDD	Điều dưỡng đa khoa	023368/BYT-CCHN	22/10/2014	42	Thực hiện theo QĐ số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	Điều dưỡng	ĐD ĐH		
13	Nội Tổng hợp lão khoa	Trương Thị Mỹ Hà	CNDD	Điều dưỡng đa khoa	023370/BYT-CCHN	22/10/2014	42	Thực hiện theo QĐ số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	Điều dưỡng	ĐD CĐ	5	15
14	Nội Tổng hợp lão khoa	Trương Thị Thu Hà	CNDD	Điều dưỡng đa khoa	023364/BYT-CCHN	22/10/2014	42	Thực hiện theo QĐ số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	Điều dưỡng	ĐD CĐ	5	15

TT	Trung tâm /khoa/phòng	Họ và tên	Học hàm, học vị	Chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề				Môn học	Dự kiến đào tạo	Số giường dự kiến	Số lượng HS/SV tối đa có thể nhận
					Số CCHN	Ngày cấp	Thời gian hành nghề sau cấp (tháng)	Phạm vi hành nghề				
15	Nội Tổng hợp lão khoa	Trần Thị Hương Trà	CNDD	Điều dưỡng đa khoa	025020/BYT- CCHN	17/11/2014	41	Thực hiện theo QĐ số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	Điều dưỡng	ĐD CD	5	15
16	Nội Tổng hợp lão khoa	Trần Bạch Dũng	CNDD	Điều dưỡng đa khoa	025299/BYT- CCHN	31/12/2014	40	Thực hiện theo QĐ số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	Điều dưỡng	ĐD CD	5	15
17	Nội Tổng hợp lão khoa	Nguyễn Thị Diệu Nữ	CĐDD	Điều dưỡng đa khoa	023371/BYT- CCHN	22/10/2014	42	Điều dưỡng	Điều dưỡng	ĐD TH	5	15
18	Nội Tổng hợp lão khoa	Võ Thị Bích Loan	ĐDTH	Điều dưỡng đa khoa	025221/BYT- CCHN	06/08/2014	45	Điều dưỡng	Điều dưỡng	ĐD TH	5	15
19	Nội Tổng hợp lão khoa	Nguyễn Ngọc Hoàng	ĐDTH	Điều dưỡng đa khoa	023366/BYT- CCHN	22/10/2014	42	Điều dưỡng	Điều dưỡng	ĐD TH	5	15
20	Nội Tổng hợp lão khoa	Phan Thị Bảo Hương	ĐDTH	Điều dưỡng đa khoa	023372/BYT- CCHN	31/12/2014	40	Điều dưỡng	Điều dưỡng	ĐD TH	5	15
21	Nội Tổng hợp lão khoa	Nguyễn Vũ Ngọc Trân	ĐDTH	Điều dưỡng đa khoa	023369/BYT- CCHN	22/10/2015	30	Điều dưỡng	Điều dưỡng	ĐD TH	5	15

TT	Trung tâm /khoa/phòng	Họ và tên	Học hàm, học vị	Chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề				Môn học	Dự kiến đào tạo	Số giường dự kiến	Số lượng HS/SV tối đa có thể nhận
					Số CCHN	Ngày cấp	Thời gian hành nghề sau cấp (tháng)	Phạm vi hành nghề				
22	Nội Tổng hợp lão khoa	Nguyễn Thị Diệu Hòa	ĐDTH	Điều dưỡng đa khoa	003119/TTH- CCHN	14/04/2016	25	Điều dưỡng	Điều dưỡng	ĐD TH	5	15
23	Nội Tổng hợp lão khoa	Nguyễn Thị Thúy Nga	ĐDTH	Điều dưỡng đa khoa	0023363/BYT- CCHN	22/10/2016	18	Điều dưỡng	Điều dưỡng	ĐD TH	5	15

BẢN CÔNG BỐ

Đáp ứng yêu cầu là cơ sở thực hành trong đào tạo ngành Nội Tiêu hóa

KHOA NỘI TIÊU HÓA

Căn cứ Nghị định số 111/2017/NĐ-CP ngày 05 tháng 10 năm 2017 của Chính phủ quy định về tổ chức đào tạo thực hành trong đào tạo khối ngành sức khỏe, Khoa **Nội Tiêu hóa** công bố đã đáp ứng yêu cầu để tổ chức đào tạo thực hành theo quy định với các nội dung sau đây:

I. ĐIỀU KIỆN CHUNG

1. Phạm vi hoạt động chuyên môn: Khám chữa bệnh Tuyến 1, các chuyên khoa:

Nội Tiêu hóa và gan mật, Nội soi Tiêu hóa

2. Cơ sở vật chất, trang thiết bị:

- Tổng số giường bệnh: **86**

- Số thiết bị: dàn máy nội soi dạ dày tá tràng, đại tràng, máy hút, seringue điện

- Phòng: 01 phòng giao ban khoa, 02 phòng trực, 02 phòng Hành chính, 19 phòng bệnh.

3. Nhân lực đủ điều kiện tham gia giảng dạy thực hành:

- Tổng số: **17** (có danh sách kèm theo)

- Phân chia theo chức danh:

TT	Chức danh	Số lượng	Chuyên ngành/Phạm vi hoạt động chuyên môn	Ghi chú
1.	Tiến sĩ	01	Nội Tiêu hóa, Nội soi Tiêu hóa	
2.	Bác sĩ chuyên khoa II	01	Nội Tiêu hóa, Nội soi Tiêu hóa	
3.	Thạc sĩ. Bác sĩ	03	Nội chung	
4.	CKI Điều dưỡng	01	Điều dưỡng	
5.	Cử nhân Điều dưỡng	06	Điều dưỡng	
6.	Điều dưỡng Trung học	5	Điều dưỡng	
Tổng số		17		

PHÊ DUYỆT
GIÁM ĐỐC

GS.TS. Phạm Như Hiệp

TRƯỞNG KHOA

11


TS.BS. Trần Phạm Chí

*** Phụ lục: Danh sách tham gia giảng dạy thực hành của khoa Nội Tiêu hóa**

TT	Trung tâm /khoa/phòng	Họ và tên	Học hàm, học vị	Chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề				Môn học	Dự kiến đào tạo	Số giường dự kiến	Số lượng HS/SV tối đa có thể nhận
					Số CCHN	Ngày cấp	Thời gian hành nghề sau cấp (tháng)	Phạm vi hành nghề				
1	Nội tiêu hóa	Trần Phạm Chí	TS. BS	Nội tiêu hóa	002885/BYT-CCHN	01/04/2013	63	Khám chữa bệnh chuyên khoa nội tiêu hóa- Nội soi tiêu hóa	Nội tiêu hóa	SDH Nội tiêu hóa, ĐHY ĐK	2	6
2	Nội tiêu hóa	Nguyễn Thị Thu Hương	BSCCKII	Nội tiêu hóa	003137/BYT-CCHN	29/01/2013	65	Khám chữa bệnh chuyên khoa nội tiêu hóa- Nội soi tiêu hóa	Nội tiêu hóa	SDH Nội tiêu hóa, ĐHY ĐK	2	6
3	Nội tiêu hóa	Hoàng Trọng Chương	ThS. BS	Nội khoa	005661/BYT-CCHN	08/05/2013	62	Khám chữa bệnh chuyên khoa nội tiêu hóa- Nội soi tiêu hóa	Nội khoa	SDH Nội khoa, ĐHY ĐK	2	6
4	Nội tiêu hóa	Trần Viết Thành	ThS. BS	Nội khoa	005662/BYT-CCHN	08/05/2013	62	Khám chữa bệnh chuyên khoa nội tiêu hóa- Nội soi tiêu hóa	Nội khoa	ĐHY ĐK	3	9
5	Nội tiêu hóa	Trương Đình Vũ	ThS. BS	Nội khoa	003138/BYT-CCHN	08/05/2013	62	Khám chữa bệnh chuyên khoa nội tiêu hóa- Nội soi tiêu hóa	Nội khoa	ĐHY ĐK	3	9
6	Nội tiêu hóa	Phan Thị Thu Hồng	CNĐĐ	CNĐĐ	023480/BYT-CCHN	22/10/2014	44	Thực hiện theo QĐ số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	Điều dưỡng	ĐD ĐH	10	30

TT	Trung tâm /khoa/phòng	Họ và tên	Học hàm, học vị	Chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề				Môn học	Dự kiến đào tạo	Số giường dự kiến	Số lượng HS/SV tối đa có thể nhận
					Số CCHN	Ngày cấp	Thời gian hành nghề sau cấp (tháng)	Phạm vi hành nghề				
7	Nội tiêu hóa	Đoàn Thị Thảo	CNDD	CNDD	003141/BYT- CCHN	29/01/2013	65	Thực hiện theo QĐ số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	Điều dưỡng	ĐD ĐH		
8	Nội tiêu hóa	Tôn Nữ Thanh Tâm	CNDD	CNDD	023481/BYT- CCHN	22/10/2014	44	Thực hiện theo QĐ số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	Điều dưỡng	ĐD ĐH		
9	Nội tiêu hóa	Nguyễn Thị Chín	CNDD	CNDD	023931/BYT- CCHN	11/10/2014	45	Thực hiện theo QĐ số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	Điều dưỡng	ĐD CĐ	5	15
10	Nội tiêu hóa	Võ Thị Mai	CNDD	CNDD	023483/BYT- CCHN	22/10/2014	44	Thực hiện theo QĐ số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	Điều dưỡng	ĐD CĐ	5	15
11	Nội tiêu hóa	Bùi Thị Thu Sương	CNDD	Điều dưỡng CĐ	023482/BYT- CCHN	22/10/2014	44	Thực hiện theo QĐ số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	Điều dưỡng	ĐD CĐ	5	15

TT	Trung tâm /khoa/phòng	Họ và tên	Học hàm, học vị	Chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề				Môn học	Dự kiến đào tạo	Số giường dự kiến	Số lượng HS/SV tối đa có thể nhận
					Số CCHN	Ngày cấp	Thời gian hành nghề sau cấp (tháng)	Phạm vi hành nghề				
12	Nội tiêu hóa	Nguyễn Thị Thành	CNĐD	Điều dưỡng CĐ	023478/BYT- CCHN	22/10/2014	44	Thực hiện theo QĐ số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	Điều dưỡng	ĐD CĐ	5	15
13	Nội tiêu hóa	Đào Hồng Duyên	ĐDTH	Điều dưỡng CĐ	003140/BYT- CCHN	13/05/2011	86	Thực hiện theo QĐ số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	Điều dưỡng	ĐD TH	5	15
14	Nội tiêu hóa	Hà Thị Bé	ĐDTH	Điều dưỡng TH	024875/BYT- CCHN	17/11/2014	44	Điều dưỡng chăm sóc	Điều dưỡng	ĐD TH	5	15
15	Nội tiêu hóa	Đặng Thị Hồng Nhưng	ĐDTH	Điều dưỡng TH	023904/BYT- CCHN	17/11/2014	44	Điều dưỡng chăm sóc	Điều dưỡng	ĐD TH	5	15
16	Nội tiêu hóa	Nguyễn Thị Mỹ Linh	ĐDTH	Điều dưỡng TH	024835/BYT- CCHN	17/11/2014	44	Điều dưỡng chăm sóc	Điều dưỡng	ĐD TH	5	15
17	Nội tiêu hóa	Võ Thị Bích	ĐDTH	Điều dưỡng TH	025228/BYT- CCHN	31/12/2014	42	Điều dưỡng chăm sóc	Điều dưỡng	ĐD TH	5	15

Huế, ngày 24 tháng 12 năm 2018

BẢN CÔNG BỐ

Đáp ứng yêu cầu là cơ sở thực hành trong đào tạo ngành Nội khoa

KHOA NỘI THẦN KINH - NỘI TIẾT - HÔ HẤP

Căn cứ Nghị định số 111/2017/NĐ-CP ngày 05 tháng 10 năm 2017 của Chính phủ quy định về tổ chức đào tạo thực hành trong đào tạo khối ngành sức khỏe, Khoa **Nội Thần kinh - Nội tiết - Hô hấp** công bố đã đáp ứng yêu cầu để tổ chức đào tạo thực hành theo quy định với các nội dung sau đây:

I. ĐIỀU KIỆN CHUNG

1. Phạm vi hoạt động chuyên môn: Khám chữa bệnh Tuyến 1, các chuyên khoa:

- Nội Thần kinh; Nội Nội tiết; Nội Hô hấp

2. Cơ sở vật chất, trang thiết bị:

- Tổng số giường bệnh: 103

- Máy đo chức năng hô hấp: 01 cái

- Máy đo điện cơ đồ: 01 cái

- Máy đo ABI: 01 cái

- Máy khí dung: 04 cái

- Máy đo điện tim 6 cần: 01 cái

- Máy đo đường máu mao mạch: 04 cái

- Monitoring: 01 cái

- Máy đo độ bão hòa Oxy(Pulse Oxymeter): 04 cái

- Máy hút đàm giải: 01 cái

3. Nhân lực đủ điều kiện tham gia giảng dạy thực hành:

- Tổng số: **25** (có danh sách kèm theo)

- Phân chia theo chức danh:

TT	Chức danh	Số lượng	Chuyên ngành/Phạm vi hoạt động chuyên môn
1.	Tiến sĩ. Bác sĩ	01	Nội Thần kinh-Nội tiết-Hô hấp
2.	Bác sĩ chuyên khoa II	03	Nội Thần kinh-Nội tiết-Hô hấp
3.	Ths Bác sĩ	05	Nội Thần kinh-Nội tiết-Hô hấp
4.	Điều dưỡng CKI	01	Điều dưỡng
5.	Cử nhân Điều dưỡng	08	Điều dưỡng
6.	Cao đẳng Điều dưỡng	02	Điều dưỡng
7.	Điều dưỡng Trung học	05	Điều dưỡng
Tổng số		25	

PHÊ DUYỆT
GIÁM ĐỐC

GS.TS. Phạm Như Hiệp

TRƯỞNG KHOA



BSKH. Hoàng Thị Lan Hương

*** Phụ lục: Danh sách tham gia giảng dạy thực hành của khoa Nội Nội tiết-Thần kinh-Hô hấp**

TT	Trung tâm /khoa/phòng	Họ và tên	Học hàm, học vị	Chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề				Môn học	Dự kiến đào tạo	Số giường dự kiến	Số lượng HS/SV tối đa có thể nhận
					Số CCHN	Ngày cấp	Thời gian hành nghề sau cấp (tháng)	Phạm vi hành nghề				
1	Nội tiết - Thần kinh - Hô hấp	Hoàng Thị Lan Hương	BSCKII	Nội Lão khoa	002894/BYT-CCHN	01/04/2013	66	Chuyên khoa Nội tiết - TK	Nội Lão khoa, Nội khoa	SĐH Nội lão khoa ĐHY ĐK	2	6
2	Nội tiết - Thần kinh - Hô hấp	Tôn Thất Trí Dũng	TS. BS	Nội Nội tiết	008748/BYT-CCHN	21/10/2013	60	Khám chữa bệnh chuyên khoa Nội tổng hợp, Khám chữa bệnh chuyên khoa Can thiệp mạch máu não và đột quỵ.	Nội tiết, Nội khoa	SĐH Nội tiết, ĐHY ĐK	2	6
3	Nội tiết - Thần kinh - Hô hấp	Nguyễn Thị Bạch Oanh	BSCKII	Nội Nội tiết	002895/BYT-CCHN	04/01/2013	69	Chuyên khoa Nội tiết - TK	Nội tiết, Nội khoa	SĐH Nội tiết, ĐHY ĐK	2	6
4	Nội tiết - Thần kinh - Hô hấp	Cao Văn Minh	BSCKII	Nội Nội tiết	002856/BYT-CCHN	04/01/2013	69	Chuyên khoa Nội tiết - TK	Nội tiết, Nội khoa	SĐH Nội tiết, ĐHY ĐK	2	6
5	Nội tiết - Thần kinh - Hô hấp	Nguyễn Trọng Nghĩa	ThS. BS	Nội khoa	003120/BYT-CCHN	28/12/2012	69	Chuyên khoa Nội tiết - TK	Nội khoa	SĐH Nội khoa, ĐHY ĐK	2	6
6	Nội tiết - Thần kinh - Hô hấp	Hồ Xuân Sơn	ThS. BS	Nội khoa	002859/BYT-CCHN	04/01/2013	69	Chuyên khoa Nội tiết - TK	Nội khoa	ĐHY ĐK	3	9

TT	Trung tâm /khoa/phòng	Họ và tên	Học hàm, học vị	Chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề				Môn học	Dự kiến đào tạo	Số giường dự kiến	Số lượng HS/SV tối đa có thể nhận
					Số CCHN	Ngày cấp	Thời gian hành nghề sau cấp (tháng)	Phạm vi hành nghề				
7	Nội tiết - Thần kinh - Hô hấp	Phan Thị Phương	ThS. BS	Nội khoa	003121/BYT-CCHN	28/12/2012	70	Chuyên khoa Nội tiết - TK	Nội khoa	ĐHY ĐK	3	9
8	Nội tiết - Thần kinh - Hô hấp	Lê Thị Mỹ Khánh	ĐDCKI	Điều dưỡng đa khoa	0023344/BYT-CCHN	22/10/2014	48	Thực hiện theo quyết định số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	Điều dưỡng	ĐD CKI	2	6
9	Nội tiết - Thần kinh - Hô hấp	Ngô Thị Cẩm Tú	CNĐD	Điều dưỡng đa khoa	026266/BYT-CCHN	11/05/2015	41	Theo quy định tại thông tư 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015	Điều dưỡng	ĐD ĐH	10	30
10	Nội tiết - Thần kinh - Hô hấp	Phan Thị Thùy Trinh	CNĐD	Điều dưỡng đa khoa	026273/BYT-CCHN	11/05/2015	41	Theo quy định tại thông tư 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015	Điều dưỡng	ĐD ĐH		
11	Nội tiết - Thần kinh - Hô hấp	Lê Thị Ánh Như	CNĐD	Điều dưỡng đa khoa	026272/BYT-CCHN	11/05/2015	41	Theo quy định tại thông tư 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015	Điều dưỡng	ĐD ĐH		

TT	Trung tâm /khoa/phòng	Họ và tên	Học hàm, học vị	Chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề				Môn học	Dự kiến đào tạo	Số giường dự kiến	Số lượng HS/SV tối đa có thể nhận
					Số CCHN	Ngày cấp	Thời gian hành nghề sau cấp (tháng)	Phạm vi hành nghề				
12	Nội tiết - Thần kinh - Hô hấp	Dương Thị Phương Bình	CNDD	Điều dưỡng đa khoa	026274/BYT-CCHN	11/05/2015	41	Theo quy định tại thông tư 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015	Điều dưỡng	ĐD CD	5	15
13	Nội tiết - Thần kinh - Hô hấp	Bùi Thị Thuỷ Tiên	CNDD	Điều dưỡng đa khoa	26279/BYT-CCHN	11/05/2015	41	Theo quy định tại thông tư 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015	Điều dưỡng	ĐD CD	5	15
14	Nội tiết - Thần kinh - Hô hấp	Phạm Thị Diệu Anh	CNDD	Điều dưỡng đa khoa	026275/BYT-CCHN	11/05/2015	41	Theo quy định tại thông tư 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015	Điều dưỡng	ĐD CD	5	15
15	Nội tiết - Thần kinh - Hô hấp	Nguyễn Thị Thu Hương	CNDD	Điều dưỡng đa khoa	026277/BYT-CCHN	11/05/2015	41	Theo quy định tại thông tư 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015	Điều dưỡng	ĐD CD	5	15
16	Nội tiết - Thần kinh - Hô hấp	Ngô Thị Hằng	ĐDTH	Điều dưỡng đa khoa	026270/BYT-CCHN	11/05/2015	41	Theo quy định tại thông tư 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015	Điều dưỡng	ĐD TH	5	15

TT	Trung tâm /khoa/phòng	Họ và tên	Học hàm, học vị	Chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề				Môn học	Dự kiến đào tạo	Số giường dự kiến	Số lượng HS/SV tối đa có thể nhận
					Số CCHN	Ngày cấp	Thời gian hành nghề sau cấp (tháng)	Phạm vi hành nghề				
17	Nội tiết - Thần kinh - Hô hấp	Phạm Thị Phương Nhung	ĐDTH	Điều dưỡng đa khoa	026267/BYT-CCHN	11/05/2015	41	Theo quy định tại thông tư 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015	Điều dưỡng	ĐD TH	5	15
18	Nội tiết - Thần kinh - Hô hấp	Phan Thị Thanh Loan	ĐDTH	Điều dưỡng đa khoa	026269/BYT-CCHN	11/05/2015	41	Theo quy định tại thông tư 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015	Điều dưỡng	ĐD TH	5	15
19	Nội tiết - Thần kinh - Hô hấp	Hoàng Thị Anh Nguyệt	ĐDTH	Điều dưỡng đa khoa	026268/BYT-CCHN	11/05/2015	41	Theo quy định tại thông tư 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015	Điều dưỡng	ĐD TH	5	15
20	Nội tiết - Thần kinh - Hô hấp	Phan Thị Thanh Hà	ĐDTH	Điều dưỡng đa khoa	026265/BYT-CCHN	11/05/2015	41	Theo quy định tại thông tư 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015	Điều dưỡng	ĐD TH	5	15
21	Nội tiết - Thần kinh - Hô hấp	Trần Thị Nhật Hà	CĐĐD	Điều dưỡng đa khoa	0386161/BYT-CCHN	29/08/2018	2	Theo quy định tại thông tư 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015	KHÔNG ĐỦ THỜI GIAN	ĐD CĐ	5	15

TT	Trung tâm /khoa/phòng	Họ và tên	Học hàm, học vị	Chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề				Môn học	Dự kiến đào tạo	Số giường dự kiến	Số lượng HS/SV tối đa có thể nhận
					Số CCHN	Ngày cấp	Thời gian hành nghề sau cấp (tháng)	Phạm vi hành nghề				
22	Nội tiết - Thần kinh - Hô hấp	Nguyễn Thị Thanh Tuyền	CĐDD	Điều dưỡng đa khoa	034110/BYT- CCHN	08/06/2017	16	Theo quy định tại thông tư 26/2015/TTLT- BYT-BNV ngày 07/10/2015	Điều dưỡng	ĐD CĐ	5	15
23	Nội tiết - Thần kinh - Hô hấp	Lê Thị Quý	CNDD	Điều dưỡng đa khoa	02504/BYT- CCHN	20/09/2017	25	Theo quy định tại thông tư 26/2015/TTLT- BYT-BNV ngày 07/10/2015	Điều dưỡng	ĐD CĐ	5	15

Huế, ngày 24 tháng 12 năm 2018

BẢN CÔNG BỐ

Đáp ứng yêu cầu là cơ sở thực hành trong đào tạo khối ngành Nội khoa

KHOA NỘI THẬN - CƠ XƯƠNG KHỚP

Căn cứ vào Nghị định số 111/2017/NĐ-CP ngày 05 tháng 10 năm 2017 của Chính phủ quy định về tổ chức đào tạo thực hành trong đào tạo khối ngành sức khỏe, **Khoa Nội thận-CXK** công bố đã đáp ứng yêu cầu để tổ chức đào tạo thực hành theo quy định với các nội dung sau đây:

I. ĐIỀU KIỆN CHUNG

- 1. Phạm vi hoạt động chuyên môn:** Khám chữa bệnh tuyến I các chuyên khoa:
 - Nội chung
 - Nội thận
 - Nội cơ xương khớp
- 2. Cơ sở vật chất, trang thiết bị**
 - Tổng số giường bệnh: 73
 - Phòng học: 01, phòng giao ban khoa: 01, phòng trực: 02, phòng hành chính: 01, phòng bệnh: 13, phòng thăm phân: 01
- 3. Nhân lực đủ điều kiện tham gia giảng dạy thực hành**
 - Tổng số: 17 (có danh sách kèm theo)
 - Phân chia theo chức danh:

TT	Chức danh	Số lượng	Chuyên ngành/Phạm vi hoạt động chuyên môn	Ghi chú
1	BSCKII	01	Nội thận, Nội cơ xương khớp	
2	Thạc sĩ bác sĩ	03	01 Nội chung, 02 Nội thận, 02 Nội cơ xương khớp	
3	CKI. Điều dưỡng	01	Điều dưỡng	
4	Cử nhân điều dưỡng	02	Điều dưỡng	
5	Cao đẳng/TH điều dưỡng	10	Điều dưỡng	
Tổng số		17		



GS.TS. Phạm Như Hiệp

TRƯỞNG KHOA

[Signature]
BSCKII Trần Thị Anh Thư

*** Phụ lục: Danh sách tham gia giảng dạy thực hành của khoa Nội Thận-CXK**

TT	Trung tâm /khoa/phòng	Họ và tên	Học hàm, học vị	Chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề				Môn học	Dự kiến đào tạo	Số giờ/ng dự kiến	Số lượng HS/SV tối đa có thể nhận
					Số CCHN	Ngày cấp	Thời gian hành nghề sau cấp (tháng)	Phạm vi hành nghề				
1	Nội thận CXK	Trần Thị Anh Thư	BSCKII	Nội thận tiết niệu	002863/BYT-CCHN	01/04/2013	63	Nội thận- CXK	Nội thận tiết niệu, Nội khoa	SĐH Nội thận tiết niệu, ĐHY ĐK	2	6
2	Nội thận CXK	Đinh Thị Minh Hào	ThS. BS	Nội khoa	025220/BYT-CCHN	31/12/2014	42	Nội thận- CXK	Nội khoa	SĐH Nội khoa, ĐHY ĐK	2	6
3	Nội thận CXK	Phan Ngọc Tam	ThS. BS	Nội khoa	003123/BYT-CCHN	28/12/2012	66	Nội thận- CXK	Nội khoa	SĐH Nội khoa, ĐHY ĐK	2	6
4	Nội thận CXK	Phan Thị Bé Ni	ThS. BS	Nội khoa	003133/BYT-CCHN	08/06/2017	18	Nội khoa	Nội khoa	CD, TH	5	15
5	Nội thận CXK	Trương Huệ Nhân	CNDD	Điều dưỡng đa khoa	026264/BYT-CCHN	11/05/2015	42	Thực hiện theo QĐ số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	Điều dưỡng	ĐD ĐH	3	9
6	Nội thận CXK	Ngô Thị Mỹ Tiên	CNDD	Điều dưỡng đa khoa	023341/BYT-CCHN	22/10/2014	44	Thực hiện theo QĐ số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	Điều dưỡng	ĐD CD	4	12

TT	Trung tâm /khoa/phòng	Họ và tên	Học hàm, học vị	Chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề				Môn học	Dự kiến đào tạo	Số giờ ng dự kiến	Số lượng HS/SV tối đa có thể nhận
					Số CCHN	Ngày cấp	Thời gian hành nghề sau cấp (tháng)	Phạm vi hành nghề				
7	Nội thận CXX	Võ Thị Anh Thư	CNĐĐ	Điều dưỡng đa khoa	0023338/BYT- CCHN	22/10/2014	44	Thực hiện theo QĐ số 41/2005/QĐ- BNV ngày 22/4/2005	Điều dưỡng	ĐD CĐ	5	15
8	Nội thận CXX	Nguyễn Thị Thanh Minh	CĐĐĐ	Điều dưỡng đa khoa	034938/BYT- CCHN	31/07/2017	16	Thực hiện theo QĐ số 41/2005/QĐ- BNV ngày 22/4/2005	Điều dưỡng	ĐD CĐ	5	15
9	Nội thận CXX	Nguyễn Thị Như Quỳnh	CĐĐĐ	Điều dưỡng đa khoa	033988/BYT- CCHN	08/06/2017	18	Thực hiện theo QĐ số 41/2005/QĐ- BNV ngày 22/4/2005	Điều dưỡng	ĐD CĐ	5	15
10	Nội thận CXX	Nguyễn Thị Thanh Nga	CĐĐĐ	Điều dưỡng đa khoa	033922/BYT- CCHN	08/06/2017	18	Thực hiện theo QĐ số 41/2005/QĐ- BNV ngày 22/4/2005	Điều dưỡng	ĐD CĐ	5	15
11	Nội thận CXX	Nguyễn Thị Hiền	ĐĐTH	Điều dưỡng đa khoa	023337/BYT- CCHN	22/10/2014	44	Thực hiện theo QĐ số 41/2005/QĐ- BNV ngày 22/4/2005	Điều dưỡng	ĐD TH	5	15

TT	Trung tâm /khoa/phòng	Họ và tên	Học hàm, học vị	Chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề				Môn học	Dự kiến đào tạo	Số giường dự kiến	Số lượng HS/SV tối đa có thể nhận
					Số CCHN	Ngày cấp	Thời gian hành nghề sau cấp (tháng)	Phạm vi hành nghề				
12	Nội thận CXK	Trần Thị Anh Thư	ĐDTH	Điều dưỡng đa khoa	23336/BYT- CCHN	22/10/2014	44	Thực hiện theo QĐ số 41/2005/QĐ- BNV ngày 22/4/2005	Điều dưỡng	ĐD TH	5	15
13	Nội thận CXK	Nguyễn Thị Lộc	ĐDTH	Điều dưỡng đa khoa	0015521/BYT- CCHN	27/10/2014	44	Thực hiện theo QĐ số 41/2005/QĐ- BNV ngày 22/4/2005	Điều dưỡng	ĐD TH	5	15
14	Nội thận CXK	Trần Thị Kim Toa	ĐDTH	Điều dưỡng đa khoa	023339/BYT- CCHN	22/10/2014	44	Thực hiện theo QĐ số 41/2005/QĐ- BNV ngày 22/4/2005	Điều dưỡng	ĐD TH	5	15
15	Nội thận CXK	Nguyễn Thị Thu Thảo	ĐDTH	Điều dưỡng đa khoa	023343/BYT- CCHN	22/10/2014	44	Thực hiện theo QĐ số 41/2005/QĐ- BNV ngày 22/4/2005	Điều dưỡng	ĐD TH	5	15
16	Nội thận CXK	Lê Thị Hằng	ĐDTH	Điều dưỡng đa khoa	033937/BYT- CCHN	08/06/2017	18	Thực hiện theo QĐ số 41/2005/QĐ- BNV ngày 22/4/2005	Điều dưỡng	ĐD TH	5	15
17	Nội thận CXK	Lê Thị Thanh Huyền	ĐDTH	Điều dưỡng đa khoa	034939/BYT- CCHN	31/07/2017	16	Thực hiện theo QĐ số 41/2005/QĐ- BNV ngày 22/4/2005	Điều dưỡng	ĐD TH	5	15

BẢN CÔNG BỐ

Đáp ứng yêu cầu là cơ sở thực hành trong đào tạo ngành Nội Tim mạch

KHOA NỘI TIM MẠCH

Căn cứ Nghị định số 111/2017/NĐ-CP ngày 05 tháng 10 năm 2017 của Chính phủ quy định về tổ chức đào tạo thực hành trong đào tạo khối ngành sức khỏe, Khoa **Nội Tim mạch** công bố đã đáp ứng yêu cầu để tổ chức đào tạo thực hành theo quy định với các nội dung sau đây:

I. ĐIỀU KIỆN CHUNG

1. Phạm vi hoạt động chuyên môn: Khám chữa bệnh Tuyến 1, các chuyên khoa:

- Nội chung
- Nội Tim mạch

2. Cơ sở vật chất, trang thiết bị:

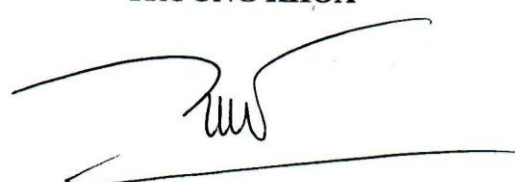
- Tổng số giường bệnh: **165**
- Số thiết bị: 01 máy siêu âm tim, 1 trắc nghiệm gắng sức, 1 Holter HA, 3 Holter ECG, 3 Monitor, 1 máy sốc điện, 7 bơm tiêm điện, 3 máy đo ECG, 1 máy đường máu mao mạch
- Phòng: 01 phòng học, 01 phòng giao ban khoa, 01 phòng trực, 01 phòng Hành chính, 31 phòng bệnh.

3. Nhân lực đủ điều kiện tham gia giảng dạy thực hành:

- Tổng số: **32** (có danh sách kèm theo)
- Phân chia theo chức danh:

TT	Chức danh	Số lượng	Chuyên ngành/Phạm vi hoạt động chuyên môn	Ghi chú
1.	PGS. TS	1	Nội Tim mạch	
2.	Tiến sĩ. Bác sĩ	1	Nội Tim mạch	
3.	Bác sĩ chuyên khoa II	1	Nội Tim mạch	
4.	ThS Bác sĩ	5	Nội Tim mạch	
5.	Điều dưỡng CKI	1	Điều dưỡng	
6.	Cử nhân Điều dưỡng	9	Điều dưỡng	
7.	Cao đẳng Điều dưỡng	6	Điều dưỡng	
8.	Điều dưỡng Trung học	7	Điều dưỡng	
Tổng số		31		


PHÊ DUYỆT
GIÁM ĐỐC
BỆNH VIỆN
TRUNG ƯƠNG
HUẾ
GS.TS. Phạm Như Hiệp

TRƯỞNG KHOA

PGSTS Nguyễn Bá Đông

*** Phụ lục: Danh sách tham gia giảng dạy thực hành của khoa Nội Tim mạch**

TT	Trung tâm /khoa/phòng	Họ và tên	Học hàm, học vị	Chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề				Môn học	Dự kiến đào tạo	Số giường dự kiến	Số lượng HS/SV tối đa có thể nhận
					Số CCHN	Ngày cấp	Thời gian hành nghề sau cấp (tháng)	Phạm vi hành nghề				
1	Nội tim mạch	Nguyễn Tá Đông	PGS. TS. BS	Nội tim mạch	008754/BYT-CCHN	21/10/2013	60	Nội tổng hợp	Nội tim mạch, Nội khoa	SĐH Nội tim mạch, Nội khoa, ĐHY ĐK	2	6
2	Nội tim mạch	Đoàn Chí Thắng	TS. BS	Nội tim mạch	010199/BYT-CCHN	13/12/2013	58	Nội tổng hợp	Nội tim mạch, Nội khoa	SĐH Nội tim mạch, Nội khoa, ĐHY ĐK	2	6
3	Nội tim mạch	Phan Thanh Bình	BSCCKII	Nội tim mạch	010217/BYT-CCHN	13/12/2013	58	Nội tổng hợp	Nội tim mạch, Nội khoa	SĐH Nội tim mạch, Nội khoa, ĐHY ĐK	2	6
4	Nội tim mạch	Ngô Lâm Sơn	ThS. BS	Nội khoa	007516/BYT-CCHN	26/09/2013	61	Nội tim mạch	Nội khoa	SĐH Nội khoa, ĐHY ĐK	2	6
5	Nội tim mạch	Phạm Quang Tuấn	ThS. BS	Nội khoa	007514/BYT-CCHN	21/10/2013	60	Nội tổng hợp	Nội khoa	SĐH Nội khoa, ĐHY ĐK	2	6
6	Nội tim mạch	Trần Phước Minh Đăng	ThS. BS	Nội khoa	0025233/BYT-CCHN	31/12/2014	46	Nội tim mạch	Nội khoa	SĐH Nội khoa, ĐHY ĐK	2	6
7	Nội tim mạch	Dương Thị Thùy Linh	ThS. BS	Nội khoa	034152/BYT-CCHN	08/06/2017	16	Nội tim mạch	Nội khoa	ĐHY ĐK	3	9

TT	Trung tâm /khoa/phòng	Họ và tên	Học hàm, học vị	Chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề				Môn học	Dự kiến đào tạo	Số giường dự kiến	Số lượng HS/SV tối đa có thể nhận
					Số CCHN	Ngày cấp	Thời gian hành nghề sau cấp (tháng)	Phạm vi hành nghề				
8	Nội tim mạch	Cao Thị Thủy Phương	ThS. BS	Nội khoa	034114/BYT- CCHN	08/06/2017	16	Nội tim mạch	Nội khoa	ĐHY ĐK	3	9
9	Nội tim mạch	Hồ Thị Phương Hạnh	ĐDCKI	Điều dưỡng đa khoa	0025234/BYT- CCHN	31/12/2014	46	QĐ 41/2005	Điều dưỡng	ĐD CKI	2	6
10	Nội tim mạch	Trần Thị Thảo	CNDD	Điều dưỡng đa khoa	0023526/BYT- CCHN	22/10/2014	48	Thực hiện theo QĐ số 41/2005/QĐ- BNV ngày 22/4/2005	Điều dưỡng	ĐD ĐH	20	60
11	Nội tim mạch	Nguyễn Thị Kim Trang	CNDD	Điều dưỡng đa khoa	0023539/BYT- CCHN	22/10/2014	48	Thực hiện theo QĐ số 41/2005/QĐ- BNV ngày 22/4/2005	Điều dưỡng	ĐD ĐH		
12	Nội tim mạch	Nguyễn Thị Thanh Thủy	CNDD	Điều dưỡng đa khoa	0023762/BYT- CCHN	22/10/2014	44	Thực hiện theo QĐ số 41/2005/QĐ- BNV ngày 22/4/2005	Điều dưỡng	ĐD ĐH		

TT	Trung tâm /khoa/phòng	Họ và tên	Học hàm, học vị	Chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề				Môn học	Dự kiến đào tạo	Số giường dự kiến	Số lượng HS/SV tối đa có thể nhận
					Số CCHN	Ngày cấp	Thời gian hành nghề sau cấp (tháng)	Phạm vi hành nghề				
13	Nội tim mạch	Phùng Thị Sương	CNDD	Điều dưỡng đa khoa	0023523/BYT- CCHN	22/10/2014	48	Thực hiện theo QĐ số 41/2005/QĐ- BNV ngày 22/4/2005	Điều dưỡng	ĐD ĐH		
14	Nội tim mạch	Nguyễn Thị Mỹ Vân	CNDD	Điều dưỡng đa khoa	0023536/BYT- CCHN	22/10/2014	48	Thực hiện theo QĐ số 41/2005/QĐ- BNV ngày 22/4/2005	Điều dưỡng	ĐD ĐH		
15	Nội tim mạch	Nguyễn Đình Thường	CNDD	Điều dưỡng đa khoa	0023527/BYT- CCHN	22/10/2014	48	Thực hiện theo QĐ số 41/2005/QĐ- BNV ngày 22/4/2005	Điều dưỡng	ĐD ĐH		
16	Nội tim mạch	Trương Thị Hồng Hạnh	CNDD	Điều dưỡng đa khoa	23533/BYT- CCHN	22/10/2014	48	Thực hiện theo QĐ số 41/2005/QĐ- BNV ngày 22/4/2005	Điều dưỡng	ĐD CĐ	5	15
17	Nội tim mạch	Hoàng Nữ Minh Tâm	CNDD	Điều dưỡng đa khoa	0025219/BYT- CCHN	31/12/2014	46	Thực hiện theo QĐ số 41/2005/QĐ- BNV ngày 22/4/2005	Điều dưỡng	ĐD CĐ	5	15

TT	Trung tâm /khoa/phòng	Họ và tên	Học hàm, học vị	Chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề				Môn học	Dự kiến đào tạo	Số giường dự kiến	Số lượng HS/SV tối đa có thể nhận
					Số CCHN	Ngày cấp	Thời gian hành nghề sau cấp (tháng)	Phạm vi hành nghề				
18	Nội tim mạch	Nguyễn Thị Doan	CNĐD	Điều dưỡng đa khoa	0025141/BYT- CCHN	23/12/2014	46	Thực hiện theo QĐ số 41/2005/QĐ- BNV ngày 22/4/2005	Điều dưỡng	ĐD CD	5	15
19	Nội tim mạch	Hoàng Lê Kim Trang	CNĐD	Điều dưỡng đa khoa	0023531/BYT- CCHN	22/10/2014	48	Thực hiện theo QĐ số 41/2005/QĐ- BNV ngày 22/4/2005	Điều dưỡng	ĐD CD	5	15
20	Nội tim mạch	Đoàn Thị Thu Nguyệt	CNCĐDD	Điều dưỡng đa khoa	0023528/BYT- CCHN	22/10/2014	48	QĐ 41/2005	Điều dưỡng	ĐD CD	5	15
21	Nội tim mạch	Nguyễn Văn Trung	CĐĐD	Điều dưỡng đa khoa	0034141/BYT- CCHN	06/08/2014	50	QĐ 41/2005	Điều dưỡng	ĐD CD	5	15
22	Nội tim mạch	Đặng Thị Ngọc Diệp	CĐĐD	Điều dưỡng đa khoa	0023530/BYT- CCHN	22/10/2014	48	QĐ 41/2005	Điều dưỡng	ĐD CD	5	15
23	Nội tim mạch	Trần Thị Ngọc Hào	CĐĐD	Điều dưỡng đa khoa	0023537/BYT- CCHN	22/10/2014	48	QĐ 41/2005	Điều dưỡng	ĐD CD	5	15
24	Nội tim mạch	Trương Thị Thanh Nhân	ĐDTH	Điều dưỡng đa khoa	0023535/BYT- CCHN	22/10/2014	48	QĐ 41/2005	Điều dưỡng	ĐD TH	5	15

TT	Trung tâm /khoa/phòng	Họ và tên	Học hàm, học vị	Chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề				Môn học	Dự kiến đào tạo	Số giường dự kiến	Số lượng HS/SV tối đa có thể nhận
					Số CCHN	Ngày cấp	Thời gian hành nghề sau cấp (tháng)	Phạm vi hành nghề				
25	Nội tim mạch	Võ Thị Cẩm Hà	ĐDTH	Điều dưỡng đa khoa	0023534/BYT-CCHN	22/10/2014	48	QĐ 41/2005	Điều dưỡng	ĐD TH	5	15
26	Nội tim mạch	Hoàng Thị Ngọc Bích	ĐDTH	Điều dưỡng đa khoa	0023538/BYT-CCHN	22/10/2014	48	QĐ 41/2005	Điều dưỡng	ĐD TH	5	15
27	Nội tim mạch	Bùi Thanh Phong	ĐDTH	Điều dưỡng đa khoa	0023522/BYT-CCHN	22/10/2014	48	QĐ 41/2005	Điều dưỡng	ĐD TH	5	15
28	Nội tim mạch	Nguyễn Thị Hậu Phương	ĐDTH	Điều dưỡng đa khoa	0023521/BYT-CCHN	22/10/2014	48	QĐ 41/2005	Điều dưỡng	ĐD TH	5	15
29	Nội tim mạch	Hà Thị Thu Phương	ĐDTH	Điều dưỡng đa khoa	0025293/BYT-CCHN	31/12/2014	46	QĐ 41/2005	Điều dưỡng	ĐD TH	5	15
30	Nội tim mạch	Hoàng Thị Vân Anh	ĐDTH	Điều dưỡng đa khoa	034143/BYT-CCHN	08/06/2017	16	QĐ 41/2005	Điều dưỡng	ĐD TH	5	15
31	Nội tim mạch	Võ Thị Hà Thanh	ĐDTH	Điều dưỡng đa khoa	034177/BYT-CCHN	08/06/2017	16	QĐ 41/2005	Điều dưỡng	ĐD TH	5	15

BẢN CÔNG BỐ

Đáp ứng yêu cầu là cơ sở thực hành trong đào tạo khối ngành Nội khoa

KHOA THẬN NHÂN TẠO

Căn cứ vào Nghị định số 111/2017/NĐ-CP ngày 05 tháng 10 năm 2017 của Chính phủ quy định về tổ chức đào tạo thực hành trong đào tạo khối ngành sức khỏe, **Khoa Thận nhân tạo** công bố đã đáp ứng yêu cầu để tổ chức đào tạo thực hành theo quy định với các nội dung sau đây:

I. ĐIỀU KIỆN CHUNG

- 1. Phạm vi hoạt động chuyên môn:** Khám chữa bệnh tuyến I các chuyên khoa:
 - Nội chung
 - Nội thận
- 2. Cơ sở vật chất, trang thiết bị**
 - Tổng số giường bệnh: **30**
 - Phòng học: 01, phòng giao ban khoa: 01, phòng trực: 02, phòng hành chính: 01, phòng bệnh:
- 3. Nhân lực đủ điều kiện tham gia giảng dạy thực hành**
 - Tổng số: **9** (có danh sách kèm theo)
 - Phân chia theo chức danh:

TT	Chức danh	Số lượng	Chuyên ngành/Phạm vi hoạt động chuyên môn	Ghi chú
1	BSCKII	02	Nội thận	
2	Thạc sĩ bác sĩ	01	Nội thận	
3	BSCKI	01	Nội thận	
4	CKI. Điều dưỡng	01	Điều dưỡng	
5	Cử nhân điều dưỡng	01	Điều dưỡng	
	Điều dưỡng trung học	03	Điều dưỡng	
Tổng số		9		

PHÊ DUYỆT
GIÁM ĐỐC

GS.TS. **Phạm Như Hiệp**

TRƯỞNG KHOA


BSCKII. **Nguyễn Đình Vũ**

20

*** Phụ lục: Danh sách tham gia giảng dạy thực hành của khoa Thận nhân tạo**

TT	Trung tâm /khoa/phòng	Họ và tên	Học hàm, học vị	Chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề				Môn học	Dự kiến đào tạo	Số giường dự kiến	Số lượng HS/SV tối đa có thể nhận
					Số CCHN	Ngày cấp	Thời gian hành nghề sau cấp (tháng)	Phạm vi hành nghề				
1	Thận nhân tạo	Nguyễn Đình Vũ	BSCCKII	Nội khoa, thận nhân tạo	005020/B YT-CCHN	22/05/2013	67	Nội thận, thận nhân tạo, ghép thận	Nội khoa, thận nhân tạo	SĐH Nội khoa, ĐHY ĐK	2	6
2	Thận nhân tạo	Đặng Ngọc Tuấn Anh	ThS. BS	Nội khoa, thận nhân tạo	005021/B YT-CCHN	22/05/2013	67	Nội thận-cơ xương khớp, thận nhân tạo, ghép tạng	Nội khoa, thận nhân tạo	SĐH Nội khoa, ĐHY ĐK	2	6
3	Thận nhân tạo	Trần Duy Phúc	BSCKI	Nội khoa, thận nhân tạo	005023/B YT-CCHN	22/05/2013	67	Nội thận, thận nhân tạo	Nội khoa, thận nhân tạo	ĐHY ĐK	3	9
4	Thận nhân tạo	Đinh Thị Hoài Ngọc	ĐDCKI	Nội khoa	0023335/B YT-CCHN	22/10/2014	50	Nội thận, thận nhân tạo	Điều dưỡng	ĐD CKI	2	6
5	Thận nhân tạo	Nguyễn Thị Mai Trâm	CNDD	Điều dưỡng đa khoa	023348/B YT-CCHN	22/10/2014	50	Thực hiện theo QĐ số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	Điều dưỡng	ĐD CĐ	5	15
6	Thận nhân tạo	Dương Đình Nho	ĐDTH	Nội khoa, thận nhân tạo	023346/B YT-CCHN	22/10/2014	50	Thận nhân tạo	Điều dưỡng	ĐD TH	5	15
7	Thận nhân tạo	Huỳnh Văn Hùng	ĐDTH	Nội khoa	023353/B YT-CCHN	22/10/2014	50	Thận nhân tạo	Điều dưỡng	ĐD TH	5	15
8	Thận nhân tạo	Nguyễn Thị Thu Hoài	ĐDTH	Nội khoa	023351/B YT-CCHN	22/10/2014	50	Thận nhân tạo	Điều dưỡng	ĐD TH	5	15

BẢN CÔNG BỐ

Đáp ứng yêu cầu là cơ sở thực hành trong đào tạo khối ngành Đột quy

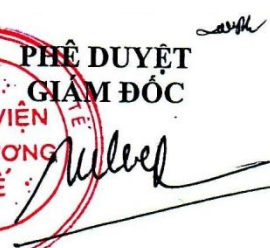
KHOA ĐỘT QUY

Căn cứ vào Nghị định số 111/2017/NĐ-CP ngày 05 tháng 10 năm 2017 của Chính phủ quy định về tổ chức đào tạo thực hành trong đào tạo khối ngành sức khỏe, **Khoa Đột quy** công bố đã đáp ứng yêu cầu để tổ chức đào tạo thực hành theo quy định với các nội dung sau đây:

I. ĐIỀU KIỆN CHUNG

- Phạm vi hoạt động chuyên môn:** Khám chữa bệnh tuyến I các chuyên khoa:
 - Nội khoa
 - Đột quy và bệnh lý mạch máu não
 - Can thiệp mạch não
 - Hồi sức trong đột quy
- Cơ sở vật chất, trang thiết bị**
 - Tổng số giường bệnh: 55
 - Phòng giao ban khoa: 01, phòng trực: 02, phòng hành chính: 01, phòng bệnh: 04
 - Số thiết bị: Máy thở: 05, Monitor: 04, Bơm tiêm điện: 10, Máy đo điện tim: 01
- Nhân lực đủ điều kiện tham gia giảng dạy thực hành**
 - Tổng số: **21** (có danh sách kèm theo)
 - Phân chia theo chức danh:

TT	Chức danh	Số lượng	Chuyên ngành/Phạm vi hoạt động chuyên môn
1	TSBS	01	Nội tổng quát, can thiệp mạch máu não và đột quy
2	BSCK II	03	- 01 Nội tổng quát + đo điện cơ + đột quy - 01 Hồi sức tích cực + Can thiệp mạch máu não và đột quy - 01 Gây mê hồi sức, hồi sức tim mạch và hồi sức đột quy
3	BSCK I	01	Gây mê hồi sức và hồi sức đột quy
4	ThS.BS nội trú	03	Nội tổng quát, Can thiệp mạch máu não và đột quy
5	ĐDCKI	01	Điều dưỡng
6	Cử nhân điều dưỡng	04	Điều dưỡng
7	CD/TH điều dưỡng	08	Điều dưỡng
Tổng số		21	


PHÊ DUYỆT
GIÁM ĐỐC

GS.TS. Phạm Như Hiệp

P. TRƯỞNG KHOA


B.S. Nguyễn Đăng Hoàn

*** Phụ lục: Danh sách tham gia giảng dạy thực hành của khoa Đột quy**

TT	Trung tâm /khoa/phòng	Họ và tên	Học hàm, học vị	Chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề				Môn học	Dự kiến đào tạo	Số giường dự kiến	Số lượng HS/SV tối đa có thể nhận
					Số CCHN	Ngày cấp	Thời gian hành nghề sau cấp (tháng)	Phạm vi hành nghề				
1	Đột quy	Tôn Thất Trí Dũng	TS. BS	Nội khoa, can thiệp mạch não	008748/BYT-CCHN	01/04/2013	69	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nội tổng hợp	Nội khoa, can thiệp mạch não	SDH Nội khoa, ĐHY ĐK	2	6
2	Đột quy	Dương Đăng Hóa	BSCKII	Gây mê hồi sức	003108/BYT-CCHN	21/01/2013	71	Gây mê hồi sức	Gây mê hồi sức	SDH GMHS, ĐHY ĐK	2	6
3	Đột quy	Cao Văn Minh	BSCKII	Nội Nội tiết	002856/BYT-CCHN	22/10/2014	50	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nội tổng hợp	Nội khoa, Nội Nội tiết	SDH Nội Nội tiết, Nội khoa, ĐHY ĐK	2	6
4	Đột quy	Phan Mai Quốc Thanh	BSCKII	HSCC, + tiêu sợi huyết+ can thiệp nội mạch não	0023775/BYT-CCHN	10/11/2014	49	Khám chữa bệnh chuyên khoa HSCC	Hồi sức cấp cứu, Nội khoa	SDH HSCC, ĐHY ĐK	2	6
5	Đột quy	Nguyễn Viết Quý	ThS.BS nội trú	Nội khoa	038181/BYT-CCHN	22/10/2014	50	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nội tổng hợp	Nội khoa	SDH Nội khoa, ĐHY ĐK	2	6
6	Đột quy	Lê Vũ Huỳnh	ThS.BS nội trú	Nội khoa + chụp mạch máu não	026311/BYT-CCHN	22/10/2014	50	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nội tổng hợp	Nội khoa, chụp mạch máu não	SDH Nội khoa, ĐHY ĐK	2	6

TT	Trung tâm /khoa/phòng	Họ và tên	Học hàm, học vị	Chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề				Môn học	Dự kiến đào tạo	Số giường dự kiến	Số lượng HS/SV tối đa có thể nhận
					Số CCHN	Ngày cấp	Thời gian hành nghề sau cấp (tháng)	Phạm vi hành nghề				
7	Đột quỵ	Huỳnh An Thiên	ThS.BS nội trú	Nội khoa	0026310/BYT- CCHN	01/06/2015	42	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nội tổng hợp	Nội khoa	SDH Nội khoa, ĐHY ĐK	2	6
8	Đột quỵ	Nguyễn Thành Được	BSCKI	Gây mê hồi sức	031101/BYT- CCHN	08/12/2016	24	Gây mê hồi sức	Gây mê hồi sức	ĐHY ĐK	3	9
9	Đột quỵ	Nguyễn Thị Ngọc Trân	ĐDCKI	Điều dưỡng đa khoa	0025296/BYT- CCHN	31/12/2014	47	Thực hiện theo QĐ số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	Điều dưỡng	ĐD CKI	2	6
10	Đột quỵ	Châu Thị Thu Hà	CNDD	Điều dưỡng đa khoa	0007517/BYT- CCHN	26/09/2013	63	Thực hiện theo QĐ số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	Điều dưỡng	ĐD ĐH	3	9
11	Đột quỵ	Nguyễn Thị Ánh Duyên	CNDD	Điều dưỡng đa khoa	0025204/BYT- CCHN	31/12/2014	47	Thực hiện theo QĐ số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	Điều dưỡng	ĐD ĐH	3	9
12	Đột quỵ	Trần Thị Xuân Phương	CNDD	Y sĩ chuyển đổi	0024861/BYT- CCHN	17/11/2014	49	Thực hiện theo QĐ số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	Điều dưỡng	ĐD ĐH	3	9

TT	Trung tâm /khoa/phòng	Họ và tên	Học hàm, học vị	Chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề				Môn học	Dự kiến đào tạo	Số giường dự kiến	Số lượng HS/SV tối đa có thể nhận
					Số CCHN	Ngày cấp	Thời gian hành nghề sau cấp (tháng)	Phạm vi hành nghề				
13	Đột quy	Trần Thị Thu Thảo	CĐDD	Điều dưỡng đa khoa	0023767/BYT-CCHN	10/11/2014	49	Thực hiện theo QĐ số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	Điều dưỡng	ĐD CĐ	5	15
14	Đột quy	Hoàng Thị Ánh Nguyệt	ĐDTH	Điều dưỡng đa khoa	0026268/BYT-CCHN	11/05/2015	43	Thực hiện theo QĐ số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	Điều dưỡng	ĐD TH	22	66
15	Đột quy	Trần Thị Minh Tân	ĐDTH		0026276/BYT-CCHN	11/05/2015	43	Thực hiện theo QĐ số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	Điều dưỡng	ĐD TH		
16	Đột quy	Nguyễn Thị Thanh Trâm	ĐDTH	Điều dưỡng đa khoa	003780/BYT-CCHN	26/10/2017	14	Thực hiện Thông tư số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015	Điều dưỡng	ĐD TH		
17	Đột quy	Đoàn Quốc Hoài Phương	ĐDTH	Điều dưỡng đa khoa	003705/TTH-CCHN	20/09/2017	15	Thực hiện Thông tư số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015	Điều dưỡng	ĐD TH		
18	Đột quy	Cao Thị Quỳnh Trang	ĐDTH	Điều dưỡng đa khoa	003732/TTH-CCHN	20/09/2017	15	Thực hiện Thông tư số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015	Điều dưỡng	ĐD TH		

BẢN CÔNG BỐ

Đáp ứng yêu cầu là cơ sở thực hành trong đào tạo ngành Ngoại khoa

KHOA NGOẠI TỔNG HỢP

Căn cứ Nghị định số 111/2017/NĐ-CP ngày 05 tháng 10 năm 2017 của Chính phủ quy định về tổ chức đào tạo thực hành trong đào tạo khối ngành sức khỏe, Khoa **Ngoại Tổng hợp** công bố đáp ứng yêu cầu để tổ chức đào tạo thực hành theo quy định với các nội dung sau đây:

I. ĐIỀU KIỆN CHUNG

1. Phạm vi hoạt động chuyên môn: Khám chữa bệnh Tuyến 1, các chuyên khoa:

- Ngoại khoa chung
- Ngoại Tiết niệu
- Ngoại Tiêu hóa
- Ngoại Chấn thương - Chỉnh hình

2. Cơ sở vật chất, trang thiết bị:

- Tổng số giường bệnh: **66**
- Số thiết bị: 1 máy đo niệu động đồ
- Phòng: 01 phòng học, 01 phòng giao ban khoa, 2 phòng trực, 01 phòng Hành chính, 16 phòng bệnh.

3. Nhân lực đủ điều kiện tham gia giảng dạy thực hành:

- Tổng số: **18** (có danh sách kèm theo)
- Phân chia theo chức danh:

TT	Chức danh	Số lượng	Chuyên ngành/Phạm vi hoạt động chuyên môn	Ghi chú
1.	TS.BS	3	1 TS Ngoại tiết niệu, 2 TS Ngoại tiêu hóa	
2.	BSCCKII	1	1 CK II chấn thương chỉnh hình	
3.	ThS.BS	3	Ngoại chung	
4.	Điều dưỡng CKI	1	Điều dưỡng	
5.	Cử nhân Điều dưỡng	8	Điều dưỡng	
6.	Điều dưỡng Trung học	2	Điều dưỡng	
Tổng số		18		


PHÊ DUYỆT
GIÁM ĐỐC

GS.TS. Phạm Như Hiệp

TRƯỞNG KHOA


TS.BS. Trần Ngọc Khánh

*** Phụ lục: Danh sách tham gia giảng dạy thực hành của khoa Ngoại Tổng hợp**

TT	Trung tâm /khoa/phòng	Họ và tên	Học hàm, học vị	Chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề				Môn học	Dự kiến đào tạo	Số giường dự kiến	Số lượng HS/SV tối đa có thể nhận
					Số CCHN	Ngày cấp	Thời gian hành nghề sau cấp (tháng)	Phạm vi hành nghề				
1	Ngoại tổng hợp	Trần Ngọc Khánh	TS. BS	Ngoại tiết niệu	002520/BYT-CCHN	28/12/2012	72	Ngoại tiết niệu	Ngoại tiết niệu, Ngoại khoa	SĐH Ngoại Tiết niệu, Ngoại khoa, ĐHY ĐK	2	6
2	Ngoại tổng hợp	Lê Quốc Phong	TS. BS	Ngoại tiêu hóa	003092/BYT-CCHN	21/01/2013	70	Ngoại tiêu hóa	Ngoại tiêu hóa, Ngoại khoa	SĐH Ngoại tiêu hóa, Ngoại khoa, ĐHY ĐK	2	6
3	Ngoại tổng hợp	Lê Lương Vinh	ThS. BS	Ngoại tiết niệu	002521/BYT-CCHN	28/12/2012	72	Ngoại tiết niệu	Ngoại tiết niệu	SĐH Ngoại Tiết niệu, Ngoại khoa, ĐHY ĐK	2	6
4	Ngoại tổng hợp	Nguyễn Văn Lượng	TS. BS	Ngoại tiêu hóa	034157/BYT-CCHN	8/06/2017	18	Ngoại tiêu hóa	Ngoại tiêu hóa, Ngoại khoa	ĐHY ĐK	10	30
5	Ngoại tổng hợp	Nguyễn Nhật Quang	ThS. BS	Ngoại tiêu hóa	002519/BYT-CCHN	28/12/2012	72	Ngoại tiêu hóa	Ngoại tiêu hóa, Ngoại khoa	ĐHY ĐK		
6	Ngoại tổng hợp	Ngô Thanh Liêm	ThS. BS	Ngoại tiết niệu	0007408/BYT-CCHN	23/09/2013	63	Ngoại tiết niệu	Ngoại tiết niệu, Ngoại khoa	ĐHY ĐK		
7	Ngoại tổng hợp	Hồ Gia Thịnh	BSCKII	Ngoại chấn thương	002522/BYT-CCHN	28/12/2014	48	Ngoại chấn thương	Ngoại Chấn thương chỉnh hình, Ngoại khoa	SĐH Ngoại Chấn thương chỉnh hình, Ngoại khoa, ĐHY ĐK	2	6

TT	Trung tâm /khoa/phòng	Họ và tên	Học hàm, học vị	Chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề				Môn học	Dự kiến đào tạo	Số giường dự kiến	Số lượng HS/SV tối đa có thể nhận
					Số CCHN	Ngày cấp	Thời gian hành nghề sau cấp (tháng)	Phạm vi hành nghề				
8	Ngoại tổng hợp	Đào Lê Minh Châu	ĐDCKI	Điều dưỡng đa khoa	0024925BYT-CCHN	17/11/2014	49	Điều dưỡng	Điều dưỡng	ĐD CKI	2	6
9	Ngoại tổng hợp	Lê Thị Thu Sương	CNDD	Điều dưỡng đa khoa	0023883/BYT-CCHN	11/10/2014	50	Thực hiện theo QĐ số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	Điều dưỡng	ĐD ĐH	10	30
10	Ngoại tổng hợp	Nguyễn Thị Kim Đào	CNDD	Điều dưỡng đa khoa	0023496/BYT-CCHN	22/10/2014	50	Thực hiện theo QĐ số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	Điều dưỡng	ĐD ĐH		
11	Ngoại tổng hợp	Lê Thị Hoàng Thảo	CNDD	Điều dưỡng đa khoa	0023495/BYT-CCHN	22/10/2014	50	Thực hiện theo QĐ số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	Điều dưỡng	ĐD ĐH		
12	Ngoại tổng hợp	Võ Thị Na	CNDD	Điều dưỡng đa khoa	0023892/BYT-CCHN	11/10/2014	50	Thực hiện theo QĐ số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	Điều dưỡng	ĐD ĐH	5	15
13	Ngoại tổng hợp	Nguyễn Thụy Lan Hương	CNDD	Điều dưỡng đa khoa	0024926/BYT-CCHN	17/11/2014	49	Thực hiện theo QĐ số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	Điều dưỡng	ĐD CĐ	5	15

TT	Trung tâm /khoa/phòng	Họ và tên	Học hàm, học vị	Chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề				Môn học	Dự kiến đào tạo	Số giường dự kiến	Số lượng HS/SV tối đa có thể nhận
					Số CCHN	Ngày cấp	Thời gian hành nghề sau cấp (tháng)	Phạm vi hành nghề				
14	Ngoại tổng hợp	Lê Thị Phương Đông	CNDD	Điều dưỡng đa khoa	0024964/BYT-CCHN	17/11/2014	49	Thực hiện theo QĐ số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	Điều dưỡng	ĐD CD	5	15
15	Ngoại tổng hợp	Hoàng Thị Mỹ Xuân	CNDD	Điều dưỡng đa khoa	0024993/BYT-CCHN	17/11/2014	49	Thực hiện theo QĐ số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	Điều dưỡng	ĐD CD	5	15
16	Ngoại tổng hợp	Đặng Thị Tổ Nga	CNDD	Điều dưỡng đa khoa	0025272/BYT-CCHN	31/12/2014	47	Thực hiện theo QĐ số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	Điều dưỡng	ĐD CD	5	15
17	Ngoại tổng hợp	Nguyễn Thị Hương	ĐDTH	Điều dưỡng đa khoa	0024947/BYT-CCHN	17/11/2014	49	Điều dưỡng	Điều dưỡng	ĐD TH	5	15
18	Ngoại tổng hợp	Lê Hoàng Thị Trúc Phương	ĐDTH	Điều dưỡng đa khoa	0024995/BYT-CCHN	17/11/2014	49	Điều dưỡng	Điều dưỡng	ĐD TH	5	15

BẢN CÔNG BỐ

Đáp ứng yêu cầu là cơ sở thực hành trong đào tạo ngành Ngoại Thận – Tiết niệu

KHOA NGOẠI THẬN – TIẾT NIỆU

Căn cứ Nghị định số 111/2017/NĐ-CP ngày 05 tháng 10 năm 2017 của Chính phủ quy định về tổ chức đào tạo thực hành trong đào tạo khối ngành sức khỏe, Khoa **Ngoại Thận – Tiết niệu** công bố đã đáp ứng yêu cầu để tổ chức đào tạo thực hành theo quy định với các nội dung sau đây:

I. ĐIỀU KIỆN CHUNG

1. Phạm vi hoạt động chuyên môn: Khám chữa bệnh Tuyến 1, các chuyên khoa:

- Ngoại Thận – Tiết niệu
- Nam khoa
- Ngoại chung

2. Cơ sở vật chất, trang thiết bị:

- Tổng số giường bệnh: **70**
- Số thiết bị: máy đo niệu động học, hệ thống nội soi bàng quang chẩn đoán.
- Phòng: 01 phòng học và giao ban khoa, 02 phòng trực, 01 phòng thủ thuật, 01 phòng Hành chính và 14 phòng bệnh.

3. Nhân lực đủ điều kiện tham gia giảng dạy thực hành:

- Tổng số: **21** (có danh sách kèm theo)
- Phân chia theo chức danh:

TT	Chức danh	Số lượng	Chuyên ngành/Phạm vi hoạt động chuyên môn	Ghi chú
1.	TS.BS	2	Ngoại Thận – Tiết niệu	
2.	BSCCKII	1	Ngoại Thận – Tiết niệu	
3.	Ths.BS	2	Ngoại chung	
4.	Cử nhân Điều dưỡng	10	Điều dưỡng	
5.	Cao đẳng Điều dưỡng	6	Điều dưỡng	
Tổng số		21		



GS.TS. Phạm Như Hiệp

TRƯỞNG KHOA

(Signature)
TSBS. Phạm Ngọc Hùng

*** Phụ lục: Danh sách tham gia giảng dạy thực hành của khoa Ngoại Thận - Tiết niệu**

TT	Trung tâm /khoa/phòng	Họ và tên	Học hàm, học vị	Chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề				Môn học	Dự kiến đào tạo	Số giường dự kiến	Số lượng HS/SV tối đa có thể nhận
					Số CCHN	Ngày cấp	Thời gian hành nghề sau cấp (tháng)	Phạm vi hành nghề				
1	Ngoại thận - Tiết niệu	Phạm Ngọc Hùng	TS. BS	Tiết Niệu	003115/BYT-CCHN	28/12/2012	72	Ngoại Tiết Niệu	Tiết Niệu	SDH Tiết niệu, ĐHY ĐK	2	6
2	Ngoại thận - Tiết niệu	Cao Xuân Thành	BSCCKII	Tiết Niệu	002844/BYT-CCHN	04/01/2013	71	Ngoại Tiết Niệu	Tiết Niệu	SDH Tiết niệu, ĐHY ĐK	2	6
3	Ngoại thận - Tiết niệu	Trương Văn Cẩn	ThS. BS	Tiết Niệu	002847/BYT-CCHN	04/01/2013	71	Ngoại Tiết Niệu	Tiết Niệu	SDH Tiết niệu, ĐHY ĐK	2	6
4	Ngoại thận - Tiết niệu	Phan Duy An	TS. BS	Tiết Niệu	030291/BYT-CCHN	08/06/2017	18	Ngoại Tiết Niệu	Tiết Niệu	CĐ, TH	5	15
5	Ngoại thận - Tiết niệu	Nguyễn Kim Tuấn	ThS. BS	Tiết Niệu	034120/BYT-CCHN	08/06/2017	18	Ngoại Tiết Niệu	Tiết Niệu	CĐ, TH	5	15
6	Ngoại thận - Tiết niệu	Nguyễn Thị Lan	CNĐD	Điều dưỡng đa khoa	023476/BYT-CCHN	22/10/2014	50	Thực hiện theo QĐ số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	Điều dưỡng	ĐD ĐH	3	9
7	Ngoại thận - Tiết niệu	Trần Thị Bích Hạnh	CNĐD	Điều dưỡng đa khoa	0023516/BYT-CCHN	22/10/2014	50	Thực hiện theo QĐ số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	Điều dưỡng	ĐD ĐH	3	9
8	Ngoại thận - Tiết niệu	Nguyễn Thị Hà	CNĐD	Điều dưỡng đa khoa	0023512/BYT-CCHN	22/10/2014	50	Thực hiện theo QĐ số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	Điều dưỡng	ĐD ĐH	3	9

TT	Trung tâm /khoa/phòng	Họ và tên	Học hàm, học vị	Chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề				Môn học	Dự kiến đào tạo	Số giường dự kiến	Số lượng HS/SV tối đa có thể nhận
					Số CCHN	Ngày cấp	Thời gian hành nghề sau cấp (tháng)	Phạm vi hành nghề				
9	Ngoại thận - Tiết niệu	Trần Ngọc Thúy Hiền	CNDD	Điều dưỡng đa khoa	0023514/BYT- CCHN	22/10/2014	50	Thực hiện theo QĐ số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	Điều dưỡng	ĐD ĐH	3	9
10	Ngoại thận - Tiết niệu	Trần Thị Liên	CNDD	Điều dưỡng đa khoa	0023513/BYT- CCHN	22/10/2014	50	Thực hiện theo QĐ số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	Điều dưỡng	ĐD ĐH	3	9
11	Ngoại thận - Tiết niệu	Từ Thị Hồng Thắm	CNDD	Điều dưỡng đa khoa	0023515/BYT- CCHN	22/10/2014	50	Thực hiện theo QĐ số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	Điều dưỡng	ĐD ĐH	3	9
12	Ngoại thận - Tiết niệu	Nguyễn Thị Di Hiền	CNDD	Điều dưỡng đa khoa	0023519/BYT- CCHN	22/10/2014	50	Thực hiện theo QĐ số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	Điều dưỡng	ĐD ĐH	3	9
13	Ngoại thận - Tiết niệu	Lê Thị Huyền	CNDD	Điều dưỡng đa khoa	0025232/BYT- CCHN	31/12/2014	47	Thực hiện theo QĐ số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	Điều dưỡng	ĐD ĐH	3	9
14	Ngoại thận - Tiết niệu	Lê Thị Minh Thu	CNDD	Điều dưỡng đa khoa	0025289/BYT- CCHN	31/12/2014	47	Thực hiện theo QĐ số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	Điều dưỡng	ĐD ĐH	3	9

TT	Trung tâm /khoa/phòng	Họ và tên	Học hàm, học vị	Chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề				Môn học	Dự kiến đào tạo	Số giường dự kiến	Số lượng HS/SV tối đa có thể nhận
					Số CCHN	Ngày cấp	Thời gian hành nghề sau cấp (tháng)	Phạm vi hành nghề				
15	Ngoại thận - Tiết niệu	Phùng Thị Thúy	CNĐD	Điều dưỡng đa khoa	0025231/BYT- CCHN	31/12/2014	47	Thực hiện theo QĐ số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	Điều dưỡng	ĐD ĐH	3	9
16	Ngoại thận - Tiết niệu	Đoàn Thị Thu Diễm	ĐDCĐ	Điều dưỡng đa khoa	0023517/BYT- CCHN	22/10/2014	50	Điều dưỡng	Điều dưỡng	ĐD CĐ	4	12
17	Ngoại thận - Tiết niệu	Lê Thị Ngọc Mai	ĐDCĐ	Điều dưỡng đa khoa	0023518/BYT- CCHN	22/10/2014	50	Điều dưỡng	Điều dưỡng	ĐD CĐ	4	12
18	Ngoại thận - Tiết niệu	Nguyễn Thị Ngọc Lê	ĐDCĐ	Điều dưỡng đa khoa	0024967/BYT- CCHN	17/11/2014	49	Điều dưỡng	Điều dưỡng	ĐD CĐ	4	12
19	Ngoại thận - Tiết niệu	Nguyễn Thị Hạnh Trang	ĐDCĐ	Điều dưỡng đa khoa	0025230/BYT- CCHN	31/12/2014	47	Điều dưỡng	Điều dưỡng	ĐD CĐ	4	12
20	Ngoại thận - Tiết niệu	Trần Thị Kim Nga	ĐDCĐ	Điều dưỡng đa khoa	0025162/BYT- CCHN	31/12/2014	47	Điều dưỡng	Điều dưỡng	ĐD CĐ	4	12
21	Ngoại thận - Tiết niệu	Lê Nguyễn Thanh Trâm	ĐDCĐ	Điều dưỡng đa khoa	034160/BYT- CCHN	08/06/2017	18	Điều dưỡng	Điều dưỡng	ĐD CĐ	4	12

Huế, ngày 24 tháng 12 năm 2018

BẢN CÔNG BỐ

Đáp ứng yêu cầu là cơ sở thực hành trong đào tạo ngành Ngoại Tiêu hóa

KHOA NGOẠI TIÊU HÓA

Căn cứ Nghị định số 111/2017/NĐ-CP ngày 05 tháng 10 năm 2017 của Chính phủ quy định về tổ chức đào tạo thực hành trong đào tạo khối ngành sức khỏe, Khoa **Ngoại Tiêu hóa** công bố đã đáp ứng yêu cầu để tổ chức đào tạo thực hành theo quy định với các nội dung sau đây:

I. ĐIỀU KIỆN CHUNG

1. Phạm vi hoạt động chuyên môn: Khám chữa bệnh Tuyến 1, các chuyên khoa:

- Ngoại Tiêu hóa
- Ngoại chung

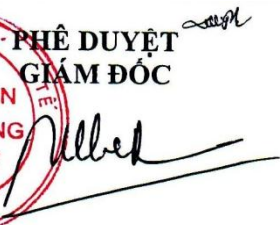
2. Cơ sở vật chất, trang thiết bị:

- Tổng số giường bệnh: 72
- Phòng: 01 phòng học và 01 phòng giao ban khoa, 01 phòng trực, 01 phòng khám, 01 phòng Hành chính và 19 phòng bệnh.

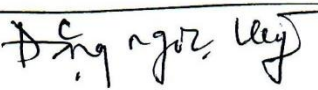
3. Nhân lực đủ điều kiện tham gia giảng dạy thực hành:

- Tổng số: 23 (có danh sách kèm theo)
- Phân chia theo chức danh:

TT	Chức danh	Số lượng	Chuyên ngành/Phạm vi hoạt động chuyên môn	Ghi chú
1.	TS.BS	2	Ngoại Tiêu hóa	
2.	ThS.BS	2	Ngoại Tiêu hóa	
3.	Cử nhân Điều dưỡng	10	Điều dưỡng	
4.	Cao đẳng/TH Điều dưỡng	9	Điều dưỡng	
Tổng số		23		


PHÊ DUYỆT
GIÁM ĐỐC

GS.TS. Phạm Như Hiệp

TRƯỞNG KHOA

30

*** Phụ lục: Danh sách tham gia giảng dạy thực hành của khoa Ngoại Tiêu hóa**

TT	Trung tâm /khoa/phòng	Họ và tên	Học hàm, học vị	Chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề				Môn học	Dự kiến đào tạo	Số giường dự kiến	Số lượng HS/SV tối đa có thể nhận
					Số CCHN	Ngày cấp	Thời gian hành nghề sau cấp (tháng)	Phạm vi hành nghề				
1	Ngoại tiêu hóa	Đặng Ngọc Hùng	TS. BS	Ngoại Tiêu hóa Gan mật	003090/BYT-CCHN	21/01/2013	71	Ngoại Tiêu hóa Gan mật	Ngoại Tiêu hóa Gan mật, Ngoại khoa	SDH Ngoại Tiêu hóa Gan mật, Ngoại khoa, ĐHY ĐK	2	6
2	Ngoại tiêu hóa	Hồ Văn Linh	TS. BS	Ngoại Tiêu hóa Gan mật	003093/BYT-CCHN	21/01/2013	71	Ngoại Tiêu hóa Gan mật	Ngoại Tiêu hóa Gan mật, Ngoại khoa	SDH Ngoại Tiêu hóa Gan mật, Ngoại khoa, ĐHY ĐK	2	6
3	Ngoại tiêu hóa	Hoàng Trọng Nhật Phương	ThS. BS	Ngoại Tiêu hóa Gan mật	003091/BYT-CCHN	21/01/2013	71	Ngoại Tiêu hóa Gan mật	Ngoại Tiêu hóa Gan mật, Ngoại khoa	SDH Ngoại Tiêu hóa Gan mật, Ngoại khoa, ĐHY ĐK	2	6
4	Ngoại tiêu hóa	Trần Ngọc Thông	ThS. BS	Ngoại Tiêu hóa Gan mật	003094/BYT-CCHN	21/01/2013	71	Ngoại Tiêu hóa Gan mật	Ngoại Tiêu hóa Gan mật, Ngoại khoa	SDH Ngoại Tiêu hóa Gan mật, Ngoại khoa, ĐHY ĐK	2	6
5	Ngoại tiêu hóa	Nguyễn Thị Lan	CNDD	Điều dưỡng đa khoa	023476/BYT-CCHN	22/10/2014	50	Thực hiện theo QĐ số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	Điều dưỡng	ĐD ĐH	3	9
6	Ngoại tiêu hóa	Nguyễn Thị Nhân	CNDD	Điều dưỡng đa khoa	0024916/BYT-CCHN	17/04/2014	56	Thực hiện theo QĐ số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	Điều dưỡng	ĐD ĐH	3	9

TT	Trung tâm /khoa/phòng	Họ và tên	Học hàm, học vị	Chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề				Môn học	Dự kiến đào tạo	Số giường dự kiến	Số lượng HS/SV tối đa có thể nhận
					Số CCHN	Ngày cấp	Thời gian hành nghề sau cấp (tháng)	Phạm vi hành nghề				
7	Ngoại tiêu hóa	Lê Thị Hoàng Yến	CNDD	Điều dưỡng đa khoa	023474/B YT- CCHN	22/10/2014	50	Thực hiện theo QĐ số 41/2005/QĐ- BNV ngày 22/4/2005	Điều dưỡng	ĐD ĐH	3	9
8	Ngoại tiêu hóa	Mai Thị Ngân	CNDD	Điều dưỡng đa khoa	023473/B YT- CCHN	22/10/2014	50	Thực hiện theo QĐ số 41/2005/QĐ- BNV ngày 22/4/2005	Điều dưỡng	ĐD ĐH	3	9
9	Ngoại tiêu hóa	Phan Thị Ngọc Phương	CNDD	Điều dưỡng đa khoa	025223/B YT- CCHN	22/10/2014	50	Thực hiện theo QĐ số 41/2005/QĐ- BNV ngày 22/4/2005	Điều dưỡng	ĐD ĐH	3	9
10	Ngoại tiêu hóa	Trần Thị Bảo Ngọc	CNDD	Điều dưỡng đa khoa	023464/B YT- CCHN	22/10/2014	50	Thực hiện theo QĐ số 41/2005/QĐ- BNV ngày 22/4/2005	Điều dưỡng	ĐD ĐH	3	9
11	Ngoại tiêu hóa	Nguyễn Thị Bích Chương	CNDD	Điều dưỡng đa khoa	025224/B YT- CCHN	31/12/2014	47	Thực hiện theo QĐ số 41/2005/QĐ- BNV ngày 22/4/2005	Điều dưỡng	ĐD ĐH	3	9
12	Ngoại tiêu hóa	Hoàng Thị Minh Giải	CNDD	Điều dưỡng đa khoa	025265/B YT- CCHN	31/12/2014	47	Thực hiện theo QĐ số 41/2005/QĐ- BNV ngày 22/4/2005	Điều dưỡng	ĐD ĐH	3	9

TT	Trung tâm /khoa/phòng	Họ và tên	Học hàm, học vị	Chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề				Môn học	Dự kiến đào tạo	Số giường dự kiến	Số lượng HS/SV tối đa có thể nhận
					Số CCHN	Ngày cấp	Thời gian hành nghề sau cấp (tháng)	Phạm vi hành nghề				
13	Ngoại tiêu hóa	Hồ Thị Mai	CNDD	Điều dưỡng đa khoa	025264/B YT- CCHN	31/12/2014	47	Thực hiện theo QĐ số 41/2005/QĐ- BNV ngày 22/4/2005	Điều dưỡng	ĐD ĐH	3	9
14	Ngoại tiêu hóa	Nguyễn Thị Mỹ Ngọc	CNDD	Điều dưỡng đa khoa	0025226/ BYT- CCHN	31/12/2014	47	Thực hiện theo QĐ số 41/2005/QĐ- BNV ngày 22/4/2005	Điều dưỡng	ĐD ĐH	3	9
15	Ngoại tiêu hóa	Nguyễn Thị Cầm	ĐDTH	Điều dưỡng đa khoa	023466/B YT- CCHN	22/10/2014	50	Điều dưỡng	Điều dưỡng	ĐD TH	34	102
16	Ngoại tiêu hóa	Phan Trần Minh Phương	ĐDTH	Điều dưỡng đa khoa	023465/B YT- CCHN	22/10/2014	50	Điều dưỡng	Điều dưỡng	ĐD TH		
17	Ngoại tiêu hóa	Lê Thị Hoàng Mỹ	ĐDTH	Điều dưỡng đa khoa	023467/B YT- CCHN	22/10/2014	50	Điều dưỡng	Điều dưỡng	ĐD TH		
18	Ngoại tiêu hóa	Trần Thị Loan	ĐDTH	Điều dưỡng đa khoa	023472/B YT- CCHN	22/10/2014	50	Điều dưỡng	Điều dưỡng	ĐD TH		
19	Ngoại tiêu hóa	Huỳnh Thị Êm	ĐDTH	Điều dưỡng đa khoa	023471/B YT- CCHN	22/10/2014	50	Điều dưỡng	Điều dưỡng	ĐD TH		

TT	Trung tâm /khoa/phòng	Họ và tên	Học hàm, học vị	Chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề				Môn học	Dự kiến đào tạo	Số giường dự kiến	Số lượng HS/SV tối đa có thể nhận
					Số CCHN	Ngày cấp	Thời gian hành nghề sau cấp (tháng)	Phạm vi hành nghề				
20	Ngoại tiêu hóa	Nguyễn Thị Quỳnh Trâm	ĐDTH	Điều dưỡng đa khoa	023469/B YT- CCHN	22/10/2014	50	Điều dưỡng	Điều dưỡng	ĐD TH		
21	Ngoại tiêu hóa	Hồ Thị Hồng Loan	ĐDTH	Điều dưỡng đa khoa	023477/B YT- CCHN	22/10/2014	50	Điều dưỡng	Điều dưỡng	ĐD TH		
22	Ngoại tiêu hóa	Hoàng Thị Thủy Như	ĐDTH	Điều dưỡng đa khoa	0023470/ BYT- CCHN	22/10/2014	50	Điều dưỡng	Điều dưỡng	ĐD TH		
23	Ngoại tiêu hóa	Hoàng Thị Nhưng	ĐDTH	Điều dưỡng đa khoa	023468/B YT- CCHN	22/10/2014	50	Điều dưỡng	Điều dưỡng	ĐD TH		

Huế, ngày 24 tháng 12 năm 2018

BẢN CÔNG BỐ

Đáp ứng yêu cầu là cơ sở thực hành trong đào tạo ngành Ngoại tiêu hóa

KHOA NGOẠI NHI - CẤP CỨU BỤNG

Căn cứ Nghị định số 111/2017/NĐ-CP ngày 05 tháng 10 năm 2017 của Chính phủ quy định về tổ chức đào tạo thực hành trong đào tạo khối ngành sức khỏe, Khoa Ngoại Nhi - Cấp cứu Bụng công bố đã đáp ứng yêu cầu để tổ chức đào tạo thực hành theo quy định với nội dung sau:

I. ĐIỀU KIỆN CHUNG

1. Phạm vi hoạt động chuyên môn: Khám chữa bệnh Tuyến 1, các chuyên khoa:

- Ngoại tiêu hóa
- Ngoại chung

2. Cơ sở vật chất, trang thiết bị:

- Tổng số giường bệnh: 100
- Số thiết bị: Dụng cụ vật tư phẫu thuật, máy hút, monitor, bơm tiêm điện
- Phòng: 02 phòng học, 01 phòng giao ban khoa, 01 phòng trực, 01 phòng Hành chính, 14 phòng bệnh.

3. Nhân lực đủ điều kiện tham gia giảng dạy thực hành:

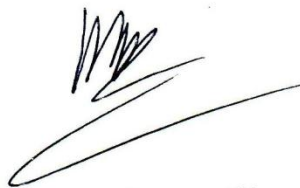
- Tổng số: **31** (có danh sách kèm theo)
- Phân chia theo chức danh:

TT	Chức danh	Số lượng	Chuyên ngành/Phạm vi hoạt động chuyên môn	Ghi chú
1.	GS.TS.BS	01	Ngoại tiêu hóa, Ngoại nhi	
2.	TS.BS	02	Ngoại tiêu hóa, Ngoại nhi	
3.	ThS.BS	06	Ngoại tiêu hóa, Ngoại nhi	
4.	BS	01	Ngoại tiêu hóa	
5.	ĐDCKI	01	Điều dưỡng	
6.	Cử nhân Điều dưỡng	11	Điều dưỡng	
7.	Điều dưỡng CD/Trung học	9	Điều dưỡng	
Tổng số		31		

PHÊ DUYỆT
GIÁM ĐỐC

GS.TS. Phạm Như Hiệp

P. TRƯỞNG KHOA


TS.BS. Hồ Hữu Thiện

*** Phụ lục: Danh sách tham gia giảng dạy thực hành của khoa Ngoại Nhi - Cấp cứu Bụng**

TT	Trung tâm /khoa/phòng	Họ và tên	Học hàm, học vị	Chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề				Môn học	Dự kiến đào tạo	Số giường dự kiến	Số lượng HS/SV tối đa có thể nhận
					Số CCHN	Ngày cấp	Thời gian hành nghề sau cấp (tháng)	Phạm vi hành nghề				
1	Ngoại Nhi Cấp cứu bụng	Phạm Như Hiệp	GS.TS.BS	Bác sĩ ngoại khoa	8747	21/10/2013	62	Ngoại tiêu hóa, ngoại nhi	Ngoại tiêu hóa, Ngoại khoa	SDH Ngoại tiêu hóa, Ngoại Nhi, Ngoại khoa, ĐHY ĐK	2	6
2	Ngoại Nhi Cấp cứu bụng	Hồ Hữu Thiện	TS. BS	Bác sĩ ngoại khoa	23494	22/10/2014	50	Ngoại tiêu hóa, ngoại nhi	Ngoại tiêu hóa, Ngoại khoa	SDH Ngoại tiêu hóa, Ngoại khoa, ĐHY ĐK	2	6
3	Ngoại Nhi Cấp cứu bụng	Phan Hải Thanh	TS. BS	Bác sĩ ngoại khoa	23484	23/10/2014	50	Ngoại tiêu hóa, ngoại nhi	Ngoại tiêu hóa, Ngoại khoa	SDH Ngoại tiêu hóa, Ngoại khoa, ĐHY ĐK	2	6
4	Ngoại Nhi Cấp cứu bụng	Nguyễn Thanh Xuân	ThS. BS	Bác sĩ ngoại khoa	23485	22/10/2014	50	Ngoại tiêu hóa, ngoại nhi	Ngoại tiêu hóa, Ngoại khoa	SDH Ngoại khoa, ĐHY ĐK	2	6
5	Ngoại Nhi Cấp cứu bụng	Phạm Xuân Đông	ThS. BS	Bác sĩ ngoại khoa	24953	17/11/2014	49	Ngoại tiêu hóa, ngoại nhi	Ngoại tiêu hóa, Ngoại khoa	SDH Ngoại khoa, ĐHY ĐK	2	6
6	Ngoại Nhi Cấp cứu bụng	Phạm Trung Vỹ	ThS. BS	Bác sĩ ngoại khoa	23486	22/10/2014	50	Ngoại tiêu hóa, ngoại nhi	Ngoại tiêu hóa, Ngoại khoa	SDH Ngoại khoa, ĐHY ĐK	2	6
7	Ngoại Nhi Cấp cứu bụng	Văn Tiến Nhân	ThS. BS	Bác sĩ ngoại khoa	10226	13/12/2013	60	Ngoại tiêu hóa, ngoại nhi	Ngoại tiêu hóa, Ngoại khoa	SDH Ngoại khoa, ĐHY ĐK	2	6

TT	Trung tâm /khoa/phòng	Họ và tên	Học hàm, học vị	Chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề				Môn học	Dự kiến đào tạo	Số giường dự kiến	Số lượng HS/SV tối đa có thể nhận
					Số CCHN	Ngày cấp	Thời gian hành nghề sau cấp (tháng)	Phạm vi hành nghề				
8	Ngoại Nhi Cấp cứu bụng	Trần Nghiêm Trung	ThS. BS	Bác sĩ ngoại khoa	34178	08/06/2017	18	Ngoại tiêu hóa, ngoại nhi	Ngoại tiêu hóa, Ngoại khoa	ĐHY ĐK	3	9
9	Ngoại Nhi Cấp cứu bụng	Mai Trung Hiếu	ThS. BS	Bác sĩ ngoại khoa	34158	08/06/2017	18	Ngoại tiêu hóa, ngoại nhi	Ngoại tiêu hóa, Ngoại khoa	ĐHY ĐK	3	9
10	Ngoại Nhi Cấp cứu bụng	Nguyễn Thị Hương	ĐDCKI	Điều dưỡng đa khoa	23891	10/11/2014	49	Ngoại tiêu hóa, ngoại nhi	Điều dưỡng	ĐD CKI	2	6
11	Ngoại Nhi Cấp cứu bụng	Đỗ Nữ Cẩm Linh	CNĐD	Điều dưỡng đa khoa	23475	22/10/2014	50	Thực hiện theo QĐ số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	Điều dưỡng	ĐD ĐH	3	9
12	Ngoại Nhi Cấp cứu bụng	Nguyễn Thị Mến	CNĐD	Điều dưỡng đa khoa	23492	22/10/2014	50	Thực hiện theo QĐ số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	Điều dưỡng	ĐD ĐH	3	9
13	Ngoại Nhi Cấp cứu bụng	Trần Thị Xuân Diệu	CNĐD	Điều dưỡng đa khoa	23489	22/10/2014	50	Thực hiện theo QĐ số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	Điều dưỡng	ĐD ĐH	3	9

TT	Trung tâm /khoa/phòng	Họ và tên	Học hàm, học vị	Chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề				Môn học	Dự kiến đào tạo	Số giường dự kiến	Số lượng HS/SV tối đa có thể nhận
					Số CCHN	Ngày cấp	Thời gian hành hành nghề sau cấp (tháng)	Phạm vi hành nghề				
14	Ngoại Nhi Cấp cứu bụng	Phạm Thị Hồng Nhớ	CNDD	Điều dưỡng đa khoa	23879	18/11/2014	49	Thực hiện theo QĐ số 41/2005/QĐ- BNV ngày 22/4/2005	Điều dưỡng	ĐD ĐH	3	9
15	Ngoại Nhi Cấp cứu bụng	Trần Thị Cát Tường	CNDD	Điều dưỡng đa khoa	25187	31/12/2014	47	Thực hiện theo QĐ số 41/2005/QĐ- BNV ngày 22/4/2005	Điều dưỡng	ĐD ĐH	3	9
16	Ngoại Nhi Cấp cứu bụng	Phạm Nhật Quỳnh	CNDD	Điều dưỡng đa khoa	25188	31/12/2014	47	Thực hiện theo QĐ số 41/2005/QĐ- BNV ngày 22/4/2005	Điều dưỡng	ĐD ĐH	3	9
17	Ngoại Nhi Cấp cứu bụng	Phan Thị Tường Ny	CNDD	Điều dưỡng đa khoa	3415	16/01/2017	23	Thực hiện theo QĐ số 41/2005/QĐ- BNV ngày 22/4/2005	Điều dưỡng	ĐD CĐ	5	15
18	Ngoại Nhi Cấp cứu bụng	Võ Hoàng Hoài Thanh	CNDD	Điều dưỡng đa khoa	34022	08/06/2017	18	Thực hiện theo QĐ số 41/2005/QĐ- BNV ngày 22/4/2005	Điều dưỡng	ĐD CĐ	5	15
19	Ngoại Nhi Cấp cứu bụng	Trần Thị Thùy Dương	CNDD	Điều dưỡng đa khoa	33923	08/06/2017	18	Thực hiện theo QĐ số 41/2005/QĐ- BNV ngày 22/4/2005	Điều dưỡng	ĐD CĐ	5	15

TT	Trung tâm /khoa/phòng	Họ và tên	Học hàm, học vị	Chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề				Môn học	Dự kiến đào tạo	Số giường dự kiến	Số lượng HS/SV tối đa có thể nhận
					Số CCHN	Ngày cấp	Thời gian hành nghề sau cấp (tháng)	Phạm vi hành nghề				
20	Ngoại Nhi Cấp cứu bụng	Nguyễn Thị Bích Thủy	ĐDTH	Điều dưỡng đa khoa	23491	22/10/2014	50	Ngoại tiêu hóa, ngoại nhi	Điều dưỡng	ĐD TH	5	15
21	Ngoại Nhi Cấp cứu bụng	Đào Thị Anh Thư	ĐDTH	Điều dưỡng đa khoa	23880	10/11/2014	49	Ngoại tiêu hóa, ngoại nhi	Điều dưỡng	ĐD TH	4	12
22	Ngoại Nhi Cấp cứu bụng	Nguyễn Thị Ly Na	ĐDTH	Điều dưỡng đa khoa	24883	17/11/2014	49	Ngoại tiêu hóa, ngoại nhi	Điều dưỡng	ĐD TH	4	12
23	Ngoại Nhi Cấp cứu bụng	Nguyễn Thị Mai	ĐDTH	Điều dưỡng đa khoa	25229	31/12/2014	47	Ngoại tiêu hóa, ngoại nhi	Điều dưỡng	ĐD TH	4	12
24	Ngoại Nhi Cấp cứu bụng	Hồ Thị Thu Hương	ĐDTH	Điều dưỡng đa khoa	23881	10/11/2014	49	Ngoại tiêu hóa, ngoại nhi	Điều dưỡng	ĐD TH	4	12
25	Ngoại Nhi Cấp cứu bụng	Nguyễn Thị Khánh Trang	ĐDTH	Điều dưỡng đa khoa	23490	22/10/2014	50	Ngoại tiêu hóa, ngoại nhi	Điều dưỡng	ĐD TH	4	12
26	Ngoại Nhi Cấp cứu bụng	Nguyễn Thị Ái Quỳnh	ĐDTH	Điều dưỡng đa khoa	23878	10/11/2014	49	Ngoại tiêu hóa, ngoại nhi	Điều dưỡng	ĐD TH	4	12
27	Ngoại Nhi Cấp cứu bụng	Cao Thị Quý	ĐDTH	Điều dưỡng đa khoa	23877	10/11/2014	49	Ngoại tiêu hóa, ngoại nhi	Điều dưỡng	ĐD TH	4	12

TT	Trung tâm /khoa/phòng	Họ và tên	Học hàm, học vị	Chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề				Môn học	Dự kiến đào tạo	Số giường dự kiến	Số lượng HS/SV tối đa có thể nhận
					Số CCHN	Ngày cấp	Thời gian hành nghề sau cấp (tháng)	Phạm vi hành nghề				
28	Ngoại Nhi Cấp cứu bụng	Dương Thị Trang	ĐDTH	Điều dưỡng đa khoa	23487	22/10/2014	50	Ngoại tiêu hóa, ngoại nhi	Điều dưỡng	ĐD TH	4	12
29	Ngoại Nhi Cấp cứu bụng	Nguyễn Thị Thúy Hằng	ĐDTH	Điều dưỡng đa khoa	23493	22/10/2014	50	Ngoại tiêu hóa, ngoại nhi	Điều dưỡng	ĐD TH	4	12
30	Ngoại Nhi Cấp cứu bụng	Lê Anh Thi	ĐDTH	Điều dưỡng đa khoa	24907	17/11/2014	49	Ngoại tiêu hóa, ngoại nhi	Điều dưỡng	ĐD TH	4	12

Huế, ngày 24 tháng 12 năm 2018

BẢN CÔNG BỐ

Đáp ứng yêu cầu là cơ sở thực hành trong đào tạo ngành Ngoại Thần Kinh

KHOA NGOẠI THẦN KINH

Căn cứ Nghị định số 111/2017/NĐ-CP ngày 05 tháng 10 năm 2017 của Chính phủ quy định về tổ chức đào tạo thực hành trong đào tạo khối ngành sức khỏe, Khoa **Ngoại Thần Kinh** công bố đã đáp ứng yêu cầu để tổ chức đào tạo thực hành theo quy định với các nội dung sau đây:

I. ĐIỀU KIỆN CHUNG

1. Phạm vi hoạt động chuyên môn: Khám chữa bệnh Tuyến 1, các chuyên khoa:

- Ngoại Thần kinh và Sọ não.
- Ngoại chung.

2. Cơ sở vật chất, trang thiết bị:

- Tổng số giường bệnh: **80**
- Số thiết bị: 02 máy hút
- Phòng: 01 phòng giao ban khoa, 02 phòng trực, 01 phòng Hành chính, 02 phòng tiêm, 01 phòng khám bệnh, 12 phòng bệnh.

3. Nhân lực đủ điều kiện tham gia giảng dạy thực hành:

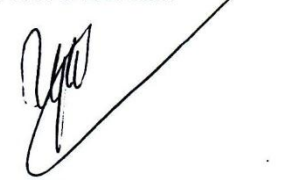
- Tổng số: **25** (có danh sách kèm theo)
- Phân chia theo chức danh:

TT	Chức danh	Số lượng	Chuyên ngành/Phạm vi hoạt động chuyên môn	Ghi chú
1.	BSCKII	01	Ngoại khoa – Ngoại Thần Kinh	
2.	ThS.BS	06	Ngoại khoa – Ngoại Thần Kinh	
3.	Điều dưỡng CKI	01	Điều dưỡng	
4.	Cử nhân Điều dưỡng	11	Điều dưỡng	
5.	Điều dưỡng Trung học	06	Điều dưỡng	
Tổng số		25		


PHÊ DUYỆT
GIÁM ĐỐC

GS.TS. Phạm Như Hiệp

TRƯỞNG KHOA


THS.BS. HUỖNH KIM NGÂN

*** Phụ lục: Danh sách tham gia giảng dạy thực hành khoa Ngoại Thần kinh**

TT	Trung tâm /khoa/phòng	Họ và tên	Học hàm, học vị	Chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề				Môn học	Dự kiến đào tạo	Số giường dự kiến	Số lượng HS/SV tối đa có thể nhận
					Số CCHN	Ngày cấp	Thời gian hành nghề sau cấp (tháng)	Phạm vi hành nghề				
1	Ngoại thần kinh	Huỳnh Kim Ngân	ThS. BS	Ngoại khoa	003119/BYT-CCHN	09/05/2013	67	Khám bệnh , chữa bệnh chuyên khoa ngoại thần kinh	Ngoại khoa	SDH Ngoại khoa, ĐHY ĐK	2	6
2	Ngoại thần kinh	Nguyễn Hải Long	ThS. BS	Ngoại khoa	002850/BYT-CCHN	04/01/2013	71	Khám bệnh , chữa bệnh chuyên khoa ngoại thần kinh	Ngoại khoa	SDH Ngoại khoa, ĐHY ĐK	2	6
3	Ngoại thần kinh	Ngô Văn Quang Anh	ThS. BS	Ngoại khoa	003118/BYT-CCHN	28/12/2012	71	Khám bệnh , chữa bệnh chuyên khoa ngoại thần kinh	Ngoại khoa	SDH Ngoại khoa, ĐHY ĐK	2	6
4	Ngoại thần kinh	Võ Bá Tường	ThS. BS	Ngoại khoa	002853/BYT-CCHN	04/01/2013	71	Khám bệnh , chữa bệnh chuyên khoa ngoại thần kinh	Ngoại khoa	SDH Ngoại khoa, ĐHY ĐK	2	6
5	Ngoại thần kinh	Phan Bình Nguyên	ThS. BS	Ngoại khoa	003164/BYT-CCHN	29/01/2013	70	Khám bệnh , chữa bệnh chuyên khoa ngoại thần kinh	Ngoại khoa	SDH Ngoại khoa, ĐHY ĐK	2	6
6	Ngoại thần kinh	Nguyễn Vũ Hiệp	ThS. BS	Ngoại khoa	024946/BYT-CCHN	17/11/2014	49	Khám bệnh , chữa bệnh chuyên khoa ngoại thần kinh	Ngoại khoa	SDH Ngoại khoa, ĐHY ĐK	2	6
7	Ngoại thần kinh	Lê Hữu Mỹ	BSCCKII	CK II - CTCH	002851/BYT-CCHN	04/01/2017	23	Khám bệnh , chữa bệnh chuyên khoa ngoại thần kinh	Ngoại Chấn thương chỉnh hình, Ngoại khoa	ĐHY ĐK	3	9

TT	Trung tâm /khoa/phòng	Họ và tên	Học hàm, học vị	Chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề				Môn học	Dự kiến đào tạo	Số giường dự kiến	Số lượng HS/SV tối đa có thể nhận
					Số CCHN	Ngày cấp	Thời gian hành nghề sau cấp (tháng)	Phạm vi hành nghề				
8	Ngoại thần kinh	Nguyễn Thị Tâm	ĐDCKI	CNDD	026312/BYT- CCHN	01/06/2015	42	Thực hiện theo quyết định/2005/QĐ- BNV	Điều dưỡng	ĐD CKI	2	6
9	Ngoại thần kinh	Trương Thị Hoàng Phương	CNDD	CNDD	024948/BYT- CCHN	22/04/2014	56	Thực hiện theo QĐ số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	Điều dưỡng	ĐD ĐH	3	9
10	Ngoại thần kinh	Lê Thị Minh Hòa	CNDD	CNDD	026255/BYT- CCHN	11/05/2014	55	Thực hiện theo QĐ số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	Điều dưỡng	ĐD ĐH	3	9
11	Ngoại thần kinh	Nguyễn Thị Hà	CNDD	CNDD	023504/BYT- CCHN	22/10/2014	50	Thực hiện theo QĐ số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	Điều dưỡng	ĐD ĐH	3	9
12	Ngoại thần kinh	Nguyễn Thị Diệu Huyền	CNDD	CNDD	024820/BYT- CCHN	17/11/2014	49	Thực hiện theo QĐ số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	Điều dưỡng	ĐD ĐH	3	9
13	Ngoại thần kinh	Võ Thị Thu Hành	CNDD	CNDD	023903/BYT- CCHN	10/11/2014	49	Thực hiện theo QĐ số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	Điều dưỡng	ĐD ĐH	3	9

TT	Trung tâm /khoa/phòng	Họ và tên	Học hàm, học vị	Chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề				Môn học	Dự kiến đào tạo	Số giường dự kiến	Số lượng HS/SV tối đa có thể nhận
					Số CCHN	Ngày cấp	Thời gian hành nghề sau cấp (tháng)	Phạm vi hành nghề				
14	Ngoại thần kinh	Lê Hữu Hoàng Trang	CNDD	CNDD	024819/BYT- CCHN	17/11/2014	49	Thực hiện theo QĐ số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	Điều dưỡng	ĐD ĐH	3	9
15	Ngoại thần kinh	Nguyễn Thị Châu Mỹ Á	CNDD	CNDD	025002/BYT- CCHN	17/11/2014	49	Thực hiện theo QĐ số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	Điều dưỡng	ĐD ĐH	3	9
16	Ngoại thần kinh	Nguyễn Thị Long	CNDD	CNDD	024938/BYT- CCHN	17/11/2014	49	Thực hiện theo QĐ số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	Điều dưỡng	ĐD ĐH	3	9
17	Ngoại thần kinh	Nguyễn Thị Kim Chi	CNDD	CNDD	023886/BYT- CCHN	10/11/2014	49	Thực hiện theo QĐ số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	Điều dưỡng	ĐD ĐH	3	9
18	Ngoại thần kinh	Võ Thị Nhật Ánh	CNDD	CNDD	0024962/BYT- CCHN	17/11/2014	49	Thực hiện theo QĐ số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	Điều dưỡng	ĐD ĐH	3	9
19	Ngoại thần kinh	Trần Thị Như Quý	CNDD	CNDD	025288/BYT- CCHN	31/12/2014	47	Thực hiện theo QĐ số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	Điều dưỡng	ĐD ĐH	3	9

TT	Trung tâm /khoa/phòng	Họ và tên	Học hàm, học vị	Chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề				Môn học	Dự kiến đào tạo	Số giường dự kiến	Số lượng HS/SV tối đa có thể nhận
					Số CCHN	Ngày cấp	Thời gian hành nghề sau cấp (tháng)	Phạm vi hành nghề				
20	Ngoại thần kinh	Hồ Thị Thuý Linh	ĐDTH	Điều dưỡng TH	0023505/BYT-CCHN	22/10/2014	50	Thực hiện theo quyết định/2005/QĐ-BNV	Điều dưỡng	ĐD TH	5	15
21	Ngoại thần kinh	Hoàng Thị Ngân	ĐDTH	Điều dưỡng TH	023503/BYT-CCHN	22/10/2014	50	Thực hiện theo quyết định/2005/QĐ-BNV	Điều dưỡng	ĐD TH	5	15
22	Ngoại thần kinh	Võ Thị Thuý	ĐDTH	Điều dưỡng TH	0023507/BYT-CCHN	22/10/2014	50	Thực hiện theo quyết định/2005/QĐ-BNV	Điều dưỡng	ĐD TH	5	15
23	Ngoại thần kinh	Nguyễn Thị Vân Mai	ĐDTH	Điều dưỡng TH	024974/BYT-CCHN	17/11/2014	49	Thực hiện theo quyết định/2005/QĐ-BNV	Điều dưỡng	ĐD TH	5	15
24	Ngoại thần kinh	Võ Thị Minh Khuê	ĐDTH	CĐDD	024975/BYT-CCHN	17/11/2014	49	Thực hiện theo quyết định/2005/QĐ-BNV	Điều dưỡng	ĐD TH	5	15
25	Ngoại thần kinh	Ngô Thị Thảo	ĐDTH	Điều dưỡng TH	025274/BYT-CCHN	31/12/2014	47	Thực hiện theo quyết định/2005/QĐ-BNV	Điều dưỡng	ĐD TH	5	15

BẢN CÔNG BỐ

Đáp ứng yêu cầu là cơ sở thực hành trong đào tạo ngành Ngoại Lồng ngực- Tim Mạch

KHOA NGOẠI LỒNG NGỰC- TIM MẠCH

Căn cứ Nghị định số 111/2017/NĐ-CP ngày 05 tháng 10 năm 2017 của Chính phủ quy định về tổ chức đào tạo thực hành trong đào tạo khối ngành sức khỏe, Khoa **Ngoại Lồng ngực- Tim Mạch** công bố đã đáp ứng yêu cầu để tổ chức đào tạo thực hành theo quy định với các nội dung sau đây:

I. ĐIỀU KIỆN CHUNG

1. Phạm vi hoạt động chuyên môn: Khám chữa bệnh Tuyến 1, các chuyên khoa:

- Ngoại chung
- Ngoại Lồng ngực-Tim mạch

2. Cơ sở vật chất, trang thiết bị:

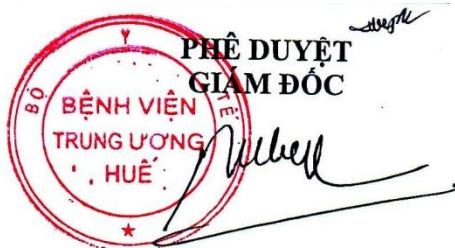
- Tổng số giường bệnh: 118
- Số thiết bị: 01 siêu âm tim xách tay, 01 Monitor, 03 Bơm tiêm điện, 01 máy đo ECG, 01 máy đường máu mao mạch.

- Phòng học: 01, phòng giao ban khoa: 01, phòng trực: 01, P. Hành chính: 01, phòng bệnh: 22.

3. Nhân lực đủ điều kiện tham gia giảng dạy thực hành:

- Tổng số: 25 (có danh sách kèm theo)
- Phân chia theo chức danh:

TT	Chức danh	Số lượng	Chuyên ngành/Phạm vi hoạt động chuyên môn	Ghi chú
1.	PGS.TS	1	Ngoại khoa/Ngoại Lồng ngực-Tim mạch	
2.	BSCCKII	1	Ngoại khoa/Ngoại Lồng ngực-Tim mạch	
3.	ThS.BS	5	Ngoại khoa/Ngoại Lồng ngực-Tim mạch	
4.	CKI điều dưỡng	1	Điều dưỡng	
5.	Cử nhân điều dưỡng	8	Điều dưỡng	
6.	Cao đẳng/TH điều dưỡng	9	Điều dưỡng	
Tổng số		25		



GS.TS. Phạm Như Hiệp

TRƯỞNG KHOA

ThS.BS. Trần Hoài An

*** Phụ lục: Danh sách tham gia giảng dạy thực hành của khoa Ngoại Lồng ngực-Tim mạch**

TT	Trung tâm /khoa/phòng	Họ và tên	Học hàm, học vị	Chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề				Môn học	Dự kiến đào tạo	Số giường dự kiến	Số lượng HS/SV tối đa có thể nhận
					Số CCHN	Ngày cấp	Thời gian hành nghề sau cấp (tháng)	Phạm vi hành nghề				
1	Ngoại Lồng ngực tim mạch	Trần Hoài Ân	ThS. BSCKII	Ngoại khoa	025806/BYT-CCHN	31/12/2014	47	Khám bệnh chữa bệnh chuyên khoa Ngoại	Ngoại Lồng ngực - Tim mạch	SĐH Ngoại khoa, ĐHY ĐK	2	6
2	Ngoại Lồng ngực tim mạch	Lê Quang Thứ	PGS.TS	Ngoại khoa	0025160/BYT-CCHN	28/12/2014	48	Khám bệnh chữa bệnh chuyên khoa Ngoại	Ngoại Lồng ngực - Tim mạch	SĐH Ngoại khoa, ĐHY ĐK	2	6
3	Ngoại Lồng ngực tim mạch	Nguyễn Đức Dũng	ThS. BS	Ngoại khoa	000999/HNO - CCHN	04/06/2012	78	Khám bệnh chữa bệnh chuyên khoa Ngoại LNTM	Ngoại Lồng ngực - Tim mạch	SĐH Ngoại khoa, ĐHY ĐK	2	6
4	Ngoại Lồng ngực tim mạch	Nguyễn Thục	ThS. BS	Ngoại khoa	023382/BYT-CCHN	22/10/2014	50	Khám bệnh chữa bệnh chuyên khoa Ngoại	Ngoại Lồng ngực - Tim mạch	ĐHY ĐK	13	39
5	Ngoại Lồng ngực tim mạch	Nguyễn Xuân Hùng	ThS. BS	Ngoại khoa	023386/BYT-CCHN	22/10/2014	50	Khám bệnh chữa bệnh chuyên khoa Ngoại	Ngoại Lồng ngực - Tim mạch	ĐHY ĐK		
6	Ngoại Lồng ngực tim mạch	Đinh Trần Nguyên Vũ	ThS. BS	Ngoại khoa	025301/BYT-CCHN	31/12/2014	47	Khám bệnh chữa bệnh chuyên khoa Ngoại	Ngoại Lồng ngực - Tim mạch	ĐHY ĐK		
7	Ngoại Lồng ngực tim mạch	Trần Thanh Thái Nhân	ThS. BS	Ngoại khoa	025298/BYT-CCHN	31/12/2014	47	Khám bệnh chữa bệnh chuyên khoa Ngoại	Ngoại Lồng ngực - Tim mạch	ĐHY ĐK		

TT	Trung tâm /khoa/phòng	Họ và tên	Học hàm, học vị	Chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề				Môn học	Dự kiến đào tạo	Số giường dự kiến	Số lượng HS/SV tối đa có thể nhận
					Số CCHN	Ngày cấp	Thời gian hành nghề sau cấp (tháng)	Phạm vi hành nghề				
8	Ngoại Lồng ngực tim mạch	Nguyễn Thị Cúc Nhật	ĐDCKI	Điều dưỡng	023871/BYT- CCHN	10/11/2014	49	Thực hiện theo QĐ số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	Điều dưỡng	ĐD CKI	2	6
9	Ngoại Lồng ngực tim mạch	Nguyễn Thị Nhã Phương	CNĐD	Điều dưỡng	023387/BYT- CCHN	22/10/2014	50	Thực hiện theo QĐ số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	Điều dưỡng	ĐD ĐH	20	60
10	Ngoại Lồng ngực tim mạch	Hồ Thị Tam Giang	CNĐD	Điều dưỡng	023377/BYT- CCHN	22/10/2014	50	Thực hiện theo QĐ số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	Điều dưỡng	ĐD ĐH		
11	Ngoại Lồng ngực tim mạch	Hồ Thị Quế Hương	CNĐD	Điều dưỡng	023379/BYT- CCHN	22/10/2014	50	Thực hiện theo QĐ số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	Điều dưỡng	ĐD ĐH		
12	Ngoại Lồng ngực tim mạch	Phạm Thị Thanh Vân	CNĐD	Điều dưỡng	023383/BYT- CCHN	22/10/2014	50	Thực hiện theo QĐ số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	Điều dưỡng	ĐD ĐH		
13	Ngoại Lồng ngực tim mạch	Trần Thị Lài	CNĐD	Điều dưỡng	023388/BYT- CCHN	22/10/2014	50	Thực hiện theo QĐ số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	Điều dưỡng	ĐD ĐH		

TT	Trung tâm /khoa/phòng	Họ và tên	Học hàm, học vị	Chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề				Môn học	Dự kiến đào tạo	Số giường dự kiến	Số lượng HS/SV tối đa có thể nhận
					Số CCHN	Ngày cấp	Thời gian hành nghề sau cấp (tháng)	Phạm vi hành nghề				
14	Ngoại Lồng ngực tim mạch	Phạm Quý Trâm	CNĐD	Điều dưỡng	023389/BYT- CCHN	22/10/2014	50	Thực hiện theo QĐ số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	Điều dưỡng	ĐD ĐH		
15	Ngoại Lồng ngực tim mạch	Trương Thị Mỹ Hà	CNĐD	Điều dưỡng	23380/BYT- CCHN	22/10/2014	50	Thực hiện theo QĐ số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	Điều dưỡng	ĐD CD	55	165
16	Ngoại Lồng ngực tim mạch	Nguyễn Thị Diệu Thanh	CNĐD	Điều dưỡng	025266/BYT- CCHN	31/12/2014	47	Thực hiện theo QĐ số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	Điều dưỡng	ĐD CD		
17	Ngoại Lồng ngực tim mạch	Hồ Thị Huệ	ĐDTH	Điều dưỡng	0023378/BYT- CCHN	22/10/2014	50	Thực hiện theo QĐ số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	Điều dưỡng	ĐD TH		
18	Ngoại Lồng ngực tim mạch	Lê Thị Kim Thánh	ĐDTH	Điều dưỡng	023376/BYT- CCHN	22/10/2014	50	Thực hiện theo QĐ số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	Điều dưỡng	ĐD TH		
19	Ngoại Lồng ngực tim mạch	Trương Thị Thanh Bình	ĐDTH	Điều dưỡng	023390/BYT- CCHN	22/10/2014	50	Thực hiện theo QĐ số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	Điều dưỡng	ĐD TH		

TT	Trung tâm /khoa/phòng	Họ và tên	Học hàm, học vị	Chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề				Môn học	Dự kiến đào tạo	Số giường dự kiến	Số lượng HS/SV tối đa có thể nhận
					Số CCHN	Ngày cấp	Thời gian hành nghề sau cấp (tháng)	Phạm vi hành nghề				
20	Ngoại Lồng ngực tim mạch	Nguyễn Thị Kim Trinh	ĐDTH	Điều dưỡng	023374/BYT- CCHN	22/10/2014	50	Thực hiện theo QĐ số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	Điều dưỡng	ĐD TH		
21	Ngoại Lồng ngực tim mạch	Nguyễn Thị Lý	NHSTH	Hộ sinh	023375/BYT- CCHN	22/10/2014	50	Thực hiện theo thông tư số 12/2011/TT-BYT ngày 15/3/2011	Điều dưỡng	ĐD TH		
22	Ngoại Lồng ngực tim mạch	Phan Hà Thuỳ Trang	ĐDTH	Y sĩ chuyển đổi	0025010/BYT- CCHN	17/11/2014	49	Thực hiện theo QĐ số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	Điều dưỡng	ĐD TH		
23	Ngoại Lồng ngực tim mạch	Thạch Thị Loan	ĐDTH	Điều dưỡng	024874/BYT- CCHN	17/11/2014	49	Thực hiện theo QĐ số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	Điều dưỡng	ĐD TH		
24	Ngoại Lồng ngực tim mạch	Hoàng Thị Thanh Thuý	ĐDTH	Điều dưỡng	0024828/BYT- CCHN	17/11/2014	49	Thực hiện theo QĐ số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	Điều dưỡng	ĐD TH		
25	Ngoại Lồng ngực tim mạch	Lê Thị Hà	NHSTH	Hộ sinh	025144/BYT- CCHN	23/12/2014	48	Thực hiện theo thông tư số 12/2011/TT-BYT ngày 15/3/2011	Điều dưỡng	HS TH		

Huế, ngày 24 tháng 12 năm 2018

BẢN CÔNG BỐ

**Đáp ứng yêu cầu là cơ sở thực hành trong đào tạo ngành Ngoại khoa
TRUNG TÂM CHẤN THƯƠNG CHỈNH HÌNH-PHẪU THUẬT TẠO HÌNH**

Căn cứ Nghị định số 111/2017/NĐ-CP ngày 05 tháng 10 năm 2017 của Chính phủ quy định về tổ chức đào tạo thực hành trong đào tạo khối ngành sức khỏe, **Trung tâm Chấn thương Chỉnh hình-Phẫu thuật Tạo hình** công bố đã đáp ứng yêu cầu để tổ chức đào tạo thực hành theo quy định với các nội dung sau đây:

I. ĐIỀU KIỆN CHUNG

1. Phạm vi hoạt động chuyên môn:

- Khám chữa bệnh Tuyến 1
- Chuyên khoa ngoại Chấn thương Chỉnh hình-Phẫu thuật Tạo hình

2. Cơ sở vật chất, trang thiết bị:

- Tổng số giường bệnh: **141**
- Trung tâm Chấn thương Chỉnh hình-Phẫu thuật Tạo hình gồm có 4 khoa:
 - . Khoa Chấn thương Chỉnh hình tổng quát
 - . Khoa Phẫu thuật Khớp-YHTT-Cột sống
 - . Khoa Phẫu thuật Tạo hình-Thẩm mỹ-Bàn tay
 - . Khoa Bỏng

- 01 phòng giao ban Trung Tâm, 05 phòng trực, 04 phòng Hành chính các khoa, 33 phòng bệnh.

3. Nhân lực đủ điều kiện tham gia giảng dạy thực hành:

- Tổng số: **61** (có danh sách kèm theo), Phân chia theo chức danh:

TT	Chức danh	Số lượng	Chuyên ngành/Phạm vi hoạt động chuyên môn
1.	PGS.TS.BS	1	Chấn thương chỉnh hình
2.	TS.BS	1	Chấn thương chỉnh hình-Phẫu thuật Tạo hình Thẩm mỹ
3.	Bác sĩ chuyên khoa II	3	Chấn Thương Chỉnh Hình
4.	Ths Bác sĩ	12	Chấn Thương Chỉnh Hình
5.	Bác sĩ	0	Ngoại chung
6.	Điều dưỡng CKI	2	Điều dưỡng
7.	Cử nhân Điều dưỡng	16	Điều dưỡng
8.	Cao đẳng Điều dưỡng	08	Điều dưỡng
9.	Điều dưỡng Trung học	19	Điều dưỡng
Tổng số		61	

PHÊ DUYỆT
GIÁM ĐỐC



GS.TS. Phạm Như Hiệp

TRƯỞNG KHOA

PGS.TS. Nguyễn Văn Hiệp

*** Phụ lục: Danh sách tham gia giảng dạy thực hành của Trung tâm CTCH-PTTH**

TT	Trung tâm /khoa/phòng	Họ và tên	Học hàm, học vị	Chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề				Môn học	Dự kiến đào tạo	Số giường dự kiến	Số lượng HS/SV tối đa có thể nhận
					Số CCHN	Ngày cấp	Thời gian hành nghề sau cấp (tháng)	Phạm vi hành nghề				
1	TT Chấn thương chỉnh hình	Nguyễn Văn Hy	PGS. TS. BS	Ngoại Chấn thương chỉnh hình	024911/BY T-CCHN	11/10/2014	50	CTCH	Ngoại Chấn thương chỉnh hình, Ngoại khoa	SDH Ngoại Chấn thương chỉnh hình, Ngoại khoa, ĐHY ĐK	2	6
2	TT Chấn thương chỉnh hình	Lê Thừa Trung Hậu	TS. BS	Ngoại Chấn thương chỉnh hình	002532/BY T-CCHN	13/05/2014	55	CTCH-PTTH-Thẩm Mỹ	Ngoại Chấn thương chỉnh hình, Ngoại khoa	SDH Ngoại Chấn thương chỉnh hình, Ngoại khoa, ĐHY ĐK	2	6
3	TT Chấn thương chỉnh hình	Đỗ Văn Minh	BSCCKII	Ngoại Chấn thương chỉnh hình	002530/BY T-CCHN	28/12/2012	72	CTCH	Ngoại Chấn thương chỉnh hình, Ngoại khoa	SDH Ngoại Chấn thương chỉnh hình, Ngoại khoa, ĐHY ĐK	2	6
4	TT Chấn thương chỉnh hình	Nguyễn Khoa Thanh Phong	BSCCKII	Ngoại Chấn thương chỉnh hình	007400/BY T-CCHN	23/09/2013	63	CTCH	Ngoại Chấn thương chỉnh hình, Ngoại khoa	SDH Ngoại Chấn thương chỉnh hình, Ngoại khoa, ĐHY ĐK	2	6
5	TT Chấn thương chỉnh hình	Nguyễn Đức Hạnh	BSCCKII	Ngoại Chấn thương chỉnh hình	002533/BY T-CCHN	26/12/2012	50	CTCH	Ngoại Chấn thương chỉnh hình, Ngoại khoa	SDH Ngoại Chấn thương chỉnh hình, Ngoại khoa, ĐHY ĐK	2	6
6	TT Chấn thương chỉnh hình	Lê Trung Hậu	ThS. BS	Ngoại Khoa	002489/BY T-CCHN	28/12/2012	72	CTCH	Ngoại Khoa	SDH Ngoại khoa, ĐHY ĐK	2	6

TT	Trung tâm /khoa/phòng	Họ và tên	Học hàm, học vị	Chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề				Môn học	Dự kiến đào tạo	Số giường dự kiến	Số lượng HS/SV tối đa có thể nhận
					Số CCHN	Ngày cấp	Thời gian hành nghề sau cấp (tháng)	Phạm vi hành nghề				
7	TT Chấn thương chỉnh hình	Hồ Mẫn Trường Phú	ThS. BS	Ngoại Khoa	005123/BY T-CCHN	18/06/2013	66	Ngoại CTCH	Ngoại Khoa	SDH Ngoại khoa, ĐHY ĐK	2	6
8	TT Chấn thương chỉnh hình	Nguyễn Quang Tôn Quyền	ThS. BS	Ngoại Khoa	024908/BY T-CCHN	11/10/2014	50	CTCH	Ngoại Khoa	SDH Ngoại khoa, ĐHY ĐK	2	6
9	TT Chấn thương chỉnh hình	Trần Việt Hưng	ThS. BS	Ngoại Khoa	024910/BY T-CCHN	11/10/2014	50	CTCH	Ngoại Khoa	SDH Ngoại khoa, ĐHY ĐK	2	6
10	TT Chấn thương chỉnh hình	Nguyễn Thanh Sang	ThS. BS	Ngoại Khoa	023829/BY T-CCHN	11/10/2014	50	CTCH	Ngoại Khoa	SDH Ngoại khoa, ĐHY ĐK	2	6
11	TT Chấn thương chỉnh hình	Trần Văn Cư	ThS. BS	Ngoại Khoa	023833/BY T-CCHN	11/10/2014	50	CTCH	Ngoại Khoa	SDH Ngoại khoa, ĐHY ĐK	2	6
12	TT Chấn thương chỉnh hình	Lê Quý Ngọc Bảo	ThS. BS	Ngoại Khoa	023822/BY T-CCHN	11/10/2014	50	PTTH-Bàn Tay	Ngoại Khoa	SDH Ngoại khoa, ĐHY ĐK	2	6
13	TT Chấn thương chỉnh hình	Nguyễn Phan Huy	ThS. BS	Ngoại Khoa	034026/BY T-CCHN	08/06/2017	47	CTCH	Ngoại Khoa	SDH Ngoại khoa, ĐHY ĐK	2	6
14	TT Chấn thương chỉnh hình	Lê Đình Phong	ThS. BS	Ngoại Khoa	026286/BY T-CCHN	05/11/2015	37	CTCH	Ngoại Khoa	SDH Ngoại khoa, ĐHY ĐK	2	6
15	TT Chấn thương chỉnh hình	Nguyễn Minh Mẫn	ThS. BS	Ngoại Khoa	023823/BY T-CCHN	11/10/2014	18	PTTH-Bàn Tay	Ngoại Khoa	CD, TH	5	15

TT	Trung tâm /khoa/phòng	Họ và tên	Học hàm, học vị	Chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề				Môn học	Dự kiến đào tạo	Số giường dự kiến	Số lượng HS/SV tối đa có thể nhận
					Số CCHN	Ngày cấp	Thời gian hành nghề sau cấp (tháng)	Phạm vi hành nghề				
16	TT Chấn thương chỉnh hình	Đoàn Duy Thạch	ThS. BS	Ngoại Khoa	034638/BY T-CCHN	18/09/2017	15	Ngoại Khoa	Ngoại Khoa	CĐ, TH	5	15
17	TT Chấn thương chỉnh hình	Nguyễn Phước Tô Trinh	ĐDCKI	ĐDCKI	0024817/BY T-CCHN	11/10/2014	50	Thực hiện theo QĐ số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	Điều dưỡng	ĐD CKI	2	6
18	TT Chấn thương chỉnh hình	Phan Thị Ngọc Vân	ĐDCKI	ĐDCKI	023840/BY T-CCHN	11/10/2014	50	Thực hiện theo QĐ số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	Điều dưỡng	ĐD CKI	2	6
19	TT Chấn thương chỉnh hình	Huỳnh Thị Thu Thảo	CNĐD	CNĐD	023819/BY T-CCHN	11/10/2014	50	Thực hiện theo QĐ số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	Điều dưỡng	ĐD ĐH	3	9
20	TT Chấn thương chỉnh hình	Trần Thị Ngọc Thu	CNĐD	CNĐD	023820/BY T-CCHN	11/10/2014	50	Thực hiện theo QĐ số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	Điều dưỡng	ĐD ĐH	3	9
21	TT Chấn thương chỉnh hình	Đặng Thị Ngọc Hà	CNĐD	CNĐD	023821/BY T-CCHN	11/10/2014	50	Thực hiện theo QĐ số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	Điều dưỡng	ĐD ĐH	3	9

TT	Trung tâm /khoa/phòng	Họ và tên	Học hàm, học vị	Chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề				Môn học	Dự kiến đào tạo	Số giường dự kiến	Số lượng HS/SV tối đa có thể nhận
					Số CCHN	Ngày cấp	Thời gian hành nghề sau cấp (tháng)	Phạm vi hành nghề				
22	TT Chấn thương chỉnh hình	Nguyễn Thị Thùy Dương	CNĐĐ	CNĐĐ	023834/BY T-CCHN	11/10/2014	50	Thực hiện theo QĐ số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	Điều dưỡng	ĐD ĐH	3	9
23	TT Chấn thương chỉnh hình	Hoàng Trâm Anh	CĐĐĐ	CĐĐĐ	023831/BY T-CCHN	11/10/2014	50	Thực hiện theo QĐ số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	Điều dưỡng	ĐD ĐH	3	9
24	TT Chấn thương chỉnh hình	Nguyễn Thị Tuyết Dung	CĐĐĐ	CĐĐĐ	023835/BY T-CCHN	11/10/2014	50	Thực hiện theo QĐ số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	Điều dưỡng	ĐD ĐH	3	9
25	TT Chấn thương chỉnh hình	Nguyễn Hữu Hiếu	CNĐĐ	CNĐĐ	024914/BY T-CCHN	17/11/2014	49	Thực hiện theo QĐ số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	Điều dưỡng	ĐD ĐH	3	9
26	TT Chấn thương chỉnh hình	Nguyễn Thị Xuân Lộc	CNĐĐ	CNĐĐ	0024901/BY T-CCHN	17/11/2014	49	Thực hiện theo QĐ số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	Điều dưỡng	ĐD ĐH	3	9
27	TT Chấn thương chỉnh hình	Hà Thị Kim Cúc	CNĐĐ	CNĐĐ	0023832/BY T-CCHN	10/11/2014	49	Thực hiện theo QĐ số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	Điều dưỡng	ĐD ĐH	3	9

TT	Trung tâm /khoa/phòng	Họ và tên	Học hàm, học vị	Chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề				Môn học	Dự kiến đào tạo	Số giường dự kiến	Số lượng HS/SV tối đa có thể nhận
					Số CCHN	Ngày cấp	Thời gian hành nghề sau cấp (tháng)	Phạm vi hành nghề				
28	TT Chấn thương chỉnh hình	Trần Thị Kim Chi	CNĐĐ	CNĐĐ	025257/BY T-CCHN	31/12/2014	49	Thực hiện theo QĐ số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	Điều dưỡng	ĐD ĐH	3	9
29	TT Chấn thương chỉnh hình	Nguyễn Thị Diễn	CNĐĐ	CNĐĐ	023826/BY T-CCHN	10/11/2014	49	Thực hiện theo QĐ số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	Điều dưỡng	ĐD ĐH	3	9
30	TT Chấn thương chỉnh hình	Hồ Thị Tâm	CNĐĐ	CNĐĐ	0024885/BY T-CCHN	17/11/2014	49	Thực hiện theo QĐ số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	Điều dưỡng	ĐD ĐH	3	9
31	TT Chấn thương chỉnh hình	Mai Hồng Ngâu	CNĐĐ	CNĐĐ	0023827/BY T- CCHN	10/11/2014	49	Thực hiện theo QĐ số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	Điều dưỡng	ĐD ĐH	3	9
32	TT Chấn thương chỉnh hình	Trần Thị Ngọc Thủy	CĐĐĐ	CĐĐĐ	034157/BY T-CCHN	06/08/2017	49	Thực hiện theo QĐ số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	Điều dưỡng	ĐD ĐH	3	9
33	TT Chấn thương chỉnh hình	Bùi Thị Thu Lý	CNĐĐ	CNĐĐ	025180/BY T-CCHN	31/12/2014	47	Thực hiện theo QĐ số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	Điều dưỡng	ĐD ĐH	3	9

TT	Trung tâm /khoa/phòng	Họ và tên	Học hàm, học vị	Chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề				Môn học	Dự kiến đào tạo	Số giường dự kiến	Số lượng HS/SV tối đa có thể nhận
					Số CCHN	Ngày cấp	Thời gian hành nghề sau cấp (tháng)	Phạm vi hành nghề				
34	TT Chấn thương chỉnh hình	Võ Thị Yến	CNĐĐ	CNĐĐ	025179/BY T-CCHN	31/12/2014	47	Thực hiện theo QĐ số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	Điều dưỡng	ĐD ĐH	3	9
35	TT Chấn thương chỉnh hình	Nguyễn Thị Minh Khoa	CNĐĐ	CNĐĐ	025178/BY T-CCHN	31/12/2014	47	Thực hiện theo QĐ số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	Điều dưỡng	ĐD ĐH	3	9
36	TT Chấn thương chỉnh hình	Nguyễn Ngọc Phương	CNĐĐ	CNĐĐ	034070/BY T-CCHN	08/06/2017	17	Thực hiện theo QĐ số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	Điều dưỡng	ĐD CĐ	3	9
37	TT Chấn thương chỉnh hình	Phan Quốc Việt	CNĐĐ	CNĐĐ	037020/BY T-CCHN	14/10/2018	17	Thực hiện theo QĐ số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	Điều dưỡng	ĐD CĐ	3	9
38	TT Chấn thương chỉnh hình	Trần Thị Hoài My	CĐĐĐ	CĐĐĐ	003399/BY T-CCHN	16/01/2017	23	Thực hiện theo QĐ số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	Điều dưỡng	ĐD CĐ	4	12
39	TT Chấn thương chỉnh hình	Phan Quốc Hiệp	CĐĐĐ	CĐĐĐ	033985/BY T-CCHN	08/06/2017	17	Thực hiện theo QĐ số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	Điều dưỡng	ĐD CĐ	4	12

TT	Trung tâm /khoa/phòng	Họ và tên	Học hàm, học vị	Chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề				Môn học	Dự kiến đào tạo	Số giường dự kiến	Số lượng HS/SV tối đa có thể nhận
					Số CCHN	Ngày cấp	Thời gian hành nghề sau cấp (tháng)	Phạm vi hành nghề				
40	TT Chấn thương chỉnh hình	Nguyễn Cao Nhật Minh	CĐDD	CĐDD	034047/BY T-CCHN	08/06/2017	17	Thực hiện theo QĐ số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	Điều dưỡng	ĐD CĐ	4	12
41	TT Chấn thương chỉnh hình	Nguyễn Thị Quỳnh Nhiên	CĐDD	CĐDD	034176/BY T-CCHN	06/08/2017	16	Thực hiện theo QĐ số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	Điều dưỡng	ĐD CĐ	4	12
42	TT Chấn thương chỉnh hình	Nguyễn Thị Huệ	CĐDD	CĐDD	003720TTH -CCHN	20/09/2017	15	Thực hiện theo QĐ số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	Điều dưỡng	ĐD CĐ	4	12
43	TT Chấn thương chỉnh hình	Phan Thị Thảo	ĐDTH	Điều dưỡng TH	034121/BY T-CCHN	08/06/2017	72	Thực hiện theo QĐ số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	Điều dưỡng	ĐD TH	22	66
44	TT Chấn thương chỉnh hình	Trần Thị Linh Thảo	ĐDTH	Điều dưỡng TH	023818/BY T-CCHN	11/10/2014	50	Thực hiện theo QĐ số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	Điều dưỡng	ĐD TH		
45	TT Chấn thương chỉnh hình	Bùi Thị Thu Hà	ĐDTH	Điều dưỡng TH	023817/BY T-CCHN	11/10/2014	50	Thực hiện theo QĐ số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	Điều dưỡng	ĐD TH		

TT	Trung tâm /khoa/phòng	Họ và tên	Học hàm, học vị	Chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề				Môn học	Dự kiến đào tạo	Số giường dự kiến	Số lượng HS/SV tối đa có thể nhận
					Số CCHN	Ngày cấp	Thời gian hành nghề sau cấp (tháng)	Phạm vi hành nghề				
46	TT Chấn thương chỉnh hình	Võ Thị Linh Giang	ĐDTH	Điều dưỡng TH	024888/BY T-CCHN	11/10/2014	50	Thực hiện theo QĐ số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	Điều dưỡng	ĐD TH		
47	TT Chấn thương chỉnh hình	Nguyễn Thị Anh Thư	ĐDTH	Điều dưỡng TH	0023838/BY T-CCHN	11/10/2014	50	Thực hiện theo QĐ số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	Điều dưỡng	ĐD TH		
48	TT Chấn thương chỉnh hình	Đỗ Thị Huyền	ĐDTH	Điều dưỡng TH	034122/BY T-CCHN	08/06/2017	50	Thực hiện theo QĐ số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	Điều dưỡng	ĐD TH		
49	TT Chấn thương chỉnh hình	Trương Thị Hồng	ĐDTH	Điều dưỡng TH	023836/BY T-CCHN	11/10/2014	50	Thực hiện theo QĐ số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	Điều dưỡng	ĐD TH		
50	TT Chấn thương chỉnh hình	Trương Phước Hải	ĐDTH	Điều dưỡng TH	023830/BY T-CCHN	16/11/2014	49	Thực hiện theo QĐ số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	Điều dưỡng	ĐD TH		
51	TT Chấn thương chỉnh hình	Nguyễn Thị Thủy Trang	ĐDTH	Điều dưỡng TH	25003/BYT- CCHN	17/11/2014	49	Thực hiện theo QĐ số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	Điều dưỡng	ĐD TH		

TT	Trung tâm /khoa/phòng	Họ và tên	Học hàm, học vị	Chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề				Môn học	Dự kiến đào tạo	Số giường dự kiến	Số lượng HS/SV tối đa có thể nhận
					Số CCHN	Ngày cấp	Thời gian hành nghề sau cấp (tháng)	Phạm vi hành nghề				
52	TT Chấn thương chỉnh hình	Nguyễn Thị Hường	ĐDTH	Điều dưỡng TH	0024879/BY T-CCHN	17/11/2014	49	Thực hiện theo QĐ số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	Điều dưỡng	ĐD TH		
53	TT Chấn thương chỉnh hình	Phan Thị Mai Hạnh	ĐDTH	Điều dưỡng TH	0024881/BY T-CCHN	17/11/2014	49	Thực hiện theo QĐ số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	Điều dưỡng	ĐD TH		
54	TT Chấn thương chỉnh hình	Ngô Thị Nâu	ĐDTH	Điều dưỡng TH	0024886/BY T-CCHN	17/11/2014	49	Thực hiện theo QĐ số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	Điều dưỡng	ĐD TH		
55	TT Chấn thương chỉnh hình	Nguyễn Huyền Đoan Trúc	ĐDTH	Điều dưỡng TH	023825/BY T-CCHN	17/11/2014	49	Thực hiện theo QĐ số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	Điều dưỡng	ĐD TH		
56	TT Chấn thương chỉnh hình	Trương Thị Như Ý	ĐDTH	Điều dưỡng TH	023824/BY T-CCHN	10/11/2014	18	Thực hiện theo QĐ số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	Điều dưỡng	ĐD TH		
57	TT Chấn thương chỉnh hình	Văn Thị Bảo Hà	ĐDTH	Điều dưỡng TH	034131/BY T-CCHN	06/08/2017	17	Thực hiện theo QĐ số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	Điều dưỡng	ĐD TH		

TT	Trung tâm /khoa/phòng	Họ và tên	Học hàm, học vị	Chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề				Môn học	Dự kiến đào tạo	Số giường dự kiến	Số lượng HS/SV tối đa có thể nhận
					Số CCHN	Ngày cấp	Thời gian hành nghề sau cấp (tháng)	Phạm vi hành nghề				
58	TT Chấn thương chỉnh hình	Nguyễn Thị Cầm Hồng	ĐDTH	Điều dưỡng TH	034142/BY T-CCHN	08/06/2017	17	Thực hiện theo QĐ số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	Điều dưỡng	ĐD TH		
59	TT Chấn thương chỉnh hình	Trần Thị Phượng	ĐDTH	Điều dưỡng TH	034156/BY T-CCHN	06/08/2017	16	Thực hiện theo QĐ số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	Điều dưỡng	ĐD TH		
60	TT Chấn thương chỉnh hình	Nguyễn Thị Mừng	ĐDTH	Điều dưỡng TH	023330/TT H-CCHN	20/09/2017	15	Thực hiện theo QĐ số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	Điều dưỡng	ĐD TH		
61	TT Chấn thương chỉnh hình	Lê Thị Nga	ĐDTH	Điều dưỡng TH	023837/BY T-CCHN	11/10/2014	14	Thực hiện theo QĐ số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	Điều dưỡng	ĐD TH		

BẢN CÔNG BỐ

Đáp ứng yêu cầu là cơ sở thực hành trong đào tạo ngành Sản Phụ Khoa

KHOA PHỤ SẢN

Căn cứ Nghị định số 111/2017/NĐ-CP ngày 05 tháng 10 năm 2017 của Chính phủ quy định về tổ chức đào tạo thực hành trong đào tạo khối ngành sức khỏe, **Khoa Phụ Sản** công bố đã đáp ứng yêu cầu để tổ chức đào tạo thực hành theo quy định với các nội dung sau đây:

I. ĐIỀU KIỆN CHUNG

1. Phạm vi hoạt động chuyên môn: Khám chữa bệnh Tuyến 1, các chuyên khoa:

- Sản phụ khoa

2. Cơ sở vật chất, trang thiết bị:

- Tổng số giường bệnh : 254

- Số thiết bị: + Máy siêu âm : 04 + Kính hiển vi : 02
+ Máy đo CTG : 13 + Xe hồi sức bé : 05
+ Máy áp lạnh CTC : 01 + Soi CTC : 03
+ Máy soi col : 04 + Bơm tiêm điện : 11
+ Máy đốt điện : 01 + Thăm dò chức năng sống : 01
+ Máy cắt Leep : 01

- Phòng học

+ Phòng giao ban tại các đơn nguyên (Tiền Sản, Hậu Sản, Phòng Sinh, Phụ Khoa, Sơ Sinh, Phòng Khám)

+ Phòng giao ban khoa Phụ sản (Có điều hòa, có máy chiếu, máy vi tính) : 01

+ Phòng trực : 06

+ Phòng Hành chính : 07

+ Phòng bệnh: 06 (Tiền Sản, Hậu Sản, Phòng Sinh, Sơ Sinh, Phòng Khám, Phụ Khoa)

3. Nhân lực đủ điều kiện tham gia giảng dạy thực hành:

- Tổng số: **117** (có danh sách kèm theo)

- Phân chia theo chức danh:

TT	Chức danh	Số lượng	Chuyên ngành/Phạm vi hoạt động chuyên môn
1.	TS.BS	2	Sản phụ khoa
2.	BSCCKII	7	Sản phụ khoa
3.	ThS.BS	10	Sản phụ khoa
4.	Cử nhân NHS	32	Sản phụ khoa
5.	NHS Cao đẳng	17	Sản phụ khoa
6.	NHSTH	49	Sản phụ khoa
Tổng số		117	

Phạm Như Hiệp
PHÊ DUYỆT

GIÁM ĐỐC



GS.TS. Phạm Như Hiệp

TRƯỞNG KHOA

Lê Minh Cần

TS.BS.CK II. Lê Minh Cần

*** Phụ lục: Danh sách tham gia đào tạo thực hành của khoa Phụ sản**

TT	Trung tâm /khoa/phòng	Họ và tên	Học hàm, học vị	Chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề				Môn học	Dự kiến đào tạo	Số giường dự kiến	Số lượng HS/SV tối đa có thể nhận
					Số CCHN	Ngày cấp	Thời gian hành nghề sau cấp (tháng)	Phạm vi hành nghề				
1	Phụ Sản	Lê Minh Toàn	TS.BSCKII	TSBSCKII sản phụ khoa	002332/BYT	12/12/2012	72	Sản phụ khoa	Sản phụ khoa	SĐH Sản phụ khoa, ĐHY ĐK	2	6
2	Phụ Sản	Lê Sĩ Phương	BSCKII	BSCKII sản phụ khoa	002331/BYT	12/12/2012	72	Sản phụ khoa	Sản phụ khoa	SĐH Sản phụ khoa, ĐHY ĐK	2	6
3	Phụ Sản	Lê Việt Hùng	ThS. BS	Sản phụ khoa	02335/BYT	12/12/2012	72	Sản phụ khoa	Sản phụ khoa	SĐH Sản phụ khoa, ĐHY ĐK	2	6
4	Phụ Sản	Hoàng Liên Châu	BSCKII	BSCKII sản phụ khoa	002347/BYT	12/12/2012	72	Sản phụ khoa	Sản phụ khoa	SĐH Sản phụ khoa, ĐHY ĐK	2	6
5	Phụ Sản	Hoàng Trọng Phước	ThS. BS	Sản phụ khoa	0007390/BYT	23/09/2013	63	Sản phụ khoa	Sản phụ khoa	SĐH Sản phụ khoa, ĐHY ĐK	2	6
6	Phụ Sản	Nguyễn Hữu Hồng	BSCKII	BSCKII sản phụ khoa	002333/BYT	12/12/2012	72	Sản phụ khoa	Sản phụ khoa	SĐH Sản phụ khoa, ĐHY ĐK	2	6
7	Phụ Sản	Châu Khắc Tú	TS. BS	TS sản phụ khoa	007391/BYT	23/09/2013	63	Sản phụ khoa	Sản phụ khoa	SĐH Sản phụ khoa, ĐHY ĐK	2	6

TT	Trung tâm /khoa/phòng	Họ và tên	Học hàm, học vị	Chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề				Môn học	Dự kiến đào tạo	Số giường dự kiến	Số lượng HS/SV tối đa có thể nhận
					Số CCHN	Ngày cấp	Thời gian hành hành nghề sau cấp (tháng)	Phạm vi hành nghề				
8	Phụ Sản	Trần Minh Thắng	BSCCKII	BSCCKII sản phụ khoa	002343/BYT	12/12/2012	72	Sản phụ khoa	Sản phụ khoa	SĐH Sản phụ khoa, ĐHY ĐK	2	6
9	Phụ Sản	Phan Đỗ Quốc Thanh	BSCCKII	BSCCKII sản phụ khoa	0010229/BYT	13/12/2013	60	Sản phụ khoa	Sản phụ khoa	SĐH Sản phụ khoa, ĐHY ĐK	2	6
10	Phụ Sản	Hoàng Việt	BSCCKII	BSCCKII sản phụ khoa	002344/BYT	12/12/2012	72	Sản phụ khoa	Sản phụ khoa	SĐH Sản phụ khoa, ĐHY ĐK	2	6
11	Phụ Sản	Trần Thị Hoàn	BSCCKII	BSCCKII sản phụ khoa	002346/BYT	12/12/2012	72	Sản phụ khoa	Sản phụ khoa	SĐH Sản phụ khoa, ĐHY ĐK	2	6
12	Phụ Sản	Lê Thị Loan Trình	ThS. BS	Sản phụ khoa	002337/BYT	12/12/2012	72	Sản phụ khoa	Sản phụ khoa	SĐH Sản phụ khoa, ĐHY ĐK	2	6
13	Phụ Sản	Hoàng Ngọc Tú	ThS. BS	Sản phụ khoa	002341/BYT	12/12/2012	72	Sản phụ khoa	Sản phụ khoa	SĐH Sản phụ khoa, ĐHY ĐK	2	6
14	Phụ Sản	Đinh Thị Phương Minh	ThS. BS	Sản phụ khoa	002339/BYT	12/12/2012	72	Sản phụ khoa	Sản phụ khoa	SĐH Sản phụ khoa, ĐHY ĐK	2	6

TT	Trung tâm /khoa/phòng	Họ và tên	Học hàm, học vị	Chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề				Môn học	Dự kiến đào tạo	Số giường dự kiến	Số lượng HS/SV tối đa có thể nhận
					Số CCHN	Ngày cấp	Thời gian hành nghề sau cấp (tháng)	Phạm vi hành nghề				
15	Phụ Sản	Trần Thị Thùy Trang	ThS. BS	Sản phụ khoa	002338/BYT	12/12/2012	72	Sản phụ khoa	Sản phụ khoa	SĐH Sản phụ khoa, ĐHY ĐK	2	6
16	Phụ Sản	Hoàng Trọng Nam	ThS. BS	Sản phụ khoa	005121/BYT	18/06/2013	66	Sản phụ khoa	Sản phụ khoa	SĐH Sản phụ khoa, ĐHY ĐK	2	6
17	Phụ Sản	Lý Thanh Trường Giang	ThS. BS	Sản phụ khoa	0027249/BYT	22/07/2015	41	Sản phụ khoa	Sản phụ khoa	SĐH Sản phụ khoa, ĐHY ĐK	2	6
18	Phụ Sản	Hà Thị Lý	CNNHS	Nữ hộ sinh	002351/BYT	12/12/2012	72	Theo thông tư 12/2011 /TT- BYT ngày 15/3/2011	Hộ sinh	CN NHS	3	9
19	Phụ Sản	Lê Thị Ý Nhân	CNNHS	Nữ hộ sinh	0010207/BYT	13/12/2013	60	Theo thông tư 12/2011 /TT- BYT ngày 15/3/2011	Hộ sinh	CN NHS	3	9
20	Phụ Sản	Nguyễn Thị Tịnh Hiếu	CNNHS	Nữ hộ sinh	0010213/BYT	13/12/2013	60	Theo thông tư 12/2011 /TT- BYT ngày 15/3/2011	Hộ sinh	CN NHS	3	9
21	Phụ Sản	Lê Thị Như Ý	CNNHS	Nữ hộ sinh	0010205/BYT	13/12/2013	60	Theo thông tư 12/2011 /TT- BYT ngày 15/3/2011	Hộ sinh	CN NHS	3	9
22	Phụ Sản	Ngô Hoàng Hiếu	CNNHS	Nữ hộ sinh	0023631/BYT	28/10/2014	50	Theo thông tư 12/2011 /TT- BYT ngày	Hộ sinh	CN NHS	3	9

TT	Trung tâm /khoa/phòng	Họ và tên	Học hàm, học vị	Chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề				Môn học	Dự kiến đào tạo	Số giường dự kiến	Số lượng HS/SV tối đa có thể nhận
					Số CCHN	Ngày cấp	Thời gian hành nghề sau cấp (tháng)	Phạm vi hành nghề				
								15/3/2011				
23	Phụ Sản	Trần Thị Kim Anh	CNNHS	Nữ hộ sinh	0023630/BYT	28/10/2014	50	Theo thông tư 12/2011 /TT- BYT ngày 15/3/2011	Hộ sinh	CN NHS	3	9
24	Phụ Sản	Hoàng Thị Bích Ngọc	CNNHS	Nữ hộ sinh	0023636/BYT	28/10/2014	50	Theo thông tư 12/2011 /TT- BYT ngày 15/3/2011	Hộ sinh	CN NHS	3	9
25	Phụ Sản	Hồ Đình Quỳnh Trân	CNNHS	Nữ hộ sinh	0023636/BYT	28/10/2014	50	Theo thông tư 12/2011 /TT- BYT ngày 15/3/2011	Hộ sinh	CN NHS	3	9
26	Phụ Sản	Trần Thị Thúy Vân	CNNHS	Nữ hộ sinh	0023632/BYT	28/10/2014	50	Theo thông tư 12/2011 /TT- BYT ngày 15/3/2011	Hộ sinh	CN NHS	3	9
27	Phụ Sản	Nguyễn Thị Kim Anh	CNNHS	Nữ hộ sinh	0023637/BYT	28/10/2014	50	Theo thông tư 12/2011 /TT- BYT ngày 15/3/2011	Hộ sinh	CN NHS	3	9
28	Phụ Sản	Trần Thị Hồng Phước	CNNHS	Nữ hộ sinh	0023639/BYT	28/10/2014	50	Theo thông tư 12/2011 /TT- BYT ngày 15/3/2011	Hộ sinh	CN NHS	3	9

TT	Trung tâm /khoa/phòng	Họ và tên	Học hàm, học vị	Chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề				Môn học	Dự kiến đào tạo	Số giường dự kiến	Số lượng HS/SV tối đa có thể nhận
					Số CCHN	Ngày cấp	Thời gian hành nghề sau cấp (tháng)	Phạm vi hành nghề				
29	Phụ Sản	Phạm Thị Tuyết Trinh	CNNHS	Nữ hộ sinh	0023634/BYT	28/10/2014	50	Theo thông tư 12/2011 /TT-BYT ngày 15/3/2011	Hộ sinh	CN NHS	3	9
30	Phụ Sản	Lê Thị Uyên Nhi	CNNHS	Nữ hộ sinh	0023647/BYT	28/10/2014	50	Theo thông tư 12/2011 /TT-BYT ngày 15/3/2011	Hộ sinh	CN NHS	3	9
31	Phụ Sản	Trần Thị Lệ Hà	CNNHS	Nữ hộ sinh	0023665/BYT	28/10/2014	50	Theo thông tư 12/2011 /TT-BYT ngày 15/3/2011	Hộ sinh	CN NHS	3	9
32	Phụ Sản	Lê Thị Phương Tú	CNNHS	Nữ hộ sinh	25014/BYT	28/10/2014	50	Theo thông tư 12/2011 /TT-BYT ngày 15/3/2011	Hộ sinh	CN NHS	3	9
33	Phụ Sản	Phan Lê Vy Phương	CNNHS	Nữ hộ sinh	023664/BYT	28/10/2014	50	Theo thông tư 12/2011 /TT-BYT ngày 15/3/2011	Hộ sinh	CN NHS	3	9
34	Phụ Sản	Nguyễn Thị Thu Thủy	CNNHS	Nữ hộ sinh	0023648/BYT	28/10/2014	50	Theo thông tư 12/2011 /TT-BYT ngày 15/3/2011	Hộ sinh	CN NHS	3	9
35	Phụ Sản	Hồ Thị Kim Chi	CNNHS	Nữ hộ sinh	0023644/BYT	28/10/2014	50	Theo thông tư 12/2011 /TT-BYT ngày 15/3/2011	Hộ sinh	CN NHS	3	9

TT	Trung tâm /khoa/phòng	Họ và tên	Học hàm, học vị	Chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề				Môn học	Dự kiến đào tạo	Số giường dự kiến	Số lượng HS/SV tối đa có thể nhận
					Số CCHN	Ngày cấp	Thời gian hành nghề sau cấp (tháng)	Phạm vi hành nghề				
36	Phụ Sản	Hoàng Thị Kim Vân	CNNHS	Nữ hộ sinh	0023663/BYT	28/10/2014	50	Theo thông tư 12/2011 /TT- BYT ngày 15/3/2011	Hộ sinh	CN NHS	3	9
37	Phụ Sản	Trần Thị Hoàng Thành	CNNHS	Nữ hộ sinh	0023653/BYT	28/10/2014	50	Theo thông tư 12/2011 /TT- BYT ngày 15/3/2011	Hộ sinh	CN NHS	3	9
38	Phụ Sản	Nguyễn Thị Hậu	CNNHS	Nữ hộ sinh	0023894/BYT	10/11/2014	49	Theo thông tư 12/2011 /TT- BYT ngày 15/3/2011	Hộ sinh	CN NHS	3	9
39	Phụ Sản	Hoàng Thị Khánh Hòa	CNNHS	Nữ hộ sinh	0024978/BYT	17/11/2014	49	Theo thông tư 12/2011 /TT- BYT ngày 15/3/2011	Hộ sinh	CN NHS	3	9
40	Phụ Sản	Phan Thị Tâm Khuê	CNNHS	Nữ hộ sinh	0024977/BYT	17/11/2014	49	Theo thông tư 12/2011 /TT- BYT ngày 15/3/2011	Hộ sinh	CN NHS	3	9
41	Phụ Sản	Nguyễn Thị Hong Phúc	CNNHS	Nữ hộ sinh	025011/BYT	17/11/2014	49	Theo thông tư 12/2011 /TT- BYT ngày 15/3/2011	Hộ sinh	CN NHS	3	9
42	Phụ Sản	Đặng Thị Minh Tú	CNNHS	Nữ hộ sinh	0024960/BYT	17/11/2014	49	Theo thông tư 12/2011 /TT- BYT ngày 15/3/2011	Hộ sinh	CN NHS	3	9

TT	Trung tâm /khoa/phòng	Họ và tên	Học hàm, học vị	Chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề				Môn học	Dự kiến đào tạo	Số giường dự kiến	Số lượng HS/SV tối đa có thể nhận
					Số CCHN	Ngày cấp	Thời gian hành nghề sau cấp (tháng)	Phạm vi hành nghề				
43	Phụ Sản	Hà Thị Xuân	CNNHS	Nữ hộ sinh	0025168/BYT	31/12/2014	47	Theo thông tư 12/2011 /TT-BYT ngày 15/3/2011	Hộ sinh	CN NHS	3	9
44	Phụ Sản	Nguyễn Thị Phương Mai	CNNHS	Nữ hộ sinh	0023898/BYT	31/12/2014	47	Theo thông tư 12/2011 /TT-BYT ngày 15/3/2011	Hộ sinh	CN NHS	3	9
45	Phụ Sản	Ngô Thị Thúy Minh	CNNHS	Nữ hộ sinh	0025169/BYT	31/12/2014	47	Theo thông tư 12/2011 /TT-BYT ngày 15/3/2011	Hộ sinh	CN NHS	3	9
46	Phụ Sản	Hồ Thị Thanh Thúy	CNNHS	Nữ hộ sinh	0025240/BYT	31/12/2014	47	Theo thông tư 12/2011 /TT-BYT ngày 15/3/2011	Hộ sinh	CN NHS	3	9
47	Phụ Sản	Huỳnh Thị Ngọc Vân	CNNHS	Nữ hộ sinh	0026283/BYT	11/05/2015	43	Theo thông tư 12/2011 /TT-BYT ngày 15/3/2011	Hộ sinh	CN NHS	3	9
48	Phụ Sản	Lê Phước Thể Dung	NHS	Hộ sinh	0023652/BYT	28/10/2014	50	Thực hiện theo Thông tư số 12/2011/TT-BYT ngày 15/3/11	Hộ sinh	HS TH	130	390
49	Phụ Sản	Lê Thị Hồng	NHS	Hộ sinh	0023669/BYT	28/10/2014	50	Thực hiện theo Thông tư số 12/2011/TT-BYT ngày 15/3/11	Hộ sinh	HS TH		

TT	Trung tâm /khoa/phòng	Họ và tên	Học hàm, học vị	Chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề				Môn học	Dự kiến đào tạo	Số giường dự kiến	Số lượng HS/SV tối đa có thể nhận
					Số CCHN	Ngày cấp	Thời gian hành hành nghề sau cấp (tháng)	Phạm vi hành nghề				
50	Phụ Sản	Bùi Quý Nam Trân	NHS	Hộ sinh	0023678/BYT	28/10/2014	50	Thực hiện theo Thông tư số 12/2011/TT- BYT ngày 15/3/11	Hộ sinh	HS TH		
51	Phụ Sản	Phan Thị Thanh	NHS	Hộ sinh	0023642/BYT	28/10/2014	50	Thực hiện theo Thông tư số 12/2011/TT- BYT ngày 15/3/11	Hộ sinh	HS TH		
52	Phụ Sản	Phạm Thị Thuần	NHS	Hộ sinh	0023649/BYT	28/10/2014	50	Thực hiện theo Thông tư số 12/2011/TT- BYT ngày 15/3/11	Hộ sinh	HS TH		
53	Phụ Sản	Nguyễn Thị Thanh Hằng	NHS	Nữ hộ sinh	0023914/BYT	10/11/2014	49	Thực hiện theo Thông tư số 12/2011/TT- BYT ngày 15/3/11	Hộ sinh	HS TH		
54	Phụ Sản	Lê Thị Hòa	NHS	Nữ hộ sinh	0025292/BYT	31/12/2014	47	Thực hiện theo Thông tư số 12/2011/TT- BYT ngày 15/3/11	Hộ sinh	HS TH		
55	Phụ Sản	Phạm Thị Mỹ An	NHS	Nữ hộ sinh	0025190/BYT	31/12/2014	47	Thực hiện theo Thông tư số 12/2011/TT- BYT ngày 15/3/11	Hộ sinh	HS TH		

TT	Trung tâm /khoa/phòng	Họ và tên	Học hàm, học vị	Chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề				Môn học	Dự kiến đào tạo	Số giường dự kiến	Số lượng HS/SV tối đa có thể nhận
					Số CCHN	Ngày cấp	Thời gian hành hành nghề sau cấp (tháng)	Phạm vi hành nghề				
56	Phụ Sản	Nguyễn Thị Hồng Nhiên	NHS	Nữ hộ sinh	0025268/BYT	31/12/2014	47	Thực hiện theo Thông tư số 12/2011/TT- BYT ngày 15/3/11	Hộ sinh	HS TH		
57	Phụ Sản	Hà Thị Thanh Nhân	NHS	Nữ hộ sinh	0025242/BYT	31/12/2014	47	Thực hiện theo Thông tư số 12/2011/TT- BYT ngày 15/3/11	Hộ sinh	HS TH		
58	Phụ Sản	Thân Trọng Tú Vinh	NHS	Nữ hộ sinh	0026282/BYT	11/05/2015	43	Thực hiện theo Thông tư số 12/2011/TT- BYT ngày 15/3/11	Hộ sinh	HS TH		
59	Phụ Sản	Trương Thị Như Ý	NHS	Nữ hộ sinh	033961/BYT	08/06/2017	18	Thực hiện theo Thông tư số 12/2011/TT- BYT ngày 15/3/11	Hộ sinh	HS TH		
60	Phụ Sản	Nguyễn Thị Thành	NHS	Nữ hộ sinh	033952/BYT	08/06/2013	66	Thực hiện theo Thông tư số 12/2011/TT- BYT ngày 15/3/11	Hộ sinh	HS TH		
61	Phụ Sản	Tôn Nữ Quỳnh Nguyễn	NHS	Nữ hộ sinh	0010219/BYT	13/12/2013	60	Thực hiện theo Thông tư số 12/2011/TT- BYT ngày 15/3/11	Hộ sinh	HS TH		

TT	Trung tâm /khoa/phòng	Họ và tên	Học hàm, học vị	Chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề				Môn học	Dự kiến đào tạo	Số giường dự kiến	Số lượng HS/SV tối đa có thể nhận
					Số CCHN	Ngày cấp	Thời gian hành nghề sau cấp (tháng)	Phạm vi hành nghề				
62	Phụ Sản	Lê Thị Bạch Lê	NHS	Hộ sinh	0023657/BYT	28/10/2014	50	Thực hiện theo Thông tư số 12/2011/TT- BYT ngày 15/3/11	Hộ sinh	HS TH		
63	Phụ Sản	Trần Thị Gái	NHS	Hộ sinh	0023651/BYT	28/10/2014	50	Thực hiện theo Thông tư số 12/2011/TT- BYT ngày 15/3/11	Hộ sinh	HS TH		
64	Phụ Sản	Bùi Thị Minh Tâm	NHS	Hộ sinh	023659/BYT	28/10/2014	50	Thực hiện theo Thông tư số 12/2011/TT- BYT ngày 15/3/11	Hộ sinh	HS TH		
65	Phụ Sản	Nguyễn Vy Thủy	NHS	Hộ sinh	0023673/BYT	28/10/2014	50	Thực hiện theo Thông tư số 12/2011/TT- BYT ngày 15/3/11	Hộ sinh	HS TH		
66	Phụ Sản	Trần Thị Nga	NHS	Hộ sinh	0023654/BYT	28/10/2014	50	Thực hiện theo Thông tư số 12/2011/TT- BYT ngày 15/3/11	Hộ sinh	HS TH		
67	Phụ Sản	Phạm Thị Huyền Thanh	NHS	Hộ sinh	0023661/BYT	28/10/2014	50	Thực hiện theo Thông tư số 12/2011/TT- BYT ngày 15/3/11	Hộ sinh	HS TH		

TT	Trung tâm /khoa/phòng	Họ và tên	Học hàm, học vị	Chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề				Môn học	Dự kiến đào tạo	Số giường dự kiến	Số lượng HS/SV tối đa có thể nhận
					Số CCHN	Ngày cấp	Thời gian hành nghề sau cấp (tháng)	Phạm vi hành nghề				
68	Phụ Sản	Võ Hải Anh	NHS	Hộ sinh	0023679/BYT	28/10/2014	50	Thực hiện theo Thông tư số 12/2011/TT- BYT ngày 15/3/11	Hộ sinh	HS TH		
69	Phụ Sản	Đinh Thị Sen	NHS	Hộ sinh	0023645/BYT	28/10/2014	50	Thực hiện theo Thông tư số 12/2011/TT- BYT ngày 15/3/11	Hộ sinh	HS TH		
70	Phụ Sản	Phan Thị Thanh Toàn	NHS	Hộ sinh	0023677/BYT	28/10/2014	50	Thực hiện theo Thông tư số 12/2011/TT- BYT ngày 15/3/11	Hộ sinh	HS TH		
71	Phụ Sản	Nguyễn Thị Xuân	NHS	Hộ sinh	0023640/BYT	28/10/2014	50	Thực hiện theo Thông tư số 12/2011/TT- BYT ngày 15/3/11	Hộ sinh	HS TH		
72	Phụ Sản	Nguyễn Thị Đông Hiền	NHS	Hộ sinh	0023666/BYT	28/10/2014	50	Thực hiện theo Thông tư số 12/2011/TT- BYT ngày 15/3/11	Hộ sinh	HS TH		
73	Phụ Sản	Nguyễn Thị Trà	NHS	Hộ sinh	0023882/BYT	11/10/2014	50	Thực hiện theo Thông tư số 12/2011/TT- BYT ngày 15/3/11	Hộ sinh	HS TH		

TT	Trung tâm /khoa/phòng	Họ và tên	Học hàm, học vị	Chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề				Môn học	Dự kiến đào tạo	Số giường dự kiến	Số lượng HS/SV tối đa có thể nhận
					Số CCHN	Ngày cấp	Thời gian hành nghề sau cấp (tháng)	Phạm vi hành nghề				
74	Phụ Sản	Nguyễn Thị Vân Anh	NHS	Hộ sinh	0023672/BYT	28/10/2014	50	Thực hiện theo Thông tư số 12/2011/TT- BYT ngày 15/3/11	Hộ sinh	HS TH		
75	Phụ Sản	Trần Thị Huệ	NHS	Hộ sinh	0023641/BYT	28/10/2014	50	Thực hiện theo Thông tư số 12/2011/TT- BYT ngày 15/3/11	Hộ sinh	HS TH		
76	Phụ Sản	Phan Thị Phương Trang	NHS	Hộ sinh	0023680/BYT	28/10/2014	50	Thực hiện theo Thông tư số 12/2011/TT- BYT ngày 15/3/11	Hộ sinh	HS TH		
77	Phụ Sản	Lê Thị Thu Hiền	NHS	Hộ sinh	0023670/BYT	28/10/2014	50	Thực hiện theo Thông tư số 12/2011/TT- BYT ngày 15/3/11	Hộ sinh	HS TH		
78	Phụ Sản	Đỗ Thị Ngọc Minh	NHS	Hộ sinh	0023650/BYT	28/10/2014	50	Thực hiện theo Thông tư số 12/2011/TT- BYT ngày 15/3/11	Hộ sinh	HS TH		
79	Phụ Sản	Nguyễn Thị Thắm	NHS	Hộ sinh	0023674/BYT	28/10/2014	50	Thực hiện theo Thông tư số 12/2011/TT- BYT ngày 15/3/11	Hộ sinh	HS TH		

TT	Trung tâm /khoa/phòng	Họ và tên	Học hàm, học vị	Chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề				Môn học	Dự kiến đào tạo	Số giường dự kiến	Số lượng HS/SV tối đa có thể nhận
					Số CCHN	Ngày cấp	Thời gian hành hành nghề sau cấp (tháng)	Phạm vi hành nghề				
80	Phụ Sản	Trần Thị Sơn Bằng	NHS	Hộ sinh	0023658/BYT	28/10/2014	50	Thực hiện theo Thông tư số 12/2011/TT- BYT ngày 15/3/11	Hộ sinh	HS TH		
81	Phụ Sản	Nguyễn Thị Duy An	NHS	Hộ sinh	0023660/BYT	28/10/2014	50	Thực hiện theo Thông tư số 12/2011/TT- BYT ngày 15/3/11	Hộ sinh	HS TH		
82	Phụ Sản	Nguyễn Đức Hồng Thịnh	NHS	Nữ hộ sinh	0023911/BYT	10/11/2014	49	Thực hiện theo Thông tư số 12/2011/TT- BYT ngày 15/3/11	Hộ sinh	HS TH		
83	Phụ Sản	Văn Thị Thanh Phương	NHS	Nữ hộ sinh	0024998/BYT	17/11/2014	49	Thực hiện theo Thông tư số 12/2011/TT- BYT ngày 15/3/11	Hộ sinh	HS TH		
84	Phụ Sản	Cao Thị Tiểu My	NHS	Nữ hộ sinh	0024922/BYT	17/11/2014	49	Thực hiện theo Thông tư số 12/2011/TT- BYT ngày 15/3/11	Hộ sinh	HS TH		
85	Phụ Sản	Bùi Thị Thanh Tâm	NHS	Nữ hộ sinh	0024927/BYT	17/11/2014	49	Thực hiện theo Thông tư số 12/2011/TT- BYT ngày 15/3/11	Hộ sinh	HS TH		

TT	Trung tâm /khoa/phòng	Họ và tên	Học hàm, học vị	Chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề				Môn học	Dự kiến đào tạo	Số giường dự kiến	Số lượng HS/SV tối đa có thể nhận
					Số CCHN	Ngày cấp	Thời gian hành hành nghề sau cấp (tháng)	Phạm vi hành nghề				
86	Phụ Sản	Đào Thị Quỳnh Như	NHS	Nữ hộ sinh	024984/BYT	17/11/2014	49	Thực hiện theo Thông tư số 12/2011/TT- BYT ngày 15/3/11	Hộ sinh	HS TH		
87	Phụ Sản	Hồ Thị Nguyệt	NHS	Nữ hộ sinh	0024986/BYT	17/11/2014	49	Thực hiện theo Thông tư số 12/2011/TT- BYT ngày 15/3/11	Hộ sinh	HS TH		
88	Phụ Sản	Lê Thị Kim Oanh	NHS	Nữ hộ sinh	0023913/BYT	10/11/2014	49	Thực hiện theo Thông tư số 12/2011/TT- BYT ngày 15/3/11	Hộ sinh	HS TH		
89	Phụ Sản	Ngô Thị Phương Thảo	NHS	Nữ hộ sinh	0024957/BYT	17/11/2014	49	Thực hiện theo Thông tư số 12/2011/TT- BYT ngày 15/3/11	Hộ sinh	HS TH		
90	Phụ Sản	Nguyễn Thị Hòa	NHS	Nữ hộ sinh	0023884/BYT	10/11/2014	49	Thực hiện theo Thông tư số 12/2011/TT- BYT ngày 15/3/11	Hộ sinh	HS TH		
91	Phụ Sản	Phạm Lê Diễm Hằng	NHS	Nữ hộ sinh	0023893/BYT	10/11/2014	49	Thực hiện theo Thông tư số 12/2011/TT- BYT ngày 15/3/11	Hộ sinh	HS TH		

TT	Trung tâm /khoa/phòng	Họ và tên	Học hàm, học vị	Chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề				Môn học	Dự kiến đào tạo	Số giường dự kiến	Số lượng HS/SV tối đa có thể nhận
					Số CCHN	Ngày cấp	Thời gian hành hành nghề sau cấp (tháng)	Phạm vi hành nghề				
92	Phụ Sản	Trần Thị Xuân	NHS	Nữ hộ sinh	0023900/BYT	10/11/2014	49	Thực hiện theo Thông tư số 12/2011/TT- BYT ngày 15/3/11	Hộ sinh	HS TH		
93	Phụ Sản	Lê Thị Ngọc Hương	NHS	Nữ hộ sinh	0025007/BYT	17/11/2014	49	Thực hiện theo Thông tư số 12/2011/TT- BYT ngày 15/3/11	Hộ sinh	HS TH		
94	Phụ Sản	Huỳnh Thị Thu Hương	NHS	Nữ hộ sinh	0023887/BYT	10/11/2014	49	Thực hiện theo Thông tư số 12/2011/TT- BYT ngày 15/3/11	Hộ sinh	HS TH		
95	Phụ Sản	Phạm Thị Thúy	NHS	Nữ hộ sinh	0024958/BYT	17/11/2014	49	Thực hiện theo Thông tư số 12/2011/TT- BYT ngày 15/3/11	Hộ sinh	HS TH		
96	Phụ Sản	Nguyễn Thị Phụng	NHS	Nữ hộ sinh	0024976/BYT	17/11/2014	49	Thực hiện theo Thông tư số 12/2011/TT- BYT ngày 15/3/11	Hộ sinh	HS TH		
97	Phụ Sản	Đào Thị Diệp	NHS	Nữ hộ sinh	0023899/BYT	10/11/2014	49	Thực hiện theo Thông tư số 12/2011/TT- BYT ngày 15/3/11	Hộ sinh	HS TH		

TT	Trung tâm /khoa/phòng	Họ và tên	Học hàm, học vị	Chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề				Môn học	Dự kiến đào tạo	Số giường dự kiến	Số lượng HS/SV tối đa có thể nhận
					Số CCHN	Ngày cấp	Thời gian hành nghề sau cấp (tháng)	Phạm vi hành nghề				
98	Phụ Sản	Lê Thị Hoài Mơ	NHS	Nữ hộ sinh	0024921/BYT	17/11/2014	49	Thực hiện theo Thông tư số 12/2011/TT- BYT ngày 15/3/11	Hộ sinh	HS TH		
99	Phụ Sản	Hà Thị Thảo	NHS	Nữ hộ sinh	0023912/BYT	10/11/2014	49	Thực hiện theo Thông tư số 12/2011/TT- BYT ngày 15/3/11	Hộ sinh	HS TH		
100	Phụ Sản	Võ Thị Ngọc Diễm	NHS	Nữ hộ sinh	0024837/BYT	17/11/2014	49	Thực hiện theo Thông tư số 12/2011/TT- BYT ngày 15/3/11	Hộ sinh	HS TH		
101	Phụ Sản	Lê Thị Ái Ni	NHS	Nữ hộ sinh	0024923/BYT	17/11/2014	49	Thực hiện theo Thông tư số 12/2011/TT- BYT ngày 15/3/11	Hộ sinh	HS TH		
102	Phụ Sản	Nguyễn Thị Ngọc Ánh	NHS	Nữ hộ sinh	0023932/BYT	10/11/2014	49	Thực hiện theo Thông tư số 12/2011/TT- BYT ngày 15/3/11	Hộ sinh	HS TH		
103	Phụ Sản	Lê Thị Thúy Anh	NHS	Nữ hộ sinh	0023896/BYT	10/11/2014	49	Thực hiện theo Thông tư số 12/2011/TT- BYT ngày 15/3/11	Hộ sinh	HS TH		

TT	Trung tâm /khoa/phòng	Họ và tên	Học hàm, học vị	Chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề				Môn học	Dự kiến đào tạo	Số giường dự kiến	Số lượng HS/SV tối đa có thể nhận
					Số CCHN	Ngày cấp	Thời gian hành nghề sau cấp (tháng)	Phạm vi hành nghề				
104	Phụ Sản	Nguyễn Hoàng Như Uyên	NHS	Nữ hộ sinh	0025241/BYT	31/12/2014	47	Thực hiện theo Thông tư số 12/2011/TT- BYT ngày 15/3/11	Hộ sinh	HS TH		
105	Phụ Sản	Bùi Thị Mỹ	NHS	Nữ hộ sinh	0025290/BYT	31/12/2014	47	Thực hiện theo Thông tư số 12/2011/TT- BYT ngày 15/3/11	Hộ sinh	HS TH		
106	Phụ Sản	Lê Thị Hồng Nga	NHS	Nữ hộ sinh	0025208/BYT	31/12/2014	47	Thực hiện theo Thông tư số 12/2011/TT- BYT ngày 15/3/11	Hộ sinh	HS TH		
107	Phụ Sản	Huỳnh Thị Bích Đào	NHS	Nữ hộ sinh	0025196/BYT	31/12/2014	47	Thực hiện theo Thông tư số 12/2011/TT- BYT ngày 15/3/11	Hộ sinh	HS TH		
108	Phụ Sản	Tôn Nữ Mỹ Ý	NHS	Nữ hộ sinh	0025239/BYT	31/12/2014	47	Thực hiện theo Thông tư số 12/2011/TT- BYT ngày 15/3/11	Hộ sinh	HS TH		
109	Phụ Sản	Võ Thị Kim Chi	NHS	Nữ hộ sinh	0026285/BYT	11/05/2015	43	Thực hiện theo Thông tư số 12/2011/TT- BYT ngày 15/3/11	Hộ sinh	HS TH		

TT	Trung tâm /khoa/phòng	Họ và tên	Học hàm, học vị	Chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề				Môn học	Dự kiến đào tạo	Số giường dự kiến	Số lượng HS/SV tối đa có thể nhận
					Số CCHN	Ngày cấp	Thời gian hành hành nghề sau cấp (tháng)	Phạm vi hành nghề				
110	Phụ Sản	Võ Thị Hoài Nam	NHS	Nữ hộ sinh	0026314/BYT	01/06/2015	42	Thực hiện theo Thông tư số 12/2011/TT- BYT ngày 15/3/11	Hộ sinh	HS TH		
111	Phụ Sản	Trần Thị Ngọc Bích	NHS	Nữ hộ sinh	034101/BYT	08/06/2017	18	Thực hiện theo Thông tư số 12/2011/TT- BYT ngày 15/3/11	Hộ sinh	HS TH		
112	Phụ Sản	Ngô thị Uy	NHS	Nữ hộ sinh	034111/BYT	08/06/2017	18	Thực hiện theo Thông tư số 12/2011/TT- BYT ngày 15/3/11	Hộ sinh	HS TH		
113	Phụ Sản	Hồ Thị Bửu Hy	NHS	Nữ hộ sinh	034020/BYT	08/06/2017	18	Thực hiện theo Thông tư số 12/2011/TT- BYT ngày 15/3/11	Hộ sinh	HS TH		
114	Phụ Sản	Dương Thị Mộng Hương	NHS	Nữ hộ sinh	034117/BYT	08/06/2017	18	Thực hiện theo Thông tư số 12/2011/TT- BYT ngày 15/3/11	Hộ sinh	HS TH		
115	Phụ Sản	Trần Thị Dương	NHS	Nữ hộ sinh	034128/BYT	08/06/2017	18	Thực hiện theo Thông tư số 12/2011/TT- BYT ngày 15/3/11	Hộ sinh	HS TH		

TT	Trung tâm /khoa/phòng	Họ và tên	Học hàm, học vị	Chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề				Môn học	Dự kiến đào tạo	Số giường dự kiến	Số lượng HS/SV tối đa có thể nhận
					Số CCHN	Ngày cấp	Thời gian hành nghề sau cấp (tháng)	Phạm vi hành nghề				
116	Phụ Sản	Hoàng Thị Hương	NHS	Nữ hộ sinh	025216/BYT	12/09/2017	15	Thực hiện theo Thông tư số 12/2011/TT- BYT ngày 15/3/11	Hộ sinh	HS TH		
117	Phụ Sản	Đoàn Thị Tường Anh	NHS	Nữ hộ sinh	037037/BYT	12/09/2017	15	Thực hiện theo Thông tư số 12/2011/TT- BYT ngày 15/3/11	Hộ sinh	HS TH		

Huế, ngày 24 tháng 12 năm 2018

BẢN CÔNG BỐ

**Đáp ứng yêu cầu là cơ sở thực hành trong đào tạo ngành Ung thư - Y học hạt nhân
TRUNG TÂM UNG BƯỚU - Y HỌC HẠT NHÂN**

Căn cứ Nghị định số 111/2017/NĐ-CP ngày 05 tháng 10 năm 2017 của Chính phủ quy định về tổ chức đào tạo thực hành trong đào tạo khối ngành sức khỏe, **TT Ung bướu-Y học hạt nhân** công bố đã đáp ứng yêu cầu để tổ chức đào tạo thực hành theo quy định với các nội dung sau đây:

I. ĐIỀU KIỆN CHUNG

1. Phạm vi hoạt động chuyên môn: Khám chữa bệnh Tuyến 1, các chuyên khoa:

- Ung thư và Y học hạt nhân

2. Cơ sở vật chất, trang thiết bị:

- Tổng số giường bệnh: 592

- Số thiết bị: 9 (Máy gia tốc: 02 (1 PRECISE và 1 AXESSE); Máy pha hóa chất: 02; Máy SPECT/CT, máy đo tổng hoạt tính, máy đo mẫu xét nghiệm RIA, máy đo độ tập trung I-ốt 131, máy rà ô nhiễm phóng xạ).

- Phòng: 02 phòng giao ban trung tâm, 05 phòng giao ban khoa, 12 phòng trực, 08 phòng Hành chính, 77 phòng bệnh, 01 phòng máy SPECT/CT, 04 phòng khám bệnh, 01 phòng Hotlap, 1 phòng xét nghiệm RIA, 01 phòng xét nghiệm máu, 02 phòng siêu âm, 01 phòng nội soi, 01 phòng xạ áp sát liều thấp, 02 phòng xạ gia tốc, 01 phòng lập kế hoạch, 01 phòng mô.

3. Nhân lực đủ điều kiện tham gia giảng dạy thực hành:

- Tổng số: **66** (có danh sách kèm theo)

- Phân chia theo chức danh:

TT	Chức danh	Số lượng	Chuyên ngành/Phạm vi hoạt động chuyên môn
1.	PGS.TS.BS	01	Ung bướu - Thâm mỹ
2.	TS.BS	02	Ung bướu
3.	BSCKII	07	Ung bướu (4), Nội tổng hợp (2), Sản (1)
4.	BSCKI	03	Ung bướu
5.	ThS.BS	08	Đa khoa (2), Ngoại khoa (3), TMH (1), Ung bướu (1), XN YHHN (1)
6.	BS	01	Nội tổng hợp (1)
7.	Cử nhân Điều dưỡng	14	Điều dưỡng
8.	Điều dưỡng CD/Trung học	20	Điều dưỡng
9.	Kỹ thuật viên	02	Điều dưỡng
10.	Cử nhân kỹ thuật y học	04	Xét nghiệm YHHN
11.	NHSTH	01	NHS
Tổng số		63	

PHÊ DUYỆT
GIÁM ĐỐC

GS.TS. Phạm Như Hiệp

P. TRƯỞNG KHOA


PGS.TS. Nguyễn Đình Cường

*** Phụ lục: Danh sách tham gia giảng dạy thực hành của TT Ung bướu - Y học hạt nhân**

TT	Trung tâm /khoa/phòng	Họ và tên	Học hàm, học vị	Chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề				Môn học	Dự kiến đào tạo	Số giường dự kiến	Số lượng HS/SV tối đa có thể nhận
					Số CCHN	Ngày cấp	Thời gian hành nghề sau cấp (tháng)	Phạm vi hành nghề				
1	TT Ung bướu - YHHN	Nguyễn Đình Tùng	PGS. TS. BS	Ngoại – ung thư, PT tạo hình thẩm mỹ	003085/ BYT-CCHN	21/01/2013	71	Ung thư, tạo hình thẩm mỹ	Ngoại – ung thư, PT tạo hình thẩm mỹ	SĐH Ung thư, Tạo hình thẩm mỹ, ĐHY ĐK	2	6
2	TT Ung bướu - YHHN	Mai Đình Điều	TS. BS	Ngoại - ung thư	003086/ BYT-CCHN	21/01/2013	71	Ung thư	Ngoại - ung thư	SĐH Ngoại, Ung thư, ĐHY ĐK	2	6
3	TT Ung bướu - YHHN	Phạm Nguyên Tường	TS. BS	Ung thư	003084/ BYT-CCHN	21/01/2013	71	Ung thư	Ung thư	SĐH Ung thư, ĐHY ĐK	2	6
4	TT Ung bướu - YHHN	Trần Văn Chương	BSCKII	Chuyên ngành nội	003099/ BYT-CCHN	21/01/2013	71	Nội tổng hợp	Nội tổng hợp	SĐH Nội khoa, ĐHY ĐK	2	6
5	TT Ung bướu - YHHN	Trần Văn Tri	BSCKII	Chuyên ngành nội	003098/ BYT-CCHN	21/01/2013	71	Nội tổng hợp	Nội tổng hợp	SĐH Nội khoa, ĐHY ĐK	2	6
6	TT Ung bướu - YHHN	Nguyễn Tựu	BSCKII	Ngoại – sản	007396/ BYT-CCHN	23/09/2013	63	Sản	Ngoại – sản	SĐH Ngoại Sản, ĐHY ĐK	2	6
7	TT Ung bướu - YHHN	Nguyễn Thanh Ái	BSCKII	Ngoại – ung thư	0023303 /BYT-CCHN	22/10/2014	50	Ung thư	Ngoại – ung thư	SĐH Ngoại, Ung thư, ĐHY ĐK	2	6

TT	Trung tâm /khoa/phòng	Họ và tên	Học hàm, học vị	Chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề				Môn học	Dự kiến đào tạo	Số giường dự kiến	Số lượng HS/SV tối đa có thể nhận
					Số CCHN	Ngày cấp	Thời gian hành nghề sau cấp (tháng)	Phạm vi hành nghề				
8	TT Ung bướu - YHHN	Phan Cảnh Duy	ThS. BS	Ngoại – ung thư	0023304 /BYT-CCHN	22/10/2014	50	Ung thư	Ngoại - ung thư	SDH Ngoại, Ung thư, ĐHY ĐK	2	6
9	TT Ung bướu - YHHN	Phan Thị Đỗ Quyên	BSCKI	Ung thư	0023297 /BYT-CCHN	22/10/2014	50	Ung thư	Ung thư	ĐHY ĐK	10	30
10	TT Ung bướu - YHHN	Phạm Mai Thủy Tiên	BSCKI	Ung thư	0023141 /BYT/CCHN	22/10/2014	48	Ung thư	Ung thư	ĐHY ĐK		
11	TT Ung bướu - YHHN	Đặng Hoài Bảo	ThsBS	Tai mũi họng	0002996 /THH-CCHN	01/03/2017	19	Đa khoa	Đa khoa	ĐHY ĐK		
12	TT Ung bướu - YHHN	La Thị Hoàng Oanh	ThS. BS	Huyết học	000281/ ĐNA-CCHN	21/07/2012	77	Đa khoa	Huyết học	ĐHY ĐK	10	30
13	TT Ung bướu - YHHN	Trần Nhật Huy	ThS. BS	Tai mũi họng	003086/ TTH-CCHN	14/04/2016	30	Tai mũi họng	Tai mũi họng	ĐHY ĐK		
14	TT Ung bướu - YHHN	Nguyễn Thị Thuý Hằng	BS	Chuyên ngành nội	007401/ BYT-CCHN	23/09/2013	63	Nội tổng hợp	Nội khoa	ĐHY ĐK		
15	TT Ung bướu - YHHN	Nguyễn Thị Diệu My	CNDD	Điều dưỡng đa khoa	0023873 /BYT-CCHN	11/10/2014	50	Thực hiện theo QĐ số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	Điều dưỡng	ĐD ĐH	20	60

TT	Trung tâm /khoa/phòng	Họ và tên	Học hàm, học vị	Chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề				Môn học	Dự kiến đào tạo	Số giường dự kiến	Số lượng HS/SV tối đa có thể nhận
					Số CCHN	Ngày cấp	Thời gian hành nghề sau cấp (tháng)	Phạm vi hành nghề				
16	TT Ung bướu - YHHN	Phan Thị Ái Châu	CNDD	Điều dưỡng đa khoa	0023140 /BYT- CCHN	22/10/2014	50	Thực hiện theo QĐ số 41/2005/QĐ- BNV ngày 22/4/2005	Điều dưỡng	ĐD ĐH		
17	TT Ung bướu - YHHN	Phạm Thị Hồng Hạnh	CNDD	Điều dưỡng đa khoa	0023144 /BYT- CCHN	22/10/2014	50	Thực hiện theo QĐ số 41/2005/QĐ- BNV ngày 22/4/2005	Điều dưỡng	ĐD ĐH		
18	TT Ung bướu - YHHN	Hồ Thị Cẩm Quý	CNDD	Điều dưỡng đa khoa	0023135 /BYT- CCHN	22/10/2014	50	Thực hiện theo QĐ số 41/2005/QĐ- BNV ngày 22/4/2005	Điều dưỡng	ĐD ĐH		
19	TT Ung bướu - YHHN	Đậu Thị Thanh	CNDD	Điều dưỡng đa khoa	0023305 /BYT_C CHN	22/10/2014	50	Thực hiện theo QĐ số 41/2005/QĐ- BNV ngày 22/4/2005	Điều dưỡng	ĐD ĐH		
20	TT Ung bướu - YHHN	Đinh Thị Phương Thủy	CNDD	Điều dưỡng đa khoa	0023384 /BYT- CCHN	22/10/2014	48	Thực hiện theo QĐ số 41/2005/QĐ- BNV ngày 22/4/2005	Điều dưỡng	ĐD ĐH		

TT	Trung tâm /khoa/phòng	Họ và tên	Học hàm, học vị	Chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề				Môn học	Dự kiến đào tạo	Số giường dự kiến	Số lượng HS/SV tối đa có thể nhận
					Số CCHN	Ngày cấp	Thời gian hành nghề sau cấp (tháng)	Phạm vi hành nghề				
21	TT Ung bướu - YHHN	Trần Thị Ngọc Nga	CNDD	Điều dưỡng đa khoa	0025186 /BYTC-CHN	31/12/2014	47	Thực hiện theo QĐ số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	Điều dưỡng	ĐD CĐ	5	15
22	TT Ung bướu - YHHN	Phan Thị Kim Xuân	CNDD	Điều dưỡng đa khoa	0025155 /BYT-CCHN	31/12/2014	47	Thực hiện theo QĐ số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	Điều dưỡng	ĐD CĐ	5	15
23	TT Ung bướu - YHHN	Võ Thị Hồng Bích	CNDD	Điều dưỡng đa khoa	0025267 /BYT/C-CHN	31/12/2014	47	Thực hiện theo QĐ số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	Điều dưỡng	ĐD CĐ	5	15
24	TT Ung bướu - YHHN	Hồ Thị Phương Thảo	CNDD	Điều dưỡng đa khoa	034001/ BYT-CCHN	08/06/2017	16	Thực hiện theo QĐ số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	Điều dưỡng	ĐD CĐ	5	15
25	TT Ung bướu - YHHN	Hồ Phương Thảo	CNDD	Điều dưỡng đa khoa	033874/ BYT-CCHN	08/06/2017	16	Thực hiện theo QĐ số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	Điều dưỡng	ĐD CĐ	5	15
26	TT Ung bướu - YHHN	Nguyễn Thị Bảo Ngọc	CNDD	Điều dưỡng đa khoa	034051/ BYT-CCHN	06/08/2017	14	Thực hiện theo QĐ số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	Điều dưỡng	ĐD CĐ	5	15

TT	Trung tâm /khoa/phòng	Họ và tên	Học hàm, học vị	Chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề				Môn học	Dự kiến đào tạo	Số giường dự kiến	Số lượng HS/SV tối đa có thể nhận
					Số CCHN	Ngày cấp	Thời gian hành nghề sau cấp (tháng)	Phạm vi hành nghề				
27	TT Ung bướu - YHHN	Thái Thị Mai	CNDD	Điều dưỡng đa khoa	033876/ BYT-CCHN	06/08/2017	14	Thực hiện theo QĐ số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	Điều dưỡng	ĐD CĐ	5	15
28	TT Ung bướu - YHHN	Mai Thị Huỳnh Thi	CĐDD	Điều dưỡng đa khoa	003502/ TTH-CCHN	23/03/2017	19	Điều dưỡng	Điều dưỡng	ĐD CĐ	5	15
29	TT Ung bướu - YHHN	Phạm Thị Huê	CĐDD	Điều dưỡng đa khoa	003505/ TTH-CCHN	23/03/2017	19	Điều dưỡng	Điều dưỡng	ĐD CĐ	5	15
30	TT Ung bướu - YHHN	Châu Thị Diễm Thi	CĐDD	Điều dưỡng đa khoa	003513/ TTH-CCHN	23/03/2017	19	Điều dưỡng	Điều dưỡng	ĐD CĐ	5	15
31	TT Ung bướu - YHHN	Huỳnh Thị Quyên	CĐDD	Điều dưỡng đa khoa	034010/ BYT-CCHN	08/06/2017	16	Điều dưỡng	Điều dưỡng	ĐD CĐ	5	15
32	TT Ung bướu - YHHN	Hồ Thị Hảo	CĐDD	Điều dưỡng đa khoa	033978/ BYT-CCHN	08/06/2017	16	Điều dưỡng	Điều dưỡng	ĐD CĐ	5	15
33	TT Ung bướu - YHHN	Nguyễn Thị Hương	CĐDD	Điều dưỡng đa khoa	034028/ BYT-CCHN	08/06/2017	16	Điều dưỡng	Điều dưỡng	ĐD CĐ	5	15
34	TT Ung bướu - YHHN	Nguyễn Thị Hoàng Oanh	CĐDD	Điều dưỡng đa khoa	034054/ BYT-CCHN	06/08/2017	14	Điều dưỡng	Điều dưỡng	ĐD CĐ	5	15

TT	Trung tâm /khoa/phòng	Họ và tên	Học hàm, học vị	Chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề				Môn học	Dự kiến đào tạo	Số giường dự kiến	Số lượng HS/SV tối đa có thể nhận
					Số CCHN	Ngày cấp	Thời gian hành nghề sau cấp (tháng)	Phạm vi hành nghề				
35	TT Ung bướu - YHHN	Lê Thị Thu Thúy	CĐDD	Điều dưỡng đa khoa	033877/ BYT-CCHN	06/08/2017	14	Điều dưỡng	Điều dưỡng	ĐD CĐ	5	15
36	TT Ung bướu - YHHN	Đoàn Thị Như Phượng	ĐDTH	Điều dưỡng đa khoa	0023302 /BYT-CCHN	10/02/2014	58	Điều dưỡng	Điều dưỡng	ĐD TH	5	15
37	TT Ung bướu - YHHN	Nguyễn Thị Diệu Anh	ĐDTH	Điều dưỡng đa khoa	0023142 /BYT-CCHN	22/10/2014	50	Điều dưỡng	Điều dưỡng	ĐD TH	5	15
38	TT Ung bướu - YHHN	Phạm Thị Vân Anh	ĐDTH	Điều dưỡng đa khoa	0023138 /BYT-CCHN	22/10/2014	50	Điều dưỡng	Điều dưỡng	ĐD TH	5	15
39	TT Ung bướu - YHHN	Võ Thị Phượng	ĐDTH	Điều dưỡng đa khoa	023136/ BYT-CCHN	22/10/2014	50	Điều dưỡng	Điều dưỡng	ĐD TH	5	15
40	TT Ung bướu - YHHN	Nguyễn Thị Thanh Lan	ĐDTH	Điều dưỡng đa khoa	0023300 /BYT-CCHN	22/10/2014	50	Điều dưỡng	Điều dưỡng	ĐD TH	5	15
41	TT Ung bướu - YHHN	Nguyễn Cao Dũng	ĐDTH	Điều dưỡng đa khoa	0023301 /BYT-CCHN	22/10/2014	50	Điều dưỡng	Điều dưỡng	ĐD TH	5	15
42	TT Ung bướu - YHHN	Huỳnh Thị Minh Thảo	ĐDTH	Điều dưỡng đa khoa	0023139 /BYT-CCHN	22/10/2014	48	Điều dưỡng	Điều dưỡng	ĐD TH	5	15

TT	Trung tâm /khoa/phòng	Họ và tên	Học hàm, học vị	Chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề				Môn học	Dự kiến đào tạo	Số giường dự kiến	Số lượng HS/SV tối đa có thể nhận
					Số CCHN	Ngày cấp	Thời gian hành nghề sau cấp (tháng)	Phạm vi hành nghề				
43	TT Ung bướu - YHHN	Trần Thị Thùy Linh	ĐDTH	Điều dưỡng đa khoa	0023875 /BYT-CCHN	10/11/2014	47	Điều dưỡng	Điều dưỡng	ĐD TH	5	15
44	TT Ung bướu - YHHN	Tôn Nữ Thanh Hương	ĐDTH	Điều dưỡng đa khoa	034148/ BYT-CCHN	08/06/2017	16	Điều dưỡng	Điều dưỡng	ĐD TH	5	15
45	TT Ung bướu - YHHN	Trương Thu Hà	ĐDTH	Điều dưỡng đa khoa	034147/ BYT-CCHN	08/06/2017	16	Điều dưỡng	Điều dưỡng	ĐD TH	5	15
46	TT Ung bướu - YHHN	Nguyễn Hoàng Băng Châu	ĐDTH	Điều dưỡng đa khoa	034145/ BYT-CCHN	08/06/2017	16	Điều dưỡng	Điều dưỡng	ĐD TH	5	15
47	TT Ung bướu - YHHN	Trương Thị Hoàn	ĐDTH	Điều dưỡng đa khoa	034088/ BYT-CCHN	08/06/2017	16	Điều dưỡng	Điều dưỡng	ĐD TH	5	15
48	TT Ung bướu - YHHN	Nguyễn Thị Thân Mến	ĐDTH	Điều dưỡng đa khoa	033844/ BYT-CCHN	06/08/2017	14	Điều dưỡng	Điều dưỡng	ĐD TH	5	15
49	TT Ung bướu - YHHN	Nguyễn Văn Lanh	ĐDTH	Điều dưỡng đa khoa	033878/ BYT-CCHN	06/08/2017	14	Điều dưỡng	Điều dưỡng	ĐD TH	5	15
50	TT Ung bướu - YHHN	Lê Thị Hoài	NHSTH	Hộ sinh	0023299 /BYT-CCHN	22/10/2014	50	Thực hiện theo Thông tư số 12/2011/TT-BYT ngày	Hộ sinh	HS TH	5	15

TT	Trung tâm /khoa/phòng	Họ và tên	Học hàm, học vị	Chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề				Môn học	Dự kiến đào tạo	Số giường dự kiến	Số lượng HS/SV tối đa có thể nhận
					Số CCHN	Ngày cấp	Thời gian hành nghề sau cấp (tháng)	Phạm vi hành nghề				
								15/3/11				
51	TT Ung bướu - YHHN	Dương Đức Danh	CNKTYH- XN	YHHN	024949/ BYT- CCHN	17/11/2014	49	Xét nghiệm YHHN	Kỹ thuật Y học - XN	CN KTYH- XN	13	39
52	TT Ung bướu - YHHN	Nguyễn Đăng Chung	CNKTYH	YHHN	025001/ BYT- CCHN	17/11/2014	49	Xét nghiệm YHHN	Kỹ thuật Y học - XN	CN KTYH- XN		
53	TT Ung bướu - YHHN	Thủy Thanh Thiện	CNKTYH	YHHN	024959/ BYT- CCHN	17/11/2014	49	Xét nghiệm YHHN	Kỹ thuật Y học - XN	CN KTYH- XN		
54	TT Ung bướu - YHHN	Võ Thanh Hải	CNKTYH	YHHN	025286/ BYT- CCHN	31/12/2014	47	Xét nghiệm YHHN	Kỹ thuật Y học - XN	CN KTYH- XN		

BẢN CÔNG BỐ

Đáp ứng yêu cầu là cơ sở thực hành trong đào tạo ngành Nhi khoa

TRUNG TÂM NHI

Căn cứ Nghị định số 111/2017/NĐ-CP ngày 05 tháng 10 năm 2017 của Chính phủ quy định về tổ chức đào tạo thực hành trong đào tạo khối ngành sức khỏe, **Trung tâm Nhi** công bố đã đáp ứng yêu cầu để tổ chức đào tạo thực hành theo quy định với các nội dung sau đây:

I. ĐIỀU KIỆN CHUNG

1. Phạm vi hoạt động chuyên môn: Khám chữa bệnh Tuyến 1, các chuyên khoa:

- Nhi tổng quát
- Nhi Truyền nhiễm
- Nhi Tiêu hóa – Dinh dưỡng
- Nhi Tim mạch
- Nhi Hô Hấp
- Nhi Hồi sức – Cấp cứu
- Nhi Sơ sinh
- Nhi Huyết học – Ung bướu
- Nhi Thần kinh – Nội Tiết – Thận Tiết niệu

2. Cơ sở vật chất, trang thiết bị:

- Tổng số giường bệnh: 315
- Số thiết bị:
 - + Máy thở: 09
 - + Monitor: 11
 - + Đèn chiếu vàng da: 06
 - + Máy siêu âm: 02
 - + X-quang tại giường: 01
 - + Máy xét nghiệm huyết học: 01
 - + Máy điện tim: 01
 - + Máy điện não: 01
- Phòng: 01 hội trường, 04 phòng giao ban khoa, 04 phòng trực, 01 phòng Hành chính, 50 phòng bệnh.

3. Nhân lực đủ điều kiện tham gia giảng dạy thực hành:

- Tổng số: **92** (có danh sách kèm theo): Phân chia theo chức danh:

TT	Chức danh	Số lượng	Chuyên ngành/Phạm vi hoạt động chuyên môn
1.	Tiến sĩ. Bác sĩ	1	Nhi khoa Tổng quát
2.	Bác sĩ chuyên khoa II	9	2 Tiêu hóa; 1 Sơ sinh; 1 Thận; 1 Hô Hấp; 1 Nội tiết; 3 Tổng quát
3.	Ths Bác sĩ	9	9 Nhi Tổng quát
4.	Bác sĩ CK1	3	3 Nhi Tổng quát
5.	Điều dưỡng CKI	2	Điều dưỡng
6.	Cử nhân Điều dưỡng	20	Điều dưỡng
7.	Cử nhân Kỹ thuật viên	3	Xét nghiệm
8.	Cao đẳng Điều dưỡng	4	Điều dưỡng
9.	Điều dưỡng Trung học	41	Điều dưỡng
Tổng số		92	

PHÊ DUYỆT
GIÁM ĐỐC

GS.TS. **Phạm Như Hiệp**

GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM


TS.BS **Trần Kiêm Hải**

*** Phụ lục: Danh sách tham gia giảng dạy thực hành của Trung tâm Nhi**

TT	Trung tâm /khoa/phòng	Họ và tên	Học hàm, học vị	Chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề				Môn học	Dự kiến đào tạo	Số giường dự kiến	Số lượng HS/SV tối đa có thể nhận
					Số CCHN	Ngày cấp	Thời gian hành nghề sau cấp (tháng)	Phạm vi hành nghề				
1	Trung tâm Nhi	Trần Kiêm Hào	TS. BS	Bác Sỹ Nhi	002364/BYT-CCHN	12/12/2012	72	KB chữa bệnh CK Nhi	Nhi khoa	SĐH Nhi, ĐHY ĐK	2	6
2	Trung tâm Nhi	Phan Xuân Mai	BSCKII	Bác Sỹ Nhi	002354/BYT-CCHN	12/12/2012	72	KB chữa bệnh CK Nhi	Nhi khoa	SĐH Nhi, ĐHY ĐK	2	6
3	Trung tâm Nhi	Nguyễn Thị Diễm Chi	BSCKII	Bác Sỹ Nhi	002357/BYT-CCHN	12/12/2012	72	KB chữa bệnh CK Nhi	Nhi khoa	SĐH Nhi, ĐHY ĐK	2	6
4	Trung tâm Nhi	Châu Văn Hà	BSCKII	Bác Sỹ Nhi	002368/BYT-CCHN	12/12/2012	72	KB chữa bệnh CK Nhi	Nhi khoa	SĐH Nhi, ĐHY ĐK	2	6
5	Trung tâm Nhi	Nguyễn Thái Hưng	BSCKII	Bác Sỹ Nhi	002360/BYT-CCHN	12/12/2013	60	KB chữa bệnh CK Nhi	Nhi khoa	SĐH Nhi, ĐHY ĐK	2	6
6	Trung tâm Nhi	Phan Huy Thuần	BSCKII	Bác Sỹ Nhi	002366/BYT-CCHN	12/12/2012	72	KB chữa bệnh CK Nhi	Nhi khoa	SĐH Nhi, ĐHY ĐK	2	6
7	Trung tâm Nhi	Nguyễn Đắc Lương	BSCKII	Bác Sỹ Nhi	002365/BYT-CCHN	12/12/2012	72	KB chữa bệnh CK Nhi	Nhi khoa	SĐH Nhi, ĐHY ĐK	2	6
8	Trung tâm Nhi	Lê Thị Công Hoa	BSCKII	Bác Sỹ Nhi	002473/BYT-CCHN	28/12/2012	72	KB chữa bệnh CK Nhi	Nhi khoa	SĐH Nhi, ĐHY ĐK	2	6
9	Trung tâm Nhi	Hoàng Mai Linh	BSCKII	Bác Sỹ Nhi	002361/BYT-CCHN	12/12/2012	72	KB chữa bệnh CK Nhi	Nhi khoa	SĐH Nhi, ĐHY ĐK	2	6
10	Trung tâm Nhi	Nguyễn Mạnh Phú	BSCKII	Bác Sỹ Nhi	007393/BYT-CCHN	12/12/2012	72	KB chữa bệnh CK Nhi	Nhi khoa	SĐH Nhi, ĐHY ĐK	2	6
11	Trung tâm Nhi	Đào Thị Tâm Châu	ThS. BS	Bác Sỹ Nhi	0024952/BYT-CCHN	17/11/2014	49	KB chữa bệnh CK Nhi	Nhi khoa	SĐH Nhi, ĐHY ĐK	2	6
12	Trung tâm Nhi	Nguyễn Thị Kim Hoa	ThS. BS	Bác Sỹ Nhi	000377/BYT-CCHN	15/09/2012	75	KB chữa bệnh CK Nhi	Nhi khoa	SĐH Nhi, ĐHY ĐK	2	6

TT	Trung tâm /khoa/phòng	Họ và tên	Học hàm, học vị	Chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề				Môn học	Dự kiến đào tạo	Số giường dự kiến	Số lượng HS/SV tối đa có thể nhận
					Số CCHN	Ngày cấp	Thời gian hành hành nghề sau cấp (tháng)	Phạm vi hành nghề				
13	Trung tâm Nhi	Nguyễn Hữu Sơn	ThS. BS	Bác Sỹ Nhi	002359/BYT- CCHN	12/12/2012	72	KB chữa bệnh CK Nhi	Nhi khoa	SĐH Nhi, ĐHY ĐK	2	6
14	Trung tâm Nhi	Nguyễn Thị Thảo Trình	ThS. BS	Bác Sỹ Nhi	0025217/BYT- CCHN	31/12/2014	47	KB chữa bệnh CK Nhi	Nhi khoa	ĐHY ĐK	30	90
15	Trung tâm Nhi	Nguyễn Thị Mỹ Vân	ThS. BS	Bác Sỹ Nhi	0025213/BYT- CCHN	31/12/2014	47	KB chữa bệnh CK Nhi	Nhi khoa	ĐHY ĐK		
16	Trung tâm Nhi	Nguyễn Thị Hong Hà	ThS. BS	Bác Sỹ Nhi	002474/BYT- CCHN	28/12/2012	72	KB chữa bệnh CK Nhi	Nhi khoa	ĐHY ĐK		
17	Trung tâm Nhi	Trần Duy Vĩnh	ThS. BSCKII	Bác Sỹ Nhi	002472/BYT- CCHN	28/12/2012	72	KB chữa bệnh CK Nhi	Nhi khoa	ĐHY ĐK		
18	Trung tâm Nhi	Phạm Hữu Trí	ThS. BS	Bác Sỹ Nhi	003148/BYT- CCHN	29/01/2013	70	KB chữa bệnh CK Nhi	Nhi khoa	ĐHY ĐK		
19	Trung tâm Nhi	Nguyễn Ngọc Mình Châu	ThS. BS	Bác Sỹ Nhi	002375/BYT- CCHN	12/12/2012	72	KB chữa bệnh CK Nhi	Nhi khoa	ĐHY ĐK		
20	Trung tâm Nhi	Ngô Đức Sỹ	BSCKII	Bác Sỹ Nhi	002475/BYT- CCHN	28/12/2014	48	KB chữa bệnh CK Nhi	Nhi khoa	ĐHY ĐK		
21	Trung tâm Nhi	Đặng Phước Mình Đức	BSCKI	Bác Sỹ Nhi	002476/BYT- CCHN	28/12/2012	72	KB chữa bệnh CK Nhi	Nhi khoa	ĐHY ĐK		
22	Trung tâm Nhi	Phan Thị Bích Chi	BSCKI	Bác Sỹ Nhi	002356/BYT- CCHN	12/12/2012	72	KB chữa bệnh CK Nhi	Nhi khoa	ĐHY ĐK		
23	Trung tâm Nhi	Trần Thị Kim Cúc	ĐDCKI	Điều dưỡng đa khoa	0023864/BYT- CCHN	11/10/2014	50	Thực hiện theo QĐ số 41/2005/QĐ- BNV ngày 22/4/2005	Điều dưỡng	ĐD CKI	4	12

TT	Trung tâm /khoa/phòng	Họ và tên	Học hàm, học vị	Chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề				Môn học	Dự kiến đào tạo	Số giường dự kiến	Số lượng HS/SV tối đa có thể nhận
					Số CCHN	Ngày cấp	Thời gian hành nghề sau cấp (tháng)	Phạm vi hành nghề				
24	Trung tâm Nhi	Trần Thị Yến Linh	ĐDCKI	Điều dưỡng đa khoa	0025195/BYT-CCHN	31/12/2014	47	Thực hiện theo QĐ số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	Điều dưỡng	ĐD CKI		
25	Trung tâm Nhi	Hoàng Thị Lệ Mỹ	CNĐD	Điều dưỡng đa khoa	023927/BYT-CCHN	10/11/2014	49	Thực hiện theo QĐ số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	Điều dưỡng	ĐD ĐH	46	138
26	Trung tâm Nhi	Hoàng Thị Thanh Thu	CNĐD	Điều dưỡng đa khoa	0026257/BYT-CCHN	11/05/2015	43	Thực hiện theo QĐ số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	Điều dưỡng	ĐD ĐH		
27	Trung tâm Nhi	Hoàng Thị Ái Trâm	CNĐD	Điều dưỡng đa khoa	002373/BYT-CCHN	12/12/2012	72	Thực hiện theo QĐ số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	Điều dưỡng	ĐD ĐH		
28	Trung tâm Nhi	Nguyễn Thị Tú Anh	CNĐD	Điều dưỡng đa khoa	002477/BYT-CCHN	28/12/2012	72	Thực hiện theo QĐ số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	Điều dưỡng	ĐD ĐH		
29	Trung tâm Nhi	Nguyễn Thị Hồng	CNĐD	Điều dưỡng đa khoa	0024997/BYT-CCHN	17/11/2014	49	Thực hiện theo QĐ số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	Điều dưỡng	ĐD ĐH		

TT	Trung tâm /khoa/phòng	Họ và tên	Học hàm, học vị	Chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề				Môn học	Dự kiến đào tạo	Số giường dự kiến	Số lượng HS/SV tối đa có thể nhận
					Số CCHN	Ngày cấp	Thời gian hành hành nghề sau cấp (tháng)	Phạm vi hành nghề				
30	Trung tâm Nhi	Dương Văn Tuyên	CNDD	Điều dưỡng đa khoa	025237/BYT- CCHN	31/12/2014	47	Thực hiện theo QĐ số 41/2005/QĐ- BNV ngày 22/4/2005	Điều dưỡng	ĐD ĐH		
31	Trung tâm Nhi	Trần Hoàng	CNDD	Điều dưỡng đa khoa	0023928/BYT- CCHN	10/11/2014	49	Thực hiện theo QĐ số 41/2005/QĐ- BNV ngày 22/4/2005	Điều dưỡng	ĐD ĐH		
32	Trung tâm Nhi	Trần Thị Hồng Nhưng	CNDD	Điều dưỡng đa khoa	023885/BYT- CCHN	22/10/2014	50	Thực hiện theo QĐ số 41/2005/QĐ- BNV ngày 22/4/2005	Điều dưỡng	ĐD ĐH		
33	Trung tâm Nhi	Lê Thị Hảo	CNDD	Điều dưỡng đa khoa	0023617/BYT- CCHN	28/10/2014	50	Thực hiện theo QĐ số 41/2005/QĐ- BNV ngày 22/4/2005	Điều dưỡng	ĐD ĐH		
34	Trung tâm Nhi	Nguyễn Thị Lệ	CNDD	Điều dưỡng đa khoa	0023870/BYT- CCHN	11/10/2014	50	Thực hiện theo QĐ số 41/2005/QĐ- BNV ngày 22/4/2005	Điều dưỡng	ĐD ĐH		
35	Trung tâm Nhi	Lê Thị Hà	CNDD	Điều dưỡng đa khoa	0023613/BYT- CCHN	28/10/2014	50	Thực hiện theo QĐ số 41/2005/QĐ- BNV ngày 22/4/2005	Điều dưỡng	ĐD ĐH		

TT	Trung tâm /khoa/phòng	Họ và tên	Học hàm, học vị	Chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề				Môn học	Dự kiến đào tạo	Số giường dự kiến	Số lượng HS/SV tối đa có thể nhận
					Số CCHN	Ngày cấp	Thời gian hành nghề sau cấp (tháng)	Phạm vi hành nghề				
36	Trung tâm Nhi	Võ Lê Nguyên Thảo	CNDD	Điều dưỡng đa khoa	002372/BYT- CCHN	12/12/2012	72	Thực hiện theo QĐ số 41/2005/QĐ- BNV ngày 22/4/2005	Điều dưỡng	ĐD ĐH		
37	Trung tâm Nhi	Hoàng Thị Tố Quyên	CNDD	Điều dưỡng đa khoa	0024814/BYT- CCHN	10/11/2014	49	Thực hiện theo QĐ số 41/2005/QĐ- BNV ngày 22/4/2005	Điều dưỡng	ĐD ĐH		
38	Trung tâm Nhi	Nguyễn Thị Quyên Quyên	CNDD	Điều dưỡng đa khoa	0024994/BYT- CCHN	17/11/2014	49	Thực hiện theo QĐ số 41/2005/QĐ- BNV ngày 22/4/2005	Điều dưỡng	ĐD ĐH		
39	Trung tâm Nhi	Hoàng Thị Hiền	CNDD	Điều dưỡng đa khoa	033916/BYT- CCHN	08/06/2017	18	Thực hiện theo QĐ số 41/2005/QĐ- BNV ngày 22/4/2005	Điều dưỡng	ĐD CĐ	30	90
40	Trung tâm Nhi	Dương Thị Kim Ly	CNDD	Điều dưỡng đa khoa	034041/BYT- CCHN	08/06/2017	18	Thực hiện theo QĐ số 41/2005/QĐ- BNV ngày 22/4/2005	Điều dưỡng	ĐD CĐ		
41	Trung tâm Nhi	Nguyễn Thị Túy Hạnh	CNDD	Điều dưỡng đa khoa	034076/BYT- CCHN	08/06/2017	18	Thực hiện theo QĐ số 41/2005/QĐ- BNV ngày 22/4/2005	Điều dưỡng	ĐD CĐ		

TT	Trung tâm /khoa/phòng	Họ và tên	Học hàm, học vị	Chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề				Môn học	Dự kiến đào tạo	Số giường dự kiến	Số lượng HS/SV tối đa có thể nhận
					Số CCHN	Ngày cấp	Thời gian hành hành nghề sau cấp (tháng)	Phạm vi hành nghề				
42	Trung tâm Nhi	Trương Thị Kim Yến	CNDD	Điều dưỡng đa khoa	03397/BYT- CCHN	08/06/2017	18	Thực hiện theo QĐ số 41/2005/QĐ- BNV ngày 22/4/2005	Điều dưỡng	ĐD CD		
43	Trung tâm Nhi	Lê Thị Thân	CNDD	Điều dưỡng đa khoa	034096/BYT- CCHN	08/06/2017	18	Thực hiện theo QĐ số 41/2005/QĐ- BNV ngày 22/4/2005	Điều dưỡng	ĐD CD		
44	Trung tâm Nhi	Hoàng Thị Thu Thủy	CNDD	Điều dưỡng đa khoa	024951/BYT- CCHN	17/11/2017	13	Thực hiện theo QĐ số 41/2005/QĐ- BNV ngày 22/4/2005	Điều dưỡng	ĐD CD		
45	Trung tâm Nhi	Huỳnh Thị Khánh Ngọc	CNKTVXN	KTV Y	0023620/BYT- CCHN	28/10/2014	50	KTV Y	Điều dưỡng	KTV ĐH	15	45
46	Trung tâm Nhi	Đỗ Thị Trâm	CNKTVXN	KTV Y	0023933/BYT- CCHN	10/11/2014	49	KTV Y	Điều dưỡng	KTV ĐH		
47	Trung tâm Nhi	Hồ Thị Xuân	CNKTVXN	KTV Y	033994/BYT- CCHN	08/06/2017	18	KTV Y	Điều dưỡng	KTV ĐH		
48	Trung tâm Nhi	Lưu Minh Trí	CĐDD	Điều dưỡng đa khoa	034065/BYT- CCHN	06/08/2017	16	Thực hiện theo QĐ số 41/2005/QĐ- BNV ngày 22/4/2005	Điều dưỡng	ĐD CD	20	60

TT	Trung tâm /khoa/phòng	Họ và tên	Học hàm, học vị	Chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề				Môn học	Dự kiến đào tạo	Số giường dự kiến	Số lượng HS/SV tối đa có thể nhận
					Số CCHN	Ngày cấp	Thời gian hành nghề sau cấp (tháng)	Phạm vi hành nghề				
49	Trung tâm Nhi	Hoàng Nhật Lộc	CĐDD	Điều dưỡng đa khoa	034100/BYT-CCHN	08/06/2017	18	Thực hiện theo QĐ số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	Điều dưỡng	ĐD CD		
50	Trung tâm Nhi	Lê Thị Quý	CĐDD	Điều dưỡng đa khoa	034059/BYT-CCHN	08/06/2017	18	Thực hiện theo QĐ số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	Điều dưỡng	ĐD CD		
51	Trung tâm Nhi	Trần Thị Tường Vy	CĐDD	Điều dưỡng đa khoa	034064/BYT-CCHN	08/06/2017	18	Thực hiện theo QĐ số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	Điều dưỡng	ĐD CD		
52	Trung tâm Nhi	Trần Thị Thanh Nga	ĐDTH	Điều dưỡng đa khoa	002370/BYT-CCHN	12/12/2012	72	Thực hiện theo QĐ số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	Điều dưỡng	ĐD TH	119	357
53	Trung tâm Nhi	Trần Thị Ngọc Nga	ĐDTH	Điều dưỡng đa khoa	0023611/BYT-CCHN	28/10/2014	50	Thực hiện theo QĐ số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	Điều dưỡng	ĐD TH		
54	Trung tâm Nhi	Nguyễn Thị Diệu Huyền	ĐDTH	Điều dưỡng đa khoa	023618/BYT-CCHN	28/10/2014	50	Thực hiện theo QĐ số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	Điều dưỡng	ĐD TH		

TT	Trung tâm /khoa/phòng	Họ và tên	Học hàm, học vị	Chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề				Môn học	Dự kiến đào tạo	Số giường dự kiến	Số lượng HS/SV tối đa có thể nhận
					Số CCHN	Ngày cấp	Thời gian hành hành nghề sau cấp (tháng)	Phạm vi hành nghề				
55	Trung tâm Nhi	Hoàng Gia Vũ	ĐDTH	Điều dưỡng đa khoa	23612/BYT- CCHN	28/10/2014	50	Thực hiện theo QĐ số 41/2005/QĐ- BNV ngày 22/4/2005	Điều dưỡng	ĐD TH		
56	Trung tâm Nhi	Huỳnh Thị Bích Ngọc	ĐDTH	Điều dưỡng đa khoa	0025236/BYT- CCHN	31/12/2014	47	Thực hiện theo QĐ số 41/2005/QĐ- BNV ngày 22/4/2005	Điều dưỡng	ĐD TH		
57	Trung tâm Nhi	Phạm Thị YẾN	ĐDTH	Điều dưỡng đa khoa	0024980/BYT- CCHN	28/10/2014	50	Thực hiện theo QĐ số 41/2005/QĐ- BNV ngày 22/4/2005	Điều dưỡng	ĐD TH		
58	Trung tâm Nhi	Lê Thị Ánh Thơ	ĐDTH	Điều dưỡng đa khoa	002471/BYT- CCHN	28/12/2012	72	Thực hiện theo QĐ số 41/2005/QĐ- BNV ngày 22/4/2005	Điều dưỡng	ĐD TH		
59	Trung tâm Nhi	Châu Thị Bích Liên	ĐDTH	Điều dưỡng đa khoa	034063/BYT- CCHN	08/06/2017	18	Thực hiện theo QĐ số 41/2005/QĐ- BNV ngày 22/4/2005	Điều dưỡng	ĐD TH		
60	Trung tâm Nhi	Nguyễn Thị Kim chi	ĐDTH	Điều dưỡng đa khoa	034099/BYT- CCHN	08/06/2017	18	Thực hiện theo QĐ số 41/2005/QĐ- BNV ngày 22/4/2005	Điều dưỡng	ĐD TH		

TT	Trung tâm /khoa/phòng	Họ và tên	Học hàm, học vị	Chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề				Môn học	Dự kiến đào tạo	Số giường dự kiến	Số lượng HS/SV tối đa có thể nhận
					Số CCHN	Ngày cấp	Thời gian hành nghề sau cấp (tháng)	Phạm vi hành nghề				
61	Trung tâm Nhi	Nguyễn Kiều Oanh	ĐDTH	Điều dưỡng đa khoa	034078/BYT- CCHN	08/06/2017	18	Thực hiện theo QĐ số 41/2005/QĐ- BNV ngày 22/4/2005	Điều dưỡng	ĐD TH		
62	Trung tâm Nhi	Nguyễn Thị Ngọc Yến	ĐDTH	Điều dưỡng đa khoa	002374/BYT- CCHN	12/12/2012	72	Thực hiện theo QĐ số 41/2005/QĐ- BNV ngày 22/4/2005	Điều dưỡng	ĐD TH		
63	Trung tâm Nhi	Nguyễn Thị Dương Xuân	ĐDTH	Điều dưỡng đa khoa	002371/BYT- CCHN	12/12/2012	72	Thực hiện theo QĐ số 41/2005/QĐ- BNV ngày 22/4/2005	Điều dưỡng	ĐD TH		
64	Trung tâm Nhi	Đoàn Thị Hồng Nhưng	ĐDTH	Điều dưỡng đa khoa	0025273/BYT- CCHN	31/12/2014	47	Thực hiện theo QĐ số 41/2005/QĐ- BNV ngày 22/4/2005	Điều dưỡng	ĐD TH		
65	Trung tâm Nhi	Lê Thị Sang	ĐDTH	Điều dưỡng đa khoa	026258/BYT- CCHN	05/11/2015	37	Thực hiện theo QĐ số 41/2005/QĐ- BNV ngày 22/4/2005	Điều dưỡng	ĐD TH		
66	Trung tâm Nhi	Hoàng Văn Tân	ĐDTH	Điều dưỡng đa khoa	0024943/BYT- CCHN	24/03/2014	57	Thực hiện theo QĐ số 41/2005/QĐ- BNV ngày 22/4/2005	Điều dưỡng	ĐD TH		

TT	Trung tâm /khoa/phòng	Họ và tên	Học hàm, học vị	Chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề				Môn học	Dự kiến đào tạo	Số giường dự kiến	Số lượng HS/SV tối đa có thể nhận
					Số CCHN	Ngày cấp	Thời gian hành nghề sau cấp (tháng)	Phạm vi hành nghề				
67	Trung tâm Nhi	Lê Quốc Chung	ĐDTH	Điều dưỡng đa khoa	0023616/BYT- CCHN	28/10/2014	50	Thực hiện theo QĐ số 41/2005/QĐ- BNV ngày 22/4/2005	Điều dưỡng	ĐD TH		
68	Trung tâm Nhi	Lương Thị Minh Thảo	ĐDTH	Điều dưỡng đa khoa	0024992/BYT- CCHN	17/11/2014	49	Thực hiện theo QĐ số 41/2005/QĐ- BNV ngày 22/4/2005	Điều dưỡng	ĐD TH		
69	Trung tâm Nhi	Bùi Thị Thuỷ	ĐDTH	Điều dưỡng đa khoa	0025009/BYT- CCHN	17/11/2014	49	Thực hiện theo QĐ số 41/2005/QĐ- BNV ngày 22/4/2005	Điều dưỡng	ĐD TH		
70	Trung tâm Nhi	Lê Thị Mộng Hoài	ĐDTH	Điều dưỡng đa khoa	0024822/BYT- CCHN	17/11/2014	49	Thực hiện theo QĐ số 41/2005/QĐ- BNV ngày 22/4/2005	Điều dưỡng	ĐD TH		
71	Trung tâm Nhi	Lê Thị Ánh	ĐDTH	Điều dưỡng đa khoa	025275/BYT- CCHN	31/12/2014	47	Thực hiện theo QĐ số 41/2005/QĐ- BNV ngày 22/4/2005	Điều dưỡng	ĐD TH		
72	Trung tâm Nhi	Trần Thị Huệ	ĐDTH	Điều dưỡng đa khoa	023621/BYT- CCHN	28/10/2014	50	Thực hiện theo QĐ số 41/2005/QĐ- BNV ngày 22/4/2005	Điều dưỡng	ĐD TH		

TT	Trung tâm /khoa/phòng	Họ và tên	Học hàm, học vị	Chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề				Môn học	Dự kiến đào tạo	Số giường dự kiến	Số lượng HS/SV tối đa có thể nhận
					Số CCHN	Ngày cấp	Thời gian hành nghề sau cấp (tháng)	Phạm vi hành nghề				
73	Trung tâm Nhi	Phạm Thị Phương Thảo	ĐDTH	Điều dưỡng đa khoa	034107/BYT-CCHN	08/06/2017	18	Thực hiện theo QĐ số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	Điều dưỡng	ĐD TH		
74	Trung tâm Nhi	Nguyễn Thị Mai Trinh	ĐDTH	Điều dưỡng đa khoa	034077/BYT-CCHN	08/06/2017	18	Thực hiện theo QĐ số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	Điều dưỡng	ĐD TH		
75	Trung tâm Nhi	Lê Vũ Hoàng Dung	ĐDTH	Điều dưỡng đa khoa	034075/BYT-CCHN	08/06/2017	18	Thực hiện theo QĐ số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	Điều dưỡng	ĐD TH		
76	Trung tâm Nhi	Phan Thị Thu	ĐDTH	Điều dưỡng đa khoa	034043/BYT-CCHN	08/06/2017	18	Thực hiện theo QĐ số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	Điều dưỡng	ĐD TH		
77	Trung tâm Nhi	Hoàng Thị Cẩm Nhung	ĐDTH	Điều dưỡng đa khoa	025291/BYT-CCHN	31/12/2014	47	Thực hiện theo QĐ số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	Điều dưỡng	ĐD TH		
78	Trung tâm Nhi	Lê Thị Quỳnh Chi	ĐDTH	Điều dưỡng đa khoa	034042/BYT-CCHN	08/06/2017	18	Thực hiện theo QĐ số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	Điều dưỡng	ĐD TH		

TT	Trung tâm /khoa/phòng	Họ và tên	Học hàm, học vị	Chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề				Môn học	Dự kiến đào tạo	Số giường dự kiến	Số lượng HS/SV tối đa có thể nhận
					Số CCHN	Ngày cấp	Thời gian hành nghề sau cấp (tháng)	Phạm vi hành nghề				
79	Trung tâm Nhi	Nguyễn Thị Hoài Thu	ĐDTH	Điều dưỡng đa khoa	024989/BYT-CCHN	28/10/2014	50	Thực hiện theo QĐ số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	Điều dưỡng	ĐD TH		
80	Trung tâm Nhi	Võ Thị Hiền	ĐDTH	Điều dưỡng đa khoa	0023622/BYT-CCHN	28/10/2014	50	Thực hiện theo QĐ số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	Điều dưỡng	ĐD TH		
81	Trung tâm Nhi	Nguyễn Thị Phương Nhi	ĐDTH	Điều dưỡng đa khoa	0023610/BYT-CCHN	28/10/2014	50	Thực hiện theo QĐ số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	Điều dưỡng	ĐD TH		
82	Trung tâm Nhi	Nguyễn Thị Hồng Lê	ĐDTH	Điều dưỡng đa khoa	0025279/BYT-CCHN	31/12/2014	47	Thực hiện theo QĐ số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	Điều dưỡng	ĐD TH		
83	Trung tâm Nhi	Nguyễn Thị Kim Cúc	ĐDTH	Điều dưỡng đa khoa	34060/BYT-CCHN	28/10/2014	50	Thực hiện theo QĐ số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	Điều dưỡng	ĐD TH		
84	Trung tâm Nhi	Lê Thị Biếc	ĐDTH	Điều dưỡng đa khoa	0023929/BYT-CCHN	10/11/2014	49	Thực hiện theo QĐ số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	Điều dưỡng	ĐD TH		

TT	Trung tâm /khoa/phòng	Họ và tên	Học hàm, học vị	Chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề				Môn học	Dự kiến đào tạo	Số giường dự kiến	Số lượng HS/SV tối đa có thể nhận
					Số CCHN	Ngày cấp	Thời gian hành nghề sau cấp (tháng)	Phạm vi hành nghề				
85	Trung tâm Nhi	Hồ Thị Ngọc Minh	ĐDTH	Điều dưỡng đa khoa	034062/BYT-CCHN	08/06/2017	18	Thực hiện theo QĐ số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	Điều dưỡng	ĐD TH		
86	Trung tâm Nhi	Lê Thị Ty	ĐDTH	Điều dưỡng đa khoa	0024990/BYT-CCHN	17/11/2014	49	Thực hiện theo QĐ số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	Điều dưỡng	ĐD TH		
87	Trung tâm Nhi	Nguyễn Thị Trâm Anh	ĐDTH	Điều dưỡng đa khoa	024985/BYT-CCHN	17/11/2014	49	Thực hiện theo QĐ số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	Điều dưỡng	ĐD TH		
88	Trung tâm Nhi	Cao Thị Phương Oanh	NHSTH	Hộ sinh	0023615/BYT-CCHN	28/10/2014	50	Điều dưỡng- Hộ sinh	Điều dưỡng	HS TH	25	75
89	Trung tâm Nhi	Nguyễn Thị Hoàn	NHSTH	Hộ sinh	0023614/BYT-CCHN	28/10/2014	50	Điều dưỡng- Hộ sinh	Điều dưỡng	HS TH		
90	Trung tâm Nhi	Trần Thị Gái	NHSTH	Hộ sinh	0023607/BYT-CCHN	28/10/2014	50	Điều dưỡng- Hộ sinh	Điều dưỡng	HS TH		
91	Trung tâm Nhi	Đào Thị Ngọc Linh	NHSTH	Hộ sinh	025896/BYT-CCHN	22/01/2015	47	Điều dưỡng- Hộ sinh	Điều dưỡng	HS TH		
92	Trung tâm Nhi	Lê Thị Diễm Thúy	NHSTH	Hộ sinh	023623/BYT-CCHN	28/10/2014	50	Điều dưỡng- Hộ sinh	Điều dưỡng	HS TH		

Huế, ngày 24 tháng 12 năm 2018

BẢN CÔNG BỐ

Đáp ứng yêu cầu là cơ sở thực hành trong đào tạo ngành Truyền nhiễm và Bệnh nhiệt đới

KHOA BỆNH NHIỆT ĐỚI

Căn cứ Nghị định số 111/2017/NĐ-CP ngày 05 tháng 10 năm 2017 của Chính phủ quy định về tổ chức đào tạo thực hành trong đào tạo khối ngành sức khỏe, Khoa **Bệnh nhiệt đới** công bố đã đáp ứng yêu cầu để tổ chức đào tạo thực hành theo quy định với các nội dung sau đây:

I. ĐIỀU KIỆN CHUNG

1. Phạm vi hoạt động chuyên môn: Khám chữa bệnh Tuyến 1, các chuyên khoa: Truyền nhiễm và các bệnh nhiệt đới

2. Cơ sở vật chất, trang thiết bị:

- Tổng số giường bệnh: 75
- Số thiết bị: Máy monitoring, máy hút, seringue điện
- Phòng: 02 phòng học, 01 phòng giao ban khoa, 02 phòng trực, 01 phòng Hành chính, 14 phòng bệnh.

3. Nhân lực đủ điều kiện tham gia giảng dạy thực hành:

- Tổng số: **17** (có danh sách kèm theo)
- Phân chia theo chức danh:

TT	Chức danh	Số lượng	Chuyên ngành/Phạm vi hoạt động chuyên môn	Ghi chú
1.	BSCKII	02	Truyền nhiễm	
2.	ThS.BS	02	Truyền nhiễm	
3.	Cử nhân Điều dưỡng	09	Điều dưỡng	
4.	Điều dưỡng Trung học	04	Điều dưỡng	
Tổng số		17		

adur
PHÊ DUYỆT
GIÁM ĐỐC

Phạm Như Hiệp
GS.TS. Phạm Như Hiệp

GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM

Phan Trung Tiến
BS. CKII. Phan Trung Tiến

*** Phụ lục: Danh sách tham gia giảng dạy thực hành của khoa Bệnh nhiệt đới**

TT	Trung tâm /khoa/phòng	Họ và tên	Học hàm, học vị	Chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề				Môn học	Dự kiến đào tạo	Số giường dự kiến	Số lượng HS/SV tối đa có thể nhận
					Số CCHN	Ngày cấp	Thời gian hành nghề sau cấp (tháng)	Phạm vi hành nghề				
1	Bệnh nhiệt đới	Phan Trung Tiến	BSCCKII.ThS	Truyền nhiễm, Nội khoa	3111/BYT-CCHN	21/01/2013	71	Nội khoa , Truyền nhiễm	Truyền nhiễm	SĐH Truyền nhiễm, ĐHY ĐK	2	6
2	Bệnh nhiệt đới	Bùi Văn Đoàn	ThS.BS	Nội khoa	2815/BYT-CCHN	04/01/2013	71	Nội khoa , Truyền nhiễm	Truyền nhiễm	SĐH Truyền nhiễm, ĐHY ĐK	2	6
3	Bệnh nhiệt đới	Nguyễn Xuân Hiền	BSCCKII	Truyền nhiễm	2814/BYT-CCHN	04/01/2013	71	Nội khoa , Truyền nhiễm	Truyền nhiễm	ĐHY ĐK	6	18
4	Bệnh nhiệt đới	Lê Vũ Phong	ThS.BS	Truyền nhiễm	33854/BYT-CCHN	08/06/2014	54	Nội khoa , Truyền nhiễm	Truyền nhiễm	ĐHY ĐK		
5	Bệnh nhiệt đới	Trương Thị Kiều Oanh	CNĐĐ	Điều dưỡng đa khoa	23510/BYT-CCHN	22/10/2014	50	Thực hiện theo QĐ số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	Truyền nhiễm	ĐD ĐH	10	30
6	Bệnh nhiệt đới	Hoàng Thị Phương	CNĐĐ	Điều dưỡng đa khoa	23508/BYT-CCHN	22/10/2014	50	Thực hiện theo QĐ số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	Truyền nhiễm	ĐD ĐH		
7	Bệnh nhiệt đới	Lê Thị Thanh Thủy	CNĐĐ	Điều dưỡng đa khoa	23509/BYT-CCHN	22/10/2014	50	Thực hiện theo QĐ số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	Truyền nhiễm	ĐD ĐH		

TT	Trung tâm /khoa/phòng	Họ và tên	Học hàm, học vị	Chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề				Môn học	Dự kiến đào tạo	Số giường dự kiến	Số lượng HS/SV tối đa có thể nhận
					Số CCHN	Ngày cấp	Thời gian hành nghề sau cấp (tháng)	Phạm vi hành nghề				
8	Bệnh nhiệt đới	Lê Thị Hoài Trâm	CNDD	Điều dưỡng đa khoa	34036/BYT- CCHN	08/06/2017	18	Thực hiện theo QĐ số 41/2005/QĐ- BNV ngày 22/4/2005	Truyền nhiễm	ĐD CD	20	60
9	Bệnh nhiệt đới	Nguyễn Thị Trà My	CNDD	Điều dưỡng đa khoa	33954/BYT- CCHN	08/06/2017	18	Thực hiện theo QĐ số 41/2005/QĐ- BNV ngày 22/4/2005	Truyền nhiễm	ĐD CD		
10	Bệnh nhiệt đới	Phạm Thị Như Hải	CNDD	Điều dưỡng đa khoa	34083/BYT- CCHN	08/06/2017	18	Thực hiện theo QĐ số 41/2005/QĐ- BNV ngày 22/4/2005	Truyền nhiễm	ĐD CD		
11	Bệnh nhiệt đới	Cao Thị Lan Hương	CNDD	Điều dưỡng đa khoa	34035/BYT- CCHN	08/06/2017	18	Thực hiện theo QĐ số 41/2005/QĐ- BNV ngày 22/4/2005	Truyền nhiễm	ĐD CD		
12	Bệnh nhiệt đới	Lê Anh Thu	ĐDTH	Điều dưỡng đa khoa	23511/BYT- CCHN	22/10/2014	50	Thực hiện theo QĐ số 41/2005/QĐ- BNV ngày 22/4/2005	Truyền nhiễm	ĐD TH	20	60
13	Bệnh nhiệt đới	Huỳnh Thị Phương Trang	ĐDTH	Điều dưỡng đa khoa	33998/BYT- CCHN	08/06/2017	18	Thực hiện theo QĐ số 41/2005/QĐ- BNV ngày 22/4/2005	Truyền nhiễm	ĐD TH		

TT	Trung tâm /khoa/phòng	Họ và tên	Học hàm, học vị	Chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề				Môn học	Dự kiến đào tạo	Số giường dự kiến	Số lượng HS/SV tối đa có thể nhận
					Số CCHN	Ngày cấp	Thời gian hành nghề sau cấp (tháng)	Phạm vi hành nghề				
14	Bệnh nhiệt đới	Châu Thị Diệp	ĐDTH	Điều dưỡng đa khoa	34084/BYT- CCHN	08/06/2017	18	Thực hiện theo QĐ số 41/2005/QĐ- BNV ngày 22/4/2005	Truyền nhiễm	ĐD TH		
15	Bệnh nhiệt đới	Cao Hữu Cường	ĐDTH	Điều dưỡng đa khoa	3652/BYT- CCHN	18/08/2017	16	Thực hiện theo QĐ số 41/2005/QĐ- BNV ngày 22/4/2005	Truyền nhiễm	ĐD TH		

Huế, ngày 24 tháng 12 năm 2018

BẢN CÔNG BỐ

Đáp ứng yêu cầu là cơ sở thực hành trong đào tạo ngành Lao- Bệnh Phổi

KHOA BỆNH PHỔI

Căn cứ Nghị định số 111/2017/NĐ-CP ngày 05 tháng 10 năm 2017 của Chính phủ quy định về tổ chức đào tạo thực hành trong đào tạo khối ngành sức khỏe, Khoa **Bệnh phổi** công bố đã đáp ứng yêu cầu để tổ chức đào tạo thực hành theo quy định với các nội dung sau đây:

I. ĐIỀU KIỆN CHUNG

1. Phạm vi hoạt động chuyên môn: Khám chữa bệnh Tuyến 1, các chuyên khoa:

- Lao - Bệnh Phổi

2. Cơ sở vật chất, trang thiết bị:

- Tổng số giường bệnh: **98**

- Số thiết bị: Máy monitor, máy đo điện tim.

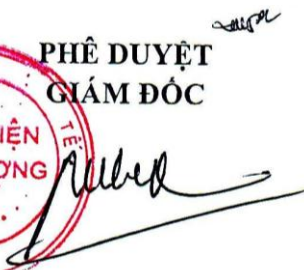
- Phòng: 02 phòng học, 01 phòng giao ban, 03 phòng trực, 03 P. Hành chính, 50 phòng bệnh.

3. Nhân lực đủ điều kiện tham gia giảng dạy thực hành:

- Tổng số: **17** (có danh sách kèm theo)

- Phân chia theo chức danh:

TT	Chức danh	Số lượng	Chuyên ngành/Phạm vi hoạt động chuyên môn	Ghi chú
1.	BSCKII	3	Lao- Bệnh Phổi	
2.	ThS.BS	2	Lao- Bệnh Phổi	
3.	BSCKI	1	Lao - Bệnh Phổi	
4.	Cử nhân Điều dưỡng	7	Điều dưỡng	
5.	Cao đẳng Điều dưỡng	1	Điều dưỡng	
6.	Điều dưỡng Trung học	3	Điều dưỡng	
Tổng số		17		


PHÊ DUYỆT
GIÁM ĐỐC

GS.TS. Phạm Như Hiệp

TRƯỞNG KHOA

Lê Xuân Cường

*** Phụ lục: Danh sách tham gia giảng dạy thực hành của khoa Bệnh phổi**

TT	Trung tâm /khoa/phòng	Họ và tên	Học hàm, học vị	Chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề				Môn học	Dự kiến đào tạo	Số giường dự kiến	Số lượng HS/SV tối đa có thể nhận
					Số CCHN	Ngày cấp	Thời gian hành nghề sau cấp (tháng)	Phạm vi hành nghề				
1	Bệnh phổi	Lê Xuân Cường	BSCCKII	Lao-B Phổi	025297/BYT-CCHN	31/12/2014	47	Nội tổng hợp	Bệnh phổi	SDH Nội khoa, ĐHY ĐK	2	6
2	Bệnh phổi	Lê Ngọc Thành	BSCCKII	Lao-B Phổi	025218/BYT-CCHN	31/12/2014	47	Nội tổng hợp	Bệnh phổi	SDH Nội khoa, ĐHY ĐK	2	6
3	Bệnh phổi	Lê Ngọc Dung	BSCCKII	Nội-Lao & B Phổi	023876/BYT-CCHN	31/12/2014	47	Nội tổng hợp	Bệnh phổi	ĐHY ĐK	13	39
4	Bệnh phổi	Dương Thị Mỹ Hoàng Điệp	ThS. BS	Nội Khoa	010200/BYT-CCHN	13/12/2013	60	Nội tổng hợp	Bệnh phổi	ĐHY ĐK		
5	Bệnh phổi	Phan Thanh Bính	ThS. BS	Nội Khoa	023393/BYT-CCHN	22/10/2014	50	Nội tổng hợp	Bệnh phổi	ĐHY ĐK		
6	Bệnh phổi	Nguyễn Anh Tuấn	BSCCKI	Lao-B Phổi	025016/BYT-CCHN	17/11/2014	49	Nội tổng hợp	Bệnh phổi	ĐHY ĐK		
7	Bệnh phổi	Nguyễn Thị Xuân Ánh	CNDD	Điều dưỡng đa khoa	023396/BYT-CCHN	22/10/2014	50	Thực hiện theo QĐ số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	Bệnh phổi	ĐD ĐH	6	18

TT	Trung tâm /khoa/phòng	Họ và tên	Học hàm, học vị	Chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề				Môn học	Dự kiến đào tạo	Số giường dự kiến	Số lượng HS/SV tối đa có thể nhận
					Số CCHN	Ngày cấp	Thời gian hành nghề sau cấp (tháng)	Phạm vi hành nghề				
8	Bệnh phổi	Cao Thị Hồng	CNDD	Điều dưỡng đa khoa	023437/BYT- CCHN	22/10/2014	50	Thực hiện theo QĐ số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	Bệnh phổi	ĐD ĐH	25	75
9	Bệnh phổi	Võ Thị Thanh Hà	CNDD	Điều dưỡng đa khoa	023439/BYT- CCHN	22/10/2014	50	Thực hiện theo QĐ số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	Bệnh phổi	ĐD ĐH		
10	Bệnh phổi	Văn Thị Kim Chi	CNDD	Điều dưỡng đa khoa	023438/BYT- CCHN	22/10/2014	50	Thực hiện theo QĐ số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	Bệnh phổi	ĐD CĐ		
11	Bệnh phổi	Nguyễn Khoa Diệu Trang	CNDD	Điều dưỡng đa khoa	023868/BYT- CCHN	10/11/2014	49	Thực hiện theo QĐ số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	Bệnh phổi	ĐD CĐ		
12	Bệnh phổi	Huỳnh Thị Hồng Dung	CNDD	Điều dưỡng đa khoa	025185/BYT- CCHN	31/12/2014	47	Thực hiện theo QĐ số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	Bệnh phổi	ĐD CĐ		
13	Bệnh phổi	Lê Thị Kim Liên	CNDD	Điều dưỡng đa khoa	025227/BYT- CCHN	31/12/2014	47	Thực hiện theo QĐ số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	Bệnh phổi	ĐD CĐ		

TT	Trung tâm /khoa/phòng	Họ và tên	Học hàm, học vị	Chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề				Môn học	Dự kiến đào tạo	Số giường dự kiến	Số lượng HS/SV tối đa có thể nhận
					Số CCHN	Ngày cấp	Thời gian hành nghề sau cấp (tháng)	Phạm vi hành nghề				
14	Bệnh phổi	Hoàng Thị Hiếu	CĐDD	Điều dưỡng đa khoa	02284/SYT- CCHN	09/01/2015	47	Thực hiện theo QĐ số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	Bệnh phổi	ĐD TH	20	60
15	Bệnh phổi	Nguyễn Thị Thanh Hương	ĐDTH	Điều dưỡng đa khoa	023392/BYT- CCHN	22/10/2014	50	Thực hiện theo QĐ số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	Bệnh phổi	ĐD TH		
16	Bệnh phổi	Nguyễn Văn Kỳ	ĐDTH	Điều dưỡng đa khoa	023394/BYT- CCHN	22/10/2014	50	Thực hiện theo QĐ số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	Bệnh phổi	ĐD TH		
17	Bệnh phổi	Lê Thị Bích Thủy	ĐDTH	Điều dưỡng đa khoa	023395/BYT- CCHN	22/10/2014	50	Thực hiện theo QĐ số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	Bệnh phổi	ĐD TH		

Huế, ngày 24 tháng 12 năm 2018

BẢN CÔNG BỐ

Đáp ứng nhu cầu là cơ sở thực hành trong đào tạo ngành Tâm thần

KHOA SỨC KHỎE TÂM TRÍ

Căn cứ nghị định 111/2017/NĐ-CP ngày 05 tháng 10 Năm 2017 của chính phủ quy định về tổ chức đào tạo thực hành trong đào tạo khối ngành sức khỏe, khoa **Sức khỏe tâm trí** công bố đã đáp ứng yêu cầu để tổ chức đào tạo thực hành theo quy định với các nội dung sau đây:

I. ĐIỀU KIỆN CHUNG

1. Phạm vi hoạt động chuyên môn: Khám chữa bệnh tuyến I, các chuyên khoa

- Tâm thần

2. Cơ sở vật chất trang thiết bị:

- Tổng số giường bệnh: 20

- Số thiết bị: Máy shock điện, máy ghi điện não

- Phòng học: 01, Phòng giao ban : 01, Phòng trực: 01, Phòng hành chính: 01, Phòng bệnh: 06

3. Nhân lực đủ điều kiện tham gia giảng dạy thực hành:

- Tổng số: **09** (Danh sách đính kèm)

- Phân chia theo chức danh:

STT	Chức danh	Số lượng	Chuyên ngành/ Phạm vi hoạt động chuyên môn	Ghi chú
1	BSCCKII	01	Tâm thần	
2	BSCCKI	02	Tâm thần	
3	CN Điều dưỡng	04	Tâm thần	
4	Cao đẳng ĐD	02	Tâm thần	
Tổng số		09		

PHÊ DUYỆT GIÁM ĐỐC

GS.TS. Phạm Như Hiệp

TRƯỞNG KHOA


BS. Nguyễn Vũ Hoàng

*** Phụ lục: Danh sách tham gia giảng dạy thực hành của khoa Sức khỏe tâm trí**

TT	Trung tâm /khoa/phòng	Họ và tên	Học hàm, học vị	Chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề				Môn học	Dự kiến đào tạo	Số giường dự kiến	Số lượng HS/SV tối đa có thể nhận
					Số CCHN	Ngày cấp	Thời gian hành nghề sau cấp (tháng)	Phạm vi hành nghề				
1	Sức khỏe tâm trí	Nguyễn Vũ Hoàng	BCKI	Tâm thần	002524/BYT-CCHN	28/10/2012	74	Tâm thần	Tâm thần	SĐH TT, ĐHY ĐK	2	6
2	Sức khỏe tâm trí	Hồ Ngọc Bích	BCKII	Đa khoa-tâm thần	002526/BYT-CCHN	28/10/2012	74	Tâm thần	Tâm thần	SĐH TT, ĐHY ĐK	2	6
3	Sức khỏe tâm trí	Nguyễn Đăng Doanh	BCKI	Tâm thần	002525/BYT-CCHN	28/10/2012	74	Tâm thần	Tâm thần	ĐHY ĐK	3	9
4	Sức khỏe tâm trí	Trần Kiêm Nhân	CNDD	Đa khoa	002527/BYT-CCHN	28/12/2012	72	Thực hiện theo QĐ số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	Tâm thần	ĐD ĐH	6	18
5	Sức khỏe tâm trí	Lê Mai Tuấn Nghĩa	CNDD	Đa khoa	023355/BYT-CCHN	22/10/2014	50	Thực hiện theo QĐ số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	Tâm thần	ĐD ĐH		
6	Sức khỏe tâm trí	Nguyễn Thị Cát Tường	CNDD	Đa khoa	023357/BYT-CCHN	22/10/2014	50	Thực hiện theo QĐ số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	Tâm thần	ĐD CĐ	7	21
7	Sức khỏe tâm trí	Đặng Huy	CNDD	Đa khoa	002528/BYT-CCHN	28/12/2012	72	Thực hiện theo QĐ số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	Tâm thần	ĐD CĐ		
8	Sức khỏe tâm trí	Nguyễn Thị Minh Thảo	ĐDCĐ	Đa khoa	023354/BYT-CCHN	22/10/2014	50	Thực hiện theo QĐ số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	Tâm thần	ĐD TH		
9	Sức khỏe tâm trí	Lưu Thị Bích Ngọc	ĐDCĐ	Đa khoa	0023356/BYT-CCHN	22/10/2014	50	Thực hiện theo QĐ số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	Tâm thần	ĐD TH		

BẢN CÔNG BỐ

Đáp ứng yêu cầu là cơ sở thực hành trong đào tạo ngành Da Liễu

KHOA DA LIỄU

Căn cứ Nghị định số 111/2017/NĐ-CP ngày 05 tháng 10 năm 2017 của Chính phủ quy định về tổ chức đào tạo thực hành trong đào tạo khối ngành sức khỏe, **Khoa Da liễu** công bố đã đáp ứng yêu cầu để tổ chức đào tạo thực hành theo quy định với các nội dung sau đây:

I. ĐIỀU KIỆN CHUNG

1. Phạm vi hoạt động chuyên môn: Khám chữa bệnh Tuyến 1, chuyên khoa:

- Chăm sóc da, thẩm mỹ.
- Khám, tư vấn và điều trị các bệnh về Da và Hoa liễu
- Truyền thông, giáo dục sức khỏe bệnh lý về da

2. Cơ sở vật chất, trang thiết bị:

- Tổng số giường bệnh: 35

- Trang thiết bị:

+ 02 Máy đốt điện cao tần

+ 02 Máy chiếu tia tử ngoại

+ 01 Máy Laser CO₂, 01 Máy Laser Yag

+ 08 Máy chăm sóc da/ Máy biolight

+ Máy xông hơi

+ 01 Máy phân tích da

+ Đèn hồng ngoại UVA, UV

+ 02 bình Nitơ lỏng

- Cơ sở: 01 phòng giao ban khoa, 02 phòng trực, 01 phòng Hành chính, 1 khu phòng khám ngoại trú, 1 đơn vị chăm sóc da với đầy đủ trang thiết bị hiện đại, 1 phòng thủ thuật, 1 phòng bôi băng tiêm truyền chăm sóc, 7 phòng bệnh nội trú.

3. Nhân lực đủ điều kiện tham gia giảng dạy thực hành:

- Tổng số: 13 (có danh sách kèm theo)

- Phân chia theo chức danh:

TT	Chức danh	Số lượng	Chuyên ngành/ Phạm vi hoạt động chuyên môn	Ghi chú
1.	Bác sĩ chuyên khoa II	01	Da Liễu	
2.	Bác sĩ chuyên khoa I	04	Da Liễu	
3.	Bác sĩ	01	Da Liễu	
4.	Cử nhân Điều dưỡng	04	Điều dưỡng	
5.	Điều dưỡng trung cấp	3	Điều dưỡng	
Tổng số		13		

PHÊ DUYỆT
GIÁM ĐỐC

GS.TS. Phạm Như Hiệp

TRƯỞNG KHOA


Bs Lê Việt Khô

*** Phụ lục: Danh sách tham gia giảng dạy thực hành của khoa Da liễu**

TT	Trung tâm /khoa/phòng	Họ và tên	Học hàm, học vị	Chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề				Môn học	Dự kiến đào tạo	Số giường dự kiến	Số lượng HS/SV tối đa có thể nhận
					Số CCHN	Ngày cấp	Thời gian hành nghề sau cấp (tháng)	Phạm vi hành nghề				
1	Da liễu	Lê Viết Khánh	BSCKI	Bác sĩ chuyên khoa da liễu	002537/BYT-CCHN	28/12/2012	72	Bác sĩ chuyên khoa da liễu	Da liễu	SĐH DL, ĐHY ĐK	2	6
2	Da liễu	Dương Hữu Thành	BSCKI	Bác sĩ chuyên khoa da liễu	002483/BYT-CCHN	28/12/2012	72	Bác sĩ chuyên khoa da liễu	Da liễu	SĐH DL, ĐHY ĐK	2	6
3	Da liễu	Hoàng Đức Yên	BSCKI	Bác sĩ chuyên khoa da liễu	002484/BYT-CCHN	28/12/2013	60	Bác sĩ chuyên khoa da liễu	Da liễu	SĐH DL, ĐHY ĐK	2	6
4	Da liễu	Lê Quang Huy Phương	BSCKI	Bác sĩ chuyên khoa da liễu	002487/BYT-CCHN	28/12/2013	60	Bác sĩ chuyên khoa da liễu	Da liễu	ĐHY ĐK	6	18
5	Da liễu	Hoàng Thị Ngọc Diễm	BSCKI	Bác sĩ chuyên khoa da liễu	025211/BYT-CCHN	31/12/2014	47	Bác sĩ chuyên khoa da liễu	Da liễu	ĐHY ĐK		
6	Da liễu	Nguyễn Thị Vân Anh	CNDD	Điều dưỡng đa khoa	023332/BYT-CCHN	22/10/2014	50	Thực hiện theo QĐ số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	Da liễu	ĐD ĐH	6	18
7	Da liễu	Nguyễn Đăng Hải Dương	CNDD	Điều dưỡng đa khoa	025159/BYT-CCHN	31/12/2014	47	Thực hiện theo QĐ số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	Da liễu	ĐD ĐH		

TT	Trung tâm /khoa/phòng	Họ và tên	Học hàm, học vị	Chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề				Môn học	Dự kiến đào tạo	Số giường dự kiến	Số lượng HS/SV tối đa có thể nhận
					Số CCHN	Ngày cấp	Thời gian hành nghề sau cấp (tháng)	Phạm vi hành nghề				
8	Da liễu	Nguyễn Thị Mừng	ĐDTH	Điều dưỡng đa khoa	023330/BYT- CCHN	22/10/2014	50	Thực hiện theo QĐ số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	Da liễu	ĐD TH	17	51
9	Da liễu	Võ Thị Liên Hoa	ĐDTH	Điều dưỡng đa khoa	023328/BYT- CCHN	22/10/2014	50	Thực hiện theo QĐ số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	Da liễu	ĐD TH		
10	Da liễu	Nguyễn Thị Thúy	ĐDTH	Điều dưỡng đa khoa	0023333/BYT- CCHN	22/10/2014	50	Thực hiện theo QĐ số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	Da liễu	ĐD TH		
11	Da liễu	Nguyễn Thị Thùy Trang	BS	Bác sĩ chuyên khoa da liễu	035063/BYT- CCHN	24/02/2018	10	Bác sĩ chuyên khoa da liễu	Da liễu	ĐD TH		
12	Da liễu	Phạm Thị Ngọc Ngân	CNDD	Điều dưỡng đa khoa	034048/BYT- CCHN	08/06/2017	18	Thực hiện theo QĐ số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	Da liễu	ĐD TH		

BẢN CÔNG BỐ

Đáp ứng yêu cầu là cơ sở thực hành trong đào tạo ngành Nhãn khoa

KHOA MẮT

Căn cứ Nghị định số 111/2017/NĐ-CP ngày 05 tháng 10 năm 2017 của Chính phủ quy định về tổ chức đào tạo thực hành trong đào tạo khối ngành sức khỏe, Khoa **Mắt** công bố đã đáp ứng yêu cầu để tổ chức đào tạo thực hành theo quy định với các nội dung sau đây:

I. ĐIỀU KIỆN CHUNG

1. Phạm vi hoạt động chuyên môn: Khám chữa bệnh Tuyến 1, chuyên khoa Nhãn khoa

2. Cơ sở vật chất, trang thiết bị:

- Tổng số giường bệnh: 75

- Số thiết bị: 05 kính hiển vi khám bệnh, 02 máy đo khúc xạ, 02 máy đo nhãn áp hơi, 01 máy đo thị trường, 02 máy siêu âm, 03 máy laser, 01 máy chụp hình màu đáy mắt, 01 máy chụp OCT, 01 máy đo IOL, 03 máy phẫu thuật phaco, 03 kính sinh hiển vi phẫu thuật.

- Phòng: 02 phòng học, 01 phòng giao ban khoa, 02 phòng trực, 01 phòng Hành chính, 12 phòng bệnh.

3. Nhân lực đủ điều kiện tham gia giảng dạy thực hành:

- Tổng số: 15 (có danh sách kèm theo)

- Phân chia theo chức danh:

TT	Chức danh	Số lượng	Chuyên ngành/Phạm vi hoạt động chuyên môn	Ghi chú
1.	BSCKII	03	Nhãn khoa	
2.	ThS.BS	03	Nhãn khoa	
3.	Cử nhân Điều dưỡng	07	Điều dưỡng	
4.	Cao đẳng Điều dưỡng	02	Điều dưỡng	
Tổng số		15		

PHÊ DUYỆT
GIÁM ĐỐC
BỆNH VIỆN
TRUNG ƯƠNG
HUẾ
GS.TS. Phạm Như Hiệp

TRƯỞNG KHOA

BS. CKII. Dương Anh Quân

*** Phụ lục: Danh sách tham gia giảng dạy thực hành của khoa Mắt**

TT	Trung tâm /khoa/phòng	Họ và tên	Học hàm, học vị	Chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề				Môn học	Dự kiến đào tạo	Số giường dự kiến	Số lượng HS/SV tối đa có thể nhận
					Số CCHN	Ngày cấp	Thời gian hành nghề sau cấp (tháng)	Phạm vi hành nghề				
1	Mắt	Dương Anh Quân	BSCCKII	Bác sĩ nhãn khoa	002865/BYT-CCHN	04/01/2013	71	Khám, chữa bệnh chuyên khoa Mắt	Các bệnh về Mắt	SĐH Mắt, ĐHY ĐK	2	6
2	Mắt	Lê Ngọc Hải An	BSCCKII	Bác sĩ nhãn khoa	002867/BYT-CCHN	04/01/2013	71	Khám, chữa bệnh chuyên khoa Mắt	Các bệnh về Mắt	SĐH Mắt, ĐHY ĐK	2	6
3	Mắt	Phạm Như Vĩnh Tuyên	BSCCKII	Bác sĩ nhãn khoa	007479/BYT-CCHN	26/09/2013	63	Khám, chữa bệnh chuyên khoa Mắt	Các bệnh về Mắt	SĐH Mắt, ĐHY ĐK	2	6
4	Mắt	Nguyễn Thành Nhân	ThS.BS	Bác sĩ nhãn khoa	003163/BYT-CCHN	29/01/2013	70	Khám, chữa bệnh chuyên khoa Mắt	Các bệnh về Mắt	ĐHY ĐK	10	30
5	Mắt	Nguyễn Lê Ngọc Khanh	ThS.BS	Bác sĩ nhãn khoa	0025013/BYT-CCHN	17/11/2014	49	Khám, chữa bệnh chuyên khoa Mắt	Các bệnh về Mắt	ĐHY ĐK		
6	Mắt	Hà Giang	ThS.BS	Bác sĩ nhãn khoa	003125/BYT-CCHN	28/12/2012	72	Khám, chữa bệnh chuyên khoa Mắt	Các bệnh về Mắt	ĐHY ĐK		
7	Mắt	Nguyễn Thị Tú Vân	CNDD	Điều dưỡng đa khoa	023541/BYT-CCHN	22/10/2014	50	Thực hiện theo QĐ số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	Điều dưỡng	ĐD ĐH	6	18
8	Mắt	Phan Thị Ngọc Lan	CNDD	Điều dưỡng đa khoa	003126/BYT-CCHN	28/12/2012	72	Thực hiện theo QĐ số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	Điều dưỡng	ĐD ĐH		
9	Mắt	Phạm Thị Kim Anh	CNDD	Điều dưỡng đa khoa	002872/BYT-CCHN	04/01/2013	71	Thực hiện theo QĐ số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	Điều dưỡng	ĐD CĐ	35	105

TT	Trung tâm /khoa/phòng	Họ và tên	Học hàm, học vị	Chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề				Môn học	Dự kiến đào tạo	Số giường dự kiến	Số lượng HS/SV tối đa có thể nhận
					Số CCHN	Ngày cấp	Thời gian hành nghề sau cấp (tháng)	Phạm vi hành nghề				
10	Mắt	Lê Thị Tư Hậu	CNDD	Điều dưỡng đa khoa	002873/BYT- CCHN	04/01/2013	71	Thực hiện theo QĐ số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	Điều dưỡng	ĐD CD		
11	Mắt	Lê Thị Thủy	CNDD	Điều dưỡng đa khoa	002903/BYT- CCHN	04/01/2013	71	Thực hiện theo QĐ số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	Điều dưỡng	ĐD CD		
12	Mắt	Lê Văn Tín	CNDD	Điều dưỡng đa khoa	002875/BYT- CCHN	04/01/2013	71	Thực hiện theo QĐ số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	Điều dưỡng	ĐD CD		
13	Mắt	Trương Yên My	CNDD	Điều dưỡng đa khoa	007404/BYT- CCHN	23/09/2013	63	Thực hiện theo QĐ số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	Điều dưỡng	ĐD TH		
14	Mắt	Phùng Hữu Hoàng Trang	CĐDD	Điều dưỡng đa khoa	033852/BYT- CCHN	08/06/2017	18	Thực hiện theo QĐ số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	Điều dưỡng	ĐD TH		
15	Mắt	Phan Viết Hồng Phước	CĐDD	Điều dưỡng đa khoa	033851/BYT- CCHN	08/06/2017	18	Thực hiện theo QĐ số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	Điều dưỡng	ĐD TH		

Huế, ngày 24 tháng 12 năm 2018

BẢN CÔNG BỐ

Đáp ứng yêu cầu là cơ sở thực hành trong đào tạo ngành Tai Mũi Họng

KHOA TAI MŨI HỌNG

Căn cứ Nghị định số 111/2017/NĐ-CP ngày 05 tháng 10 năm 2017 của Chính phủ quy định về tổ chức đào tạo thực hành trong đào tạo khối ngành sức khỏe, Khoa **Tai Mũi Họng**. công bố đã đáp ứng yêu cầu để tổ chức đào tạo thực hành theo quy định với các nội dung sau đây:

I. ĐIỀU KIỆN CHUNG

1. Phạm vi hoạt động chuyên môn: Khám chữa bệnh Tuyến 1, chuyên khoa:

- Tai Mũi Họng

2. Cơ sở vật chất, trang thiết bị:

- Tổng số giường bệnh: 61

- Số thiết bị:

+ Phòng khám gồm: 5 bàn khám, 3 hệ thống nội soi Tai Mũi Họng.

- Một phòng thính học : 1 máy đo thính lực đơn âm, 2 máy đo nhĩ lượng, 1 máy đo chức năng vòi nhĩ; Một phòng tiểu phẫu.

+ Phòng mổ gồm : 3 hệ thống nội soi mổ FESS, 2 kính hiển vi phẫu thuật tai, họng thanh quản

- 2 hệ thống nội soi treo vi phẫu thanh quản, 1 máy coblator; 1 máy Laser

+ Phòng điều trị:

- 1 bàn khám
- 2 hệ thống nội soi: nội soi ống cứng và nội soi ống mềm có NBI.

- Phòng: 1 phòng học, 1 phòng giao ban khoa, 3 phòng trực, 1 phòng Hành chính, 16 phòng bệnh.

3. Nhân lực đủ điều kiện tham gia giảng dạy thực hành:

- Tổng số: **26** (có danh sách kèm theo)

- Phân chia theo chức danh:

TT	Chức danh	Số lượng	Chuyên ngành/Phạm vi hoạt động chuyên môn
1	BSCCKII	6	Tai mũi họng
2	ThS.BS	5	Tai mũi họng
3	BSCCKI	2	Tai mũi họng
4	Cử nhân Điều dưỡng	6	Điều dưỡng
5	Điều dưỡng Cao đẳng/TH	7	Điều dưỡng
Tổng số		26	

PHÊ DUYỆT
GIÁM ĐỐC

GS.TS. Phạm Như Hiệp

TRƯỞNG KHOA


BSCCKII. Trần Phương Nam

*** Danh sách tham gia giảng dạy thực hành của khoa Tai Mũi Họng**

TT	Trung tâm /khoa/phòng	Họ và tên	Học hàm, học vị	Chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề				Môn học	Dự kiến đào tạo	Số giường dự kiến	Số lượng HS/SV tối đa có thể nhận
					Số CCHN	Ngày cấp	Thời gian hành nghề sau cấp (tháng)	Phạm vi hành nghề				
1	Tai Mũi Họng	Trần Phương Nam	BSCCKII	Tai mũi họng	002320/BYT-CCHN	05/08/2013	64	Khám, chữa bệnh chuyên khoa Tai Mũi Họng	Các bệnh về TMH	SĐH TMH, ĐHY ĐK ĐK	2	6
2	Tai Mũi Họng	Lê Xuân Hiền	BSCCKII	Tai mũi họng	005653/BYT-CCHN	05/08/2013	64	Khám, chữa bệnh chuyên khoa Tai Mũi Họng	Các bệnh về TMH	SĐH TMH, ĐHY ĐK ĐK	2	6
3	Tai Mũi Họng	Nguyễn Quốc Dũng	BSCCKII	Tai mũi họng	002325/BYT-CCHN	05/08/2013	64	Khám, chữa bệnh chuyên khoa Tai Mũi Họng	Các bệnh về TMH	SĐH TMH, ĐHY ĐK ĐK	2	6
4	Tai Mũi Họng	Hồ Mạnh Hùng	BSCCKII	Tai mũi họng	002488/BYT-CCHN	05/08/2013	64	Khám, chữa bệnh chuyên khoa Tai Mũi Họng	Các bệnh về TMH	SĐH TMH, ĐHY ĐK ĐK	2	6
5	Tai Mũi Họng	Lê Thanh Tùng	BSCCKII	Tai mũi họng	002323/BYT-CCHN	05/08/2013	64	Khám, chữa bệnh chuyên khoa Tai Mũi Họng	Các bệnh về TMH	SĐH TMH, ĐHY ĐK ĐK	2	6
6	Tai Mũi Họng	Nguyễn Xuân Hùng	BSCCKII	Tai mũi họng	002324/BYT-CCHN	05/08/2013	64	Khám, chữa bệnh chuyên khoa Tai Mũi Họng	Các bệnh về TMH	SĐH TMH, ĐHY ĐK ĐK	2	6
7	Tai Mũi Họng	Tổng Phước Hội	ThS. BS	Thạc sĩ ngoại khoa	002321/BYT-CCHN	05/08/2013	64	Khám, chữa bệnh chuyên khoa Tai Mũi Họng	Các bệnh về TMH	ĐHY ĐK	10	30

TT	Trung tâm /khoa/phòng	Họ và tên	Học hàm, học vị	Chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề				Môn học	Dự kiến đào tạo	Số giường dự kiến	Số lượng HS/SV tối đa có thể nhận
					Số CCHN	Ngày cấp	Thời gian hành nghề sau cấp (tháng)	Phạm vi hành nghề				
8	Tai Mũi Họng	Lê Xuân Nhân	ThS. BS	Tai mũi họng	002329/BYT-CCHN	05/08/2013	64	Khám, chữa bệnh chuyên khoa Tai Mũi Họng	Các bệnh về TMH	ĐHY ĐK		
9	Tai Mũi Họng	Lê Chí Thông	ThS. BS	Tai mũi họng	002327/BYT-CCHN	05/08/2013	64	Khám, chữa bệnh chuyên khoa Tai Mũi Họng	Các bệnh về TMH	ĐHY ĐK		
10	Tai Mũi Họng	Phan Ngô Huy	ThS. BS	Tai mũi họng	002328/BYT-CCHN	05/08/2013	64	Khám, chữa bệnh chuyên khoa Tai Mũi Họng	Các bệnh về TMH	ĐHY ĐK		
11	Tai Mũi Họng	Lê Quốc Anh	ThS. BS	Tai mũi họng	023463/BYT-CCHN	05/08/2013	64	Khám, chữa bệnh chuyên khoa Tai Mũi Họng	Các bệnh về TMH	ĐHY ĐK		
12	Tai Mũi Họng	Nguyễn Ngọc Hưng	BSCKI	Tai mũi họng	005654/BYT-CCHN	05/08/2013	64	Khám, chữa bệnh chuyên khoa Tai Mũi Họng	Các bệnh về TMH	ĐHY ĐK	5	15
13	Tai Mũi Họng	Trương Đình Hiền	BSCKI	Tai mũi họng	007515/BYT-CCHN	05/08/2013	64	Khám, chữa bệnh chuyên khoa Tai Mũi Họng	Các bệnh về TMH	ĐHY ĐK		
14	Tai Mũi Họng	Nguyễn Thị Hương Giang	CNDD	Điều dưỡng đa khoa	023449/BYT-CCHN	05/08/2013	64	Thực hiện theo QĐ số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	Điều dưỡng	ĐD ĐH	10	30

TT	Trung tâm /khoa/phòng	Họ và tên	Học hàm, học vị	Chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề				Môn học	Dự kiến đào tạo	Số giường dự kiến	Số lượng HS/SV tối đa có thể nhận
					Số CCHN	Ngày cấp	Thời gian hành nghề sau cấp (tháng)	Phạm vi hành nghề				
15	Tai Mũi Họng	Hoàng Thị Bích Hương	CNDD	Điều dưỡng đa khoa	023450/BYT- CCHN	05/08/2013	64	Thực hiện theo QĐ số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	Điều dưỡng	ĐD ĐH		
16	Tai Mũi Họng	Tôn Nữ Quỳnh Chi	CNDD	Điều dưỡng đa khoa	023454/BYT- CCHN	05/08/2013	64	Thực hiện theo QĐ số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	Điều dưỡng	ĐD ĐH		
17	Tai Mũi Họng	Đinh Thị Thu Hương	CNDD	Điều dưỡng đa khoa	023459/BYT- CCHN	05/08/2013	64	Thực hiện theo QĐ số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	Điều dưỡng	ĐD ĐH	15	45
18	Tai Mũi Họng	Nguyễn Vĩnh Thụy Uyên	CNDD	Điều dưỡng đa khoa	023460/BYT- CCHN	05/08/2013	64	Thực hiện theo QĐ số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	Điều dưỡng	ĐD ĐH		
19	Tai Mũi Họng	Hồ Thị Hồng Nhạn	CNDD	Điều dưỡng đa khoa	023461/BYT- CCHN	05/08/2013	64	Thực hiện theo QĐ số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	Điều dưỡng	ĐD ĐH		
20	Tai Mũi Họng	Trần Hoàng Thủy Linh	ĐDTH	Điều dưỡng đa khoa	023462/BYT- CCHN	05/08/2013	64	Thực hiện theo QĐ số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	Điều dưỡng	ĐD TH	9	27

TT	Trung tâm /khoa/phòng	Họ và tên	Học hàm, học vị	Chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề				Môn học	Dự kiến đào tạo	Số giường dự kiến	Số lượng HS/SV tối đa có thể nhận
					Số CCHN	Ngày cấp	Thời gian hành nghề sau cấp (tháng)	Phạm vi hành nghề				
21	Tai Mũi Họng	Nguyễn Cao Thị Kim Loan	ĐDTH	Điều dưỡng đa khoa	023456/BYT- CCHN	05/08/2013	64	Thực hiện theo QĐ số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	Điều dưỡng	ĐD TH		
22	Tai Mũi Họng	Trần Thị Mỹ Thanh	ĐDTH	Điều dưỡng đa khoa	023452/BYT- CCHN	05/08/2013	64	Thực hiện theo QĐ số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	Điều dưỡng	ĐD TH		
23	Tai Mũi Họng	Lê Thị Phước Bình	ĐDTH	Điều dưỡng đa khoa	023457/BYT- CCHN	05/08/2013	64	Thực hiện theo QĐ số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	Điều dưỡng	ĐD TH		
24	Tai Mũi Họng	Đinh Thị Bích Huệ	ĐDTH	Điều dưỡng đa khoa	023453/BYT- CCHN	05/08/2013	64	Thực hiện theo QĐ số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	Điều dưỡng	ĐD TH		
25	Tai Mũi Họng	Đỗ Thị Hồng Phương	ĐDTH	Điều dưỡng đa khoa	023451/BYT- CCHN	05/08/2013	64	Thực hiện theo QĐ số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	Điều dưỡng	ĐD TH		
26	Tai Mũi Họng	Lê Thị Anh Thi	ĐDTH	Điều dưỡng đa khoa	023458/BYT- CCHN	05/08/2013	64	Thực hiện theo QĐ số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	Điều dưỡng	ĐD TH		

BẢN CÔNG BỐ

Đáp ứng yêu cầu là cơ sở thực hành trong đào tạo ngành Răng Hàm Mặt

TRUNG TÂM RĂNG HÀM MẶT

Căn cứ Nghị định số 111/2017/NĐ-CP ngày 05 tháng 10 năm 2017 của Chính phủ quy định về tổ chức đào tạo thực hành trong đào tạo khối ngành sức khỏe, Trung tâm Răng Hàm Mặt công bố đã đáp ứng yêu cầu để tổ chức đào tạo thực hành theo quy định với các nội dung sau đây:

I. ĐIỀU KIỆN CHUNG

1. Phạm vi hoạt động chuyên môn: Khám chữa bệnh Tuyến 1, các chuyên khoa:

- Răng Hàm Mặt

2. Cơ sở vật chất, trang thiết bị:

- Tổng số giường bệnh: **50** giường

- Số thiết bị:

- Số ghế răng: **20** ghế

- Máy X quang: 02 máy phim răng, 02 Cone Beam CT, 03 Máy laser diode, 01 Máy laser fractional, 10 đèn quang trùng hợp, 02 máy cấy ghép Implant, 05 máy khoan cắt xương, 01 máy nha khoa di động, 01 đèn tẩy trắng, 03 máy định vị chóp, 04 máy điều trị tủy, 16 máy lấy vôi răng.

- Labo răng giả

- 01 Hội trường Trung tâm, 03 phòng giao ban khoa, 03 phòng học, 02 phòng trực, 03 phòng Hành chính, 10 phòng bệnh.

3. Nhân lực đủ điều kiện tham gia giảng dạy thực hành:

Tổng số: **19** (có danh sách đính kèm); Phân chia theo chức danh:

TT	Chức danh	Số lượng	Chuyên ngành/Phạm vi hoạt động chuyên môn
1.	Tiến sĩ	1	Răng Hàm Mặt
2.	Bác sĩ CKII	4	Răng Hàm Mặt
3.	Thạc sĩ	2	Răng Hàm Mặt
4.	Bác sĩ	1	Răng Hàm Mặt
5.	Điều dưỡng CKI	2	Điều dưỡng
6.	Điều dưỡng CN	4	Điều dưỡng
7.	Điều dưỡng CĐ/TH	2	Điều dưỡng
8.	Kỹ thuật viên trung học	2	Kỹ thuật viên y
9.	CN Chẩn đoán hình ảnh	1	Chẩn đoán hình ảnh
Tổng số		19	

PHÊ DUYỆT
GIÁM ĐỐC BỆNH VIỆN



GS.TS. Phạm Như Hiệp

GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM RHM

TS.BS. Nguyễn Hồng Lợi

*** Phụ lục: Danh sách tham gia giảng dạy thực hành của Trung tâm Răng-Hàm-Mặt**

TT	Trung tâm /khoa/phòng	Họ và tên	Học hàm, học vị	Chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề				Môn học	Dự kiến đào tạo	Số giường dự kiến	Số lượng HS/SV tối đa có thể nhận
					Số CCHN	Ngày cấp	Thời gian hành nghề sau cấp (tháng)	Phạm vi hành nghề				
1	TT Răng Hàm Mặt	Nguyễn Hồng Lợi	TS. BS	Bác sĩ RHM	002834/BYT-CCHN	01/04/2013	68	Khám chữa bệnh Răng Hàm Mặt	Các bệnh về RHM	SĐH RHM, ĐHY ĐK ĐK	2	6
2	TT Răng Hàm Mặt	Cung Văn Vinh	BSCKII	Bác sĩ RHM	002835/BYT-CCHN	01/04/2013	68	Khám chữa bệnh Răng Hàm Mặt	Các bệnh về RHM	SĐH RHM, ĐHY ĐK ĐK	2	6
3	TT Răng Hàm Mặt	Trần Xuân Phú	BSCKII	Bác sĩ RHM	002838/BYT-CCHN	01/04/2013	68	Khám chữa bệnh Răng Hàm Mặt	Các bệnh về RHM	SĐH RHM, ĐHY ĐK ĐK	2	6
4	TT Răng Hàm Mặt	Hoàng Lê Trọng Châu	BSCKII	Bác sĩ RHM	002836/BYT-CCHN	01/04/2013	68	Khám chữa bệnh Răng Hàm Mặt	Các bệnh về RHM	ĐHY ĐK	16	48
5	TT Răng Hàm Mặt	Nguyễn Viết Cửu	BSCKII	Bác sĩ RHM	002840/BYT-CCHN	01/04/2013	68	Khám chữa bệnh Răng Hàm Mặt	Các bệnh về RHM	ĐHY ĐK		
6	TT Răng Hàm Mặt	Hồ Thị Phương Nga	BS	Bác sĩ RHM	003113/BYT-CCHN	28/12/2012	72	Khám chữa bệnh Răng Hàm Mặt	Các bệnh về RHM	ĐHY ĐK		
7	TT Răng Hàm Mặt	Nguyễn Thị Thủy Hằng	BS RHM	Bác sĩ RHM	001904/SYT-CCHN	13/06/2014	54	Khám chữa bệnh Răng Hàm Mặt	Các bệnh về RHM	ĐHY ĐK		
8	TT Răng Hàm Mặt	Nguyễn Văn Khánh	BS RHM	Bác sĩ RHM	0002516/SYT-CCHN	29/05/2015	42	Khám chữa bệnh Răng Hàm Mặt	Các bệnh về RHM	ĐHY ĐK		
9	TT Răng Hàm Mặt	Phan Thị Thu Sương	ĐDCKI	Điều dưỡng đa khoa	023499/BYT-CCHN	22/10/2014	50	Thực hiện theo QĐ số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	Điều dưỡng	ĐD CKI	2	6

TT	Trung tâm /khoa/phòng	Họ và tên	Học hàm, học vị	Chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề				Môn học	Dự kiến đào tạo	Số giường dự kiến	Số lượng HS/SV tối đa có thể nhận
					Số CCHN	Ngày cấp	Thời gian hành nghề sau cấp (tháng)	Phạm vi hành nghề				
10	TT Răng Hàm Mặt	Huyền Tôn Nữ Minh Tâm	ĐDCKI	Điều dưỡng đa khoa	024940/BYT-CCHN	17/11/2014	49	Thực hiện theo QĐ số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	Điều dưỡng	ĐD ĐH	6	18
11	TT Răng Hàm Mặt	Nguyễn Công Trị	CNDD	Điều dưỡng đa khoa	023500/BYT-CCHN	22/10/2014	50	Thực hiện theo QĐ số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	Điều dưỡng	ĐD ĐH		
12	TT Răng Hàm Mặt	Nguyễn Thị Giao Liên	CNDD	Điều dưỡng đa khoa	024951/BYT-CCHN	17/11/2014	49	Thực hiện theo QĐ số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	Điều dưỡng	ĐD CĐ	15	45
13	TT Răng Hàm Mặt	Phạm Thị Tuyết Hạnh	CNDD	Điều dưỡng đa khoa	023501/BYT-CCHN	22/10/2014	50	Thực hiện theo QĐ số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	Điều dưỡng	ĐD CĐ		
14	TT Răng Hàm Mặt	Trần Thị Lan	CNDD	Điều dưỡng đa khoa	026256/BYT-CCHN	17/11/2014	49	Thực hiện theo QĐ số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	Điều dưỡng	ĐD CĐ		

TT	Trung tâm /khoa/phòng	Họ và tên	Học hàm, học vị	Chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề				Môn học	Dự kiến đào tạo	Số giường dự kiến	Số lượng HS/SV tối đa có thể nhận
					Số CCHN	Ngày cấp	Thời gian hành nghề sau cấp (tháng)	Phạm vi hành nghề				
15	TT Răng Hàm Mặt	Nguyễn Thanh Phong	CNKTYH	Kỹ thuật viên	024956/BYT-CCHN	22/10/2014	50	Thực hiện theo QĐ số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	Điều dưỡng	KTV CĐ	5	15
16	TT Răng Hàm Mặt	Triệu Thị Hồng Vinh	ĐDTH	Điều dưỡng đa khoa	023540/BYT-CCHN	22/10/2014	50	Thực hiện theo QĐ số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	Điều dưỡng	ĐD TH	10	30
17	TT Răng Hàm Mặt	Nguyễn Thị Phương Minh	ĐDTH	Điều dưỡng đa khoa	024859/BYT-CCHN	22/10/2014	50	Thực hiện theo QĐ số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	Điều dưỡng	ĐD TH		
18	TT Răng Hàm Mặt	Lê Thị Cẩm Tú	KTV THY	Kỹ thuật viên	024829/BYT-CCHN	22/10/2014	50	Chuyên khoa Phục hình răng	Điều dưỡng	KTV TH	10	30
19	TT Răng Hàm Mặt	Nguyễn Thị Thu Thảo	KTV THY	Kỹ thuật viên	023498/BYT-CCHN	22/10/2014	50	Chuyên khoa Phục hình răng	Điều dưỡng	KTV TH		

Huế, ngày 24 tháng 12 năm 2018

BẢN CÔNG BỐ

Đáp ứng yêu cầu là cơ sở thực hành trong đào tạo ngành Y học cổ truyền

KHOA Y HỌC CỔ TRUYỀN

Căn cứ Nghị định số 111/2017/NĐ-CP ngày 05 tháng 10 năm 2017 của Chính phủ quy định về tổ chức đào tạo thực hành trong đào tạo khối ngành sức khỏe, **Khoa Y học cổ truyền** công bố đã đáp ứng yêu cầu để tổ chức đào tạo thực hành theo quy định với các nội dung sau đây:

I. ĐIỀU KIỆN CHUNG

1. Phạm vi hoạt động chuyên môn: Khám chữa bệnh Tuyến 1, các chuyên khoa:

- Y học cổ truyền

2. Cơ sở vật chất, trang thiết bị:

- Tổng số giường bệnh: 26

- Số thiết bị: 20 máy điện châm, 01 máy laser châm, 20 máy xoa bóp cầm tay, 20 bồn ngâm – mát xa chân, 6 máy sắc thuốc thang, 2 máy đóng gói thuốc

- Phòng trực: 02, phòng Hành chính: 01, phòng bệnh: 06

3. Nhân lực đủ điều kiện tham gia giảng dạy thực hành:

- Tổng số: **9** (có danh sách kèm theo)

- Phân chia theo chức danh:

TT	Chức danh	Số lượng	Chuyên ngành/Phạm vi hoạt động chuyên môn	Ghi chú
1.	BSCCKII	02	Y học cổ truyền	
2.	BSCCKI	01	Y học cổ truyền	
3.	CNĐD	03	Điều dưỡng	
4.	ĐD trung học	03	Điều dưỡng	
Tổng số		9		

PHÊ DUYỆT
GIÁM ĐỐC

GS.TS. Phạm Như Hiệp

TRƯỞNG KHOA


BSCCKII. Nguyễn Thị Tú Anh

*** Phụ lục: Danh sách tham gia giảng dạy thực hành của khoa Y học cổ truyền**

TT	Trung tâm /khoa/phòng	Họ và tên	Học hàm, học vị	Chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề				Môn học	Dự kiến đào tạo	Số giường dự kiến	Số lượng HS/SV tối đa có thể nhận
					Số CCHN	Ngày cấp	Thời gian hành nghề sau cấp (tháng)	Phạm vi hành nghề				
1	Y học cổ truyền	Nguyễn Thị Tú Anh	BSCCKII	Bác sĩ đa khoa, Bác sĩ CKII. YHCT	003223/BYT-CCHN	06/02/2013	65	Y học cổ truyền	Y học cổ truyền	SĐH YHCT, ĐHY ĐK	2	6
2	Y học cổ truyền	Trần Thiện Ân	BSCCKII	Bác sĩ đa khoa, Bác sĩ CKII. YHCT	003224/BYT-CCHN	06/02/2013	65	Y học cổ truyền	Y học cổ truyền	SĐH YHCT, ĐHY ĐK	4	12
3	Y học cổ truyền	Thái Văn Hiến	BSCCKI	Bác sĩ đa khoa, Bác sĩ CKI. YHCT	003222/BYT-CCHN	06/02/2013	65	Y học cổ truyền	Y học cổ truyền	ĐHY ĐK		
4	Y học cổ truyền	Lê Thị Hồng Hoa	CNĐĐ	CNĐĐ	0023324/BYT-CCHN	22/10/2014	44	Thực hiện theo QĐ số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	Y học cổ truyền	ĐD ĐH	10	30
5	Y học cổ truyền	Nguyễn Thị Phương Liên	CNĐĐ	CNĐĐ, Y sĩ YHCT	0023325/BYT-CCHN	22/10/2014	44	Thực hiện theo QĐ số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	Y học cổ truyền	ĐD ĐH		
6	Y học cổ truyền	Huỳnh Thị Thuý Diễm	CNĐĐ	CNĐĐ	0023326/BYT-CCHN	22/10/2014	44	Thực hiện theo QĐ số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	Y học cổ truyền	ĐD ĐH		

TT	Trung tâm /khoa/phòng	Họ và tên	Học hàm, học vị	Chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề				Môn học	Dự kiến đào tạo	Số giường dự kiến	Số lượng HS/SV tối đa có thể nhận
					Số CCHN	Ngày cấp	Thời gian hành nghề sau cấp (tháng)	Phạm vi hành nghề				
7	Y học cổ truyền	Trần Đức Nhật	ĐDTH	Điều dưỡng TH, Y sĩ YHCT	0025214/BYT-CCHN	31/12/2014	42	Thực hiện theo QĐ số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	Y học cổ truyền	ĐD TH	10	30
8	Y học cổ truyền	Trần Thị Thanh Tâm	ĐDTH	Điều dưỡng TH	0025157/BYT-CCHN	31/12/2014	42	Thực hiện theo QĐ số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	Y học cổ truyền	ĐD TH		
9	Y học cổ truyền	Võ Bích Quyền	ĐDTH	Điều dưỡng TH, Y sĩ YHCT	0025156/BYT-CCHN	31/12/2014	42	Thực hiện theo QĐ số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	Y học cổ truyền	ĐD TH		

BẢN CÔNG BỐ

Đáp ứng yêu cầu là cơ sở thực hành trong đào tạo ngành Gây mê hồi sức

KHOA GÂY MÊ HỒI SỨC A

Căn cứ Nghị định số 111/2017/NĐ-CP ngày 05 tháng 10 năm 2017 của Chính phủ quy định về tổ chức đào tạo thực hành trong đào tạo khối ngành sức khỏe, Khoa **Gây mê hồi sức A** công bố đã đáp ứng yêu cầu để tổ chức đào tạo thực hành theo quy định với các nội dung sau đây:

I. ĐIỀU KIỆN CHUNG

1. Phạm vi hoạt động chuyên môn: Khám chữa bệnh Tuyến 1, các chuyên khoa:

- Gây mê hồi sức

2. Cơ sở vật chất, trang thiết bị:

- Tổng số giường bệnh: 68

- Số thiết bị: 29 Monitor, 31 bơm tiêm điện, 1 máy siêu âm, 9 máy chuyển dịch, 14 máy thở, 2 máy shock điện, 1 máy đo ICP, 3 máy đo ECG, 1 máy EV 1000, 36 máy hút, 5 giàn nội soi, 12 dao điện, 10 máy gây mê, 1 máy XQ C.AM, 1 kính hiển vi, 1 máy tán sỏi xông hơi, 2 máy tán sỏi Laser, 1 máy RFA, 2 dao siêu âm.

- Phòng học 03, phòng giao ban khoa 01, phòng trực 04, P. Hành chính 01, phòng bệnh 07.

3. Nhân lực đủ điều kiện tham gia giảng dạy thực hành:

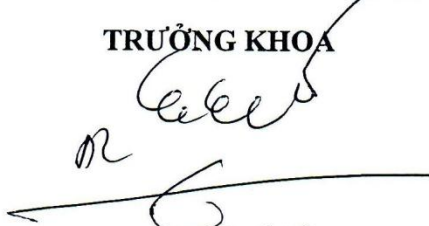
- Tổng số: **67** (có danh sách kèm theo)

- Phân chia theo chức danh:

TT	Chức danh	Số lượng	Chuyên ngành/Phạm vi hoạt động chuyên môn	Ghi chú
1.	PGS.TS. Bác sĩ	1	Gây mê hồi sức	
2.	Bác sĩ chuyên khoa II	3	Gây mê hồi sức	
3.	ThS. Bác sĩ	2	Gây mê hồi sức	
4.	Bác sĩ chuyên khoa I	4	Gây mê hồi sức	
5.	Bác sĩ	2	Gây mê hồi sức	
6.	CKI Điều dưỡng	1	Điều dưỡng	
7.	CN Điều dưỡng	12	Điều dưỡng	
8.	Điều dưỡng (CĐ/TH)	23	Điều dưỡng	
9.	NHS trung học	18	Gây mê hồi sức sản	
Tổng số		66		

PHÊ DUYỆT
GIÁM ĐỐC

GS.TS. Phạm Như Hiệp

TRƯỞNG KHOA

PGS.TS. Nguyễn Việt Quang

*** Phụ lục: Danh sách tham gia giảng dạy thực hành của khoa Gây mê hồi sức A**

TT	Trung tâm /khoa/phòng	Họ và tên	Học hàm, học vị	Chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề				Môn học	Dự kiến đào tạo	Số giường dự kiến	Số lượng HS/SV tối đa có thể nhận
					Số CCHN	Ngày cấp	Thời gian hành nghề sau cấp (tháng)	Phạm vi hành nghề				
1	Gây mê hồi sức A	Nguyễn Việt Quang	PGS. TS. BS	GMHS, NỘI TỔNG HỢP	002821/BYT-CCHN	04/01/2013	71	KB, CB CK NỘI TỔNG HỢP, GMHS	Gây mê hồi sức	SĐH, ĐHY ĐK	2	6
2	Gây mê hồi sức A	Nguyễn Thị Thu Bình	BSCKII	CKI GMHS, CKII NỘI NỘI TIẾT	002829/BYT-CCHN	04/01/2013	71	CK GMHS	Gây mê hồi sức	SĐH, ĐHY ĐK	2	6
3	Gây mê hồi sức A	Lê Văn Dũng	BSCKII	CKI GMHS, CKII NỘI TIM MẠCH	002824/BYT-CCHN	04/01/2013	71	CK GMHS	Gây mê hồi sức	SĐH, ĐHY ĐK	2	6
4	Gây mê hồi sức A	Trương Ngọc Phước	BSCKII	CKI GMHS, CKII NỘI TIM MẠCH	002899/BYT-CCHN	04/01/2013	71	CK GMHS	Gây mê hồi sức	SĐH, ĐHY ĐK	2	6
5	Gây mê hồi sức A	Nguyễn Việt Quang Hiền	ThS. BS	Nội	023702/BYT-CCHN	28/10/2014	50	CK GMHS	Gây mê hồi sức	SĐH, ĐHY ĐK	2	6
6	Gây mê hồi sức A	Nguyễn Trung Hậu	BSCKI	CKI GMHS	007403/BYT-CCHN	23/09/2013	63	CK GMHS	Gây mê hồi sức	ĐHY ĐK	16	48
7	Gây mê hồi sức A	Huỳnh Đức Vĩnh	BSCKI	CKI GMHS	002825/BYT-CCHN	04/01/2013	71	CK GMHS	Gây mê hồi sức	ĐHY ĐK		
8	Gây mê hồi sức A	Nguyễn Thanh Quang	BSCKI	CKI GMHS	002826/BYT-CCHN	04/01/2013	71	CK GMHS	Gây mê hồi sức	ĐHY ĐK		

TT	Trung tâm /khoa/phòng	Họ và tên	Học hàm, học vị	Chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề				Môn học	Dự kiến đào tạo	Số giường dự kiến	Số lượng HS/SV tối đa có thể nhận
					Số CCHN	Ngày cấp	Thời gian hành nghề sau cấp (tháng)	Phạm vi hành nghề				
9	Gây mê hồi sức A	Nguyễn Ích Hải Nam	BSCKI	CKI GMHS	024852/BYT- CCHN	17/11/2014	49	CK GMHS	Gây mê hồi sức	ĐHY ĐK		
10	Gây mê hồi sức A	Phạm Thị Diễm Hằng	BS	Bác sĩ đa khoa	025261/BYT- CCHN	31/12/2014	47	CK GMHS	Gây mê hồi sức	ĐHY ĐK		
11	Gây mê hồi sức A	Nguyễn Thị Hải Liên	ĐDCKI	Điều dưỡng đa khoa	024856/BYT- CCHN	17/11/2014	49	Thực hiện theo QĐ số 41/2005/QĐ- BNV ngày 22/4/2005	Điều dưỡng	ĐD CKI	2	6
12	Gây mê hồi sức A	Trần Nguyễn Quang Hùng	CNĐD	KTV	002831/BYT- CCHN	04/01/2013	71	CK GMHS	Điều dưỡng	ĐD ĐH	20	60
13	Gây mê hồi sức A	Nguyễn Đức Phương Thu	CNĐD	Điều dưỡng đa khoa	023686/BYT- CCHN	28/10/2014	50	Thực hiện theo QĐ số 41/2005/QĐ- BNV ngày 22/4/2005	Điều dưỡng	ĐD ĐH		
14	Gây mê hồi sức A	Vũ Thị Thu Lài	CNĐD	Điều dưỡng đa khoa	023692/BYT- CCHN	28/10/2014	50	Thực hiện theo QĐ số 41/2005/QĐ- BNV ngày 22/4/2005	Điều dưỡng	ĐD ĐH		

TT	Trung tâm /khoa/phòng	Họ và tên	Học hàm, học vị	Chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề				Môn học	Dự kiến đào tạo	Số giường dự kiến	Số lượng HS/SV tối đa có thể nhận
					Số CCHN	Ngày cấp	Thời gian hành hành nghề sau cấp (tháng)	Phạm vi hành nghề				
15	Gây mê hồi sức A	Võ Thị Thu Cúc	CNDD	Điều dưỡng đa khoa	023701/BYT- CCHN	28/10/2014	50	Thực hiện theo QĐ số 41/2005/QĐ- BNV ngày 22/4/2005	Điều dưỡng	ĐD ĐH		
16	Gây mê hồi sức A	Ngô Thị Thanh Chung	CNDD	Điều dưỡng đa khoa	023703/BYT- CCHN	28/10/2014	50	Thực hiện theo QĐ số 41/2005/QĐ- BNV ngày 22/4/2005	Điều dưỡng	ĐD ĐH		
17	Gây mê hồi sức A	Cao Thị Mỹ Lai	CNDD	KTV	023688/BYT- CCHN	27/10/2014	50	CK GMHS	Điều dưỡng	ĐD ĐH		
18	Gây mê hồi sức A	Đặng Thị Luỹ	CNDD	Điều dưỡng đa khoa	0023685/BYT- CCHN	28/10/2014	50	Thực hiện theo QĐ số 41/2005/QĐ- BNV ngày 22/4/2005	Điều dưỡng	ĐD ĐH		
19	Gây mê hồi sức A	Bùi Thị Liên Hương	CNDD	Điều dưỡng đa khoa	025170/BYT- CCHN	31/12/2014	47	Thực hiện theo QĐ số 41/2005/QĐ- BNV ngày 22/4/2005	Điều dưỡng	ĐD ĐH		
20	Gây mê hồi sức A	Lê Thị Kim Chi	CĐDD	Điều dưỡng đa khoa	023716/BYT- CCHN	28/10/2014	50	Thực hiện theo QĐ số 41/2005/QĐ- BNV ngày 22/4/2005	Điều dưỡng	ĐD ĐH		

TT	Trung tâm /khoa/phòng	Họ và tên	Học hàm, học vị	Chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề				Môn học	Dự kiến đào tạo	Số giường dự kiến	Số lượng HS/SV tối đa có thể nhận
					Số CCHN	Ngày cấp	Thời gian hành hành nghề sau cấp (tháng)	Phạm vi hành nghề				
21	Gây mê hồi sức A	Trần Thị Dung	CNDD- PS	Hộ sinh	023683/BYT- CCHN	28/10/2014	50	Thực hiện theo TT số 12/2011/TT- BYT ngày 15/3/2011	Điều dưỡng	ĐD ĐH		
22	Gây mê hồi sức A	Lê Thị Minh Châu	CNDD- PS	Hộ sinh	024981/BYT- CCHN	17/11/2014	49	Thực hiện theo TT số 12/2011/TT- BYT ngày 15/3/2011	Điều dưỡng	ĐD ĐH		
23	Gây mê hồi sức A	Nguyễn Xuân Hiền	CNDD- GMHS	KTV	24857/BYT- CCHN	17/11/2014	49	CK GMHS	Điều dưỡng	ĐD ĐH		
24	Gây mê hồi sức A	Trương Thị Thu Thủy	ĐDTH	Điều dưỡng đa khoa	0023705/BYT- CCHN	28/10/2014	50	Thực hiện theo QĐ số 41/2005/QĐ- BNV ngày 22/4/2005	Điều dưỡng	ĐD TH	20	60
25	Gây mê hồi sức A	Hà Mỹ Phương	ĐDTH	Điều dưỡng đa khoa	023687/BYT- CCHN	28/10/2014	50	Thực hiện theo QĐ số 41/2005/QĐ- BNV ngày 22/4/2005	Điều dưỡng	ĐD TH		
26	Gây mê hồi sức A	Ngô T. Phương Trang	ĐDTH	Điều dưỡng đa khoa	023707/BYT- CCHN	28/10/2014	50	Thực hiện theo QĐ số 41/2005/QĐ- BNV ngày 22/4/2005	Điều dưỡng	ĐD TH		

TT	Trung tâm /khoa/phòng	Họ và tên	Học hàm, học vị	Chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề				Môn học	Dự kiến đào tạo	Số giường dự kiến	Số lượng HS/SV tối đa có thể nhận
					Số CCHN	Ngày cấp	Thời gian hành hành nghề sau cấp (tháng)	Phạm vi hành nghề				
27	Gây mê hồi sức A	Hoàng Thị Chi	ĐDTH	Y SĨ	023698/BYT- CCHN	28/10/2014	50	Thực hiện theo QĐ số 41/2005/QĐ- BNV ngày 22/4/2005	Điều dưỡng	ĐD TH		
28	Gây mê hồi sức A	Nguyễn Thanh Lai	ĐDTH	Điều dưỡng đa khoa	023714/BYT- CCHN	28/10/2014	50	Thực hiện theo QĐ số 41/2005/QĐ- BNV ngày 22/4/2005	Điều dưỡng	ĐD TH		
29	Gây mê hồi sức A	Lê Thị Mỹ	ĐDTH	Điều dưỡng đa khoa	023690/BYT- CCHN	28/10/2014	50	Thực hiện theo QĐ số 41/2005/QĐ- BNV ngày 22/4/2005	Điều dưỡng	ĐD TH		
30	Gây mê hồi sức A	Trần Nữ Minh Thư	ĐDTH	Điều dưỡng đa khoa	0023728/BYT- CCHN	28/10/2014	50	Thực hiện theo QĐ số 41/2005/QĐ- BNV ngày 22/4/2005	Điều dưỡng	ĐD TH		
31	Gây mê hồi sức A	Phan Thị Thành	ĐDTH	Điều dưỡng đa khoa	023712/BYT- CCHN	28/10/2014	50	Thực hiện theo QĐ số 41/2005/QĐ- BNV ngày 22/4/2005	Điều dưỡng	ĐD TH		
32	Gây mê hồi sức A	Cao Thị Tý	ĐDTH	Điều dưỡng đa khoa	023722/BYT- CCHN	28/10/2014	50	Thực hiện theo QĐ số 41/2005/QĐ- BNV ngày 22/4/2005	Điều dưỡng	ĐD TH		

TT	Trung tâm /khoa/phòng	Họ và tên	Học hàm, học vị	Chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề				Môn học	Dự kiến đào tạo	Số giường dự kiến	Số lượng HS/SV tối đa có thể nhận
					Số CCHN	Ngày cấp	Thời gian hành hành nghề sau cấp (tháng)	Phạm vi hành nghề				
33	Gây mê hồi sức A	Nguyễn Thị Yên Phương	ĐDTH	Điều dưỡng đa khoa	023718/BYT- CCHN	28/10/2014	50	Thực hiện theo QĐ số 41/2005/QĐ- BNV ngày 22/4/2005	Điều dưỡng	ĐD TH		
34	Gây mê hồi sức A	Võ Thị Thanh Nga	ĐDTH	Điều dưỡng đa khoa	023719/BYT- CCHN	28/10/2014	50	Thực hiện theo QĐ số 41/2005/QĐ- BNV ngày 22/4/2005	Điều dưỡng	ĐD TH		
35	Gây mê hồi sức A	Trần Văn Đức	ĐDTH	Điều dưỡng đa khoa	023726/BYT- CCHN	28/10/2014	50	Thực hiện theo QĐ số 41/2005/QĐ- BNV ngày 22/4/2005	Điều dưỡng	ĐD TH		
36	Gây mê hồi sức A	Huỳnh Thị Thảo Trang	NHSTH	Hộ sinh	023706/BYT- CCHN	28/10/2014	50	Thực hiện theo TT số 12/2011/TT- BYT ngày 15/3/2011	Điều dưỡng	HS TH		
37	Gây mê hồi sức A	Trần Thị Thương	NHSTH	Hộ sinh	023691/BYT- CCHN	28/10/2014	50	Thực hiện theo TT số 12/2011/TT- BYT ngày 15/3/2011	Điều dưỡng	HS TH		
38	Gây mê hồi sức A	Trần Kiêm Đông Phương	NHSTH	Hộ sinh	023709/BYT- CCHN	28/10/2014	50	Thực hiện theo TT số 12/2011/TT- BYT ngày 15/3/2011	Điều dưỡng	HS TH		

TT	Trung tâm /khoa/phòng	Họ và tên	Học hàm, học vị	Chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề				Môn học	Dự kiến đào tạo	Số giường dự kiến	Số lượng HS/SV tối đa có thể nhận
					Số CCHN	Ngày cấp	Thời gian hành hành nghề sau cấp (tháng)	Phạm vi hành nghề				
39	Gây mê hồi sức A	Lê Thị Mỹ Tiên	NHSTH	Hộ sinh	023694/BYT- CCHN	28/10/2014	50	Thực hiện theo TT số 12/2011/TT- BYT ngày 15/3/2011	Điều dưỡng	HS TH		
40	Gây mê hồi sức A	Phan Thị Năm	NHSTH	Hộ sinh	023724/BYT- CCHN	28/10/2014	50	Thực hiện theo TT số 12/2011/TT- BYT ngày 15/3/2011	Điều dưỡng	HS TH		
41	Gây mê hồi sức A	Huỳnh Thị Hong Chi	NHSTH	Hộ sinh	023693/BYT- CCHN	28/10/2014	50	Thực hiện theo TT số 12/2011/TT- BYT ngày 15/3/2011	Điều dưỡng	HS TH		
42	Gây mê hồi sức A	Trần Thị Linh Chi	NHSTH	Hộ sinh	023695/BYT- CCHN	28/10/2014	50	Thực hiện theo TT số 12/2011/TT- BYT ngày 15/3/2011	Điều dưỡng	HS TH		
43	Gây mê hồi sức A	Đoàn Thị Thanh Lan	NHSTH	Hộ sinh	023682/BYT- CCHN	28/10/2014	50	Thực hiện theo TT số 12/2011/TT- BYT ngày 15/3/2011	Điều dưỡng	HS TH		
44	Gây mê hồi sức A	Phan Thị Thu Nga	NHSTH	Hộ sinh	023696/BYT- CCHN	28/10/2014	50	Thực hiện theo TT số 12/2011/TT- BYT ngày 15/3/2011	Điều dưỡng	HS TH		

TT	Trung tâm /khoa/phòng	Họ và tên	Học hàm, học vị	Chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề				Môn học	Dự kiến đào tạo	Số giường dự kiến	Số lượng HS/SV tối đa có thể nhận
					Số CCHN	Ngày cấp	Thời gian hành hành nghề sau cấp (tháng)	Phạm vi hành nghề				
45	Gây mê hồi sức A	Phan Thị Diệp	NHSTH	Hộ sinh	023723/BYT- CCHN	28/10/2014	50	Thực hiện theo TT số 12/2011/TT- BYT ngày 15/3/2011	Điều dưỡng	HS TH		
46	Gây mê hồi sức A	Vũ Thị Minh Hải	NHSTH	Hộ sinh	023708/BYT- CCHN	28/10/2014	50	Thực hiện theo TT số 12/2011/TT- BYT ngày 15/3/2011	Điều dưỡng	HS TH		
47	Gây mê hồi sức A	Đoàn Thị Kim Lý	NHSTH	Hộ sinh	023689/BYT- CCHN	28/10/2014	50	Thực hiện theo TT số 12/2011/TT- BYT ngày 15/3/2011	Điều dưỡng	HS TH		
48	Gây mê hồi sức A	Nguyễn Thanh Hải Vân	NHSTH	Hộ sinh	023720/BYT- CCHN	28/10/2014	50	Thực hiện theo TT số 12/2011/TT- BYT ngày 15/3/2011	Điều dưỡng	HS TH		
49	Gây mê hồi sức A	Phan Nguyễn Ánh Thùy	NHSTH	Hộ sinh	023704/BYT- CCHN	28/10/2014	50	Thực hiện theo TT số 12/2011/TT- BYT ngày 15/3/2011	Điều dưỡng	HS TH		
50	Gây mê hồi sức A	Ngô Thị Tuyền	NHSTH	Hộ sinh	023721/BYT- CCHN	28/10/2014	50	Thực hiện theo TT số 12/2011/TT- BYT ngày 15/3/2011	Điều dưỡng	HS TH		

TT	Trung tâm /khoa/phòng	Họ và tên	Học hàm, học vị	Chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề				Môn học	Dự kiến đào tạo	Số giường dự kiến	Số lượng HS/SV tối đa có thể nhận
					Số CCHN	Ngày cấp	Thời gian hành hành nghề sau cấp (tháng)	Phạm vi hành nghề				
51	Gây mê hồi sức A	Nguyễn Thị Nhân	ĐDGMHS	Điều dưỡng đa khoa	023727/BYT- CCHN	28/10/2014	50	Thực hiện theo QĐ số 41/2005/QĐ- BNV ngày 22/4/2005	Điều dưỡng	ĐD TH		
52	Gây mê hồi sức A	Phan Thị Ngọc	ĐDTH	Điều dưỡng đa khoa	023725/BYT- CCHN	28/10/2014	50	Thực hiện theo QĐ số 41/2005/QĐ- BNV ngày 22/4/2005	Điều dưỡng	ĐD TH		
53	Gây mê hồi sức A	Trần Thị Thanh Mai	ĐDTH	Điều dưỡng đa khoa	0023713/BYT- CCHN	28/10/2014	50	Thực hiện theo QĐ số 41/2005/QĐ- BNV ngày 22/4/2005	Điều dưỡng	HS TH		
54	Gây mê hồi sức A	Nguyễn Thị Phương Thanh	NHSTH	Hộ sinh	023699/BYT- CCHN	28/10/2014	50	Thực hiện theo TT số 12/2011/TT- BYT ngày 15/3/2011	Điều dưỡng	HS TH		
55	Gây mê hồi sức A	Thái Nguyễn Anh Thư	ĐDTH	Điều dưỡng đa khoa	024854/BYT- CCHN	17/11/2014	49	Thực hiện theo QĐ số 41/2005/QĐ- BNV ngày 22/4/2005	Điều dưỡng	ĐD TH		
56	Gây mê hồi sức A	Trần Thị Bảo Châu	ĐDTH	Điều dưỡng đa khoa	024851/BYT- CCHN	14/11/2014	49	Thực hiện theo QĐ số 41/2005/QĐ- BNV ngày 22/4/2005	Điều dưỡng	ĐD TH		

TT	Trung tâm /khoa/phòng	Họ và tên	Học hàm, học vị	Chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề				Môn học	Dự kiến đào tạo	Số giường dự kiến	Số lượng HS/SV tối đa có thể nhận
					Số CCHN	Ngày cấp	Thời gian hành hành nghề sau cấp (tháng)	Phạm vi hành nghề				
57	Gây mê hồi sức A	Phạm Thị Ngọc Thắm	ĐDTH	Điều dưỡng đa khoa	024858/BYT- CCHN	17/11/2014	49	Thực hiện theo QĐ số 41/2005/QĐ- BNV ngày 22/4/2005	Điều dưỡng	ĐD TH		
58	Gây mê hồi sức A	Nguyễn Thị Thủy Trinh	ĐDTH	Điều dưỡng đa khoa	0024919/BYT- CCHN	17/11/2014	49	Thực hiện theo QĐ số 41/2005/QĐ- BNV ngày 22/4/2005	Điều dưỡng	ĐD TH		
59	Gây mê hồi sức A	Phạm Thị Anh	ĐDTH	Điều dưỡng đa khoa	024972/BYT- CCHN	17/11/2014	49	Thực hiện theo QĐ số 41/2005/QĐ- BNV ngày 22/4/2005	Điều dưỡng	ĐD TH		
60	Gây mê hồi sức A	Lê Quý Dạ Thảo	NHSTH	Hộ sinh	024968/BYT- CCHN	17/11/2014	49	Thực hiện theo TT số 12/2011/TT- BYT ngày 15/3/2011	Điều dưỡng	HS TH		
61	Gây mê hồi sức A	Văn Thị Bảo Long	NHSTH	Hộ sinh	024983/BYT- CCHN	17/11/2014	49	Thực hiện theo TT số 12/2011/TT- BYT ngày 15/3/2011	Điều dưỡng	HS TH		
62	Gây mê hồi sức A	Nguyễn Diệp	ĐDGMHS	Điều dưỡng đa khoa	024954/BYT- CCHN	17/11/2014	49	Thực hiện theo QĐ số 41/2005/QĐ- BNV ngày 22/4/2005	Điều dưỡng	ĐD TH		

TT	Trung tâm /khoa/phòng	Họ và tên	Học hàm, học vị	Chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề				Môn học	Dự kiến đào tạo	Số giường dự kiến	Số lượng HS/SV tối đa có thể nhận
					Số CCHN	Ngày cấp	Thời gian hành nghề sau cấp (tháng)	Phạm vi hành nghề				
63	Gây mê hồi sức A	Ngô Thị Như Quỳnh	ĐDTH	Điều dưỡng đa khoa	025202/BYT- CCHN	31/12/2014	47	Thực hiện theo QĐ số 41/2005/QĐ- BNV ngày 22/4/2005	Điều dưỡng	ĐD TH		
64	Gây mê hồi sức A	Bùi Thị Vân	KTVGMHS	KTV	023684/BYT- CCHN	28/10/2014	50	CK GMHS	Điều dưỡng	KTV TH		
65	Gây mê hồi sức A	Lê Thị Mỹ Hà	KTV THY	Y Sĩ	023710/BYT- CCHN	28/10/2014	50	CK GMHS	Điều dưỡng	KTV TH		

BẢN CÔNG BỐ

Đáp ứng yêu cầu là cơ sở thực hành trong đào tạo ngành Gây mê hồi sức

KHOA GÂY MÊ HỒI SỨC B

Căn cứ Nghị định số 111/2017/NĐ-CP ngày 05 tháng 10 năm 2017 của Chính phủ quy định về tổ chức đào tạo thực hành trong đào tạo khối ngành sức khỏe, Khoa **Gây mê hồi sức B** công bố đã đáp ứng yêu cầu để tổ chức đào tạo thực hành theo quy định với các nội dung sau đây:

I. ĐIỀU KIỆN CHUNG

1. Phạm vi hoạt động chuyên môn: Khám chữa bệnh Tuyến 1, các chuyên khoa:

- Gây mê hồi sức

2. Cơ sở vật chất, trang thiết bị:

- Tổng số giường bệnh: **42**

- Tổng số Phòng Mổ: **16**

- Khoa Gây mê hồi sức gồm có: 04 khu mổ và 02 khu hồi sức sau mổ. Đơn vị chống đau và phòng khám trước mê.

- Số thiết bị: Máy thở, Máy Gây mê, Máy siêu âm, Máy sốc điện, Máy kích thích điện, Máy theo dõi, Bơm tiền điện. v...

3. Nhân lực đủ điều kiện tham gia giảng dạy thực hành:

- Tổng số: **62** (có danh sách kèm theo)

- Phân chia theo chức danh:

TT	Chức danh	Số lượng	Chuyên ngành/Phạm vi hoạt động chuyên môn	Ghi chú
1.	Bác sĩ chuyên khoa II	3	Gây mê Hồi sức	
2.	Ths Bác sĩ	3	Gây mê Hồi sức	
3.	Bác sĩ CKI	4	Gây mê Hồi sức	
4.	Cử nhân Điều dưỡng	19	Điều dưỡng	
5.	Cao đẳng Điều dưỡng	2	Điều dưỡng	
6.	Điều dưỡng Trung học	31	Điều dưỡng	
Tổng số		62		

PHÊ DUYỆT
GIÁM ĐỐC
BỘ Y TẾ
BỆNH VIỆN
TRUNG ƯƠNG
HUẾ
*GS.TS. Phạm Như Hiệp

TRƯỞNG KHOA

ThS.BS. Ngô Đăng

*** Phụ lục: Danh sách tham gia giảng dạy thực hành của khoa Gây mê hồi sức B**

TT	Trung tâm /khoa/phòng	Họ và tên	Học hàm, học vị	Chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề				Môn học	Dự kiến đào tạo	Số giường dự kiến	Số lượng HS/SV tối đa có thể nhận
					Số CCHN	Ngày cấp	Thời gian hành nghề sau cấp (tháng)	Phạm vi hành nghề				
1	Gây mê hồi sức B	Ngô Dũng	ThS. BS	Bác sĩ đa khoa	002820/BYT-CCHN	14/01/2013	71	CK Nội tổng hợp, Gây mê hồi sức	Gây mê hồi sức	SĐH GMHS, ĐHY ĐK	2	6
2	Gây mê hồi sức B	Trần Thị Bích Thủy	BSCKII	Bác sĩ đa khoa	010220/BYT-CCHN	13/12/2013	60	CK Gây mê hồi sức	Gây mê hồi sức	SĐH GMHS, ĐHY ĐK	2	6
3	Gây mê hồi sức B	Đặng Như Quang	BSCKII	Bác sĩ đa khoa	010195/BYT-CCHN	13/12/2013	60	CK Gây mê hồi sức	Gây mê hồi sức	SĐH GMHS, ĐHY ĐK	2	6
4	Gây mê hồi sức B	Nguyễn Thị Trâm Anh	BSCKI	Bác sĩ đa khoa	023790/BYT-CCHN	10/11/2014	49	CK Gây mê hồi sức	Gây mê hồi sức	SĐH GMHS, ĐHY ĐK	2	6
5	Gây mê hồi sức B	Nguyễn Thành Được	BSCKI	Bác sĩ đa khoa	031101/BYT-CCHN	08/12/2016	24	CK Gây mê hồi sức	Gây mê hồi sức	ĐHY ĐK	3	9
6	Gây mê hồi sức B	La Thị Cẩm Hương	CNDD	Điều dưỡng đa khoa	024848/BYT-CCHN	17/11/2014	49	Thực hiện theo QĐ số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	Điều dưỡng	ĐD ĐH	10	30
7	Gây mê hồi sức B	Trần Thị Như Nguyệt	CNDD	Điều dưỡng đa khoa	024846/BYT-CCHN	17/11/2014	49	Thực hiện theo QĐ số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	Điều dưỡng	ĐD ĐH		

TT	Trung tâm /khoa/phòng	Họ và tên	Học hàm, học vị	Chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề				Môn học	Dự kiến đào tạo	Số giường dự kiến	Số lượng HS/SV tối đa có thể nhận
					Số CCHN	Ngày cấp	Thời gian hành nghề sau cấp (tháng)	Phạm vi hành nghề				
8	Gây mê hồi sức B	Phan Thị Như Quỳnh	CNDD	Điều dưỡng đa khoa	025012/BYT- CCHN	17/11/2014	49	Thực hiện theo QĐ số 41/2005/QĐ- BNV ngày 22/4/2005	Điều dưỡng	ĐD ĐH		
9	Gây mê hồi sức B	Nguyễn Thị Thư	CNDD	Điều dưỡng đa khoa	023799/BYT- CCHN	10/11/2014	49	Thực hiện theo QĐ số 41/2005/QĐ- BNV ngày 22/4/2005	Điều dưỡng	ĐD ĐH		
10	Gây mê hồi sức B	Nguyễn Thị Thu Thủy	CNDD	Điều dưỡng đa khoa	0024847/BYT- CCHN	17/11/2014	49	Thực hiện theo QĐ số 41/2005/QĐ- BNV ngày 22/4/2005	Điều dưỡng	ĐD ĐH		
11	Gây mê hồi sức B	Châu Thị Hoài Minh	CNDD	KTV	024841/BYT- CCHN	17/11/2014	49	CK Gây mê hồi sức	Điều dưỡng	ĐD ĐH		
12	Gây mê hồi sức B	Huỳnh Phước	CNDD	ĐDGM	023806/BYT- CCHN	10/11/2014	49	Thực hiện theo QĐ số 41/2005/QĐ- BNV ngày 22/4/2005	Điều dưỡng	ĐD ĐH		
13	Gây mê hồi sức B	Lê Thị Nữ Tuyết	CNDD	Điều dưỡng đa khoa	025200/BYT- CCHN	31/12/2014	47	Thực hiện theo QĐ số 41/2005/QĐ- BNV ngày 22/4/2005	Điều dưỡng	ĐD ĐH		

TT	Trung tâm /khoa/phòng	Họ và tên	Học hàm, học vị	Chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề				Môn học	Dự kiến đào tạo	Số giường dự kiến	Số lượng HS/SV tối đa có thể nhận
					Số CCHN	Ngày cấp	Thời gian hành nghề sau cấp (tháng)	Phạm vi hành nghề				
14	Gây mê hồi sức B	Nguyễn Văn Khuyến	CNDD- GMHS	KTV	010214/BYT- CCHN	13/12/2013	60	CK Gây mê hồi sức	Điều dưỡng	ĐD ĐH		
15	Gây mê hồi sức B	Lê Viết Chất	CNDD- GMHS	KTV	023802/BYT- CCHN	10/11/2014	49	Điều dưỡng, NHS,KTY	Điều dưỡng	ĐD ĐH		
16	Gây mê hồi sức B	Trần Thị Mai Trâm	CNDD- GMHS	ĐDGM	023918/BYT- CCHN	10/11/2014	49	Điều dưỡng, NHS,KTY	Điều dưỡng	ĐD ĐH		
17	Gây mê hồi sức B	Đoàn Đại Lượng	CNDD- GMHS	KTV	024969/BYT- CCHN	17/11/2014	49	CK Gây mê hồi sức	Điều dưỡng	ĐD ĐH		
18	Gây mê hồi sức B	Nguyễn Thị Nhị Thanh	CNDD- PS	Hộ sinh	023800/BYT- CCHN	10/11/2014	49	Điều dưỡng, NHS,KTY	Điều dưỡng	ĐD ĐH		
19	Gây mê hồi sức B	Trần Thị Thu Oanh	CNDD- PS	Hộ sinh	025251/BYT- CCHN	31/12/2014	47	Điều dưỡng, NHS,KTY	Điều dưỡng	ĐD ĐH		
20	Gây mê hồi sức B	Lê Thị Hường	ĐDTH	Điều dưỡng đa khoa	023803/BYT- CCHN	10/11/2014	49	Thực hiện theo QĐ số 41/2005/QĐ- BNV ngày 22/4/2005	Điều dưỡng	ĐD TH	21	63
21	Gây mê hồi sức B	Nguyễn Thị Bình	ĐDTH	Điều dưỡng đa khoa	024843/BYT- CCHN	17/11/2014	49	Thực hiện theo QĐ số 41/2005/QĐ- BNV ngày 22/4/2005	Điều dưỡng	ĐD TH		

TT	Trung tâm /khoa/phòng	Họ và tên	Học hàm, học vị	Chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề				Môn học	Dự kiến đào tạo	Số giường dự kiến	Số lượng HS/SV tối đa có thể nhận
					Số CCHN	Ngày cấp	Thời gian hành nghề sau cấp (tháng)	Phạm vi hành nghề				
22	Gây mê hồi sức B	Đặng Thị Xoan	ĐDTH	Điều dưỡng đa khoa	023916/BYT- CCHN	10/11/2014	49	Thực hiện theo QĐ số 41/2005/QĐ- BNV ngày 22/4/2005	Điều dưỡng	ĐD TH		
23	Gây mê hồi sức B	Trần Thị Thư	ĐDTH	Điều dưỡng đa khoa	024821/BYT- CCHN	17/11/2014	49	Thực hiện theo QĐ số 41/2005/QĐ- BNV ngày 22/4/2005	Điều dưỡng	ĐD TH		
24	Gây mê hồi sức B	Đặng Phước Nhơn	ĐDTH	KTV	023794/BYT- CCHN	10/11/2014	49	Thực hiện theo QĐ số 41/2005/QĐ- BNV ngày 22/4/2005	Điều dưỡng	ĐD TH		
25	Gây mê hồi sức B	Hoàng Thị Kim Liên	ĐDTH	Điều dưỡng đa khoa	023793/BYT- CCHN	10/11/2014	49	Thực hiện theo QĐ số 41/2005/QĐ- BNV ngày 22/4/2005	Điều dưỡng	ĐD TH		
26	Gây mê hồi sức B	Võ Thị Ân Trâm	ĐDTH	Điều dưỡng đa khoa	023796/BYT- CCHN	10/11/2014	49	Thực hiện theo QĐ số 41/2005/QĐ- BNV ngày 22/4/2005	Điều dưỡng	ĐD TH		
27	Gây mê hồi sức B	Tôn Nữ Thùy Dương	ĐDTH	Điều dưỡng đa khoa	024842/BYT- CCHN	17/11/2014	49	Thực hiện theo QĐ số 41/2005/QĐ- BNV ngày 22/4/2005	Điều dưỡng	ĐD TH		

TT	Trung tâm /khoa/phòng	Họ và tên	Học hàm, học vị	Chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề				Môn học	Dự kiến đào tạo	Số giường dự kiến	Số lượng HS/SV tối đa có thể nhận
					Số CCHN	Ngày cấp	Thời gian hành nghề sau cấp (tháng)	Phạm vi hành nghề				
28	Gây mê hồi sức B	Võ Thị Thu Hương	ĐDTH	Điều dưỡng đa khoa	023804/BYT- CCHN	10/11/2014	49	Thực hiện theo QĐ số 41/2005/QĐ- BNV ngày 22/4/2005	Điều dưỡng	ĐD TH		
29	Gây mê hồi sức B	Đặng Thị Thúy	ĐDTH	Điều dưỡng đa khoa	023805/BYT- CCHN	10/11/2014	49	Thực hiện theo QĐ số 41/2005/QĐ- BNV ngày 22/4/2005	Điều dưỡng	ĐD TH		
30	Gây mê hồi sức B	Lê Thị Ngọc Hiền	NHSTH	Hộ sinh	023791/BYT- CCHN	10/11/2014	49	Điều dưỡng, NHS,KTY	Điều dưỡng	HS TH		
31	Gây mê hồi sức B	Đặng Thị Thu Hà	NHSTH	Hộ sinh	025000/BYT- CCHN	17/11/2014	49	Điều dưỡng, NHS,KTY	Điều dưỡng	HS TH		
32	Gây mê hồi sức B	Trần Thị Hồng Vân	NHSTH	Hộ sinh	023792/BYT- CCHN	10/11/2014	49	Điều dưỡng, NHS,KTY	Điều dưỡng	HS TH		
33	Gây mê hồi sức B	Nguyễn Thị Kim Cúc	ĐDTH	Điều dưỡng đa khoa	024996/BYT- CCHN	17/11/2014	49	Thực hiện theo QĐ số 41/2005/QĐ- BNV ngày 22/4/2005	Điều dưỡng	ĐD TH		
34	Gây mê hồi sức B	Trần Thị Hương Xuân	ĐDTH	Điều dưỡng đa khoa	023797/BTY - CCHN	10/11/2014	49	Thực hiện theo QĐ số 41/2005/QĐ- BNV ngày 22/4/2005	Điều dưỡng	ĐD TH		
35	Gây mê hồi sức B	Phan Thị Thanh Chương	NHSTH	Hộ sinh	024845/BYT- CCHN	17/11/2014	49	Điều dưỡng, NHS,KTY	Điều dưỡng	HS TH		

TT	Trung tâm /khoa/phòng	Họ và tên	Học hàm, học vị	Chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề				Môn học	Dự kiến đào tạo	Số giường dự kiến	Số lượng HS/SV tối đa có thể nhận
					Số CCHN	Ngày cấp	Thời gian hành nghề sau cấp (tháng)	Phạm vi hành nghề				
36	Gây mê hồi sức B	Nguyễn Lương Khánh	ĐDGMHS	ĐDGM	024844/BYT- CCHN	17/11/2014	49	Điều dưỡng, NHS,KTY	Điều dưỡng	ĐD TH		
37	Gây mê hồi sức B	Nguyễn Thị Lan Anh	ĐDTH	Điều dưỡng đa khoa	025199/BYT- CCHN	31/12/2014	47	Thực hiện theo QĐ số 41/2005/QĐ- BNV ngày 22/4/2005	Điều dưỡng	ĐD TH		
38	Gây mê hồi sức B	Lê Thị Tuyết Hải	ĐDTH	Điều dưỡng đa khoa	025253/BYT- CCHN	31/12/2014	47	Thực hiện theo QĐ số 41/2005/QĐ- BNV ngày 22/4/2005	Điều dưỡng	ĐD TH		
39	Gây mê hồi sức B	Nguyễn Thị Đông Châu	CNDD	Điều dưỡng đa khoa	025252/BYT- CCHN	31/12/2014	47	Thực hiện theo QĐ số 41/2005/QĐ- BNV ngày 22/4/2005	Điều dưỡng	ĐD TH		
40	Gây mê hồi sức B	Hồ Thị Đoan Trinh	ĐDTH	ĐDGM	025254/BYT- CCHN	31/12/2014	47	Thực hiện theo QĐ số 41/2005/QĐ- BNV ngày 22/4/2005	Điều dưỡng	ĐD TH		
41	Gây mê hồi sức B	Trương Định	ĐDTH	ĐDGM	025203/BYT- CCHN	31/12/2014	47	Thực hiện theo QĐ số 41/2005/QĐ- BNV ngày 22/4/2005	Điều dưỡng	ĐD TH		

TT	Trung tâm /khoa/phòng	Họ và tên	Học hàm, học vị	Chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề				Môn học	Dự kiến đào tạo	Số giường dự kiến	Số lượng HS/SV tối đa có thể nhận
					Số CCHN	Ngày cấp	Thời gian hành nghề sau cấp (tháng)	Phạm vi hành nghề				
42	Gây mê hồi sức B	Đoàn Thị Lệ Hằng	NHSTH	Hộ sinh	025176/BYT- CCHN	31/12/2014	47	Điều dưỡng, NHS,KTY	Điều dưỡng	HS TH		
43	Gây mê hồi sức B	Đinh Thị Hương Bích	KTV THY	Y sỹ	023795/BYT- CCHN	10/11/2014	49	CK Gây mê hồi sức	Điều dưỡng	KTV TH		
44	Gây mê hồi sức B	Bạch Thị Kim Hoa	CNDD	Điều dưỡng đa khoa	0023697/BYT- CCHN	28/10/2014	50	Thực hiện theo QĐ số 41/2005/QĐ- BNV ngày 22/4/2005	Điều dưỡng	ĐD TH		
45	Gây mê hồi sức B	Võ Anh Thư	ĐDCĐ	Điều dưỡng đa khoa	034144/BYT- CCHN	08/06/2017	18	Thực hiện theo QĐ số 41/2005/QĐ- BNV ngày 22/4/2005	Điều dưỡng	ĐD TH		
46	Gây mê hồi sức B	Nguyễn Văn Thành	ĐDTH	ĐDGM	034170/BYT- CCHN	08/06/2017	18	CK Gây mê hồi sức	Điều dưỡng	ĐD TH		
47	Gây mê hồi sức B	Nguyễn Thị Nhật Thảo	ĐDTH	ĐDGM	034006/BYT- CCHN	08/06/2017	18	Thực hiện theo QĐ số 41/2005/QĐ- BNV ngày 22/4/2005	Điều dưỡng	ĐD TH		
48	Gây mê hồi sức B	Phạm Duy Khanh	ĐDTH	ĐDGM	034007/BYT- CCHN	08/06/2017	18	Thực hiện theo QĐ số 41/2005/QĐ- BNV ngày 22/4/2005	Điều dưỡng	ĐD TH		

TT	Trung tâm /khoa/phòng	Họ và tên	Học hàm, học vị	Chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề				Môn học	Dự kiến đào tạo	Số giường dự kiến	Số lượng HS/SV tối đa có thể nhận
					Số CCHN	Ngày cấp	Thời gian hành nghề sau cấp (tháng)	Phạm vi hành nghề				
49	Gây mê hồi sức B	Nguyễn Dư Quang	ĐDTH	Điều dưỡng đa khoa	034112/BYT- CCHN	08/06/2017	18	Thực hiện theo QĐ số 41/2005/QĐ- BNV ngày 22/4/2005	Điều dưỡng	ĐD TH		
50	Gây mê hồi sức B	Lê Thị Tiến	ĐDCĐ	Điều dưỡng đa khoa	034135/BYT- CCHN	08/06/2017	18	Thực hiện theo QĐ số 41/2005/QĐ- BNV ngày 22/4/2005	Điều dưỡng	ĐD TH		
51	Gây mê hồi sức B	Trương Thành Đạt	CNDD	Điều dưỡng đa khoa	034116/BYT- CCHN	08/06/2017	18	Thực hiện theo QĐ số 41/2005/QĐ- BNV ngày 22/4/2005	Điều dưỡng	ĐD TH		
52	Gây mê hồi sức B	Lê Trương Thu Thủy	ĐDTH	Điều dưỡng đa khoa	034151/BYT- CCHN	08/06/2017	18	Thực hiện theo QĐ số 41/2005/QĐ- BNV ngày 22/4/2005	Điều dưỡng	ĐD TH		
53	Gây mê hồi sức B	Nguyễn T Thùy Trang	CNDD	Điều dưỡng đa khoa	034173/BYT- CCHN	08/06/2017	18	Thực hiện theo QĐ số 41/2005/QĐ- BNV ngày 22/4/2005	Điều dưỡng	ĐD TH		

Huế, ngày 24 tháng 12 năm 2018

BẢN CÔNG BỐ

**Đáp ứng yêu cầu là cơ sở thực hành trong đào tạo ngành Gây mê hồi sức
KHOA GÂY Mê Hồi SỨC TIM MẠCH**

Căn cứ Nghị định số 111/2017/NĐ-CP ngày 05 tháng 10 năm 2017 của Chính phủ quy định về tổ chức đào tạo thực hành trong đào tạo khối ngành sức khỏe, **Khoa Gây Mê Hồi SỨC Tim Mạch** công bố đã đáp ứng yêu cầu để tổ chức đào tạo thực hành theo quy định với các nội dung sau đây:

I. ĐIỀU KIỆN CHUNG

1. Phạm vi hoạt động chuyên môn: Khám chữa bệnh Tuyến 1, các chuyên khoa:

- Gây mê hồi sức
- Hồi sức tim mạch

2. Cơ sở vật chất, trang thiết bị:

- Có 3 đơn nguyên: Phòng mổ và phòng Hồi sức Tim mạch và Đơn vị cấp cứu Tim mạch và hỗ trợ tuần hoàn cơ học với 4 buồng mổ và 34 giường hồi sức

- Số thiết bị: + Máy mê, máy thở, Monitor, Máy THNCT; Máy hỗ trợ tuần hoàn cơ học (ECMO, IABP); Máy siêu âm tại giường, máy đo điện tim; Máy sốc điện; Máy NO; Máy chuyển dịch, bơm tiêm điện, máy khí dung

- Phòng học: 01 phòng giao ban, 03 phòng trực, 01 phòng Hành chính.

3. Nhân lực đủ điều kiện tham gia giảng dạy thực hành:

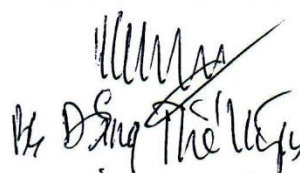
- Tổng số: **60** (có danh sách kèm theo)
- Phân chia theo chức danh:

TT	Chức danh	Số lượng	Chuyên ngành/Phạm vi hoạt động chuyên môn
1.	Bác sỹ chuyên khoa II	2	Gây mê hồi sức; Gây mê hồi sức Tim Mạch
2.	Ths.Bác sỹ	2	Gây mê hồi sức; Gây mê hồi sức Tim Mạch
3.	Bác sỹ chuyên khoa I	3	Gây mê hồi sức; Gây mê hồi sức Tim Mạch
4.	Điều dưỡng CK1	1	Điều dưỡng
5.	Cử nhân	18	Điều dưỡng đa khoa, Gây mê hồi sức
6.	Cao đẳng	10	Điều dưỡng đa khoa, Gây mê hồi sức, Hộ sinh
7.	Điều dưỡng TH	24	Điều dưỡng đa khoa, Gây mê hồi sức, Hộ sinh,
Tổng số		60	

PHÊ DUYỆT
GIÁM ĐỐC

GS.TS. Phạm Như Hiệp

TRƯỞNG KHOA


H. Đặng Thế Kiệt

*** Phụ lục: Danh sách tham gia giảng dạy thực hành của khoa GMHS Tim mạch**

TT	Trung tâm /khoa/phòng	Họ và tên	Học hàm, học vị	Chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề				Môn học	Dự kiến đào tạo	Số giường dự kiến	Số lượng HS/SV tối đa có thể nhận
					Số CCHN	Ngày cấp	Thời gian hành nghề sau cấp (tháng)	Phạm vi hành nghề				
1	Gây mê hồi sức tim mạch	Đặng Thế Uyên	BSCCKII	Gây mê hồi sức	003106/BYT-CCHN	21/01/2013	71	GMHS	Gây mê hồi sức	SDH GMHS, ĐHY ĐK	2	6
2	Gây mê hồi sức tim mạch	Nguyễn Tất Dũng	ThS.BS	Nội khoa, GMHS	003107/BYT-CCHN	21/01/2013	71	Nội khoa, GMHS	Gây mê hồi sức	SDH GMHS, ĐHY ĐK	2	6
3	Gây mê hồi sức tim mạch	Dương Đăng Hóa	BSCCKII	Nội khoa, GMHS	003108/BYT-CCHN	21/01/2013	71	Nội khoa, GMHS	Gây mê hồi sức	SDH GMHS, ĐHY ĐK	2	6
4	Gây mê hồi sức tim mạch	Võ Đại Quyền	ThS.BSCKI	Nội khoa, GMHS	003106/BYT-CCHN	13/12/2013	60	Nội khoa, GMHS	Gây mê hồi sức	ĐHY ĐK	3	9
5	Gây mê hồi sức tim mạch	Trần Thị Mơ	ĐDCKI	Điều dưỡng đa khoa	023734/BYT-CCHN	28/10/2014	50	Thực hiện theo QĐ số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	Điều dưỡng	ĐD CKI	2	6
6	Gây mê hồi sức tim mạch	Nguyễn Thị Ánh Tuyết	CNĐD	Điều dưỡng đa khoa	023917/BYT-CCHN	31/12/2014	47	Thực hiện theo QĐ số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	Điều dưỡng	ĐD ĐH	14	42

TT	Trung tâm /khoa/phòng	Họ và tên	Học hàm, học vị	Chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề				Môn học	Dự kiến đào tạo	Số giường dự kiến	Số lượng HS/SV tối đa có thể nhận
					Số CCHN	Ngày cấp	Thời gian hành nghề sau cấp (tháng)	Phạm vi hành nghề				
7	Gây mê hồi sức tim mạch	Trần Thị Tịnh Mỹ	CNDD	Điều dưỡng đa khoa	023736/BYT- CCHN	28/10/2014	50	Thực hiện theo QĐ số 41/2005/QĐ- BNV ngày 22/4/2005	Điều dưỡng	ĐD ĐH		
8	Gây mê hồi sức tim mạch	Phan Thi Hạnh	CNDD	Điều dưỡng đa khoa	023775/BYT- CCHN	31/12/2014	47	Thực hiện theo QĐ số 41/2005/QĐ- BNV ngày 22/4/2005	Điều dưỡng	ĐD ĐH		
9	Gây mê hồi sức tim mạch	Nguyễn T. Ngọc Tâm	CNDD	Điều dưỡng đa khoa	023889/BYT- CCHN	10/11/2014	49	Thực hiện theo QĐ số 41/2005/QĐ- BNV ngày 22/4/2005	Điều dưỡng	ĐD ĐH		
10	Gây mê hồi sức tim mạch	Nguyễn Thị Đoan Trang	CNDD	Điều dưỡng đa khoa	024831/BYT- CCHN	17/11/2014	49	Thực hiện theo QĐ số 41/2005/QĐ- BNV ngày 22/4/2005	Điều dưỡng	ĐD ĐH		
11	Gây mê hồi sức tim mạch	Ngô Thị Trang	CNDD	Điều dưỡng đa khoa	023746/BYT- CCHN	31/12/2014	47	Thực hiện theo QĐ số 41/2005/QĐ- BNV ngày 22/4/2005	Điều dưỡng	ĐD ĐH		
12	Gây mê hồi sức tim mạch	Nguyễn Thị Minh Tâm	CNDD	Điều dưỡng đa khoa	023739/BYT- CCHN	28/10/2014	50	Thực hiện theo QĐ số 41/2005/QĐ- BNV ngày 22/4/2005	Điều dưỡng	ĐD ĐH		

TT	Trung tâm /khoa/phòng	Họ và tên	Học hàm, học vị	Chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề				Môn học	Dự kiến đào tạo	Số giường dự kiến	Số lượng HS/SV tối đa có thể nhận
					Số CCHN	Ngày cấp	Thời gian hành nghề sau cấp (tháng)	Phạm vi hành nghề				
13	Gây mê hồi sức tim mạch	Phan Tái Nhân	CNGMHS	Gây mê hồi sức	024850/BYT- CCHN	17/11/2014	49	GMHS	Điều dưỡng	CN GMHS	6	18
14	Gây mê hồi sức tim mạch	Phạm Đăng Chính	CNGMHS	Gây mê hồi sức	023735/BYT- CCHN	17/11/2014	49	GMHS	Điều dưỡng	CN GMHS		
15	Gây mê hồi sức tim mạch	Đặng Quốc Kha	CNĐD	Điều dưỡng đa khoa	025287/BYT- CCHN	31/12/2014	47	Thực hiện theo QĐ số 41/2005/QĐ- BNV ngày 22/4/2005	Điều dưỡng	ĐD CĐ	32	96
16	Gây mê hồi sức tim mạch	Hoàng Thị Thanh Tâm	CNĐD	Điều dưỡng đa khoa	023737/BYT- CCHN	28/10/2014	50	Thực hiện theo QĐ số 41/2005/QĐ- BNV ngày 22/4/2005	Điều dưỡng	ĐD CĐ		
17	Gây mê hồi sức tim mạch	Lưu Thị Minh Đức	CNĐD	Điều dưỡng đa khoa	023743/BYT- CCHN	28/10/2014	50	Thực hiện theo QĐ số 41/2005/QĐ- BNV ngày 22/4/2005	Điều dưỡng	ĐD CĐ		
18	Gây mê hồi sức tim mạch	Nguyễn Đình Phong	CNĐD	Điều dưỡng đa khoa	025182/BYT- CCHN	31/12/2014	47	Thực hiện theo QĐ số 41/2005/QĐ- BNV ngày 22/4/2005	Điều dưỡng	ĐD CĐ		

TT	Trung tâm /khoa/phòng	Họ và tên	Học hàm, học vị	Chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề				Môn học	Dự kiến đào tạo	Số giường dự kiến	Số lượng HS/SV tối đa có thể nhận
					Số CCHN	Ngày cấp	Thời gian hành nghề sau cấp (tháng)	Phạm vi hành nghề				
19	Gây mê hồi sức tim mạch	Lê Thị Hương	ĐDCĐ	Điều dưỡng đa khoa	023744/BYT- CCHN	28/10/2014	50	Thực hiện theo QĐ số 41/2005/QĐ- BNV ngày 22/4/2005	Điều dưỡng	ĐD CĐ		
20	Gây mê hồi sức tim mạch	Bùi Thị Hồng Anh	ĐDCĐ	Điều dưỡng đa khoa	023739/BYT- CCHN	28/10/2014	50	Thực hiện theo QĐ số 41/2005/QĐ- BNV ngày 22/4/2005	Điều dưỡng	ĐD CĐ		
21	Gây mê hồi sức tim mạch	Lê Vĩnh Khoa	ĐDCĐ	Điều dưỡng đa khoa	024839/BYT- CCHN	17/11/2014	49	Thực hiện theo QĐ số 41/2005/QĐ- BNV ngày 22/4/2005	Điều dưỡng	ĐD CĐ		
22	Gây mê hồi sức tim mạch	Phan Minh Duy	ĐDCĐ	Điều dưỡng đa khoa	023755/BYT- CCHN	28/10/2014	50	Thực hiện theo QĐ số 41/2005/QĐ- BNV ngày 22/4/2005	Điều dưỡng	ĐD CĐ		
23	Gây mê hồi sức tim mạch	Ngô Văn Minh	ĐDCĐ	Điều dưỡng đa khoa	023730/BYT- CCHN	28/10/2014	50	Thực hiện theo QĐ số 41/2005/QĐ- BNV ngày 22/4/2005	Điều dưỡng	ĐD CĐ		
24	Gây mê hồi sức tim mạch	Nguyễn Đình Hùng	ĐDCĐ	Điều dưỡng đa khoa	023753/BYT- CCHN	28/10/2014	50	Thực hiện theo QĐ số 41/2005/QĐ- BNV ngày 22/4/2005	Điều dưỡng	ĐD CĐ		

TT	Trung tâm /khoa/phòng	Họ và tên	Học hàm, học vị	Chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề				Môn học	Dự kiến đào tạo	Số giường dự kiến	Số lượng HS/SV tối đa có thể nhận
					Số CCHN	Ngày cấp	Thời gian hành nghề sau cấp (tháng)	Phạm vi hành nghề				
25	Gây mê hồi sức tim mạch	Cao Thị Diễm Phúc	ĐDTH	Điều dưỡng đa khoa	023741/BYT- CCHN	28/10/2014	50	Thực hiện theo QĐ số 41/2005/QĐ- BNV ngày 22/4/2005	Điều dưỡng	ĐD TH		
26	Gây mê hồi sức tim mạch	Nguyễn Thị Ánh Ngọc	ĐDTH	Điều dưỡng đa khoa	023747/BYT- CCHN	28/10/2014	50	Thực hiện theo QĐ số 41/2005/QĐ- BNV ngày 22/4/2005	Điều dưỡng	ĐD TH		
27	Gây mê hồi sức tim mạch	Nguyễn Thị Bảo Hà	ĐDTH	Điều dưỡng đa khoa	023749/BYT- CCHN	28/10/2014	50	Thực hiện theo QĐ số 41/2005/QĐ- BNV ngày 22/4/2005	Điều dưỡng	ĐD TH		
28	Gây mê hồi sức tim mạch	Trần Nguyên Trúc Phương	ĐDTH	Điều dưỡng đa khoa	023732/BYT- CCHN	28/10/2014	50	Thực hiện theo QĐ số 41/2005/QĐ- BNV ngày 22/4/2005	Điều dưỡng	ĐD TH		
29	Gây mê hồi sức tim mạch	Đinh Ngọc Huân	ĐDTH	Điều dưỡng đa khoa	023740/BYT- CCHN	28/10/2014	50	Thực hiện theo QĐ số 41/2005/QĐ- BNV ngày 22/4/2005	Điều dưỡng	ĐD TH		
30	Gây mê hồi sức tim mạch	Nguyễn Thị Lam	ĐDTH	Điều dưỡng đa khoa	023750/BYT- CCHN	28/10/2014	50	Thực hiện theo QĐ số 41/2005/QĐ- BNV ngày 22/4/2005	Điều dưỡng	ĐD TH		

TT	Trung tâm /khoa/phòng	Họ và tên	Học hàm, học vị	Chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề				Môn học	Dự kiến đào tạo	Số giường dự kiến	Số lượng HS/SV tối đa có thể nhận
					Số CCHN	Ngày cấp	Thời gian hành nghề sau cấp (tháng)	Phạm vi hành nghề				
31	Gây mê hồi sức tim mạch	Trần Thị Đoan Trang	ĐDTH	Điều dưỡng đa khoa	003049/BYT- CCHN	10/11/2014	49	Thực hiện theo QĐ số 41/2005/QĐ- BNV ngày 22/4/2005	Điều dưỡng	ĐD TH		
32	Gây mê hồi sức tim mạch	Trần Thị Hiếu	ĐDTH	Điều dưỡng đa khoa	024830/BYT- CCHN	17/11/2014	49	Thực hiện theo QĐ số 41/2005/QĐ- BNV ngày 22/4/2005	Điều dưỡng	ĐD TH		
33	Gây mê hồi sức tim mạch	Trần Thị Bích Ngọc	ĐDTH	Điều dưỡng đa khoa	023756/BYT- CCHN	28/10/2014	50	Thực hiện theo QĐ số 41/2005/QĐ- BNV ngày 22/4/2005	Điều dưỡng	ĐD TH		
34	Gây mê hồi sức tim mạch	Khuong Thị Hoàng Lan	ĐDTH	Điều dưỡng đa khoa	025277/BYT- CCHN	31/12/2014	47	Thực hiện theo QĐ số 41/2005/QĐ- BNV ngày 22/4/2005	Điều dưỡng	ĐD TH		
35	Gây mê hồi sức tim mạch	Hồ Văn Thuận	ĐDTH	Điều dưỡng đa khoa	024863/BYT- CCHN	17/11/2014	49	Thực hiện theo QĐ số 41/2005/QĐ- BNV ngày 22/4/2005	Điều dưỡng	ĐD TH		
36	Gây mê hồi sức tim mạch	Nguyễn Khoa Diệu Phương	ĐDTH	Điều dưỡng đa khoa	023756/BYT- CCHN	28/10/2014	50	Thực hiện theo QĐ số 41/2005/QĐ- BNV ngày 22/4/2005	Điều dưỡng	ĐD TH		

TT	Trung tâm /khoa/phòng	Họ và tên	Học hàm, học vị	Chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề				Môn học	Dự kiến đào tạo	Số giường dự kiến	Số lượng HS/SV tối đa có thể nhận
					Số CCHN	Ngày cấp	Thời gian hành hành nghề sau cấp (tháng)	Phạm vi hành nghề				
37	Gây mê hồi sức tim mạch	Trương Ngọc Lai	ĐDTH	Điều dưỡng đa khoa	023754/BYT- CCHN	28/10/2014	50	Thực hiện theo QĐ số 41/2005/QĐ- BNV ngày 22/4/2005	Điều dưỡng	ĐD TH		
38	Gây mê hồi sức tim mạch	Nguyễn Đức Thành	ĐDGMHS	GMHS	024840/BYT- CCHN	17/11/2014	49	GMHS	Điều dưỡng	ĐD TH		
39	Gây mê hồi sức tim mạch	Cao Đức Kim Tuyền	ĐDGMHS	GMHS	024864/BYT- CCHN	17/11/2014	49	GMHS	Điều dưỡng	ĐD TH		
40	Gây mê hồi sức tim mạch	Võ Xuân Thọ	ĐDGMHS	GMHS	025197/BYT- CCHN	31/12/2014	47	GMHS	Điều dưỡng	ĐD TH		
41	Gây mê hồi sức tim mạch	Nguyễn Thị Huy Tường	CĐGMHS	GMHS	001282/BYT- CCHN	22/09/2014	51	GMHS	Điều dưỡng	ĐD TH		
42	Gây mê hồi sức tim mạch	Đỗ Đình Sơn	KTVGMHS	Gây mê hồi sức	025201/BYT- CCHN	31/12/2014	47	GMHS	Điều dưỡng	KTV TH		
43	Gây mê hồi sức tim mạch	Nguyễn Thị Phương Thảo	CNKTYH	Xét nghiệm	023735/BYT- CCHN	28/10/2014	50	Xét nghiệm	Điều dưỡng	KTV CĐ		
44	Gây mê hồi sức tim mạch	Phan Thị Nguyễn	KTVXN	Xét nghiệm	023738/BYT- CCHN	28/10/2014	50	Xét nghiệm	Điều dưỡng	KTV TH		

TT	Trung tâm /khoa/phòng	Họ và tên	Học hàm, học vị	Chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề				Môn học	Dự kiến đào tạo	Số giường dự kiến	Số lượng HS/SV tối đa có thể nhận
					Số CCHN	Ngày cấp	Thời gian hành hành nghề sau cấp (tháng)	Phạm vi hành nghề				
45	Gây mê hồi sức tim mạch	Lê Đăng Uyên Khanh	CNYTCC	Hộ sinh	025244/BYT- CCHN	31/12/2014	47	Điều dưỡng	Điều dưỡng	HS TH		
46	Gây mê hồi sức tim mạch	Tôn Nữ Phước Thịnh	NHSTH	Hộ sinh	023752/BYT- CCHN	28/10/2014	50	Điều dưỡng	Điều dưỡng	HS TH		
47	Gây mê hồi sức tim mạch	Đoàn Thị Liễu	NHSCĐ	Hộ sinh	023731/BYT- CCHN	28/10/2014	50	Điều dưỡng	Điều dưỡng	HS TH		
48	Gây mê hồi sức tim mạch	Phạm Thị Ngọc Hạnh	NHSTH	Hộ sinh	023751/BYT- CCHN	28/10/2014	50	Điều dưỡng	Điều dưỡng	HS TH		
49	Gây mê hồi sức tim mạch	Nguyễn Thị Khánh Anh	CNGMHS	GMHS	033943/BYT- CCHN	08/06/2017	18	GMHS	Điều dưỡng	ĐD GMHS		
50	Gây mê hồi sức tim mạch	Lê Mạnh	ĐDCĐ	Điều dưỡng đa khoa	003555/BYT- CCHN	10/05/2017	19	Thực hiện theo QĐ số 41/2005/QĐ- BNV ngày 22/4/2005	Điều dưỡng	ĐD TH		
51	Gây mê hồi sức tim mạch	Lê Thị Hạnh Nhưng	CNĐĐ	Điều dưỡng đa khoa	033889/BYT- CCHN	06/08/2017	16	Thực hiện theo QĐ số 41/2005/QĐ- BNV ngày 22/4/2005	Điều dưỡng	ĐD TH		

TT	Trung tâm /khoa/phòng	Họ và tên	Học hàm, học vị	Chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề				Môn học	Dự kiến đào tạo	Số giường dự kiến	Số lượng HS/SV tối đa có thể nhận
					Số CCHN	Ngày cấp	Thời gian hành nghề sau cấp (tháng)	Phạm vi hành nghề				
52	Gây mê hồi sức tim mạch	Mai Văn Nội	CNĐĐ	Điều dưỡng đa khoa	033847/BYT- CCHN	06/08/2017	16	Thực hiện theo QĐ số 41/2005/QĐ- BNV ngày 22/4/2005	Điều dưỡng	ĐD TH		
53	Gây mê hồi sức tim mạch	Trần Văn Quang	CNĐĐ	Điều dưỡng đa khoa	034058/BYT- CCHN	06/08/2017	16	Thực hiện theo QĐ số 41/2005/QĐ- BNV ngày 22/4/2005	Điều dưỡng	ĐD TH		
54	Gây mê hồi sức tim mạch	Nguyễn Thành Trung	CNĐĐ	Điều dưỡng đa khoa	033915/BYT- CCHN	06/08/2017	16	Thực hiện theo QĐ số 41/2005/QĐ- BNV ngày 22/4/2005	Điều dưỡng	ĐD TH		
55	Gây mê hồi sức tim mạch	Nguyễn Thị Hoài	ĐDCĐ	Điều dưỡng đa khoa	023867/BYT- CCHN	06/08/2017	16	Thực hiện theo QĐ số 41/2005/QĐ- BNV ngày 22/4/2005	Điều dưỡng	ĐD TH		
56	Gây mê hồi sức tim mạch	Nguyễn Thị Hong Nhung	ĐDTH	Điều dưỡng đa khoa	033887/BYT- CCHN	06/08/2017	16	Thực hiện theo QĐ số 41/2005/QĐ- BNV ngày 22/4/2005	Điều dưỡng	ĐD TH		
57	Gây mê hồi sức tim mạch	Đinh Thị Lụa	ĐDTH	Điều dưỡng đa khoa	033997/BYT- CCHN	06/08/2017	16	Thực hiện theo QĐ số 41/2005/QĐ- BNV ngày 22/4/2005	Điều dưỡng	ĐD TH		

TT	Trung tâm /khoa/phòng	Họ và tên	Học hàm, học vị	Chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề				Môn học	Dự kiến đào tạo	Số giường dự kiến	Số lượng HS/SV tối đa có thể nhận
					Số CCHN	Ngày cấp	Thời gian hành nghề sau cấp (tháng)	Phạm vi hành nghề				
58	Gây mê hồi sức tim mạch	Nguyễn Thị Phượng	ĐDTH	Điều dưỡng đa khoa	033885/BYT- CCHN	06/08/2017	16	Thực hiện theo QĐ số 41/2005/QĐ- BNV ngày 22/4/2005	Điều dưỡng	ĐD TH		
59	Gây mê hồi sức tim mạch	Đào Trường Giang	ĐDTH	Điều dưỡng đa khoa	033935/BYT- CCHN	06/08/2017	16	Thực hiện theo QĐ số 41/2005/QĐ- BNV ngày 22/4/2005	Điều dưỡng	ĐD TH		
60	Gây mê hồi sức tim mạch	Lê Thị Ái Nghĩa	ĐDGMHS	GMHS	034039/BYT- CCHN	06/08/2017	16	GMHS	Điều dưỡng	ĐD GMHS		

Huế, ngày 24 tháng 12 năm 2018

BẢN CÔNG BỐ
Đáp ứng yêu cầu là cơ sở thực hành trong đào tạo
ngành Vật lý trị liệu – Phục hồi chức năng

KHOA VẬT LÝ TRỊ LIỆU – PHỤC HỒI CHỨC NĂNG

Căn cứ Nghị định số 111/2017/NĐ-CP ngày 05 tháng 10 năm 2017 của Chính phủ quy định về tổ chức đào tạo thực hành trong đào tạo khối ngành sức khỏe, Khoa **Vật lý trị liệu - Phục hồi chức năng** công bố đã đáp ứng yêu cầu để tổ chức đào tạo thực hành theo quy định với các nội dung sau đây:

I. ĐIỀU KIỆN CHUNG

1. Phạm vi hoạt động chuyên môn: Khám chữa bệnh Tuyến 1, chuyên khoa:

- Vật lý trị liệu – Phục hồi chức năng

2. Cơ sở vật chất, trang thiết bị:

- Tổng số giường bệnh: 77

- Số thiết bị:

+ Phòng Vận động trị liệu: Có đầy đủ các loại bàn tập, ghế tập, xe đạp tập, dụng cụ hỗ trợ tập

+ Phòng Hoạt động trị liệu: Có đầy đủ dụng cụ cần thiết cho hoạt động trị liệu

+ Phòng Âm ngữ trị liệu: Có 01 máy hỗ trợ nuốt, đầy đủ máy và phương tiện, dụng cụ hỗ trợ khác

+ Phòng Vật lý trị liệu: Có các máy Siêu âm, Sóng ngắn, Điện từ trường, Nhiệt từ rung, Kéo cột sống, Giao thoa, đèn Hồng ngoại, Lò nấu Paraphin, Doctor home

+ Phòng Laser điều trị: Có các máy Từ trị liệu, Quang trị liệu, Laser châm, Laser CO2...

+ Xưởng Dụng cụ chỉnh hình: Có đầy đủ máy móc, trang thiết bị, dụng cụ, nguyên vật liệu để sản xuất dụng cụ chỉnh hình – chân tay giả

- Phòng: 01 phòng khám, 01 phòng giao ban khoa, 02 phòng trực, 01 phòng Hành chính, 11 phòng bệnh, 01 phòng Vận động trị liệu, 01 phòng Vật lý trị liệu, 01 phòng Hoạt động trị liệu, 01 phòng Âm ngữ trị liệu, 01 phòng Laser điều trị, 01 phòng PHCN sản châu, 01 xưởng dụng cụ chỉnh hình – chân tay giả

3. Nhân lực đủ điều kiện tham gia giảng dạy thực hành:

- Tổng số: 20 (có danh sách kèm theo)

- Phân chia theo chức danh:

TT	Chức danh	Số lượng	Chuyên ngành/Phạm vi hoạt động chuyên môn
1.	Bác sĩ chuyên khoa II	1	Vật lý trị liệu – Phục hồi chức năng
2.	Bác sĩ chuyên khoa I	3	Vật lý trị liệu – Phục hồi chức năng
3.	Cử nhân Điều dưỡng	2	Điều dưỡng
4.	Cao đẳng Điều dưỡng	1	Điều dưỡng
5.	Điều dưỡng Trung học	3	Điều dưỡng
6.	Cử nhân KTYH	2	Vật lý trị liệu – Phục hồi chức năng
7.	Cao đẳng KTV PHCN	2	Vật lý trị liệu – Phục hồi chức năng
8.	KTV Trung học	6	Vật lý trị liệu – Phục hồi chức năng
Tổng số		20	

PHÊ DUYỆT
GIÁM ĐỐC



GS.TS. Phạm Như Hiệp

TRƯỞNG KHOA



BSCKII. NGUYỄN THỊ MỪNG

*** Phụ lục: Danh sách tham gia giảng dạy thực hành của khoa VLTL – PHCN**

TT	Trung tâm /khoa/phòng	Họ và tên	Học hàm, học vị	Chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề				Môn học	Dự kiến đào tạo	Số giường dự kiến	Số lượng HS/SV tối đa có thể nhận
					Số CCHN	Ngày cấp	Thời gian hành nghề sau cấp (tháng)	Phạm vi hành nghề				
1	Phục hồi chức năng	Nguyễn Thị Mừng	BSCKII	CKII sản	023935/BYT-CCHN	11/10/2014	50	Chuyên khoa VLTL-PHCN	VLTL - PHCN	SĐH, ĐHY ĐK	2	6
2	Phục hồi chức năng	Nguyễn Thị Thu Thủy	BSCKI	CKI PHCN	0023807/BYT-CCHN	11/10/2014	50	Chuyên khoa VLTL-PHCN	VLTL - PHCN	SĐH, ĐHY ĐK	2	6
3	Phục hồi chức năng	Hoàng Quốc Anh	BSCKI	CKI PHCN	024818/BYT-CCHN	10/11/2014	49	Chuyên khoa VLTL-PHCN	VLTL - PHCN	ĐHY ĐK	6	18
4	Phục hồi chức năng	Cái Viết Quang	BSCKI	CKI PHCN	033859/BYT-CCHN	06/08/2017	16	Chuyên khoa VLTL-PHCN	VLTL - PHCN	ĐHY ĐK		
5	Phục hồi chức năng	Lê Duy Phước	CNDD	Điều dưỡng đa khoa	025177/BYT-CCHN	10/11/2014	49	Thực hiện theo QĐ số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	VLTL - PHCN	ĐD ĐH	5	15
6	Phục hồi chức năng	Ngô Quốc Hạc	CNDD	Điều dưỡng đa khoa	023808/BYT-CCHN	10/11/2014	49	Thực hiện theo QĐ số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	VLTL - PHCN	ĐD ĐH		
7	Phục hồi chức năng	Trần Thị Hoá	CNKTYH	VLTL-PHCN	023810/BYT-CCHN	10/11/2014	49	Chuyên khoa VLTL-PHCN	VLTL - PHCN	CN KTYH	5	15
8	Phục hồi chức năng	Lê Bá Hiếu	CNKTYH	VLTL-PHCN	023811/BYT-CCHN	10/11/2014	49	Chuyên khoa VLTL-PHCN	VLTL - PHCN	CN KTYH		
9	Phục hồi chức năng	Nguyễn Thị Lệ Thủy	ĐDTH	Điều dưỡng đa khoa	023809/BYT-CCHN	10/11/2014	49	Thực hiện theo QĐ số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	VLTL - PHCN	ĐD TH	20	60
10	Phục hồi chức năng	Hồ Hữu Chuẩn	ĐDTH	Điều dưỡng đa khoa	024816/BYT-CCHN	10/11/2014	49	Thực hiện theo QĐ số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	VLTL - PHCN	ĐD TH		
11	Phục hồi chức năng	Phan Thị Ngọc Trang	ĐDTH	Điều dưỡng đa khoa	024815/BYT-CCHN	10/11/2014	49	Thực hiện theo QĐ số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	VLTL - PHCN	ĐD TH		

TT	Trung tâm /khoa/phòng	Họ và tên	Học hàm, học vị	Chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề				Môn học	Dự kiến đào tạo	Số giường dự kiến	Số lượng HS/SV tối đa có thể nhận
					Số CCHN	Ngày cấp	Thời gian hành hành nghề sau cấp (tháng)	Phạm vi hành nghề				
12	Phục hồi chức năng	Trần Khánh Linh	ĐDTH	Điều dưỡng đa khoa	0023809/BYT- CCHN	08/06/2017	18	Thực hiện theo QĐ số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	VLTL - PHCN	ĐD TH		
13	Phục hồi chức năng	Trần Thị Diệu Huyền	KTV PHCN	VLTL- PHCN	023815/BYT- CCHN	10/11/2014	49	Chuyên khoa VLTL- PHCN	VLTL - PHCN	KTV TH	28	84
14	Phục hồi chức năng	Châu Thành Tâm	KTV PHCN	VLTL- PHCN	024945/BYT- CCHN	10/11/2014	49	Chuyên khoa VLTL- PHCN	VLTL - PHCN	KTV TH		
15	Phục hồi chức năng	Trần Văn Dũng	KTV THY	VLTL- PHCN	025256/BYT- CCHN	10/11/2014	49	Chuyên khoa VLTL- PHCN	VLTL - PHCN	KTV TH		
16	Phục hồi chức năng	Nguyễn Thị Thúy	KTV PHCN	VLTL- PHCN	023814/BYT- CCHN	10/11/2014	49	Chuyên khoa VLTL- PHCN	VLTL - PHCN	KTV TH		
17	Phục hồi chức năng	Nguyễn Xuân Tân	KTV PHCN	VLTL- PHCN	026280/BYT- CCHN	05/11/2015	37	Chuyên khoa VLTL- PHCN	VLTL - PHCN	KTV TH		
18	Phục hồi chức năng	Nguyễn Văn Sơn	KTV THY	VLTL- PHCN	0025216/BYT- CCHN	31/12/2016	18	Chuyên khoa VLTL- PHCN	VLTL - PHCN	KTV TH	9	27
19	Phục hồi chức năng	Lê Thị Bảo Khánh	CĐKTV PHCN	VLTL- PHCN	0023814/BYT- CCHN	08/06/2017	18	Chuyên khoa VLTL- PHCN	VLTL - PHCN	KTV CĐ		
20	Phục hồi chức năng	Phan Thị Thu Thủy	CĐKTV PHCN	VLTL- PHCN	034133/BYT- CCHN	08/06/2017	15	Chuyên khoa VLTL- PHCN	VLTL - PHCN	KTV CĐ		

Huế, ngày 24 tháng 12 năm 2018

BẢN CÔNG BỐ

Đáp ứng yêu cầu là cơ sở thực hành trong đào tạo ngành Huyết học - Truyền máu

TRUNG TÂM HUYẾT HỌC - TRUYỀN MÁU

Căn cứ Nghị định số 111/2017/NĐ-CP ngày 05 tháng 10 năm 2017 của Chính phủ quy định về tổ chức đào tạo thực hành trong đào tạo khối ngành sức khỏe, **Trung tâm Huyết học - Truyền máu** công bố đã đáp ứng yêu cầu để tổ chức đào tạo thực hành theo quy định với các nội dung sau đây:

I. ĐIỀU KIỆN CHUNG

1. Phạm vi hoạt động chuyên môn: Khám chữa bệnh Tuyến 1, chuyên khoa:

- Xét nghiệm Huyết học và Truyền máu
- Điều trị bệnh máu

2. Cơ sở vật chất, trang thiết bị:

2.1. Khoa Xét nghiệm Huyết học:

- Trang thiết bị: 79 máy

- + Phòng Xét nghiệm cơ bản: có đầy đủ các trang thiết bị phục vụ xét nghiệm thường quy (CTM, TsTc, VSS, HIV test nhanh....)

- + Phòng Cầm máu Đông máu: có đầy đủ dụng cụ cần thiết cho xét nghiệm thăm dò Rối loạn Đông máu Cầm máu;

- + Phòng Miễn dịch Di Truyền: có đầy đủ trang thiết bị để phục vụ xét nghiệm thăm dò bệnh lý Miễn dịch và Di Truyền;

- + Phòng Thăm dò cơ quan tạo máu: có các trang thiết bị để phục vụ chuẩn đoán các bệnh lý về máu và cơ quan tạo máu;

- Cơ sở: 01 phòng giao ban khoa, 01 phòng trực, 01 khu xét nghiệm phân thành 04 phòng chuyên khoa riêng biệt.

2.2. Trung tâm Truyền Máu khu vực và Khoa Truyền Máu:

- Trang thiết bị:

- + Phòng Hiến máu và chế phẩm máu: có đầy đủ các trang thiết bị phục vụ khám tuyển chọn người hiến máu và tiếp nhận nguồn máu hiến;

- + Phòng Điều chế: có đầy đủ dụng cụ cần thiết cho sản xuất các chế phẩm máu từ máu toàn phần; tách tiểu cầu, huyết tương và tế bào gốc bằng máy tách các thành phần máu tự động;

- + Phòng Lưu trữ các chế phẩm máu, tế bào gốc; cấp máu Ngoại viện và Nội viện: có đầy đủ trang thiết bị để bảo quản sản phẩm đảm bảo chất lượng;

- + Phòng Sàng lọc các bệnh lây qua đường máu bằng kỹ thuật ELISA, miễn dịch hóa phát quang và sinh học phân tử (thường gọi tắt là kỹ thuật NAT: Nucleic Acid Testing): có các trang thiết bị để phục vụ chuẩn đoán viêm gan B, Viêm gan C và HIV cho bệnh nhân Nội & Ngoại trú; Kháng định chẩn đoán nhiễm HIV; Đếm tế bào TCD4 cho bệnh nhân nhiễm HIV;

+ Phòng Huyết thanh học nhóm máu: có đầy đủ các trang thiết bị phục vụ xét nghiệm định nhóm máu hệ ABO, Rh và xét nghiệm hòa hợp trên hệ thống máy Gelcard tự động. Xét nghiệm Coombs, hiệu giá kháng thể, xác định bất đồng nhóm máu mẹ con;

- Cơ sở: 01 Hội trường Trung tâm, 02 phòng đào tạo, 01 phòng thư viện, 03 phòng trực, khu xét nghiệm phân thành 02 phòng sàng lọc và huyết thanh học nhóm máu chuyên khoa riêng biệt, khu sản xuất chế phẩm máu đúng theo quy định của Ngân hàng máu.

2.3. Khoa Huyết học lâm sàng:

- Tổng số giường bệnh: 106

- Trang thiết bị:

- + 1 monitoring
- + 1 máy đo điện tâm đồ
- + 3 bơm tiêm điện
- + 1 máy truyền dịch
- + 1 máy hút đàm

- Cơ sở: 01 phòng giao ban khoa, 02 phòng trực, 01 phòng Hành chính, 1 phòng khám ngoại trú, 1 phòng thủ thuật, 18 phòng bệnh nội trú

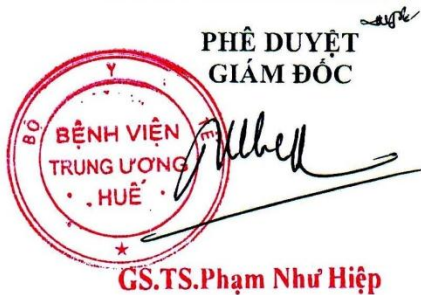
3. Nhân lực đủ điều kiện tham gia giảng dạy thực hành:

- Tổng số: **63** (có danh sách kèm theo)

- Phân chia theo chức danh:

TT	Chức danh	Số lượng	Chuyên ngành/ Phạm vi hoạt động chuyên môn	Ghi chú
1.	PGS.TS	01	- Chuyên khoa Huyết học Truyền máu - Miễn dịch	
2.	TS	01	- Chuyên khoa Huyết học Truyền máu	
3.	Bác sĩ chuyên khoa II	07	Huyết học Truyền máu, Huyết học lâm sàng	
4.	Thạc sĩ Bác sĩ	06	Huyết học Truyền máu, Huyết học lâm sàng	
5.	Bác sĩ	01	Huyết học lâm sàng	
6.	ThS. Y học	07	Xét nghiệm Huyết học và Truyền máu	
7.	Thạc sĩ Sinh học	01	- Xét nghiệm HBV, HCV, HIV và G. mai - Xét nghiệm Huyết thanh học nhóm máu	
8.	Cử nhân Sinh học	01	Huyết học xét nghiệm	
9.	Cử nhân kỹ thuật y học	10	Xét nghiệm Huyết học và Truyền máu	
10.	Cao đẳng KTV	03	Huyết học xét nghiệm	
11.	KTV trung cấp	08	Xét nghiệm Huyết học và Truyền máu	
12.	Cử nhân Điều dưỡng	06	Điều dưỡng	
13.	Điều dưỡng trung cấp	11	Điều dưỡng	
Tổng số		63		

PHÊ DUYỆT
GIÁM ĐỐC



GS.TS. Phạm Như Hiệp

GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM



PGS.TS. Nguyễn Duy Cường

*** Phụ lục: Danh sách tham gia giảng dạy thực hành của TT Huyết học - Truyền máu**

TT	Trung tâm /khoa/phòng	Họ và tên	Học hàm, học vị	Chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề				Môn học	Dự kiến đào tạo	Số giường dự kiến	Số lượng HS/SV tối đa có thể nhận
					Số CCHN	Ngày cấp	Thời gian hành nghề sau cấp (tháng)	Phạm vi hành nghề				
1	TT Huyết học truyền máu	Nguyễn Duy Thăng	PGS. TS. BS	TS miễn dịch-Bs đa khoa	008753/BYT - CCHN	21/10/2013	62	Huyết học Truyền máu, Miễn dịch	Huyết học	SĐH, ĐHY ĐK	2	6
2	TT Huyết học truyền máu	Phạm Thị Ngọc Phương	BSCCKII	Huyết học Truyền máu	003128/BYT-CCHN	28/12/2012	72	Khám chữa bệnh chuyên khoa huyết học	Huyết học	SĐH, ĐHY ĐK	2	6
3	TT Huyết học truyền máu	Tôn Thất Minh Trí	ThS. BSCCKII	ThS Huyết học Truyền máu, CKII Huyết học	002877/BYT-CCHN	01/04/2013	68	Khám chữa bệnh chuyên khoa huyết học	Huyết học	SĐH, ĐHY ĐK	2	6
4	TT Huyết học truyền máu	Phùng Thị Hoàng Yến	ThS. BS	Huyết học	027956/BYT-CCHN	21/03/2016	33	Xét nghiệm Huyết học Truyền máu, Khám, chữa bệnh Huyết học lâm sàng	Xét nghiệm Huyết học	SĐH, ĐHY ĐK	2	6
5	TT Huyết học truyền máu	Võ Thế Hiếu	ThS. BS	Huyết học	002879/BYT-CCHN	01/04/2013	68	Khám chữa bệnh chuyên khoa huyết học	Huyết học	ĐHY ĐK	10	30
6	TT Huyết học truyền máu	Đặng Trần Hữu Hiếu	ThS. BS	Huyết học Truyền máu	002898/BYT-CCHN	01/04/2013	68	Khám chữa bệnh chuyên khoa huyết học	Huyết học	ĐHY ĐK		
7	TT Huyết học truyền máu	Nguyễn Thanh Sơn	BS	Bác sĩ đa khoa	024893/BYT-CCHN	17/11/2014	49	Khám chữa bệnh chuyên khoa huyết học	Huyết học	ĐHY ĐK		

TT	Trung tâm /khoa/phòng	Họ và tên	Học hàm, học vị	Chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề				Môn học	Dự kiến đào tạo	Số giường dự kiến	Số lượng HS/SV tối đa có thể nhận
					Số CCHN	Ngày cấp	Thời gian hành nghề sau cấp (tháng)	Phạm vi hành nghề				
8	TT Huyết học truyền máu	Lê Thị Thanh Hoa	CNDD	ĐD đa khoa	024892/BYT-CCHN	17/11/2014	49	Theo quyết định số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	Điều dưỡng	ĐD ĐH	16	48
9	TT Huyết học truyền máu	Lê Thị Mỹ Hương	CNDD	ĐD đa khoa	024965/BYT-CCHN	17/11/2014	49	Theo quyết định số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	Điều dưỡng	ĐD ĐH		
10	TT Huyết học truyền máu	Hồ Thị Ánh Phượng	CNDD	ĐD đa khoa	024902/BYT-CCHN	17/11/2014	49	Theo quyết định số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	Điều dưỡng	ĐD ĐH		
11	TT Huyết học truyền máu	Nguyễn Thị Thu Phương	CNDD	ĐD đa khoa	0024904/BYT-CCHN	17/11/2014	49	Theo quyết định số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	Điều dưỡng	ĐD ĐH		
12	TT Huyết học truyền máu	Ngô Ái Vương	CNDD	ĐD đa khoa	025281/BYT-CCHN	31/12/2014	47	Theo quyết định số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	Điều dưỡng	ĐD ĐH		
13	TT Huyết học truyền máu	Dương Thị Khánh Tâm	ĐDTH	ĐD đa khoa	024971/BYT-CCHN	17/11/2014	49	Theo quyết định số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	Điều dưỡng	ĐD TH	35	105
14	TT Huyết học truyền máu	Nguyễn Thị Kim Loan	ĐDTH	ĐD đa khoa	024961/BYT-CCHN	17/11/2014	49	Theo quyết định số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	Điều dưỡng	ĐD TH		
15	TT Huyết học truyền máu	Nguyễn Thị May	ĐDTH	ĐD đa khoa	024905/BYT-CCHN	17/11/2014	49	Theo quyết định số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	Điều dưỡng	ĐD TH		

TT	Trung tâm /khoa/phòng	Họ và tên	Học hàm, học vị	Chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề				Môn học	Dự kiến đào tạo	Số giường dự kiến	Số lượng HS/SV tối đa có thể nhận
					Số CCHN	Ngày cấp	Thời gian hành nghề sau cấp (tháng)	Phạm vi hành nghề				
16	TT Huyết học truyền máu	Lý Thị Ngọc Châu	ĐDTH	ĐD đa khoa	024891/BYT-CCHN	17/11/2014	49	Theo quyết định số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	Điều dưỡng	ĐD TH		
17	TT Huyết học truyền máu	Phan Thị Kim Chi	ĐDTH	ĐD đa khoa	024895/BYT-CCHN	17/11/2014	49	Theo quyết định số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	Điều dưỡng	ĐD TH		
18	TT Huyết học truyền máu	Huỳnh Thị Liễu	ĐDTH	ĐD đa khoa	024903/BYT-CCHN	17/11/2014	49	Theo quyết định số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	Điều dưỡng	ĐD TH		
19	TT Huyết học truyền máu	Trần Phương An Giang	ĐDTH	ĐD đa khoa	025282/BYT-CCHN	31/12/2014	47	Theo quyết định số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	Điều dưỡng	ĐD TH		
20	TT Huyết học truyền máu	Phan Thị Thùy Hoa	BSCCKII	Huyết học TM	010218/BYT-CCHN	13/12/2013	60	Chuyên ngành xét nghiệm Huyết học truyền máu + Khám, chữa bệnh chuyên khoa Huyết học lâm sàng	Xét nghiệm Huyết học	SĐH, ĐHY ĐK		5
21	TT Huyết học truyền máu	Trần Thị Phương Túy	BSCCKII	Huyết học	010221/BYT-CCHN	13/12/2013	60	Xét nghiệm Huyết học	Xét nghiệm Huyết học	SĐH, ĐHY ĐK		5
22	TT Huyết học truyền máu	Trần Ngọc Vũ	ThS. CNKTYH	KTV	024894/BYT-CCHN	17/11/2014	49	Xét nghiệm Huyết học	Xét nghiệm Huyết học	SĐH, ĐHY ĐK		5

TT	Trung tâm /khoa/phòng	Họ và tên	Học hàm, học vị	Chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề				Môn học	Dự kiến đào tạo	Số giường dự kiến	Số lượng HS/SV tối đa có thể nhận
					Số CCHN	Ngày cấp	Thời gian hành nghề sau cấp (tháng)	Phạm vi hành nghề				
23	TT Huyết học truyền máu	Bùi Thị Thu Thanh	ThS. CNKTYH	KTV	010194/BYT-CCHN	13/12/2013	60	Xét nghiệm Huyết học	Xét nghiệm Huyết học	SĐH, ĐHY ĐK		5
24	TT Huyết học truyền máu	Huỳnh Phước Hạnh	ThS. CNKTYH	KTV	010204/BYT-CCHN	13/12/2013	60	Xét nghiệm Huyết học	Xét nghiệm Huyết học	SĐH, ĐHY ĐK		5
25	TT Huyết học truyền máu	Hoàng Thị Thanh Trang	CNKTYH	KTV	002882/BYT-CCHN	01/04/2013	68	Xét nghiệm Huyết học	Xét nghiệm Huyết học	ĐHY ĐK		10
26	TT Huyết học truyền máu	Hà Thị Phương Lan	CNKTYH	KTV	010201/BYT-CCHN	13/12/2013	60	Xét nghiệm Huyết học	Xét nghiệm Huyết học	ĐHY ĐK		10
27	TT Huyết học truyền máu	Tôn Nữ Trà Mai	CNKTYH	KTV	024898/BYT-CCHN	17/11/2014	49	Xét nghiệm Huyết học	Xét nghiệm Huyết học	ĐHY ĐK		10
28	TT Huyết học truyền máu	Lê Thị Lan	CNKTYH	KTV	024900/BYT-CCHN	17/11/2014	49	Xét nghiệm Huyết học	Xét nghiệm Huyết học	ĐHY ĐK		10

TT	Trung tâm /khoa/phòng	Họ và tên	Học hàm, học vị	Chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề				Môn học	Dự kiến đào tạo	Số giường dự kiến	Số lượng HS/SV tối đa có thể nhận
					Số CCHN	Ngày cấp	Thời gian hành nghề sau cấp (tháng)	Phạm vi hành nghề				
29	TT Huyết học truyền máu	Bùi Thị Thu Hương	KTVXN	KTV	024899/BYT- CCHN	17/11/2014	49	Xét nghiệm Huyết học	Xét nghiệm Huyết học	KTV TH		15
30	TT Huyết học truyền máu	Đoàn Bạch Thùy Trang	KTV KST	KTV	024896/BYT- CCHN	17/11/2014	49	Xét nghiệm Huyết học	Xét nghiệm Huyết học	KTV TH		15
31	TT Huyết học truyền máu	Nguyễn Thị Thu Hiền	KTVXN	KTV	034069/BYT- CCHN	17/11/2014	49	Xét nghiệm Huyết học	Xét nghiệm Huyết học	KTV TH		15
32	TT Huyết học truyền máu	Nguyễn Thị Diễm Thư	KTVXN	KTV	024941/BYT- CCHN	17/11/2014	49	Xét nghiệm Huyết học	Xét nghiệm Huyết học	KTV TH		15
33	TT Huyết học truyền máu	Ngô Thị Hoài Phương	KTVXN	Kỹ thuật viên y	001394/BYT- CCHN	16/01/2014	59	Xét nghiệm đa khoa	Xét nghiệm Huyết học	KTV TH		15

BẢN CÔNG BỐ

Đáp ứng yêu cầu là cơ sở thực hành trong đào tạo ngành Hóa Sinh

KHOA HÓA SINH

Căn cứ Nghị định số 111/2017/NĐ-CP ngày 05 tháng 10 năm 2017 của Chính phủ quy định về tổ chức đào tạo thực hành trong đào tạo khối ngành sức khỏe, Khoa **Hóa sinh** công bố đã đáp ứng yêu cầu để tổ chức đào tạo thực hành theo quy định với các nội dung sau đây:

I. ĐIỀU KIỆN CHUNG

1. Phạm vi hoạt động chuyên môn: Thực hiện tất cả các xét nghiệm Hóa Sinh theo phân tuyến của BVTW Huế

2. Cơ sở vật chất, trang thiết bị:

- Số thiết bị: (Phụ lục 2 kèm theo)

- Phòng: 01 phòng học chung, 01 phòng giao ban khoa, 02 phòng trực, 01 phòng Hành chính, 1 labo chuyên môn

3. Nhân lực đủ điều kiện tham gia giảng dạy thực hành:

- Tổng số: **22** (có danh sách kèm theo - Phụ lục 1)

- Phân chia theo chức danh:

TT	Chức danh	Số lượng	Chuyên ngành/Phạm vi hoạt động chuyên môn	Ghi chú
1.	Bác sĩ chuyên khoa II	2	Hóa Sinh	
2.	Thạc sĩ, Bác sĩ	4	Hóa Sinh	
3.	ThS. KTV	2	Y học chức năng (Xét nghiệm)	
4.	Cử nhân KTYH	5	Xét nghiệm	
5.	KS Công nghệ SH	1	Xét nghiệm	
6.	KTV CĐ/TH	8	Xét nghiệm	
Tổng số		22		

PHÊ DUYỆT
GIÁM ĐỐC

GS.TS. Phạm Như Hiệp

TRƯỞNG KHOA


BSCKT Trương Hữu An

*** Phụ lục 1: Danh sách tham gia giảng dạy thực hành của khoa Hóa sinh**

TT	Trung tâm /khoa/phòng	Họ và tên	Học hàm, học vị	Chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề				Môn học	Dự kiến đào tạo	Số lượng HS/SV tối đa có thể nhận
					Số CCHN	Ngày cấp	Thời gian hành nghề sau cấp (tháng)	Phạm vi hành nghề			
1	Hóa sinh	Trần Hữu An	BSCCKII	Bác sĩ	002818/BYT-CCHN	01/01/2013	66	Hóa Sinh	Hóa Sinh	SĐH, ĐHY ĐK	5
2	Hóa sinh	Lê Thị Thu Hà	BSCCKII	Bác sĩ	010206/BYT-CCHN	13/12/2013	60	Hóa Sinh	Hóa Sinh	SĐH, ĐHY ĐK	5
3	Hóa sinh	Tôn Thất Ngọc	ThS. BS	Bác sĩ	002819/BYT-CCHN	04/01/2013	71	Hóa Sinh	Hóa Sinh	SĐH, ĐHY ĐK	5
4	Hóa sinh	Lê Thị Diệu Phương	ThS. BS	Bác sĩ	023923/BYT-CCHN	10/11/2014	49	Hóa Sinh	Hóa Sinh	SĐH, ĐHY ĐK	5
5	Hóa sinh	Lê Thị Anh Tú	ThS. BS	Bác sĩ	34167/BYT-CCHN	08/06/2017	18	Hóa Sinh	Hóa Sinh	SĐH, ĐHY ĐK	5
6	Hóa sinh	Hà Nguyễn Tường Vân	ThS. BS	Bác sĩ	34032/BYT-CCHN	08/06/2017	18	Hóa Sinh	Hóa Sinh	ĐHY ĐK	10
7	Hóa sinh	Nguyễn Phúc Duy Quang	ThS. YHCN; CNKTYH	KTYH	31063/BYT-CCHN	01/12/2016	24	Giải phẫu bệnh	Hóa Sinh	ĐHY ĐK	10
8	Hóa sinh	Hoàng Đình Lợi	ThS. YHCN; CNKTYH	KTYH	025285/BYT-CCHN	31/12/2014	47	Hóa Sinh	Hóa Sinh	ĐHY ĐK	10
9	Hóa sinh	Võ Đại Khuê	CNKTYH	KTYH	023910/BYT-CCHN	10/11/2014	49	Hóa Sinh	Hóa Sinh	ĐHY ĐK	10
10	Hóa sinh	Hồ Đăng Dũng	CNKTYH	KTYH	023907/BYT-CCHN	10/11/2014	49	Hóa Sinh	Hóa Sinh	ĐHY ĐK	10

TT	Trung tâm /khoa/phòng	Họ và tên	Học hàm, học vị	Chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề				Môn học	Dự kiến đào tạo	Số lượng HS/SV tối đa có thể nhận
					Số CCHN	Ngày cấp	Thời gian hành nghề sau cấp (tháng)	Phạm vi hành nghề			
11	Hóa sinh	Lê Phương Thảo	CNKTYH	KTYH	023909/BYT-CCHN	10/11/2014	49	Hóa Sinh	Hóa Sinh	KTV CD	15
12	Hóa sinh	Nguyễn Thị Thanh Bình	CNKTYH	KTYH	023908/BYT-CCHN	10/11/2014	49	Hóa Sinh	Hóa Sinh	KTV CD	15
13	Hóa sinh	Đoàn Thị Thanh Nhân	CNKTYH	KTYH	619/TTH-CCHN	01/02/2013	70	Hóa Sinh	Hóa Sinh	KTV CD	15
14	Hóa sinh	Trần Đức Tú	KTV TH	KTYH	023921/BYT-CCHN	10/11/2014	49	Hóa Sinh	Hóa Sinh	KTV TH	15
15	Hóa sinh	Phạm Thị Thùy Dương	KTVXN	KTYH	023926/BYT-CCHN	10/11/2014	49	Hóa Sinh	Hóa Sinh	KTV TH	15
16	Hóa sinh	Hồ Thị Phương Nhi	KTV CD	KTYH	023925/BYT-CCHN	10/11/2014	49	Hóa Sinh	Hóa Sinh	KTV TH	15

TT	Trung tâm /khoa/phòng	Họ và tên	Học hàm, học vị	Chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề				Môn học	Dự kiến đào tạo	Số lượng HS/SV tối đa có thể nhận
					Số CCHN	Ngày cấp	Thời gian hành nghề sau cấp (tháng)	Phạm vi hành nghề			
17	Hóa sinh	Văn Ngọc Hiếu	KTV CD	KTYH	34031/BYT- CCHN	15/01/2015	47	Hóa Sinh	Hóa Sinh	KTV TH	15
18	Hóa sinh	Tôn Nữ Thị Diệu Phúc	KTV CD	KTYH	34033/BYT- CCHN	15/01/2015	47	Hóa Sinh	Hóa Sinh	KTV TH	15
19	Hóa sinh	Đặng Như Công	KTV CD	KTYH	2798/TTH- CCHN	09/09/2015	36	Hóa Sinh	Hóa Sinh	KTV TH	15

*** Phụ lục 2: BẢNG KÊ KHAI TRANG THIẾT BỊ XÉT NGHIỆM CỦA KHOA HÓA SINH**

TT	Tên thiết bị	Ký hiệu thiết bị (MODEL)	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Năm sản xuất	Năm tiếp nhận	Ghi chú
1.	Máy Sinh hóa tự động1	AU 5800	Beckman-Coulter	Mỹ	2015	2015	
2.	Máy Miễn dịch tự động 1	Architect i2000sr	Abbott	Mỹ	2015	2015	
3.	Máy Miễn dịch tự động 2	Architect i1000sr	Abbott	Mỹ	2010	2010	
4.	Hệ thống Sinh hóa – Miễn dịch 1	Cobas 8000	Roche	Nhật	2017	2017	
5.	Hệ thống Sinh hóa – Miễn dịch 2	AU680 – DxI800	Beckman-Coulter	Mỹ	2011	2011	
6.	Hệ thống Sinh hóa – Miễn dịch 3	Advia - Centaur	Siemens	Mỹ	2017	2018	
7.	Máy xét nghiệm nước tiểu tự động	iChem Velocity	Beckman-Coulter	Mỹ	2017	2017	
8.	Máy xét nghiệm nước tiểu bán tự động	BM Uri500	BioMaxima	Ba Lan	2015	2015	
9.	Máy xét nghiệm HbA1C	Premier Hb9210	Trinity Biotech Plc,	Ai-len	2014	2014	
10.	Máy điện di bản mỏng	Hydrasys	Sebia	Pháp	2006	2006	
11.	Máy điện giải đồ 1	ISE 5000	SFRI	Pháp	2017	2017	
12.	Máy Khí máu 1	Easy BloodGas	Mediac	Mỹ	2013	2013	Nâng cấp 2018
13.	Máy Khí máu – Điện giải 1	Gastat 1800	Techno Medica	Nhật	2014	2014	
14.	Máy Khí máu – Điện giải 2	Gem Premier 3000	Instrument Laboratory	Mỹ	2017	2018	
15.	Máy ly tâm 1	Kubota 5200	Kubota	Nhật	2013	2013	
16.	Máy ly tâm 2	Kubota 2420	Kubota	Nhật	2016	2016	
17.	Máy ly tâm 3	Kubota 2420	Kubota	Nhật	2013	2013	
18.	Máy ly tâm 4	Kubota 5910	Kubota	Nhật	2007	2007	
19.	Máy Elisa tự động	EVOLIS Twin Plus Typ 6220	Bio-rad	Đức	2010	2013	

BẢN CÔNG BỐ

Đáp ứng nhu cầu là cơ sở thực hành trong đào tạo ngành Vi sinh

KHOA VI SINH

Căn cứ nghị định 111/2017/NĐ-CP ngày 05 tháng 10 Năm 2017 của chính phủ quy định về tổ chức đào tạo thực hành trong đào tạo khối ngành sức khỏe, khoa **Vi sinh** công bố đã đáp ứng yêu cầu để tổ chức đào tạo thực hành theo quy định với các nội dung sau đây:

I. ĐIỀU KIỆN CHUNG

1. Phạm vi hoạt động chuyên môn: Thực hiện tất cả các xét nghiệm vi sinh theo tuyến bệnh viện hạng đặc biệt.

2. Cơ sở vật chất trang thiết bị:

- Số thiết bị: (Phụ lục 2 kèm theo)
- Phòng: 1 phòng học lý thuyết chung (phòng giao ban khoa), 1 phòng trực, 1 phòng Hành chính, 5 labo chuyên môn (Nhuộm soi tế bào-vi khuẩn; Nuôi cấy vi khuẩn và kháng sinh đồ; Huyết thanh-Miễn dịch; Sinh học phân tử; Xét nghiệm vi khuẩn lao), 1 phòng Pha chế môi trường nuôi cấy vi khuẩn.

3. Nhân lực đủ điều kiện tham gia giảng dạy thực hành:

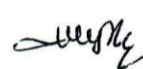
- Tổng số: 15 (Danh sách đính kèm-Phụ lục 1)
- Phân chia theo chức danh:

TT	Chức danh	Số lượng	Chuyên ngành/Phạm vi hoạt động chuyên môn	Ghi chú
1.	Tiến sĩ, Bác sĩ	1	Vi sinh	
2.	Bác sĩ chuyên khoa I	2	Vi sinh	
3.	ThS. CNKTYH	4	Y học chức năng (Xét nghiệm)	
4.	Cử nhân KTYH	7	Xét nghiệm Vi sinh	
5.	KTV CD/TH	1	Xét nghiệm Vi sinh	
Tổng số		15		


PHÊ DUYỆT GIÁM ĐỐC

GS.TS. Phạm Như Hiệp

TRƯỞNG KHOA


TS.BS. Mai Văn Tuấn

*** Phụ lục 1: Danh sách tham gia giảng dạy thực hành của khoa Vi sinh**

TT	Trung tâm /khoa/phòng	Họ và tên	Học hàm, học vị	Chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề				Môn học	Dự kiến đào tạo	Số lượng HS/SV tối đa có thể nhận
					Số CCHN	Ngày cấp	Thời gian hành nghề sau cấp (tháng)	Phạm vi hành nghề			
1	Vi sinh	Mai Văn Tuấn	TS. BS	Vi sinh y học	023599/BYT-CCHN	28/10/2014	44	Xét nghiệm Vi sinh	Vi sinh	SĐH, ĐHY ĐK	5
2	Vi sinh	Châu Thị Mỹ Dung	BCKI	Vi sinh y học	023601/BYT-CCHN	28/10/2014	44	Xét nghiệm Vi sinh	Vi sinh	SĐH, ĐHY ĐK	5
3	Vi sinh	Phan Nữ Diệu Hồng	BCKI	Vi sinh y học	023600/BYT-CCHN	28/10/2014	44	Xét nghiệm Vi sinh	Vi sinh	SĐH, ĐHY ĐK	5
4	Vi sinh	Trương Diên Hải	ThS. CNKTYH	Kỹ thuật y học	025235/BYT-CCHN	31/12/2014	42	Xét nghiệm Vi sinh	Vi sinh	SĐH, CNKTYH	5
5	Vi sinh	Nguyễn Thị Kim Chi	ThS. CNKTYH	Kỹ thuật y học	0023605/BYT-CCHN	28/10/2014	44	Xét nghiệm Vi sinh	Vi sinh	SĐH, CNKTYH	5
6	Vi sinh	Nguyễn Đào Thanh Tâm	ThS. CNKTYH	Kỹ thuật y học	023604/BYT-CCHN	28/10/2014	44	Xét nghiệm Vi sinh	Vi sinh	SĐH, CNKTYH	5
7	Vi sinh	Nguyễn Thị Ti Na	ThS. CNKTYH	Kỹ thuật y học	023592/BYT-CCHN	28/10/2014	44	Xét nghiệm Vi sinh	Vi sinh	SĐH, CNKTYH	5
8	Vi sinh	Lê Thị Thanh Lan	CNKTYH	Kỹ thuật y học	023597/BYT-CCHN	28/10/2014	44	Xét nghiệm Vi sinh	Vi sinh	CN KTYH	10
9	Vi sinh	Nguyễn Thị Hồng Sâm	CNKTYH	Kỹ thuật y học	023593/BYT-CCHN	28/10/2014	44	Xét nghiệm Vi sinh	Vi sinh	CN KTYH	10

TT	Trung tâm /khoa/phòng	Họ và tên	Học hàm, học vị	Chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề				Môn học	Dự kiến đào tạo	Số lượng HS/SV tối đa có thể nhận
					Số CCHN	Ngày cấp	Thời gian hành nghề sau cấp (tháng)	Phạm vi hành nghề			
10	Vi sinh	Võ Thị Phương Nhi	CNKTYH	Kỹ thuật y học	023602/BYT- CCHN	28/10/2014	44	Xét nghiệm Vi sinh	Vi sinh	CN KTYH	10
11	Vi sinh	Võ Thị Hoa	CNKTYH	Kỹ thuật y học	023598/BYT- CCHN	28/10/2014	44	Xét nghiệm Vi sinh	Vi sinh	CN KTYH	10
12	Vi sinh	Bùi Thị Thanh Linh Ngọc	CNKTYH	Kỹ thuật y học	023595/BYT- CCHN	28/10/2014	44	Xét nghiệm Vi sinh	Vi sinh	KTV CD	15
13	Vi sinh	Lê Đình Trí	CNKTYH	Kỹ thuật y học	023603/BYT- CCHN	28/10/2014	44	Xét nghiệm Vi sinh	Vi sinh	KTV CD	15
14	Vi sinh	Nguyễn Đăng Long	CNKTYH	Kỹ thuật y học	023606/BYT- CCHN	28/10/2014	44	Xét nghiệm Vi sinh	Vi sinh	KTV TH	15
15	Vi sinh	Hoàng Minh Tứ	KTVXN	KTV xét nghiệm	023594/BYT- CCHN	28/10/2014	44	Xét nghiệm Vi sinh	Vi sinh	KTV TH	15

*** Phụ lục 2: Danh mục thiết bị**

TT N⁰	Tên thiết bị Equipment/ Instrument	Đặc tính kỹ thuật chính Technical particularity	Nhà sản xuất Manufacturer
1	Kính hiển vi Nikon <i>Optical microscope</i>	Khảo sát trực tiếp bệnh phẩm <i>Specimen microscopy</i>	Nikon-Japan
2	Kính hiển vi Olympus BH-2 <i>Optical microscope</i>	Khảo sát trực tiếp bệnh phẩm <i>Specimen microscopy</i>	Olympus Optical Co. Japan
3	Kính hiển vi Olympus CHK <i>Optical microscope</i>	Khảo sát trực tiếp bệnh phẩm <i>Specimen microscopy</i>	Olympus Optical Co. Ltd. Taiwan
4	Máy cấy máu BacT/Alert 3D <i>Automated blood culture system</i>	Theo dõi cấy máu <i>Blood culture monitoring</i>	BioMérieux Inc. USA
5	Máy cấy máu Bactec9050 <i>Automated blood culture system</i>	Theo dõi cấy máu <i>Blood culture monitoring</i>	BECTON DICKINSON- USA
6	Máy định danh vi khuẩn VITEK2 <i>Automated machine for bacterial identification</i>	Tự động định danh và xác định MIC của vi khuẩn <i>Automated identification and MIC determinations of bacteria</i>	BioMérieux Inc. France
7	Máy hút ẩm <i>Dehumidifier</i>	Hút ẩm để đảm bảo độ ẩm mong muốn trong phòng xét nghiệm <i>Dehumidify for the control of humidity in the laboratory</i>	Edison Electronic Inc. USA
8	Máy hút <i>Aspirator</i>	Hút dịch khi làm kháng sinh đồ <i>Aspirate the fluids for antibiogram</i>	Thomas Industries Inc. USA
9	Máy trộn <i>Vortex mixer</i>	Lắc, trộn <i>Shaking, mixing</i>	VELP Zx ³ Scientifica - EUROPE
10	Pipet 100ml - 1000ml	Hút các chất dịch <i>Aspiration of liquids</i>	Brand-Germany
11	Pipet Gram NEG (-) 145µl	Hút huyền dịch vi khuẩn trong định danh vi khuẩn Gram âm bằng máy VITEK2 <i>Aspiration of bacterial suspension in Gram negative bacteria identification by VITEK2 machine</i>	Brand -French
12	Pipet Gram POS (+) 280µl	Hút huyền dịch vi khuẩn trong định danh vi khuẩn Gram dương bằng máy VITEK2 <i>Aspiration of bacterial suspension in Gram positive bacteria identification by VITEK2 machine</i>	Brand-French
13	Tủ ấm 37 ⁰ C CO ₂ <i>CO₂ Incubator</i>	Ủ các môi trường cấy vi khuẩn <i>Incubation for bacterial culture</i>	Sanyo, Japan
14	Tủ ấm 35 ⁰ C <i>Incubator</i>	Ủ hộp thạch kháng sinh đồ <i>Incubation for antibiogram</i>	Memmert, Germany
15	Tủ ấm 37 ⁰ C <i>Incubator</i>	Ủ các môi trường cấy vi khuẩn <i>Incubation for bacterial culture</i>	VWR Scientific, USA
16	Tủ ấm 37 ⁰ C <i>Incubator</i>	Ủ các môi trường cấy vi khuẩn <i>Incubation for bacterial culture</i>	VWR Scientific, USA
17	Tủ đông - 20 ⁰ C <i>Freezer - 20⁰C</i>	Trữ sinh phẩm, chủng vi khuẩn <i>Kits and bacterial strains storage</i>	Sanyo, Japan
18	Tủ lạnh 2-8 ⁰ C <i>Refrigerator</i>	Trữ hóa chất, sinh phẩm <i>Reagents and test kits storage</i>	Sanaky, Japan

TT N^o	Tên thiết bị Equipment/ Instrument	Đặc tính kỹ thuật chính Technical particularity	Nhà sản xuất Manufacturer
19	Tủ lạnh 2-8 ⁰ C <i>Refrigerator</i>	Trữ hóa chất, sinh phẩm <i>Reagents and test kits storage</i>	Sanaky, Japan
20	Tủ lạnh 2-8 ⁰ C <i>Refrigerator</i>	Trữ môi trường <i>Media storage</i>	Suntech , Italy
21	Tủ An toàn sinh học cấp II – <i>Bio-Safety cabinet</i>	Pha chế môi trường nuôi cấy <i>Media culture preparation</i>	ESCO Singapore
22	Cân điện tử <i>Electronic balance</i>	Cân hóa chất và môi trường <i>Balance for chemical substances and media</i>	Sartorius, Germany
23	Cân điện tử <i>Electronic balance</i>	Cân hóa chất và môi trường <i>Balance for chemical substances and media</i>	Precisa, Swiss
24	Nồi chưng cách thủy <i>Water bath</i>	Chung cách thủy các môi trường dùng cho kỹ thuật nuôi cấy vi khuẩn <i>For heating media gently and gradually to fixed temperatures</i>	ADVANTEC, Japan
25	Nồi hấp tiệt trùng <i>Autoclave</i>	Hấp và tiệt trùng môi trường <i>Media autoclaving/ Sterilization</i>	ALP , Japan
26	Lò vi sóng <i>Microwave oven</i>	Pha chế môi trường <i>Media preparation</i>	LG , Japan
27	Lò vi sóng <i>Microwave oven</i>	Pha chế môi trường <i>Media preparation</i>	Panasonic Japan
28	Máy chưng cất nước <i>Distillation machine</i>	Sản xuất nước cất <i>Distilled water producing</i>	Japan
29	Tủ lạnh 2-8 ⁰ C <i>Refrigerator</i>	Trữ môi trường <i>Media storage</i>	SANYO Japan
30	Tủ ấm 37 ⁰ C <i>Incubator</i>	Ủ các môi trường cấy vi khuẩn <i>Incubation for bacterial culture</i>	Ontherm New Zealand
31	Nồi hấp tiệt trùng- <i>Autoclave</i>	Hấp và tiệt trùng đồ bẩn <i>Dirty- autoclaving/ Sterilization</i>	Genius KB 110 Korean
32	Nồi hấp tiệt trùng – <i>Autoclave</i>	Hấp và tiệt trùng đồ bẩn <i>Dirty- autoclaving/ Sterilization</i>	WISECLAVE Vietnam
33	Nồi hấp tiệt trùng - <i>Autoclave</i>	Hấp và tiệt trùng đồ bẩn <i>Dirty- autoclaving/ Sterilization</i>	ALP Japan
34	Tủ Sấy <i>Drying Oven</i>	Sấy tiệt trùng dụng cụ thủy tinh <i>Sterilization of glassware</i>	ADVANTEC Japan
35	Tủ Sấy <i>Drying Oven</i>	Sấy tiệt trùng dụng cụ thủy tinh <i>Sterilization of glassware</i>	ADVANTEC Japan
36	Tủ Sấy <i>Drying Oven</i>	Sấy tiệt trùng dụng cụ thủy tinh <i>Sterilization of glassware</i>	ADVANTEC Japan
37	Tủ sấy – <i>Drying Oven</i>	Sấy tiệt trùng dụng cụ thủy tinh <i>Sterilization of glassware</i>	Memmert Germany
38	Kính hiển vi <i>Optical microscope</i>	Khảo sát trực tiếp bệnh phẩm <i>Specimen microscopy</i>	Olympus Philippines
39	Máy ly tâm <i>Centrifuge</i>	Ly tâm mẫu bệnh phẩm <i>Specimen centrifugation</i>	Kubota Corporation, Japan
40	Tủ ấm 37 ⁰ C <i>Incubator</i>	Ủ các môi trường cấy vi khuẩn <i>Incubation for bacterial culture</i>	SANYO Japan
41	Tủ an toàn sinh học cấp II <i>Bio-Safety cabinet</i>	Thao tác mẫu bệnh phẩm <i>Specimen handling</i>	Labconco Corporation, USA

BẢN CÔNG BỐ

Đáp ứng nhu cầu là cơ sở thực hành trong đào tạo ngành Chẩn Đoán Hình Ảnh

KHOA CHẨN ĐOÁN HÌNH ẢNH

Căn cứ nghị định 111/2017/NĐ-CP ngày 05 tháng 10 Năm 2017 của chính phủ quy định về tổ chức đào tạo thực hành trong đào tạo khối ngành sức khỏe, khoa **Chẩn đoán hình ảnh** công bố đã đáp ứng yêu cầu để tổ chức đào tạo thực hành theo quy định với các nội dung sau đây:

I. ĐIỀU KIỆN CHUNG

1. Phạm vi hoạt động chuyên môn: Thực hiện tất cả các kỹ thuật chẩn đoán hình ảnh theo tuyến bệnh viện hạng đặc biệt.

2. Cơ sở vật chất trang thiết bị:

- Khu A: 1 phòng học lý thuyết chung (phòng giao ban khoa), 1 phòng trực, 1 phòng Hành chính, 1 phòng trả phim, 5 phòng chụp XQ thường quy, 2 phòng chụp xét nghiệm đặc biệt, 1 phòng chụp CLVT, 1 phòng chụp vú DR (đặt tại trung tâm UB)

- Khu B: 1 phòng chụp MRI, 1 phòng chụp CLVT

3. Nhân lực đủ điều kiện tham gia giảng dạy thực hành:

- Tổng số: **20** (Danh sách đính kèm)

- Phân chia theo chức danh:

TT	Chức danh	Số lượng	Chuyên ngành/Phạm vi hoạt động chuyên môn	Ghi chú
1.	Bác sĩ chuyên khoa II	1	Chẩn đoán hình ảnh	
2.	Bác sĩ chuyên khoa I	1	Chẩn đoán hình ảnh	
3.	Thạc sĩ, Bác sĩ	3	Chẩn đoán hình ảnh	
4.	Cử nhân KTYH	8	Chẩn đoán hình ảnh	
5.	KTV TH	2	Chẩn đoán hình ảnh	
6.	Cử nhân ĐD	1	Chẩn đoán hình ảnh	
7.	Điều dưỡng TH	4	Chẩn đoán hình ảnh	
Tổng số		20		

PHÊ DUYỆT
GIÁM ĐỐC

GS.TS. Phạm Như Hiệp

TRƯỞNG KHOA


BS. CKII Lê Duy Cát

*** Phụ lục: Danh sách tham gia giảng dạy thực hành của khoa Chẩn đoán hình ảnh**

TT	Trung tâm /khoa/phòng	Họ và tên	Học hàm, học vị	Chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề				Môn học	Dự kiến đào tạo	Số lượng HS/SV tối đa có thể nhận
					Số CCHN	Ngày cấp	Thời gian hành nghề sau cấp (tháng)	Phạm vi hành nghề			
1	Chẩn đoán hình ảnh	Lê Duy Cát	BSCCKII	Chẩn đoán hình ảnh	003058/BYT-CCHN	21/01/2013	65	Chẩn đoán hình ảnh	Chẩn đoán hình ảnh	SĐH, ĐHY ĐK	5
2	Chẩn đoán hình ảnh	Võ Trọng Hào	ThS. BS	Chẩn đoán hình ảnh	003059/BYT-CCHN	21/01/2013	65	Chẩn đoán hình ảnh	Chẩn đoán hình ảnh	SĐH, ĐHY ĐK	5
3	Chẩn đoán hình ảnh	Nguyễn Thị Dạ Thảo	ThS. BS	Chẩn đoán hình ảnh	025280/BYT-CCHN	31/12/2014	42	Chẩn đoán hình ảnh	Chẩn đoán hình ảnh	SĐH, ĐHY ĐK	5
4	Chẩn đoán hình ảnh	Phan Thị Phương Dung	ThS. BS	Chẩn đoán hình ảnh	003064/BYT-CCHN	21/01/2013	65	Chẩn đoán hình ảnh	Chẩn đoán hình ảnh	SĐH, ĐHY ĐK	5
5	Chẩn đoán hình ảnh	Nguyễn Văn Hùng Anh	BSCCKI	Chẩn đoán hình ảnh	003063/BYT-CCHN	21/01/2013	65	Chẩn đoán hình ảnh	Chẩn đoán hình ảnh	SĐH, ĐHY ĐK	5
6	Chẩn đoán hình ảnh	Nguyễn Vũ Anh	CNĐD	Điều dưỡng	024931/BYT-CCHN	17/11/2014	44	Chẩn đoán hình ảnh	Chẩn đoán hình ảnh	ĐD ĐH	10
7	Chẩn đoán hình ảnh	Nguyễn Văn Lợi	CNKTYH	Chẩn đoán hình ảnh	003067/BYT-CCHN	21/01/2013	65	Chẩn đoán hình ảnh	Chẩn đoán hình ảnh	CN KTYH	10
8	Chẩn đoán hình ảnh	Đặng Văn Phước	CNKTYH	Chẩn đoán hình ảnh	003068/BYT-CCHN	21/01/2013	65	Chẩn đoán hình ảnh	Chẩn đoán hình ảnh	CN KTYH	10
9	Chẩn đoán hình ảnh	Nguyễn Thượng Phong	CNKTYH	Chẩn đoán hình ảnh	003069/BYT-CCHN	21/01/2013	65	Chẩn đoán hình ảnh	Chẩn đoán hình ảnh	CN KTYH	10
10	Chẩn đoán hình ảnh	Huỳnh Kim Lập	CNKTYH	Chẩn đoán hình ảnh	023448/BYT-CCHN	20/10/2014	44	Chẩn đoán hình ảnh	Chẩn đoán hình ảnh	CN KTYH	10

TT	Trung tâm /khoa/phòng	Họ và tên	Học hàm, học vị	Chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề				Môn học	Dự kiến đào tạo	Số lượng HS/SV tối đa có thể nhận
					Số CCHN	Ngày cấp	Thời gian hành nghề sau cấp (tháng)	Phạm vi hành nghề			
11	Chẩn đoán hình ảnh	Nguyễn Đức Hải	CNKTYH	Chẩn đoán hình ảnh	0023859/BYT-CCHN	10/11/2014	44	Chẩn đoán hình ảnh	Chẩn đoán hình ảnh	CN KTYH	10
12	Chẩn đoán hình ảnh	Trần Lê Quý	CNKTYH	Chẩn đoán hình ảnh	024928/BYT-CCHN	17/11/2014	44	Chẩn đoán hình ảnh	Chẩn đoán hình ảnh	CN KTYH	10
13	Chẩn đoán hình ảnh	Đoàn Thị Khánh Phượng	ĐĐTH	Điều dưỡng	0023446/BYT-CCHN	22/10/2014	44	Chẩn đoán hình ảnh	Chẩn đoán hình ảnh	ĐD TH	15
14	Chẩn đoán hình ảnh	Nguyễn Thị Lan	ĐĐTH	Điều dưỡng	024929/BYT-CCHN	17/11/2014	44	Chẩn đoán hình ảnh	Chẩn đoán hình ảnh	ĐD TH	15
15	Chẩn đoán hình ảnh	Nguyễn Thị Mỹ Ngọc	ĐĐTH	Điều dưỡng	025222/BYT-CCHN	31/12/2014	42	Chẩn đoán hình ảnh	Chẩn đoán hình ảnh	ĐD TH	15
16	Chẩn đoán hình ảnh	Nguyễn Thị Hạnh Uyên	KTVHAYH	Chẩn đoán hình ảnh	0023447/BYT-CCHN	22/10/2014	44	Chẩn đoán hình ảnh	Chẩn đoán hình ảnh	KTV TH	15
17	Chẩn đoán hình ảnh	Hồ Ngọc Toàn	KTV THY	Chẩn đoán hình ảnh	024871/BYT-CCHN	17/11/2014	44	Chẩn đoán hình ảnh	Chẩn đoán hình ảnh	KTV TH	15
18	Chẩn đoán hình ảnh	Trần Gia Thành	KTV THY	Chẩn đoán hình ảnh	024930/BYT-CCHN	17/11/2014	44	Chẩn đoán hình ảnh	Chẩn đoán hình ảnh	KTV TH	15
19	Chẩn đoán hình ảnh	Dương Quang Ngọc	KTVHAYH	Chẩn đoán hình ảnh	024939/BYT-CCHN	17/11/2014	44	Chẩn đoán hình ảnh	Chẩn đoán hình ảnh	KTV TH	15
20	Chẩn đoán hình ảnh	Hoàng Thị Ánh Hồng	KTVHAYH	Chẩn đoán hình ảnh	026281/BYT-CCHN	11/05/2015	38	Chẩn đoán hình ảnh	Chẩn đoán hình ảnh	KTV TH	15

Huế, ngày 24 tháng 12 năm 2018

BẢN CÔNG BỐ

Đáp ứng yêu cầu là cơ sở thực hành trong đào tạo ngành Thăm dò chức năng

KHOA THĂM DÒ CHỨC NĂNG

Căn cứ Nghị định số 111/2017/NĐ-CP ngày 05 tháng 10 năm 2017 của Chính phủ quy định về tổ chức đào tạo thực hành trong đào tạo khối ngành sức khỏe, Khoa **Thăm dò chức năng** công bố đã đáp ứng yêu cầu để tổ chức đào tạo thực hành theo quy định với các nội dung sau đây:

I. ĐIỀU KIỆN CHUNG

1. Phạm vi hoạt động chuyên môn: Khám chữa bệnh tuyến 1, các chuyên khoa:

- Siêu âm can thiệp + Siêu âm chẩn đoán
- Điện tim
- Điện não

2. Cơ sở vật chất, trang thiết bị:

- Số thiết bị: 11 máy siêu âm, 1 máy Điện não, 2 máy Điện tim, 1 máy Chức Năng hô hấp
- Phòng: 01 phòng học, 01 phòng giao ban khoa, 02 phòng trực, 01 phòng Hành chính, 14 phòng khám bệnh.

3. Nhân lực đủ điều kiện tham gia giảng dạy thực hành:

- Tổng số: **18** (có danh sách kèm theo)
- Phân chia theo chức danh:

TT	Chức danh	Số lượng	Chuyên ngành/Phạm vi hoạt động chuyên môn	Ghi chú
1.	Bác sĩ CKII	2	Chẩn đoán hình ảnh	
2.	ThS.Bác sĩ	5	Chẩn đoán hình ảnh	
3.	Bác sĩ CKI	2	Chẩn đoán hình ảnh	
4.	Điều dưỡng CKI	1	Điều dưỡng	
5.	Cử nhân Điều dưỡng	2	Điều dưỡng	
6.	Cao đẳng Điều dưỡng	3	Điều dưỡng	
7.	Điều dưỡng Trung học	2	Điều dưỡng	
8.	Nữ hộ sinh Trung học	1	Điều dưỡng	
Tổng số		18		

PHÊ DUYỆT GIÁM ĐỐC

GS.TS. Phạm Như Hiệp

TRƯỞNG KHOA

ThS. BS. NGUYỄN THỊ CẨM VÂN

*** Phụ lục: Danh sách tham gia giảng dạy thực hành của khoa Thăm dò chức năng**

TT	Trung tâm /khoa/phòng	Họ và tên	Học hàm, học vị	Chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề				Môn học	Dự kiến đào tạo	Số lượng HS/SV tối đa có thể nhận
					Số CCHN	Ngày cấp	Thời gian hành nghề sau cấp (tháng)	Phạm vi hành nghề			
1	Thăm dò chức năng Siêu âm	Nguyễn Thị Cẩm Vân	ThS. BS	Ths.Bs Sản Phụ Khoa	002500/BYT-CCHN	28/12/2012	66	Chuyên khoa Chẩn đoán hình ảnh	Chẩn đoán hình ảnh	SĐH, ĐHY ĐK	5
2	Thăm dò chức năng Siêu âm	Trần Chí Thành	BSCCKII	BS.CKII Chẩn đoán hình ảnh	002502/BYT-CCHN	28/12/2012	66	Chuyên khoa Chẩn đoán hình ảnh	Chẩn đoán hình ảnh	SĐH, ĐHY ĐK	5
3	Thăm dò chức năng Siêu âm	Nguyễn Đình Căn	BSCCKII	BS.CKII Chẩn đoán hình ảnh	002504/BYT-CCHN	28/12/2012	66	Chuyên khoa Chẩn đoán hình ảnh	Chẩn đoán hình ảnh	SĐH, ĐHY ĐK	5
4	Thăm dò chức năng Siêu âm	Trương Thị Thanh Thủy	ThS. BS	Ths.Bs. Chẩn đoán hình ảnh	002505/BYT-CCHN	28/12/2012	66	Chuyên khoa Chẩn đoán hình ảnh	Chẩn đoán hình ảnh	SĐH, ĐHY ĐK	5
5	Thăm dò chức năng Siêu âm	Nguyễn Hoàng Minh	ThS. BS	Ths.Bs. Chẩn đoán hình ảnh	023590/BYT-CCHN	28/10/2014	44	Chuyên khoa Chẩn đoán hình ảnh	Chẩn đoán hình ảnh	SĐH, ĐHY ĐK	5
6	Thăm dò chức năng Siêu âm	Lê Thị Huệ	ThS. BS	Ths.Bs. Chẩn đoán hình ảnh	023588/BYT-CCHN	28/10/2014	44	Chuyên khoa Chẩn đoán hình ảnh	Chẩn đoán hình ảnh	ĐHY ĐK	10
7	Thăm dò chức năng Siêu âm	Nguyễn Văn Tiên Đức	BSCCKI	BS.CKI Chẩn đoán hình ảnh	002503/BYT-CCHN	28/12/2012	66	Chuyên khoa Chẩn đoán hình ảnh	Chẩn đoán hình ảnh	ĐHY ĐK	10
8	Thăm dò chức năng Siêu âm	Hồ Nguyễn Phương Anh	ThS.BS	Ths.Bs. Chẩn đoán hình ảnh	031691/BYT-CCHN	09/02/2017	20	Chuyên khoa Chẩn đoán hình ảnh	Chẩn đoán hình ảnh	ĐHY ĐK	10

TT	Trung tâm /khoa/phòng	Họ và tên	Học hàm, học vị	Chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề				Môn học	Dự kiến đào tạo	Số lượng HS/SV tối đa có thể nhận
					Số CCHN	Ngày cấp	Thời gian hành nghề sau cấp (tháng)	Phạm vi hành nghề			
9	Thăm dò chức năng Siêu âm	Hoàng Ngọc Nhã	BS.CKI	BS.CKI Chẩn đoán hình ảnh	0 33963/BYT-CCHN	08/06/2017	16	Chuyên khoa Chẩn đoán hình ảnh	Chẩn đoán hình ảnh	ĐHY ĐK	10
10	Thăm dò chức năng Siêu âm	Đào Thị Thủy	ĐD.CKI	CKI. Điều dưỡng	024827/BYT-CCHN	17/11/2014	44	Thực hiện theo Quyết định số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	Điều dưỡng	ĐD ĐH	10
11	Thăm dò chức năng Siêu âm	Lê Thị Thanh Ngọc	CNĐD	CN Điều dưỡng	023547/BYT-CCHN	22/10/2014	44	Thực hiện theo Quyết định số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	Điều dưỡng	ĐD ĐH	10
12	Thăm dò chức năng Siêu âm	Sử Phan Bội Nhiêu	CNĐD	CN Điều dưỡng	023587/BYT-CCHN	28/10/2014	44	Thực hiện theo Quyết định số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	Điều dưỡng	ĐD ĐH	10
13	Thăm dò chức năng Siêu âm	Lê Thị Diệu Thu	CĐĐD	CĐ Điều dưỡng	003443/TTH-CCHN	22/02/2017	20	Thực hiện phạm vi hoạt động chuyên môn ĐD, theo TT số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/12/2015, quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp Điều dưỡng, Hộ sinh, KTV	Điều dưỡng	ĐD CĐ	15

TT	Trung tâm /khoa/phòng	Họ và tên	Học hàm, học vị	Chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề				Môn học	Dự kiến đào tạo	Số lượng HS/SV tối đa có thể nhận
					Số CCHN	Ngày cấp	Thời gian hành nghề sau cấp (tháng)	Phạm vi hành nghề			
14	Thăm dò chức năng Siêu âm	Lê Thị Thuý Nhi	ĐDTH	Điều dưỡng TH	023585/BYT-CCHN	28/10/2014	44	Thực hiện theo Quyết định số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	Điều dưỡng	ĐD TH	15
15	Thăm dò chức năng Siêu âm	Lê Thị Tuyết Mai	CĐĐD	Điều dưỡng CĐ	023546/BYT-CCHN	22/10/2014	44	Thực hiện theo Quyết định số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	Điều dưỡng	ĐD CĐ	15
16	Thăm dò chức năng Siêu âm	Hồ Đắc Phương Tâm	ĐDTH	Điều dưỡng TH	023545/BYT-CCHN	22/10/2014	44	Thực hiện theo Quyết định số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	Điều dưỡng	ĐD TH	15
17	Thăm dò chức năng Siêu âm	Võ Nguyễn Thanh Thiên	ĐDTH	Điều dưỡng TH	023544/BYT-CCHN	22/10/2014	44	Thực hiện theo Quyết định số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	Điều dưỡng	ĐD TH	15
18	Thăm dò chức năng Siêu âm	Nguyễn Thị Hoài	NHSTH	Nữ hộ sinh TH	023867/BYT-CCHN	10/11/2014	44	Thực hiện theo Thông tư số 12/2011/TT- BYT ngày 15/3/2011	Điều dưỡng	ĐD TH	15

Huế, ngày 24 tháng 12 năm 2018

BẢN CÔNG BỐ

Đáp ứng yêu cầu là cơ sở thực hành trong đào tạo ngành Nội soi

KHOA NỘI SOI

Căn cứ Nghị định số 111/2017/NĐ-CP ngày 05 tháng 10 năm 2017 của Chính phủ quy định về tổ chức đào tạo thực hành trong đào tạo khối ngành sức khỏe, Khoa **Nội soi** công bố đã đáp ứng yêu cầu để tổ chức đào tạo thực hành theo quy định với các nội dung sau đây:

I. ĐIỀU KIỆN CHUNG

1. Phạm vi hoạt động chuyên môn: Khám chữa bệnh Tuyến 1, các chuyên khoa:

- Nội soi chẩn đoán
- Nội soi can thiệp

2. Cơ sở vật chất, trang thiết bị:

- Số thiết bị: 4 hệ thống nội soi chẩn đoán và điều trị đường tiêu hóa (10 ống nội soi), 01 hệ thống nội soi khí phế quản (02 ống), 01 hệ thống nội soi - siêu âm.
- Phòng: 01 phòng học, 01 phòng giao ban khoa, 01 phòng trực, 05 phòng nội soi.

3. Nhân lực đủ điều kiện tham gia giảng dạy thực hành:

- Tổng số: **11** (có danh sách kèm theo)
- Phân chia theo chức danh:

TT	Chức danh	Số lượng	Chuyên ngành/Phạm vi hoạt động chuyên môn	Ghi chú
1.	Bác sĩ chuyên khoa II	1	Nội soi chẩn đoán + can thiệp	
2.	Bác sĩ chuyên khoa I	2	Nội soi chẩn đoán + can thiệp	
3.	Bác sĩ	2	Nội soi chẩn đoán + can thiệp	
4.	Cử nhân Điều dưỡng	2	Điều dưỡng	
5.	Điều dưỡng Trung học	4	Điều dưỡng	
Tổng số		11		

PHE DUYỆT GIÁM ĐỐC

GS.TS. Phạm Như Hiệp

TRƯỞNG KHOA


Trần Như Nguyễn Phước

*** Phụ lục: Danh sách tham gia giảng dạy thực hành của khoa Nội soi**

TT	Trung tâm /khoa/phòng	Họ và tên	Học hàm, học vị	Chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề				Môn học	Dự kiến đào tạo	Số lượng HS/SV tối đa có thể nhận
					Số CCHN	Ngày cấp	Thời gian hành nghề sau cấp (tháng)	Phạm vi hành nghề			
1	Nội soi	Trần Như Nguyên Phương	BSCCKII	Nội soi	003080/BYT-CCHN	21/01/2013	69	Nội soi	Nội soi	SDH, ĐHY ĐK	5
2	Nội soi	Hồ Ngọc Sang	BSCCKI	Nội soi	003082/BYT-CCHN	21/01/2013	69	Nội soi	Nội soi	SDH, ĐHY ĐK	5
3	Nội soi	Lê Phước Anh	BS CKI	Chẩn đoán hình ảnh	003081/BYT-CCHN	21/01/2013	69	Nội soi	Nội soi	SDH, ĐHY ĐK	5
4	Nội soi	Nguyễn Văn Duy	BS	Nội soi	024867/BYT-CCHN	17/11/2014	47	Nội soi	Nội soi	ĐHY ĐK	10
5	Nội soi	Phan Nhật Tân	BS	Nội soi	003795/TTH-CCHN	26/10/2017	12	Nội soi	Nội soi	ĐHY ĐK	10
6	Nội soi	Nguyễn Thị Lan Phương	CNĐD	Điều dưỡng	024824/BYT-CCHN	17/11/2014	47	Nội soi	Nội soi	ĐD ĐH	10
7	Nội soi	Phan Thị Mỹ Vân	CNĐD	Nữ hộ sinh	025163/BYT-CCHN	31/12/2014	46	Nội soi	Nội soi	ĐD ĐH	10
8	Nội soi	Phạm Thị Kim Ngọc	ĐDTH	Điều dưỡng	025164/BYT-CCHN	31/12/2014	46	Nội soi	Nội soi	ĐD TH	15
9	Nội soi	Tổng Thanh Long	ĐDTH	Điều dưỡng	025270/BYT-CCHN	31/12/2014	46	Nội soi	Nội soi	ĐD TH	15
10	Nội soi	Hà Văn Tuấn	ĐDTH	Điều dưỡng	025189/BYT-CCHN	31/12/2014	46	Nội soi	Nội soi	ĐD TH	15
11	Nội soi	Nguyễn Văn Hồng	ĐD TH	Điều dưỡng	024868/BYT-CCHN	17/11/2014	47	Nội soi	Nội soi	ĐD TH	15

BẢN CÔNG BỐ
Đáp ứng yêu cầu là cơ sở thực hành

KHOA CHẨN ĐOÁN HÌNH ẢNH THĂM DÒ CHỨC NĂNG TIM MẠCH

Căn cứ nghị định số 111/2007/NĐ-CP ngày 05 tháng 10 năm 2017 của Chính phủ quy định về tổ chức đào tạo thực hành trong đào tạo khối ngành sức khỏe, Khoa Chẩn đoán Hình ảnh Thăm dò Chức năng Tim mạch công bố đã đáp ứng yêu cầu để tổ chức đào tạo thực hành theo quy định với các nội dung sau đây:

I. ĐIỀU KIỆN CHUNG

1. Phạm vi hoạt động chuyên môn: Khám chữa bệnh tuyến 1, các chuyên khoa:

- Siêu âm tim, siêu âm tim thai, siêu âm tim qua thực quản
- Chẩn đoán hình ảnh
- Khám Nội tim mạch
- Khám Nhi tim mạch

2. Cơ sở vật chất, trang thiết bị:

- Tổng số phòng siêu âm tim: 05
- 01 Phòng CT64
- 01 Phòng X Quang
- 01 Phòng điện tim
- 02 Phòng khám tim mạch người lớn
- 01 Phòng khám tim mạch nhi.
- 01 Phòng giao ban khoa, hành chánh
- 06 Máy siêu âm tim, 2 Đầu dò thực quản
- 01 CT64
- 01 Máy X quang kỹ thuật số
- 02 Máy đo điện tim
- 01 Phòng trực

3. Nhân sự đủ điều kiện tham gia giảng dạy thực hành:

- Tổng số: 21 (Có danh sách kèm theo)
- Phân chia theo chức danh

STT	Chức danh	Số lượng	Chuyên ngành/Phạm vi hoạt động chuyên môn	Ghi chú
1	Ths. Bác sĩ	01	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa nội tim mạch, siêu âm tim	
2	Ths. Bác sĩ	02	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa nội tổng quát, siêu âm tim	
3	Ths. Bác sĩ	01	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa nhi, siêu âm tim	

4	Ths. Bác sĩ	02	Chẩn đoán hình ảnh	
5	Bác sĩ chuyên khoa I	01	Chẩn đoán hình ảnh	
6	Bác sĩ	01	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa nội tổng quát, siêu âm tim	
7	Điều dưỡng CK1	01	Điều dưỡng	
8	Cử nhân điều dưỡng	03	Điều dưỡng	
9	Cao đẳng điều dưỡng	02	Điều dưỡng	
10	Điều dưỡng trung học	01	Điều dưỡng	
11	Cử nhân kỹ thuật viên	02	Kỹ thuật viên	
12	Kỹ thuật viên trung học	02	Kỹ thuật viên	
13	NHS trung học	02	Nữ hộ sinh	


PHÊ DUYỆT
GIÁM ĐỐC

GS.TS. Phạm Như Hiệp

TRƯỞNG KHOA/PHÒNG
BỆNH VIỆN (Ký và ghi rõ họ tên)
KHOA
CĐHA-TOCN TIM MẠCH

THS.BS. LÊ BÁ MINH DU

*** Phụ lục: Danh sách tham gia giảng dạy thực hành của Khoa Chẩn đoán Hình ảnh Thăm dò Chức năng Tim mạch**

TT	Trung tâm /khoa/phòng	Họ và tên	Học hàm, học vị	Chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề				Môn học	Dự kiến đào tạo	Số lượng HS/SV tối đa có thể nhận
					Số CCHN	Ngày cấp	Thời gian hành nghề sau cấp (tháng)	Phạm vi hành nghề			
1	TDCN CDHA Tim mạch	Lê Bá Minh Du	ThS. BS	Nội Khoa	003070/BYT-CCHN	21/01/2013	69	Khám bệnh chữa bệnh Nội Tim Mạch siêu âm tim, siêu âm tim qua Thực quản, siêu âm tim thai	Nội Tim Mạch siêu âm tim, siêu âm tim qua Thực quản, siêu âm tim thai	SĐH, ĐHY ĐK	5
2	TDCN CDHA Tim mạch	Thái Việt Tuấn	ThS. BS	Nhi Khoa	003071/BYT-CCHN	21/01/2013	69	khám bệnh, chữa bệnh nhi khoa, siêu âm tim, siêu âm tim thai	nhi khoa, siêu âm tim, siêu âm tim thai	SĐH, ĐHY ĐK	5
3	TDCN CDHA Tim mạch	Tô Hồng Thịnh	ThS. BS	Nội Khoa	003072/BYT-CCHN	21/01/2013	69	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nội Tổng Hợp , siêu âm tim, siêu âm tim qua thực quản	Nội Tổng hợp , siêu âm tim, siêu âm tim qua thực quản	SĐH, ĐHY ĐK	5
4	TDCN CDHA Tim mạch	Nguyễn Lê Thanh Uyên	ThS. BS	Nội Khoa	003073/BYT-CCHN	21/01/2013	69	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nội Tổng Hợp , siêu âm tim	Nội Tổng hợp , siêu âm tim	SĐH, ĐHY ĐK	5
5	TDCN CDHA Tim mạch	Trương Quang Lộc	ThS. BS	Chẩn đoán hình ảnh	003192/BYT-CCHN	29/01/2013	69	Chuyên khoa Chẩn Đoán hình ảnh, siêu âm tim	Chẩn đoán hình ảnh, siêu âm tim	SĐH, ĐHY ĐK	10
6	TDCN CDHA Tim mạch	Trần Xuân Hải	ThS. BS	Chẩn đoán hình ảnh	023445/BYT-CCHN	29/01/2013	69	Chuyên Khoa CDHA	Chẩn đoán hình ảnh	SĐH, ĐHY ĐK	10
7	TDCN CDHA Tim mạch	Nguyễn Thị Thục Quyên	ThS. BS	Nội Khoa	003802/BYT-CCHN	20/10/2017	69	Chuyên Khoa CDHA	Nội khoa, Chẩn đoán hình ảnh	SĐH, ĐHY ĐK	10

TT	Trung tâm /khoa/phòng	Họ và tên	Học hàm, học vị	Chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề				Môn học	Dự kiến đào tạo	Số lượng HS/SV tối đa có thể nhận
					Số CCHN	Ngày cấp	Thời gian hành nghề sau cấp (tháng)	Phạm vi hành nghề			
8	TDCN CDHA Tim mạch	Dương Phước Hùng	BSCKI	Chẩn đoán hình ảnh	003193/BYT-CCHN	29/01/2013	69	Chuyên Khoa CDHA-TDCN	Chẩn đoán hình ảnh - Thăm dò chức năng	SĐH, ĐHY ĐK	5
9	TDCN CDHA Tim mạch	Văn Đức Thọ	BS	Bác Sỹ	003074/BYT-CCHN	21/01/2013	69	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nội Tổng Hợp	Nội khoa	ĐHY ĐK	10
10	TDCN CDHA Tim mạch	Nguyễn Thị Kim Liên	ĐDCKI	Điều dưỡng	0025143/BYT-CCHN	23/12/2014	46	Thực hiện theo QĐ số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	Điều dưỡng	ĐD ĐH	10
11	TDCN CDHA Tim mạch	Đặng Thị Thảo Miên	CNDD	Điều dưỡng đa khoa	023442/BYT-CCHN	22/10/2014	48	Thực hiện theo QĐ số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	Điều dưỡng	ĐD ĐH	10
12	TDCN CDHA Tim mạch	Nguyễn Thị Phương My	CNDD	Điều dưỡng đa khoa	023444/BYT-CCHN	22/10/2014	48	Thực hiện theo QĐ số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	Điều dưỡng	ĐD ĐH	10
13	TDCN CDHA Tim mạch	Ngô Thị Huệ	CNDD	Điều dưỡng đa khoa	023443/BYT-CCHN	22/10/2014	48	Thực hiện theo QĐ số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	Điều dưỡng	ĐD ĐH	10
14	TDCN CDHA Tim mạch	Trần Trọng Tín	KTVHAYH	Kỹ thuật viên	003076/BYT-CCHN	21/01/2013	69	Chuyên khoa CDHA	Kỹ thuật viên	KTV TH	15

TT	Trung tâm /khoa/phòng	Họ và tên	Học hàm, học vị	Chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề				Môn học	Dự kiến đào tạo	Số lượng HS/SV tối đa có thể nhận
					Số CCHN	Ngày cấp	Thời gian hành nghề sau cấp (tháng)	Phạm vi hành nghề			
15	TDCN CDHA Tim mạch	Nguyễn Văn Thành	CNKTYH	Kỹ thuật viên	005660/BYT-CCHN	15/08/2013	62	chuyên khoa CDHA	Kỹ thuật viên	CN KTYH	10
16	TDCN CDHA Tim mạch	Lê Thị Diệu Vân	ĐDTH	y sỹ chuyển đổi	024849/BYT-CCHN	17/11/2014	48	Thực hiện theo quyết định số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	Điều dưỡng	ĐD TH	15
17	TDCN CDHA Tim mạch	Cao Thị Như Ý	NHSTH	Hộ sinh	023440/BYT-CCHN	22/10/2014	48	Thực hiện theo Thông tư số 12/2011/TT- BYT ngày 15/3/11	Hộ sinh	ĐD TH	15
18	TDCN CDHA Tim mạch	Trần Thị Thanh Lan	NHSTH	Hộ sinh	023441/BYT-CCHN	22/10/2014	48	Thực hiện theo Thông tư số 12/2011/TT- BYT ngày 15/3/11	Hộ sinh	ĐD TH	15
19	TDCN CDHA Tim mạch	Nguyễn Thị Phương Lan	CĐDD	Điều dưỡng	0034126/BYT-CCHN	08/06/2017	16	Thực hiện theo Thông tư số 12/2011/TT- BYT ngày 15/3/12	Điều dưỡng	ĐD CĐ	15
20	TDCN CDHA Tim mạch	Lê Thị Hồng	CĐDD	Điều dưỡng	003076/BYT-CCHN	08/06/2017	16	Điều dưỡng	Điều dưỡng	ĐD CĐ	15
21	TDCN CDHA Tim mạch	Đặng Hoài Thông	CNKTYH	Kỹ thuật viên	003636/TTH-CCHN	13/07/2017	15	Kỹ Thuật Viên y học	Kỹ thuật viên	CN KTYH	15

Huế, ngày 24 tháng 12 năm 2018

BẢN CÔNG BỐ
Đáp ứng yêu cầu là cơ sở thực hành trong đào tạo ngành Giải phẫu bệnh

KHOA GIẢI PHẪU BỆNH

Căn cứ Nghị định số 111/2017/NĐ-CP ngày 05 tháng 10 năm 2017 của Chính phủ quy định về tổ chức đào tạo thực hành trong đào tạo khối ngành sức khỏe, Khoa **Giải phẫu bệnh** công bố đã đáp ứng yêu cầu để tổ chức đào tạo thực hành theo quy định với các nội dung sau đây:

I. ĐIỀU KIỆN CHUNG

1. Phạm vi hoạt động chuyên môn: Thực hiện tất cả các xét nghiệm giải phẫu bệnh – tế bào học theo phân cấp bệnh viện

2. Cơ sở vật chất, trang thiết bị:

- Số thiết bị: (Phụ lục kèm theo)
- Phòng : 01 phòng giao ban, 01 phòng hành chính, 01 phòng hóa mô miễn dịch, 01 phòng vi thể, 01 phòng tế bào, 01 phòng đại thể, 01 phòng giảng dạy chung.

3. Nhân lực đủ điều kiện tham gia giảng dạy thực hành:

- Tổng số: **19** (có danh sách kèm theo)
- Phân chia theo chức danh:

TT	Chức danh	Số lượng	Chuyên ngành/Phạm vi hoạt động chuyên môn	Ghi chú
1.	TS.BS	1	Giải phẫu bệnh	
2.	BSCCKII	1	Giải phẫu bệnh	
3.	ThS.BS	1	Giải phẫu bệnh	
4.	BSCCKI	1	Giải phẫu bệnh	
5.	Bác sĩ	3	Giải phẫu bệnh	
6.	ThS.KTV	1	Giải phẫu bệnh	
7.	CN KTYH	4	Giải phẫu bệnh	
8.	KTV CD/TH	5	Giải phẫu bệnh	
9.	ĐD TH	2	Giải phẫu bệnh	
Tổng số		19		


**PHÊ DUYỆT
GIÁM ĐỐC**
GS.TS. Phạm Như Hiệp

TRƯỞNG KHOA

TS.SS. Phạm Nguyên Cường

*** Phụ lục 1: Danh sách tham gia giảng dạy thực hành của khoa Giải phẫu bệnh**

TT	Trung tâm /khoa/phòng	Họ và tên	Học hàm, học vị	Chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề				Môn học	Dự kiến đào tạo	Số lượng HS/SV tối đa có thể nhận
					Số CCHN	Ngày cấp	Thời gian hành nghề sau cấp (tháng)	Phạm vi hành nghề			
1	Giải phẫu bệnh	Phạm Nguyên Cường	TS. BS	GPB	003104/BYT-CCHN	21/01/2013	65	GPB	Giải phẫu bệnh	SĐH, ĐHY ĐK	5
2	Giải phẫu bệnh	Đoàn Phước Thi	BSCCKII	GPB	003101/BYT-CCHN	21/01/2013	65	GPB	Giải phẫu bệnh	SĐH, ĐHY ĐK	5
3	Giải phẫu bệnh	Nguyễn Thanh Tường	ThS. BS	Ngoại	003102/BYT-CCHN	21/01/2013	65	GPB	Giải phẫu bệnh	SĐH, ĐHY ĐK	5
4	Giải phẫu bệnh	Nguyễn Xuân Tiên	BSCCKI	TMH	003105/BYT-CCHN	21/01/2013	65	GPB	Giải phẫu bệnh	SĐH, ĐHY ĐK	5
5	Giải phẫu bệnh	Trang Hiếu Hùng	BS	GPB	0015523/BYT-CCHN	22/01/2014	53	GPB	Giải phẫu bệnh	ĐHY ĐK	10
6	Giải phẫu bệnh	Trần Đình Hưng	BS	Bác sĩ đa khoa	003103/BYT-CCHN	21/01/2013	65	GPB	Giải phẫu bệnh	ĐHY ĐK	10
7	Giải phẫu bệnh	Hồ Văn Lang	CNKTYH	XN Đa khoa	023905/BYT-CCHN	10/11/2014	44	GPB	Giải phẫu bệnh	CN KTYH	10
8	Giải phẫu bệnh	Võ Thị Phượng Hoà	CNKTYH	XN Đa khoa	0023862/BYT-CCHN	10/11/2014	44	GPB	Giải phẫu bệnh	CN KTYH	10
9	Giải phẫu bệnh	Nguyễn Văn Tuấn	CNKTYH	XN Đa khoa	024942/BYT-CCHN	17/11/2014	44	GPB	Giải phẫu bệnh	CN KTYH	10
10	Giải phẫu bệnh	Nguyễn Thị Yên	CNKTYH	XN Đa khoa	033873/BYT-CCHN	08/06/2017	15	GPB	Giải phẫu bệnh	CN KTYH	10

TT	Trung tâm /khoa/phòng	Họ và tên	Học hàm, học vị	Chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề				Môn học	Dự kiến đào tạo	Số lượng HS/SV tối đa có thể nhận
					Số CCHN	Ngày cấp	Thời gian hành nghề sau cấp (tháng)	Phạm vi hành nghề			
11	Giải phẫu bệnh	Cung Văn Toàn	ĐDTH	ĐDDa khoa	025260/BYT- CCHN	31/12/2014	42	GPB	Giải phẫu bệnh	ĐD TH	15
12	Giải phẫu bệnh	Hồ Đắc Dũng	KTV THY	XN Đa khoa	023861/BYT- CCHN	11/10/2014	45	GPB	Giải phẫu bệnh	KTV TH	15
13	Giải phẫu bệnh	Nguyễn Lộc	KTVXN	XN Đa khoa	024970/BYT- CCHN	17/11/2014	44	GPB	Giải phẫu bệnh	KTV TH	15
14	Giải phẫu bệnh	Cao Thị Hoài Thu	KTVXN	XN Đa khoa	003062/QT/CCHN	04/11/2016	20	GPB	Giải phẫu bệnh	KTV TH	15
15	Giải phẫu bệnh	Hoàng Lý Quỳnh	KTVXN	XN Đa khoa	33871/BYT- CCHN	08/06/2017	15	GPB	Giải phẫu bệnh	KTV TH	15
16	Giải phẫu bệnh	Đinh Thị Thương	KTVXN	XN Đa khoa	33872/BYT- CCHN	08/06/2017	15	GPB	Giải phẫu bệnh	KTV TH	15

*** Phụ lục 2: Danh sách trang thiết bị của khoa Giải phẫu bệnh**

STT	Tên thiết bị	HSX	Số lượng	Năm tiếp nhận	Ghi chú
1	Máy chuyển bệnh phẩm	Leica	1	2006	
		Tissue	1	2003	
2	Máy cắt bệnh phẩm	Leica	1	2006	
3	Máy làm lạnh paraffine	Microm	1	1999	
4	Máy bọc paraffine	Mỹ	1	2010	
5	Máy li tâm	TQ	1	2010	
6	Máy cắt vi thể	Mỹ	2	1993	
			1	2009	
7	Kính hiển vi hai mắt	Nhật	5	1996	
8	Kính hiển vi bốn mắt	Nhật	1	2000	
9	Kính hiển vi truyền hình kỹ thuật số	Nhật	1	2010	
10	Kính hiển vi 5 đầu	BX53 Nhật	1	2015	
11	Tủ sấy	Đức	3	1975	
12	Máy nhuộm tiêu bản	Anh	1	2009	
13	Tủ hút khí độc		1	2013	
14	Hệ thống hóa mô miễn dịch	Thermo	1	2014	
15	Máy cắt lạnh	Crytome	1	2014	

BẢN CÔNG BỐ

Đáp ứng yêu cầu là cơ sở thực hành trong đào tạo ngành Dược

KHOA DƯỢC

Căn cứ Nghị định số 111/2017/NĐ-CP ngày 05 tháng 10 năm 2017 của Chính phủ quy định về tổ chức đào tạo thực hành trong đào tạo khối ngành sức khỏe, **Khoa Dược** công bố đã đáp ứng yêu cầu để tổ chức đào tạo thực hành theo quy định với các nội dung sau đây:

I. ĐIỀU KIỆN CHUNG

1. Phạm vi hoạt động chuyên môn: Khám chữa bệnh Tuyến 1, các chuyên khoa:

- Dược lý- Dược lâm sàng
- Tổ chức Quản lý Dược

2. Cơ sở vật chất, trang thiết bị:

- Số thiết bị: Các thiết bị bảo quản
- Hệ thống kho : Kho thuốc + VTTH, 01 phòng giao ban khoa, 01 phòng Trục, 01 phòng Hành chính, 02 bộ phận cấp phát thuốc BHYT ODA + NHI
- Bộ phận Pha chế thuốc dùng ngoài.

3. Nhân lực đủ điều kiện tham gia giảng dạy thực hành:

- Tổng số: **47** (có danh sách kèm theo)
- Phân chia theo chức danh:

TT	Chức danh	Số lượng	Chuyên ngành/Phạm vi hoạt động chuyên môn	Ghi chú
1.	Thạc sĩ Dược sĩ	03	Dược lý – Dược lâm sàng	
2.	DSCKI	04	Dược lý – Dược lâm sàng	
3.	DSCKI	03	Tổ chức quản lý Dược	
4.	Dược sĩ	16	Dược sĩ	
5.	Dược sĩ cao đẳng	05	Dược sĩ	
6.	Dược sĩ trung học	16	Dược sĩ	
Tổng số		47		

PHÊ DUYỆT
GIÁM ĐỐC

GS.TS. Phạm Như Hiệp

PHỤ TRÁCH KHOA DƯỢC


TS.DS. Phạm Thị Ngọc Anh

*** Phụ lục: Danh sách tham gia giảng dạy thực hành của khoa Dược**

TT	Trung tâm /khoa/phòng	Họ và tên	Học hàm, học vị	Chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề				Môn học	Dự kiến đào tạo	Số lượng HS/SV tối đa có thể nhận
					Số CCHN	Ngày cấp	Thời gian hành nghề sau cấp (tháng)	Phạm vi hành nghề			
1	Dược	Phạm Thị Ngọc Anh	ThS. DS	Dược lý – Dược lâm sàng	226/TTH-CCHND	04/03/2015	40	Dược Bệnh viện	Dược lý – Dược lâm sàng	SĐH Dược	5
2	Dược	Ngô Viết Thống	ThS. DS	Dược lý – Dược lâm sàng	206/TTH-CCHND	15/02/2014	53	Dược Bệnh viện	Dược lý – Dược lâm sàng	SĐH Dược	5
3	Dược	Nguyễn Kỳ Nhật	ThS. DS	Dược lý – Dược lâm sàng	1483/HCM - CCHND	14/02/2014	53	Dược Bệnh viện	Dược lý – Dược lâm sàng	SĐH Dược	5
4	Dược	Ngô Minh Trí	DSCKI	Dược lý – Dược lâm sàng	01/2013/CCHN - SYT	15/01/2013	66	Dược Bệnh viện	Dược lý – Dược lâm sàng	SĐH Dược	5
5	Dược	Hồ Thị Hòa Mi	DSCKI	Dược lý – Dược lâm sàng	156/TTH-CCHND	15/10/2013	57	Dược Bệnh viện	Dược lý – Dược lâm sàng	SĐH Dược	5
6	Dược	Đỗ Minh Tuấn	DSCKI	Tổ chức quản lý Dược	394/TTH-CCHND	15/02/2015	41	Dược Bệnh viện	Tổ chức quản lý Dược	SĐH Dược	5
7	Dược	Hoàng Thị Minh Nguyệt	DSCKI	Dược lý – Dược lâm sàng	640/TTH-CCHND	27/04/2016	26	Dược Bệnh viện	Dược lý – Dược lâm sàng	SĐH Dược	5
8	Dược	Cao Quốc Tuấn	DSCKI	Dược lý – Dược lâm sàng	116/TTH-CCHND	31/08/2013	58	Dược Bệnh viện	Dược lý – Dược lâm sàng	SĐH Dược	5
9	Dược	Cao Nguyễn Trường Nguyên	DSCKI	Tổ chức quản lý Dược	514/TTH/ĐKKDD	14/08/2016	23	Dược Bệnh viện	Tổ chức quản lý Dược	Dược ĐH	10
10	Dược	Nguyễn Thị Kim Huế	DSCKI	Tổ chức quản lý Dược	656/TTH-CCHND	05/12/2016	19	Dược Bệnh viện	Tổ chức quản lý Dược	Dược ĐH	10
11	Dược	Lê Thị Hạnh Nhi	DSĐH	Dược sỹ	107/TTH-CCHND	31/08/2013	58	Dược Bệnh viện	Dược	Dược ĐH	10
12	Dược	Trần Hoài Phương	DSĐH	Dược sỹ	89/TTH-CCHND	31/08/2013	58	Dược Bệnh viện	Dược	Dược ĐH	10
13	Dược	Lư Thị Huệ Trinh	DSĐH	Dược sỹ	110/TTH-CCHND	31/08/2013	58	Dược Bệnh viện	Dược	Dược ĐH	10
14	Dược	Phạm Thị Thu Hương	DSĐH	Dược sỹ	94/TTH-CCHN	31/08/2013	58	Dược Bệnh viện	Dược	Dược ĐH	10

TT	Trung tâm /khoa/phòng	Họ và tên	Học hàm, học vị	Chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề				Môn học	Dự kiến đào tạo	Số lượng HS/SV tối đa có thể nhận
					Số CCHN	Ngày cấp	Thời gian hành nghề sau cấp (tháng)	Phạm vi hành nghề			
15	Dược	Võ Thị Thanh Hà	DSĐH	Dược sỹ	99/TTH -CCHND	31/08/2013	58	Dược Bệnh viện	Dược	Dược ĐH	10
16	Dược	Lê Thị Thanh Thanh	DSĐH	Dược sỹ	300/TTH-CCHND	15/08/2014	47	Dược Bệnh viện	Dược	Dược ĐH	10
17	Dược	Võ Thị Túy Loan	DSĐH	Dược sỹ	301/TTH-CCHND	15/08/2014	47	Dược Bệnh viện	Dược	Dược ĐH	10
18	Dược	Trần Hữu Nhật Duy	DSĐH	Dược sỹ	564/TTH - CCHND	29/12/2015	30	Dược Bệnh viện	Dược	Dược ĐH	10
19	Dược	Nguyễn Thị Tịnh Vy	DSĐH	Dược sỹ	117/TTH-CCHND	31/08/2013	60	Dược Bệnh viện	Dược	Dược ĐH	10
20	Dược	Đinh Quang Hiền	DSĐH	Dược sỹ	299/TTH-CCHND	15/08/2014	60	Dược Bệnh viện	Dược	Dược ĐH	10
21	Dược	Phan Thị Mỹ Anh	DSĐH	Dược sỹ	758/TTH-CCHND	09/08/2016	23	Dược Bệnh viện	Dược	Dược CĐ	15
22	Dược	Lê Thị Hạnh	DSĐH	Dược sỹ	309/TTH-CCHND	15/08/2014	50	Dược Bệnh viện	Dược	Dược CĐ	10
23	Dược	Tổng Xuân Vinh	DSĐH	Dược sỹ	056/CCHN - D - SYT- TTH	13/12/2017	12	Dược Bệnh viện	Dược	Dược CĐ	15
24	Dược	Phan Trần Thái Hoà	DSĐH	Dược sỹ	1084/CCHN-D-SYT-TTH	30/01/2018	12	Dược Bệnh viện	Dược	Dược CĐ	15
25	Dược	Dương Đăng Bích Chi	DSĐH	Dược sỹ	1006/CCHN-D-SYT-TTH	28/08/2017	15	Dược Bệnh viện	Dược	Dược TH	15
26	Dược	Dương Thị Quỳnh Trang	DSTH	Dược sỹ TH	1089/CCHN-D-SYT-TTH	30/01/2018	12	Dược Bệnh viện	Dược	Dược TH	15
27	Dược	Trần Thị Hào	DSTH	Dược sỹ TH	247/TTH-CCHND	15/05/2014	50	Dược Bệnh viện	Dược	Dược TH	15

